TRẦN TRỌNG TRUNG

HAI BỘ THỐNG SOÁI TRƯỚC BÀN CỜ ĐIỆN BIÊN PHỦ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

V - V24
95 - 2004
QĐND - 2004

959.7041
H.103 B*

TRẦN TRỌNG TRUNG

HAI BÔ THỐNG SOÁI TRƯỚC BÀN CỜ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1196
THƯ VIỆN ĐIỆN BIÊN
KHO LỊA CHÍ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2004

LỜI TÁC GIẢ

Trong 9 năm chiến tranh xâm lược Đông Dương (1945-1954), cùng với 20 nội các lần lượt dựng lên đổ xuống, Pa-ri đã phải 7 lần thay tướng tổng chỉ huy quân viễn chinh. Trong lịch sử chiến tranh cổ kim đông tây, thật hiếm thấy một nước được coi là cường quốc đi xâm lược một nước nhược tiểu mà cứ trung bình khoảng 460 ngày lại một lần thay tướng, khoảng 160 ngày lại một lần khủng hoảng nội các ở "chính quốc". Thậm chí có vị thủ tướng chưa kịp ngồi ấm chỗ đã cắp áo ra đi, đặc biệt là trong năm 1949 (ông May-ê (René Mayer) chỉ ngồi trên ghế thủ tướng được 7 ngày, ông Mốc (Jules Moch) được 12 ngày).

Nếu tướng 4 sao Na-va (Henri Navarre - tổng chỉ huy thứ 7, cũng tức là tổng chỉ huy cuối cùng) ở vào thế thuận lợi là được Mỹ hào phóng viện trợ với mức cao nhất (gần 80% chiến phí), thì ông ta lại là viên tướng ít may mắn nhất, vì nhận chiếc gậy chỉ huy trong hoàn cảnh quân viễn chinh đã ở vào tình thế hết sức bi đát. Chẳng thế mà đúng dịp Na-va đến Sài Gòn nhậm chức, tờ báo Pháp Thế giới (Le Monde - 21-5-1953) viết:

"Tướng Na-va nhận trọng trách vào lúc mà, lần đầu tiên trong giới quân sự, người ta không còn tin rằng Pháp có thể giành được một thắng lợi quyết định với Việt Minh". Điều đó giải thích vì sao khi giao nhiệm vụ, thủ tướng Pháp chỉ đề ra cho tổng chỉ huy một yêu cầu rất thấp là "giúp chính phủ tìm một lối thoát danh dự để ra khỏi cuộc chiến tranh Đông Dương".

Thế nhưng Na-va đã không biết mình biết người. Với tư tưởng chủ đạo "tiến công - chủ động tiến công", ông ta quyết chơi "một ván bài toàn hồng". Chỉ tiêu nêu trong kế hoạch chiến lược mang tên Na-va lớn hơn nhiều so với chỉ tiêu kế hoạch phát triển binh lực và mục tiêu tiến công của các vị tổng chỉ huy tiền nhiệm, kể cả kế hoạch của vị tướng cỡ đàn anh là Tat-xi-nhi hai năm trước. Đặc biệt là kết quả xây dựng binh lực trong vòng nửa năm của Na-va vượt xa thành tựu của bất kỳ tổng chỉ huy nào trước đó. Tham vọng tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta cũng như ý đồ đánh chiếm các vùng tự do ở Khu 5 và Khu 9 (được vạch ra trong kế hoạch) cũng lớn hơn bất kỳ kế hoạch chiến lược nào của 6 vị tổng chỉ huy trước.

Làm thất bại ý đồ chiến lược của một viên tướng trẻ, đầy tham vọng, được coi là "có nhãn quan chiến lược sắc sảo" lại được Mỹ viện trợ hết mình, có trong tay một lực lượng quân sự lớn nhất so với 9 năm chiến tranh, là một bài toán chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt đối với Bộ thống soái của ta. Cuộc đấu trí chiến lược diễn ra suốt gần 10 tháng, kể từ sau khi kế hoạch chiến lược của Na-va được Hội đồng quốc phòng ở Pa-ri chính thức thông

qua (7-1953) rồi viên tổng chỉ huy Pháp tung ra những con bài đầu tiên của "ván bài toàn hồng", đánh ra Ninh Bình (tháng 10) và ném quân dù xuống cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ - tháng 11-1953), cho đến khi số phận tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được định đoạt tháng 5 năm 1954.

Dựa vào những hiểu biết ngày càng cụ thể về âm mưu và tham vọng chiến lược của bộ chỉ huy Pháp, Bộ thống soái của ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã chủ động đi từng nước cờ có tính chất quyết định số phận của kế hoạch chiến lược 18 tháng của Na-va.

***Bước thứ nhất,** trên cơ sở nhận định chỗ mạnh của địch là khối quân hàng trăm tiểu đoàn (trong đó có chừng 50 tiểu đoàn cơ động chiến lược) tập trung ở đồng bằng sông Hồng, hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương tháng 9 năm 1953 đề ra chủ trương **tạm thời tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu,** nhằm buộc địch phải phân tán lực lượng, tạo điều kiện để tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của chúng, mở rộng vùng tự do, tiến lên giải phóng hoàn toàn Bắc Bộ. Thực hiện nghị quyết trên, trong đợt 1 của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, quân ta không tiến công vào đồng bằng Bắc Bộ như phía Pháp mong đợi (vì là chiến trường địch mạnh), mà mở hàng loạt chiến dịch tiến công trên nhiều hướng chiến lược trên chiến trường rừng núi (là nơi địch yếu và sơ hở) từ miền Bắc đến miền Nam và cả trên chiến trường nước bạn, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích trong vùng tạm bị chiếm trong phạm vi cả nước. Ta đã đạt được trọn vẹn yêu cầu chiến lược đề ra cho đợt 1. Cụ*

thể là đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai quan trọng trên chiến trường rừng núi và đặc biệt là đã làm cho khối cơ động chiến lược của địch bị chia năm sẻ bảy vì phải điều đi "chữa cháy" trên nhiều hướng. Đó là những bất ngờ chiến lược đầu tiên và cũng là những thất bại chiến lược đầu tiên của bộ thống soái Pháp. Quá trình không cưỡng nổi tình thế bị động và thất bại trong đợt 1 cũng là quá trình tướng Na-va quyết tâm dồn binh lực và mọi thứ vũ khí trang bị hiện đại lên Điện Biên Phủ, xây dựng trên cánh đồng Mường Thanh một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, với hy vọng bước tiếp theo sẽ đánh một keo có ý nghĩa quyết định, "nghiền nát" chủ lực của đối phương, giành lấy "một tỷ số hòa" (như sau này ông ta viết trong hồi ký).

*Về phía ta, trước yêu cầu chiến lược (**cần thiết phải** tiêu diệt tập đoàn cứ điểm - đập tan thủ đoạn phòng ngự mới nhất của địch) và đánh giá khả năng của bộ đội (**có thể** tiêu diệt được tập đoàn cứ điểm), sang **bước thứ hai**, Bộ Chính trị đã từ chủ trương **tạm thời tránh chỗ mạnh - đánh chỗ yếu** chuyển sang **chọn nơi mạnh nhất của địch** lúc này là tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để mở chiến dịch tiến công. Mục tiêu mà quân ta phải tiêu diệt trong bước 2 là một quần thể công trình đã được quân địch xây dựng rất công phu từ mấy tháng trước, với đủ loại vũ khí trang bị hiện đại có thể huy động được và hơn một vạn quân tinh nhuệ đứng chân trong gần 50 cứ điểm rất kiên cố trên một cánh đồng rộng chừng 130 ki-lô-mét vuông.*

Trước yêu cầu cả về quân sự, chính trị và ngoại giao lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp: ***Chỉ được đánh thắng.***

Kết quả bước đấu trí đấu lực thứ hai này, như mọi người đã biết: ta thắng - địch thua. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử là thắng lợi của chủ trương chiến lược đúng đắn, thắng lợi của hậu phương hết mình chi viện tiền tuyến, thắng lợi của tinh thần chiến đấu vô cùng anh dũng, mưu trí, sáng tạo của từng cán bộ chiến sĩ trong suốt 55 ngày đêm thử thách quyết liệt và đặc biệt là thắng lợi của tư duy quân sự nhạy bén, phân tích khách quan, chính xác mọi khó khăn thuận lợi, làm cơ sở để ***chọn cách đánh phù hợp*** *với thực tế so sánh lực lượng trên chiến trường, phù hợp với khả năng của bộ đội, để* ***bảo đảm chắc thắng.***

55 ngày đêm diễn biến trên chiến trường Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc đấu trí cuối cùng giữa hai bộ thống soái của ta và của địch trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp.

Những năm sau, trả lời một ký giả nước ngoài hỏi về tướng Na-va và Điện Biên Phủ, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã khẳng định rằng: Nếu không phải là Điện Biên Phủ mà là một nơi nào khác, nếu không phải là tướng Na-va mà là một viên tướng Pháp nào khác thì kết cục cũng như vậy mà thôi.

Vì sao vậy? Khi cuộc chiến tranh đã bước sang năm thứ 8 thì thế thua của Pháp đã rõ ràng.

Một sự trùng hợp lịch sử hết sức thú vị xin lưu ý bạn đọc là, ngày 7 tháng 5 năm 1953 sau khi được

thống chế Gioăng (A. Juin) đích thân tiến cử, tướng Na-va được chính phủ Pháp tin cậy giao trọng trách sang cầm đầu quân viễn chinh ở Đông Dương. Một năm sau, cũng đúng ngày 7 tháng 5, ***ông ta đã phơi áo trên cánh đồng Điện Biên*** *(diễn đạt theo cách của ký giả Pháp và phương Tây). Nhưng họ quên không nói thêm rằng nếu tướng Na-va đã giúp chính phủ Pháp tìm ra một* ***lối thoát danh dự*** *thì "lối thoát" đó là cử ngay tướng Ê-ly (tổng tham mưu trưởng) sang Đông Dương để chuẩn bị đón đám tàn quân bại trận về nước.*

TRẦN TRỌNG TRUNG

1. NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG ĐI TỚI ĐIỆN BIÊN

1

1947-1952

LẤY YẾU ĐÁNH MẠNH CÀNG ĐÁNH CÀNG THẮNG

Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra trong suốt "Trận đánh 30 năm". Cái tài giỏi trong chỉ đạo chiến lược của Đảng không chỉ là quyết tâm *dám đánh* quân xâm lược mạnh hơn ta gấp nhiều lần mà còn *biết đánh* thế nào để thắng chúng. Thắng lợi của quân và dân ta trước quân viễn chinh Pháp và Mỹ là thắng lợi của quá trình nhận thức đúng và vận dụng đúng phương châm *lấy yếu đánh mạnh về chiến lược*. Sáu năm đầu kháng chiến toàn quốc, từ năm 1947 đến năm 1952, là một chặng đường dài trong quá trình đó.

Mùa khô năm 1947, địch huy động hàng vạn quân cùng với máy bay, cơ giới, pháo binh, ồ ạt tiến công lên Việt Bắc, hòng tóm gọn cơ quan lãnh đạo kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực còn nhỏ bé của ta, phá hoại căn cứ địa kháng chiến. Nét đặc sắc trong chỉ đạo chỉ huy của ta trong chiến dịch Việt Bắc là đã không đem các trung đoàn chủ lực (trang bị kém, kinh nghiệm chiến

đấu thiếu) ra đối mặt với xe tăng, pháo binh địch. Bằng các đơn vị nhỏ (phổ biến là đại đội), bằng chiến thuật phục kích là chủ yếu, phối hợp hoạt động giữa chủ lực và địa phương, ta đã nhằm vào chỗ yếu chí tử của địch (gọng kìm quá dài, buộc phải dựa vào đường bộ và đường sông để giải quyết vấn đề tiếp tế...) để tiêu diệt, tiêu hao địch rộng rãi.

Gọng kìm bị bẻ gãy, cả ba mục tiêu của cuộc hành binh không đạt được, địch buộc phải lui quân với những tổn thất ngoài dự kiến. Vượt qua thử thách to lớn đầu tiên, quân ta trưởng thành một bước quan trọng về hiểu địch, hiểu mình, về cách đánh.

Trong những năm 1948-1950, với binh lực từ 16 đến 24 vạn, địch vẫn ưu thế về lực lượng so sánh, nhất là trang bị kỹ thuật. Vấn đề có tầm chiến lược được đặt ra là làm thế nào hạn chế được chỗ mạnh đó của địch? *Biện pháp chiến lược đầu tiên* là phát động chiến tranh du kích rộng rãi trong cả nước, nhất là trên chiến trường chính Bắc Bộ. Với kinh nghiệm phát huy vai trò đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung trong chiến dịch Việt Bắc, ta đã phân tán 1/3 tổng số bộ đội chủ lực, tổ chức thành những *đại đội độc lập*, trung đội vũ trang tuyên truyền, ban xung phong công tác, luồn sâu vào vùng địch tạm chiếm, động viên tổ chức nhân dân, phát động chiến tranh du kích tiêu hao địch rộng rãi, đồng thời làm nòng cốt cho phong trào quần chúng nổi dậy diệt tề trừ gian, giành quyền làm chủ ở mức độ khác nhau. Địch buộc phải phân tán binh lực đối phó khắp nơi, tới mức vào giữa năm 1950, lực lượng cơ động chiến lược của chúng chỉ còn khoảng 10% (12/124 tiểu đoàn).

Biện pháp chiến lược thứ hai là, với 2/3 bộ đội chủ lực còn lại, ta lần lượt mở chừng 20 chiến dịch quy mô nhỏ. Mục đích không chỉ nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, mà điều quan trọng hơn nữa là *rèn luyện cho bộ đội tác chiến tập trung từ nhỏ đến lớn.* Địa bàn mở chiến dịch chủ yếu là chiến trường rừng núi, nơi địch yếu và sơ hở hơn so với trung du và đồng bằng. Cách đánh chủ yếu là đánh điểm - diệt viện, tiến công hoặc bao vây cứ điểm, thu hút địch ra ngoài công sự (quân địch rút chạy hoặc quân nơi khác đến tăng viện, ứng cứu) để tiêu diệt. Có chiến dịch thắng lợi giòn giã (Sông Thao - tháng 5 năm 1949, Cầu Kè - tháng 12 năm 1949) nhưng cũng có chiến dịch kết quả hạn chế, thậm chí không đạt mục đích đề ra (Lê Hồng Phong 1 - đầu năm 1950).

Thành công hay không thành công, mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch đều được phân tích, bình chiến đấu, bình chỉ huy, chắt lọc từng bài học từ thực tế chiến trường. Chính nhờ những kinh nghiệm xương máu rút ra trong suốt hai năm đó (giữa 1948 - giữa 1950) mà quân ta vững vàng bước vào chiến dịch Biên Giới cuối năm 1950, chiến dịch đầu tiên quy mô 5 trung đoàn chủ lực.

Mặc dù lúc này, về mặt chiến lược, lực lượng so sánh đã chuyển biến có lợi cho ta, nhưng địch vẫn ưu thế về trang bị kỹ thuật. Bởi vậy, *cách đánh chiến dịch vẫn thể hiện phương châm chiến lược lấy yếu đánh mạnh.* Cụ thể là: không chọn mục tiêu quá sức bộ đội (Cao Bằng) để mở màn chiến dịch, mà chọn mục tiêu vừa phải (Đông Khê), bảo đảm chắc thắng trận đầu làm đà cho

chiến dịch phát triển; không vội vã tiến công Thất Khê, mặc dù hơn 10 ngày sau khi Đông Khê bị tiêu diệt, viện binh địch chưa xuất hiện, ta vẫn kiên trì chờ viện. Khi 3 tiểu đoàn địch từ Cao Bằng rút về gần như đồng thời với 4 tiểu đoàn từ Thất Khê lên đón, ta không tiến công ngay cả hai binh đoàn mà ngăn chặn không cho chúng hội quân, tạo điều kiện diệt từng binh đoàn.

Ba chiến dịch trung du và đồng bằng Xuân - Hè năm 1951 không thành công là những thực tế cho thấy ta đã đánh vào nơi địch mạnh (về công sự, về khả năng phát huy hỏa lực phi pháo, khả năng cơ động ứng cứu nhanh...).

Thắng lợi của chiến dịch Hòa Bình (Đông Xuân 1951-1952) không chỉ là kết quả của việc chọn đúng hướng chiến trường và chọn đúng cách đánh: tránh chỗ địch mạnh (tập đoàn cứ điểm Hòa Bình), tập trung nỗ lực vào chỗ yếu của chúng trên hai trục giao thông (Sông Đà và Đường số 6), mà còn là kết quả phối hợp nhịp nhàng và có hiệu quả giữa mặt trận phía trước và mặt trận sau lưng địch (trung du và đồng bằng Bắc Bộ), buộc địch phải căng kéo lực lượng đối phó bị động trên nhiều hướng, khiến cho chúng quân đông mà bị phân tán, trang bị mạnh mà không phát huy hết hiệu lực.

Thực tế chiến trường năm 1951 còn làm sáng tỏ một điều: Trong tương quan lực lượng lúc đó, muốn giành thắng lợi trong "lấy yếu đánh mạnh" thì, bên cạnh việc xác định đúng cách đánh chiến dịch, vấn đề chọn hướng chiến lược có tầm quan trọng quyết định. Chiến trường

rừng núi là điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho quân ta vận dụng thắng lợi phương châm "lấy yếu đánh mạnh".

Chiến dịch Tây Bắc (Thu - Đông 1952) và chiến dịch Thượng Lào (Sầm Nưa - Xuân 1953) đã chứng minh điều đó, chứng minh khả năng giành thắng lợi của bộ đội chủ lực trên một chiến trường địch yếu và sơ hở, khả năng phát huy uy lực binh khí kỹ thuật của chúng bị hạn chế. Chiến trường rừng núi cho phép quân ta phát huy được sở trường đánh đêm, đánh gần, đánh liên tục, dựa vào địa hình thuận lợi để bí mật hành quân, trú quân, chuẩn bị chiến đấu và lui quân an toàn sau từng trận, từng chiến dịch.

Lấy yếu đánh mạnh về mặt chiến lược còn thể hiện suốt những năm còn lại của "Trận đánh 30 năm". Nhưng quãng thời gian sáu năm 1947-1952 quả là chặng đường mà quân ta "ngấm dần" nhận thức đúng và hành động đúng để thắng địch.

1196
THƯ VIỆN ĐIỆN BIÊN
KHO CHÍ

2
TỔNG TƯ LỆNH VÕ NGUYÊN GIÁP TRÊN TỪNG CHẶNG ĐƯỜNG TÂY BẮC - ĐIỆN BIÊN

Tố Hữu viết ***"Chín năm làm một Điện Biên"****. Đó là cách nhà thơ "tính tuổi" cho cuộc kháng chiến thứ nhất. Còn với ông Võ Nguyên Giáp, kể từ ngày ông bí mật vượt biên giới Việt - Trung đi gặp Nguyễn Ái Quốc cho đến khi đem tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh "đặt" giữa trung tâm Mường Thanh để cùng toàn quân "làm nên được một Điện Biên", phải trải qua 14 năm (1940-1954). Trong quá trình đó, miền Tây Bắc - mà ông thường gọi là* Miền Việt Tây *hay* đất Việt Miền Tây *- luôn là chiến trường được Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đặc biệt quan tâm. Sau 7-8 năm tạo thế tạo lực, tháng 1 năm 1954, vâng lệnh Cụ Hồ, ông đem đại quân lên Tây Bắc. Bốn tháng sau, cái thung lũng Điện Biên xa xôi hẻo lánh chưa mấy ai biết đến bỗng trở thành một địa danh lịch sử thân quen đối với phong trào giải phóng dân tộc toàn thế giới và niềm tự hào của cả loài người tiến bộ.*

*

* *

Tháng 3 năm 1945, giữa lúc ông Võ Nguyên Giáp đang cùng Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và nhân dân các dân tộc Cao - Bắc - Lạng đẩy mạnh cao trào khởi nghĩa từng phần, sẵn sàng cùng toàn dân đón thời cơ tiến tới Tổng khởi nghĩa thì Nhật làm đảo chính, lật đổ chính quyền của Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Chỉ trong một đêm 9 tháng 3, 60.000 quân chính quy (Pháp, lê dương, khố đỏ) và 20.000 quân tay sai địa phương (lính khố xanh, lính dõng...) hoàn toàn tan rã. Toàn quyền Đờ-cu và tổng chỉ huy Moóc-đăng bị bắt. Chừng 5.600 lính sống sót theo tướng A-léc-xăng-đri chạy lên hướng Tây Bắc. Sau vài ngày dừng chân ở Điện Biên Phủ, đám tàn quân kéo sang bên kia biên giới. Về sự kiện này, tổng thống Pháp Đờ-gôn viết trong *Hồi ký* than phiền rằng hồi đó quân Pháp ở Đông Dương lâm vào tình thế "Thượng đế thì quá cao, nước Pháp thì quá xa mà quân Nhật thì quá gần", nên đã không làm tròn nhiệm vụ "bảo vệ bằng được bông hoa đẹp nhất trong vườn hoa thuộc địa".

Sau chừng 10 tháng sống chui lủi ở Vân Nam, cuối tháng 1 năm 1946 hơn 3.500 tên sống sót được chính quyền Tưởng Giới Thạch bật đèn xanh trở lại Tây Bắc Việt Nam. Một tháng sau, tên lính cuối cùng đã đặt chân sang bên này biên giới. Quân Pháp rải ra chiếm đóng trái phép Phong Thổ, thị xã Lai Châu, Tuần Giáo, Điện Biên và tiến dần xuống một phần tỉnh Sơn La. Đi đến đâu, chính sách thực dân cổ truyền "chia để trị" lập tức được chúng đem ra thực hiện nhằm gây hằn thù giữa các dân tộc. Chúng lập bộ máy tay sai gồm bọn thổ ty, lang đạo, tổ chức đội quân ngụy người thiểu số làm

công cụ thực hiện chính sách "dùng người Việt trị người Việt". Chúng đề ra và khuyến khích thực hiện khẩu hiệu "giết người Kinh để lấy muối, giết người Thổ để lấy ruộng, giết người Dao để lấy bạc trắng, giết người H'Mông để lấy thuốc phiện". Vừa làm chủ bản làng chưa được bao lâu, nhân dân các dân tộc Tây Bắc đã phải trở lại cuộc đời nô lệ tăm tối như xưa.

Lúc này, trên cương vị Bộ trưởng Nội vụ kiêm Chủ tịch Quân sự ủy viên hội, đang cùng Chính phủ đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, ông Võ Nguyên Giáp vẫn luôn theo sát tình hình diễn biến trên mảnh đất miền Tây. Theo lệnh của ông, Bộ Tổng tham mưu đã phái một số đơn vị Vệ quốc đoàn lên Tây Bắc. Trong điều kiện lúc bấy giờ, lực lượng phái lên không nhiều, trang bị còn rất hạn chế, kinh nghiệm chiến đấu chưa có, anh em lại hoạt động trên một chiến trường rất rộng và hiểm trở, dân cư thưa thớt, ngôn ngữ bất đồng, kinh tế nghèo nàn lạc hậu, mặt bằng dân trí rất thấp. Trở ngại lớn nhất là bộ đội (số đông là thanh niên miền xuôi mới nhập ngũ sau Cách mạng tháng Tám) chưa có kinh nghiệm làm công tác quần chúng. Tất cả thực tế đó lý giải vì sao trong suốt năm 1946, anh em hoạt động hết sức khó khăn và kém hiệu quả.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Mặc dù phải ngày đêm theo sát và chỉ đạo cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô và các đô thị miền xuôi, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp vẫn luôn nghĩ đến chiến trường rừng núi Tây Bắc. Ông chỉ thị điều thêm các đơn vị Tây tiến và đề nghị với Trung ương bổ sung cán bộ dân - chính - đảng cho

Khu 10 để tăng cường chỉ đạo hoạt động trên chiến trường Miền Tây. Trong thư đề ngày 1 tháng 2 năm 1947 gửi *Bộ đội Tây tiến,* ông Giáp khẳng định tầm chiến lược quan trọng của Miền Việt Tây của Tổ quốc. Ông viết:

"Hùng cứ được vùng đó, không những quân địch ở vào cái thế "cứ cao lâm hạ" (từ trên chĩa xuống - TG) có thể uy hiếp hậu phương chúng ta mà chúng lại mong thực hiện được âm mưu ác độc "dĩ Việt chế Việt" (dùng người Việt trị người Việt - TG), chia rẽ các anh em thiểu số, lập bộ đội người Việt thiểu số để tiến đánh chúng ta... Mỗi một tấc đất miền Tây là một tấc đất của Tổ quốc Việt Nam, chúng ta không thể để cho địch dễ dàng dẫm lên được. Mỗi một đồng bào miền Tây là một người dân Việt, chúng ta không thể không bảo vệ quyền lợi của đồng bào, không thể để đồng bào ta bị quân địch giày xéo hay lung lạc...".

Tổng chỉ huy cũng chỉ cho anh em thấy rằng "trên mặt trận này, bộ đội ta sẽ phải đương đầu với nhiều sự hiểm nghèo khổ sở"..., đồng thời, bằng kinh nghiệm bản thân trong quá trình vận động nhân dân các dân tộc Cao - Bắc - Lạng trong những năm đầu thập kỷ 40, ông Giáp giúp anh em xác định một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu là phải có quan điểm tư tưởng đúng đối với nhân dân khi tiến hành công tác vận động chính trị quần chúng. Trong thư, ông viết:

"Trước hết chúng ta phải đánh tan cái thành kiến cho rằng anh em thiểu số miền Tây chưa có tinh thần

dân tộc, không thể giác ngộ, chỉ biết phục tùng sức mạnh. Không có một con người nào là không thể tiến bộ, không có một dân tộc nào là không biết yêu nhà cửa ruộng nương của mình, không biết yêu nước và ghét quân thù. Kinh nghiệm Việt Bắc đã chứng tỏ điều này, những việc đã làm được ở Việt Bắc trong hoàn cảnh khó khăn hơn, không lẽ gì lại không thực hiện được ở miền Tây...".

Tháng 3 năm 1947, trên đường từ miền xuôi "thiên đô" lên căn cứ địa Việt Bắc, nhân thời cơ chiến sự chưa lan rộng, khi qua Phú Thọ, Tổng chỉ huy cùng Khu trưởng Khu 10 đáp tàu hỏa lên thị sát tình hình dọc tuyến Phú Thọ - Lào Cai. Cái thị xã biên giới hẻo lánh này gợi lại cho ông một kỷ niệm khó quên. Tháng 5 năm 1940, ông đã cùng với ông Phạm Văn Đồng bí mật rời Hà Nội lên đây, dùng mảng vượt sông Nậm Ty sang bên kia biên giới để lên Hoa Nam tìm đến với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Bảy năm, đất nước đã bao thay đổi. Kháng chiến toàn quốc mới bùng nổ, một giai đoạn đấu tranh cách mạng mới đã bắt đầu. Ông biết rằng những địa danh Yên Bái, Bảo Hà, Phú Lu, Cam Đường mà con tàu đi qua không bao lâu sẽ trở thành những nơi giành giật quyết liệt giữa ta và quân Pháp mà trong số những người đầu tiên đối mặt với địch sẽ có cả những chiến sĩ *Tây tiến*.

Suốt năm 1947, trong bối cảnh chiến sự trên toàn quốc ngày càng mở rộng, điều kiện hoạt động của các đơn vị *Tây tiến* hết sức khó khăn. Nhiều Đội không bám trụ nổi, đến đầu năm 1948 bị bật qua sông Đà về Nghĩa Lộ sau đó phải vượt sông Thao sang đất Yên Bái. Bộ Tổng chỉ huy cử một

phái đoàn do Thiếu tướng Trần Tử Bình dẫn đầu, cùng đoàn cán bộ Khu 10 lên thăm anh em. Chỉ cần trông thấy cán bộ, chiến sĩ trang phục rách rưới, ghẻ lở, sốt rét, chân không giầy dép và chỉ cần nghe anh em nói về những tấm gương dũng cảm hy sinh, cũng đủ thấy những nỗi khó khăn gian khổ mà những chàng trai Hà Nội, Khu 3, Khu 4, vùng biển Đông Bắc... đã trải qua trong suốt năm đầu kháng chiến toàn quốc như thế nào. Vậy mà số đông anh em vẫn lạc quan, vui vẻ. Có người so sánh: "So với năm 1946 thì những ngày Tây tiến năm qua đã bớt khó khăn hơn nhiều. Thế này đã là khá lắm rồi...". Có cán bộ đã đúc kết được những kinh nghiệm đấu tranh trong một năm qua và định hướng hoạt động sắp tới nếu trên cho trở lại Tây Bắc hoạt động. Nhưng cũng không ít cán bộ đã mất lòng tin ở nhân dân địa phương. Có anh lắc đầu nói: "Khó khăn là điều dễ hiểu, nhưng khó khăn hơn hết là dân đã đi theo địch cả rồi". Các anh đưa ra những dẫn chứng: dân đi phu, đi lính cho Pháp, nộp gà, nộp gạo cho chúng; có người còn làm chỉ điểm cho Tây lùng bắt cán bộ, bộ đội... Khi phái đoàn đặt vấn đề: Nếu Bộ giao nhiệm vụ trở lại Tây Bắc, anh em tính sao? Có cán bộ trả lời sẵn sàng lên đường, nhưng số đông im lặng. Có người nói: Cứ như tình hình hiện nay, muốn trở lại Tây Bắc, phải điều lên chừng dăm trung đoàn mạnh. Người khác "hiến kế": cho lập phòng tuyến ở bờ sông Thao, chiến đấu một mất một còn với địch...

Thế là rõ. Nhiệm vụ chủ yếu của anh em *Tây tiến* là giác ngộ chính trị quần chúng, tranh thủ nhân dân các dân tộc về với cách mạng không để bị địch lung lạc, lừa gạt, chuẩn bị điều kiện và chỗ đứng chân cho các đội vũ trang bí mật gây men cho phong trào chiến tranh du

kích... Vậy mà không ít cán bộ không còn tin vào khả năng dựa vào dân, không còn lòng tin có thể bám đất bám dân.

Bài toán đặt ra với Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp là cùng với Khu ủy Khu 10 thực hiện bằng được nghị quyết đầu năm của Trung ương về phát động chiến tranh du kích, đặc biệt là chỉ thị của Cụ Hồ: *Trong năm 1948, bằng nhiều ngả đường, các đội vũ trang tuyên truyền của Khu 10 phải kiên trì gây dựng cơ sở trong đồng bào các dân tộc Tây Bắc, phải đem được lá cờ đỏ sao vàng cắm lên đất Điện Biên.* Quyết tâm chiến lược của Trung ương và của Cụ Hồ được thể hiện trong chỉ thị ngày 20 tháng 1 năm 1948 của Bộ Tổng chỉ huy về xây dựng căn cứ địa Tây Bắc. Làm việc với Khu ủy Khu 10, Bí thư Quân ủy trung ương Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: Vấn đề giải phóng đồng bào Tây Bắc là một vấn đề quan trọng trong công cuộc giải phóng dân tộc; xây dựng căn cứ địa Tây Bắc là một nhiệm vụ căn bản của Khu 10 trong giai đoạn hiện nay. Về phương thức, ông thống nhất với lãnh đạo Khu 10, tổ chức *4 đội vũ trang tuyên truyền xung phong Tây tiến*[1], mỗi đội chừng 20 người, chủ yếu là cán bộ chính trị cả trong và ngoài quân đội, có kinh nghiệm làm công tác quần chúng, kể cả một số anh em đã từng tham gia các đội *Tây tiến* những năm trước đây nay quyết tâm trở lại địa bàn cũ hoạt động và một số cán bộ địa

---

1. Các đội Xung phong *Quyết Thắng*, Xung phong *Tây Bắc*, Xung phong *Trung Dũng* và Xung phong *Quyết Tiến*. Hai đội *Quyết Tiến* và *Trung Dũng* tiến vào Điện Biên Phủ bằng hai hướng Quang Huy và Chiền Khương.

phương Tây Bắc. Tổng chỉ huy chỉ thị cho Khu 10 phân tán một số tiểu đoàn chủ lực của Khu, tổ chức thành những đại đội độc lập hoạt động trên một số địa bàn trọng điểm, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, nhằm giảm sức ép của địch, hỗ trợ cho công tác vận động quần chúng, gây cơ sở chính trị; đồng thời phải cho anh em xung phong *Tây tiến* nghiên cứu kinh nghiệm vận động cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa, để giúp anh em không chỉ về nhận thức tư tưởng mà cả về phương thức hoạt động. Phải tạo cho anh em lòng tin vững chắc ở dân, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách dân tộc của Đảng. Nhân dân là yếu tố hàng đầu, là điều kiện quyết định khả năng của từng đội đứng vững và phát triển trên hướng được phân công. Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp nói với Chính ủy Khu 10:

"Phải làm việc với từng đội, thậm chí đả thông từng người, nhằm quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ là ***dựa hẳn vào dân, dựa thật chắc vào dân thì không kẻ địch nào có thể tiêu diệt được...".***

Trước ngày anh em lên đường, cuộc gặp gỡ thân tình trên đất Phú Thọ giữa Tổng chỉ huy và lãnh đạo Khu 10 với anh em cán bộ và đội viên *Tây tiến* đã có tác dụng quan trọng củng cố quyết tâm của mọi người. Ông phân tích cho anh em về vị trí chiến lược vô cùng quan trọng của chiến trường Tây Bắc đối với kháng chiến và cách mạng Việt Nam và Đông Dương, về nhiệm vụ nặng nề mà Bác Hồ tin tưởng giao cho và động viên mọi người giữ vững quyết tâm trước mọi thử thách để hoàn thành nhiệm vụ.

Theo kinh nghiệm "Nam tiến" của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân trước đây, các *Đội vũ trang tuyên truyền xung phong Tây tiến* lần này được chia thành những *Ban xung phong công tác, Tổ vũ trang tuyên truyền,* phối hợp với các *Đại đội độc lập,* bám từng làng bản, kiên trì tìm nhân mối, bồi dưỡng trung kiên từng bước nhen nhóm cơ sở chính trị quần chúng. Khi cần thiết và điều kiện cho phép, các đại đội độc lập có thể diệt tề trừ gian hỗ trợ cho công tác vận động chính trị trên cơ sở quán triệt phương châm *chính trị trọng hơn quân sự,* nhằm bảo vệ cơ sở chính trị quần chúng, không để địch càn quét khủng bố.

Trong suốt năm 1948, Bộ Tổng chỉ huy đã tạo thêm điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các *Đội xung phong Tây tiến*. Theo nghị quyết đầu năm của Trung ương Đảng, chiến tranh du kích dần dần phát triển trong nhiều vùng địch kiểm soát ở Bắc Bộ buộc địch phải thường xuyên đối phó, đã có tác dụng quan trọng hỗ trợ cho chiến trường Miền Tây. Bộ Tổng chỉ huy lại chỉ đạo các Khu mở một số chiến dịch nhỏ trên nhiều hướng, trong đó có hai chiến dịch *Yên Bình Xã 1* và *2* ở vùng tiếp giáp Lào Cai - Hà Giang, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó, giảm sức ép đối với các *Đội xung phong Tây tiến*. Mùa thu năm 1948, Bộ Tổng chỉ huy tổ chức thêm *Đoàn vũ trang công tác miền Tây* và *Ban xung phong Lào Bắc* lên hoạt động trên hướng Tây Bắc và Thượng Lào. Thành phần gồm đủ cán bộ quân - dân - chính - đảng, một số khá đông là anh em dân tộc ít người và cả cán bộ người Lào. Nhờ tất cả những biện pháp tích cực trên đây, từ cuối năm 1948, cục diện chiến

trường Tây Bắc dần dần chuyển biến có lợi trong thế chiến lược chung của cả chiến trường Bắc Bộ.

Sang năm 1949, trong khi các đội của *Đoàn vũ trang công tác miền Tây* chia thành nhiều hướng, tiến từng bước vững chắc về phía biên giới Việt - Lào thì một bộ phận của *Đội xung phong Trung Dũng* đã tiến sát bờ sông Mã, một bộ phận khác đã vào đến Điện Biên; *Đội xung phong Quyết Tiến* tiến sát Tuần Giáo; *Đội xung phong Quyết Thắng* đã đến Quỳnh Nhai, trong khi *Đội xung phong Tây Bắc* đã bám trụ trên nhiều địa bàn dọc biên giới Việt - Lào. Những khó khăn về tiếp tế đã bước đầu được khắc phục, nhất là khi các đội *Tây tiến* của ta gặp và phối hợp hoạt động với lực lượng vũ trang cách mạng Lào do hai ông Cay-xỏn Phôm-vi-hẳn và Thao Ma chỉ huy.

Để tạo đà cho sự chuyển biến mạnh của cục diện chiến trường Tây Bắc, đi đôi với việc chỉ đạo mở các chiến dịch Lao Hà (4-1949) và Lê Lợi (Chợ Bờ, Hòa Bình - 12-1949), đặc biệt là chiến dịch Sông Thao (7-1949), Tổng chỉ huy đã chỉ thị Khu 10 điều thêm lực lượng lên Tây Bắc. Nhờ đó, trong năm 1949 không những cơ sở chính trị không ngừng được mở rộng mà hoạt động vũ trang tuyên truyền cũng từng bước phát triển thành những hoạt động du kích, buộc địch hoặc phải phân tán lực lượng đối phó hoặc co lại trong đồn bốt, không còn đủ binh lực để tiến hành các cuộc càn quét. Kết quả hoạt động quân sự kết hợp với việc không ngừng mở rộng cơ sở chính trị quần chúng đã dần dần làm thay đổi bộ mặt của vùng rừng núi Tây Bắc. Nền

kinh tế và văn hóa kháng chiến ngày càng có điều kiện hình thành và phát triển trong những khu du kích. Sự chuyển biến của cục diện chiến trường Tây Bắc và nhịp độ thay đổi từng bước của bộ mặt chính trị - xã hội Tây Bắc là kết quả của thắng lợi quân sự trong các chiến dịch của bộ đội chủ lực và địa bàn hoạt động ngày càng mở rộng của các đội công tác quần chúng và vũ trang địa phương.

Ba năm tiếp theo (1950 - 1952), quá trình chuyển biến của cuộc kháng chiến trong cả nước, nhất là trên chiến trường chính Bắc Bộ cũng là quá trình sức mạnh kháng chiến của nhân dân các dân tộc Tây Bắc không ngừng được nhân lên. Từ năm 1950, so với các chiến trường khác ở Bắc Bộ, Tây Bắc là chiến trường địch yếu và sơ hở nhất. Hoạt động của các đội vũ trang công tác quần chúng đã tạo nên những chỗ đứng chân ngày càng rộng và vững chắc trong lòng địch. Đó là điều kiện thuận lợi mới cho hoạt động của bộ đội chủ lực.

Sau thắng lợi của chiến dịch *Lê Lợi* (cuối năm 1949 - đánh thông đường nối đồng bằng với thượng du trên hướng Chợ Bờ - Suối Rút), đầu năm 1950, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp cho mở thêm chiến dịch *Lê Hồng Phong 1* ở vùng Phố Lu - Nghĩa Đô (Đông Nam Lào Cai). Với hơn 300 tên địch bị diệt, *Lê Hồng Phong 1* đã có tác dụng hỗ trợ cho phong trào chính trị và vũ trang Tây Bắc mở rộng. Thu đông năm 1950, lần đầu tiên Tổng tư lệnh xuất quân đánh lớn. Thắng lợi có tầm chiến lược quan trọng của chiến dịch *Lê Hồng Phong 2* (giải phóng

vùng biên giới Cao - Lạng) không những đã tạo bước ngoặt cơ bản cho cả cuộc kháng chiến mà còn tác động mạnh mẽ và làm thay đổi hẳn cục diện chiến trường Tây Bắc. Hàng loạt địa bàn quan trọng (như Lào Cai, Pa Kha, Si Ma Cai, Hoàng Su Phì, Sa Pa, Phong Thổ) được giải phóng trong một thời gian ngắn. Cả vùng rừng núi Tây Bắc bao la đã thoát khỏi thế bị bao vây trên cả hai hướng Đông và Đông Nam. Từ Than Uyên (tả ngạn sông Đà) một vùng tự do rộng lớn phía Đông Tây Bắc đã vượt sông Thao, qua Yên Bái, nối liền với hậu phương kháng chiến Việt Bắc, tạo thành một thế liên hoàn chiến lược. Bước vào mùa khô 1951, với chiến dịch *Lý Thường Kiệt* (vùng Nghĩa Đô - Yên Bái - 9-10.1951), vùng giải phóng Tây Bắc đã mở rộng từ Quang Huy tới Ca Vịnh - Ba Khe - Sài Lương và từ Phong Thổ qua Bình Lư xuống Than Uyên. Tiếp đó, cuối năm 1951 - đầu năm 1952, thêm một mốc chuyển biến đặc biệt quan trọng đối với chiến trường Miền Tây. Thắng lợi to lớn của chiến dịch *Hòa Bình* do Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy đã mở toang cửa phía Nam của cả vùng rừng núi Tây Bắc. Chính nhờ hướng chiến lược mới mở này mà cuối năm 1952 ông Giáp mới có điều kiện đưa được lực lượng lớn lên chuẩn bị và thực hành chiến dịch *Tây Bắc*.

Chiến dịch *Tây Bắc* là chiến dịch lớn đầu tiên trên chiến trường Miền Tây, với 3,5 vạn bộ đội chủ lực và gần 20 vạn dân công. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cho bộ đội lần lượt vượt qua ba con sông lớn (sông Thao, sông Đà, sông Mã), tiến sâu vào tác chiến dài ngày trên một chiến trường rừng núi rất xa hậu phương. Sau hai tháng

chiến đấu (10-1952 - 12-1952), thắng lợi của chiến dịch *Tây Bắc* (diệt và bắt trên 6.000 tên địch, giải phóng 28.500 km^2 với trên 25 vạn dân) đã tạo bước ngoặt có ý nghĩa quyết định đối với chiến trường Tây Bắc. Sau thắng lợi của chiến dịch *Thượng Lào* (giải phóng Sầm Nưa - tháng 4-1953) và tiếp đến là việc địch buộc phải rút khỏi căn cứ Nà Sản (8-1953), toàn bộ vùng thượng du Bắc Bộ (từ Cao - Lạng ở phía Đông đến Hà Giang, Lào Cai, Sơn La ở phía Bắc và phía Tây) đã nối liền thành một dải qua Sầm Nưa (Thượng Lào) xuống tận Thanh Hóa. Căn cứ duy nhất của địch còn lại ở chiến trường rừng núi Miền Tây là thị xã Lai Châu lọt thỏm như hòn đảo chơ vơ giữa vùng Tây Bắc trùng điệp. Điều đó giải thích vì sao, sau khi nhậm chức và chuẩn bị bước vào mùa khô 1953, tướng Na-va phải vội vã ném quân dù xuống chiếm đóng Điện Biên Phủ (20 - 21-11-1953), để "tránh cho Lai Châu khỏi lạnh chân và Thượng Lào khỏi hở sườn" (như Na-va giải thích - TG).

Đầu tháng 12 năm 1953, cụ thể là ngày 6, đã đồng thời diễn ra hai chủ trương chiến lược đối nghịch giữa hai Bộ thống soái của ta và của Pháp. Đại tướng Pháp Na-va quyết định tăng binh lực lên Tây Bắc, xây dựng trên cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ) một tập đoàn cứ điểm mạnh, với hàng vạn quân tinh nhuệ cùng mọi trang bị hiện đại có thể huy động, với hy vọng biến cái lòng chảo hơn 100 ki-lô-mét vuông này thành một cái máy nghiền (broyeuse) khổng lồ để nghiền nát chủ lực đối phương. Trong khi đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận nhiệm vụ Cụ Hồ và Bộ

Chính trị của Đảng giao cho là phải tiêu diệt toàn bộ quân địch trong lòng chảo Mường Thanh. Cuộc đấu trí đấu lực có ý nghĩa quyết định cuối cùng giữa hai vị đại tướng đối kháng bắt đầu từ cái ngày 6 tháng 12 khó quên đó. Mùa xuân 1954, cái thung lũng cực Tây của núi rừng Tây Bắc - ***Điện Biên Phủ*** - trở thành chiến trường trọng điểm, ***điểm quyết chiến chiến lược cuối cùng*** giữa ta và Pháp.

Ngày 5 tháng 1 năm 1954 Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp lên đường. "Tướng quân tại ngoại" với lời dặn đanh thép của Cụ Hồ: ***Chỉ được đánh thắng.***

Sau 55 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, được sự hiệp đồng chia lửa của các chiến trường toàn quốc và sự chi viện hết mình của hậu phương kháng chiến và trực tiếp là của nhân dân các dân tộc Tây Bắc, các chiến sĩ Điện Biên Phủ dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã buộc đại tướng Pháp Hăng-ri Na-va phải chấp nhận thất bại *(báo chí phương Tây gọi là "phơi áo").*

Cuộc kháng chiến lần thứ nhất kết thúc. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Nhân dân các dân tộc Tây Bắc vĩnh viễn trở lại vị thế làm chủ vùng rừng núi bao la - ***đất Việt Miền Tây của Tổ quốc.***

3
CHIẾN THẮNG TÂY BẮC - BÀI HỌC DỌN ĐƯỜNG ĐI TỚI ĐIỆN BIÊN

CHIẾN THẮNG TÂY BẮC
NHÌN TỪ GÓC ĐỘ Ý CHÍ, QUYẾT TÂM

Thử hỏi, mấy năm sau Cách mạng tháng Tám, trong cả nước có địa phương nào chịu nhiều thiệt thòi về chính trị như đồng bào Tây Bắc, đã có địa phương nào mà người dân ít được nhìn thấy lá cờ Tổ quốc, ít được thấy ảnh Bác Hồ như đồng bào Tây Bắc? Ngay từ cái Tết Độc lập đầu tiên (1946) đám tàn quân Pháp (bị Nhật đánh bật sang Côn Minh - Trung Quốc - hồi đảo chính tháng 3 năm 1945) đã len lỏi mò vào Lai Châu. Vùng địch chiếm đóng cứ loang dần. Đồn bốt đi đôi với chính sách chia để trị. Bọn Pháp lập ra các đội quân địa phương, dựa vào bọn thổ ty lang đạo để gây hằn thù giữa các dân tộc Tây Bắc, theo khẩu hiệu "giết Kinh để lấy muối, giết Thái để lấy ruộng, giết Dao để lấy bạc, giết H'Mông để lấy thuốc phiện...".

Từ hồi đó, nhiều đội vũ trang đã được phái lên Tây Bắc và lần lượt bị bật qua sông Đà, trở lại tả ngạn sông Hồng. Bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng, câu chuyện về

"những đoàn quân không mọc tóc", về "tiếng cồng quân y"... đã nói lên phần nào nỗi gian truân của những thanh niên Hà Nội, Khu 3, Khu 4... lên hoạt động trên chiến trường Miền Tây của Tổ quốc. Các anh đã trải qua những ngày mưa nguồn nước lũ, khoác chiếc chăn mỏng thu mình trong rừng, cố chống lại cơn sốt run người, để chờ gặp cơ sở, thực hiện nhiệm vụ bám đất bám dân, nhen nhóm phong trào trong từng thôn bản sát kề đồn địch. Phải sau một thời gian dài thực hiện phương châm "đại đội độc lập", với quyết tâm kiên trì vận động quần chúng, đến khoảng giữa năm 1949, các ban xung phong công tác, các đội vũ trang tuyên truyền mới dần dần gây được cơ sở chính trị và vũ trang bí mật, tạo thành những "lõm" nhỏ giữa vùng rừng núi Tây Bắc bao la. Tình hình dần dần được cải thiện, nhưng cục diện chiến trường miền Tây chỉ thực sự sáng sủa sau thắng lợi của chiến dịch Biên Giới và đặc biệt là sau chiến dịch Hòa Bình. Vào mùa thu năm 1952, khi phong trào cách mạng ở Tây Bắc đã "thay da đổi thịt", lực lượng vũ trang đã có chỗ đứng chân vững chắc, Bộ Chính trị hạ quyết tâm mở chiến dịch Tây Bắc, mở rộng địa bàn thượng du Bắc Bộ, tạo thế chiến lược liên hoàn nối liền chiến trường Miền Tây với căn cứ địa Việt Bắc, nối Tây Bắc Việt Nam với Thượng Lào.

Nhìn lại hơn 40 chiến dịch hồi kháng chiến chống Pháp, Tây Bắc là một trong những chiến dịch được Bộ Chính trị và Bác Hồ đặc biệt quan tâm chỉ đạo về mặt chính trị - tinh thần - quyết tâm. Ngoài nhiệm vụ giải phóng đất đai, lãnh đạo còn nhấn mạnh mục đích chính trị của chiến dịch là *phải tranh thủ được nhân dân*. Bộ

Chính trị còn ra nghị quyết chuyên đề về chính sách vận động các dân tộc ít người. Chủ tịch Hồ Chí Minh tự tay soạn thảo *Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ cho bộ đội và nhân dân vùng mới giải phóng*. Trong thư đề ngày 1 tháng 10 năm 1952 gửi cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch Tây Bắc, Người nhấn mạnh phải quyết tâm chiến đấu, bền bỉ dẻo dai, vượt qua mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn... thương dân, trọng dân và tốt với dân... tiêu diệt thật nhiều địch, giành cho được toàn thắng...

Lần đầu tiên quân ta mở một chiến dịch lớn trên một chiến trường rất xa hậu phương. Thấy trước những khó khăn về nhiều mặt, ngày 9 tháng 9 năm 1952, Bác Hồ đã đến thăm và động viên cán bộ đang họp hội nghị chuẩn bị chiến dịch. Bác mở đầu bằng một bài học về quyết tâm: lội qua suối để kịp đến hội nghị giữa lúc trời mưa to, nước lũ dâng cao, chảy xiết. "Bác cùng mấy chú nữa quyết tâm cởi áo quần, tay sào tay gậy, lần sang được... Đó là kinh nghiệm cho các chú. Bất kỳ việc gì, to hay nhỏ, mình có quyết tâm thì làm được..."[1].

Lời dạy của Bác thấm xuống các ngành, các cấp và từng chiến sĩ tham gia chiến dịch. Trước hết phải nói đến cán bộ hậu cần. Anh em rất lo bảo đảm gạo cho bộ đội, càng không quên lời nhắc nhở của đồng chí Trường Chinh: "Cẩn thận đấy! Có lúc ông tướng gạo còn mạnh hơn ông tướng chỉ huy!" Phương tiện vượt sông là một thử thách ngay từ đầu. Huy động một số phà và hơn 400 thuyền nan của đồng bào Phú Thọ, Yên Bái, để gần ba

1. Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân. Nxb Quân đội nhân dân, 1975, tr. 218.

đại đoàn và hàng vạn dân công vượt sông Thao bí mật, an toàn chỉ trong 3 đêm là một thắng lợi của tinh thần quyết tâm và trình độ tổ chức. Một ví dụ khác là tấm gương của đại đoàn trưởng 308, Vương Thừa Vũ. Anh dẫn một đoàn cán bộ, lần mò suốt 6 ngày đêm, vượt qua 60km vành đai bên ngoài của địch để vào Nghĩa Lộ nghiên cứu chiến trường. Mưa nguồn nước lũ, suối cao vực sâu, ruồi vàng, vắt xanh và nhất là thám báo biệt kích địch... tất cả như chờ đợi bước chân các anh ngày càng tiến sâu vào vùng địch. Tới nơi, một điều không ngờ tới: Đơn vị trinh sát của Bộ đã có mặt bám địch trước các anh chừng 3 tháng. Nhờ vậy, các anh nhanh chóng nắm chắc tình hình cụ thể các cứ điểm Pú Chạng, Nghĩa Lộ...

Ý chí và quyết tâm của bộ đội đem lại thắng lợi giòn giã của đợt 1 chiến dịch: Cả phòng tuyến vòng ngoài của địch - một dải đất mênh mông từ hữu ngạn sông Thao đến tả ngạn sông Đà, từ Quỳnh Nhai đến Vạn Yên - bị đập tan.

Nhanh chóng vượt sông Đà thể hiện quyết tâm mới của 6 trung đoàn bộ binh chuẩn bị bước vào đợt 2. Hồi đó quân ta đâu có những phương tiện hiện đại như ngày nay. Chiếc cầu nứa đầu tiên, ghép nối bằng chão và dây cáp, chưa kịp phát huy tác dụng đã bị nước lũ cuốn phăng. Chiếc thứ hai cũng chung số phận. Mọi việc lại trở lại từ đầu, từ khâu vào rừng chặt nứa, bện chão, ghép bè... Trung tuần tháng 11, chỉ ít ngày sau khi quân ta vượt sông, toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch trên cao nguyên Mộc Châu lần lượt bị vỡ từng mảng, trong khi trên phía Bắc, cánh quân vu hồi từ Quỳnh Nhai hình thành hai mũi tiến sâu vào Điện Biên Phủ và truy kích địch xuống phía Sơn La.

Trước khi quân ta bước vào đợt 2, địch mở cuộc hành binh lớn lên hướng Phú Thọ. Thắng lợi vang dội của trận phục kích ngày 7 tháng 11 của trung đoàn 36 trên quốc lộ 2 không chỉ bắt nguồn từ quyết tâm bôn tập của từng chiến sĩ từ Tây Bắc về trung du để kịp đánh địch. Thắng lợi đó còn bắt nguồn từ ý chí của Lê Văn Hiến, tân binh của trung đoàn. Bị địch bắt và tra tấn dã man, Hiến vẫn không hề lộ kế hoạch phục kích của đơn vị trên suốt đoạn đường Chân Mộng - Trạm Thản...

Trong không khí phấn khởi của hội nghị tổng kết chiến dịch, ngày 29 tháng 1 năm 1953, Bác Hồ lại đến thăm và khen ngợi: "Các chú đã thấm nhuần quyết tâm của Trung ương Đảng, đã đưa quyết tâm ấy làm cho chiến sĩ thấm nhuần và ra sức tiêu diệt sinh lực địch. Các chú đã vui vẻ chịu đựng gian khổ, khắc phục được nhiều khó khăn... Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác bằng lòng các chú..."[1].

Năm tháng trôi qua. Những chàng lính trẻ Tây Bắc năm xưa nay đã trên dưới "thất thập cổ lai hy" vẫn nhớ như in bài học *quyết tâm*.

CHIẾN THẮNG TÂY BẮC - THÊM NHỮNG BÀI HỌC VỀ CHỈ ĐẠO CHIẾN TRANH CỦA ĐẢNG

1. Giữ vững và phát huy quyền chủ động tiến công chiến lược, tạo thế mới, lực mới bước vào mùa khô 1952.

Cuộc kháng chiến bước sang năm thứ 7 khi bộ chỉ huy Pháp vừa thất bại trong âm mưu giành lại quyền

1. Hồ Chí Minh, Sđd. tr. 226.

chủ động chiến lược. Đúng vào dịp đó, tờ báo Pháp *Rạng Đông* (số ra ngày 17 tháng 1 năm 1952) đã nói thẳng ra rằng bước sang năm 1952, chưa có dấu hiệu gì chứng tỏ nước Pháp có thể vét thêm quân để tăng viện cho chiến trường Đông Dương. Bốn ngày sau khi quân Pháp rút khỏi Hòa Bình, nội các Phê-li-xơ Phô-rơ từ chức vì thất bại trong việc thông qua ngân sách ở Quốc hội (ngân sách quân sự năm 1952 đã lên tới 1.500 tỷ phrăng, trong đó có 330 tỷ đổ vào cuộc chiến tranh Đông Dương). Trước khi rời khỏi Điện Ma-ti-nhông, Phô-rơ tuyên bố ông ta bất lực trong việc điều hành một đất nước đuối sức trước gánh nặng của cuộc chiến tranh hao người tốn của.

Ngày 6 tháng 3 năm 1952, Ăng-toan Pi-nây ngồi vào ghế thủ tướng. Đây là vị thủ tướng thứ 17 sau 6 năm chiến tranh xâm lược Đông Dương. Thay thế tướng Đờ-lát là một cặp quan chức mới; Lơ-tuốc-nô (nguyên bộ trưởng các Quốc gia liên kết) giữ chức cao ủy; tướng Ra-un Xa-lăng chính thức đảm nhiệm chức tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, tướng Đờ Li-na-ret thay Xa-lăng chỉ huy Bắc Bộ. Từ Pa-ri đến Sài Gòn và Hà Nội, một bộ máy chiến tranh mới được tân trang. Họ sớm biểu thị quyết tâm theo đuổi chiến tranh. Ngày 25 tháng 2, cao ủy Lơ-tuốc-nô tuyên bố trước Quốc hội: "Nước Pháp không từ chối đàm phán với Việt Minh, nhưng phía Pháp sẽ không đi bước trước". Lời tuyên bố có chỗ dựa, đó là sự hứa hẹn của Mỹ tăng thêm viện trợ[1].

---

1. Nếu cả 6 năm trước, mới có 100 chuyến tàu viện trợ Mỹ cập bến Sài Gòn, mang theo 120.000 tấn phương tiện chiến tranh, thì chỉ 5 tháng đầu năm 1952, Pháp đã tiếp nhận thêm 50 chuyến tàu viện trợ nữa. Đến năm 1952, Mỹ đã gánh chịu 40% chiến phí của Pháp ở Đông Dương.

Với viện trợ Mỹ được tăng nhanh, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp tập trung nỗ lực vào việc bình định vùng tạm chiếm. Từ chiến dịch Hòa Bình, vùng đồng bằng sông Hồng bị "ruỗng nát" là một nguy cơ sinh tử đối với địch. Để cứu vãn tình thế bất lợi đó, trong năm 1952, bộ chỉ huy Pháp huy động hơn 2/3 lực lượng cơ động chiến lược, tiến hành gần 100 cuộc hành binh càn quét, với binh lực mỗi trận từ 8 đến 20 tiểu đoàn bộ binh, 3 đến 7 tiểu đoàn pháo binh. Binh lực địch trong các trận càn ở đồng bằng Bắc Bộ thường nhiều gấp 2 đến 3 lần so với các chiến trường Trung và Nam Bộ.

Càn quét, bình định đi đôi với bắt lính, phát triển quân ngụy, địch đã nâng tổng số lực lượng quân đội tay sai lên 248.000 tên, tức 2/3 tổng số binh lực Pháp - ngụy trên toàn Đông Dương.

Với những nỗ lực trên, bộ chỉ huy Pháp hy vọng đủ sức ngăn chặn đà tiến công chiến lược quy mô lớn của chủ lực ta trong mùa chiến dịch tới.

Về phía ta, thắng lợi của Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng, tiếp đến là chiến thắng Hòa Bình, đã đem lại cho toàn quân, toàn dân một niềm cổ vũ mới. Nhưng sau đó, những cuộc hành binh càn quét quy mô lớn, dài ngày của địch đã gây khó khăn không nhỏ cho phong trào đấu tranh trong vùng tạm bị chiếm. Vấn đề đặt ra cho toàn quân, toàn dân là làm thế nào thực hiện được chỉ thị ngày 16 tháng 3 năm 1952 của Ban Bí thư về giữ vững và mở rộng thắng lợi của chiến dịch Hòa Bình, tiếp tục tạo được thế mới, lực mới, giành thắng lợi lớn hơn trong mùa khô tới.

Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (tháng 4 năm 1952), với *ba nhiệm vụ lớn và bốn công tác chính*[1], đã chỉ ra cho quân và dân cả nước, từ vùng tự do đến vùng tạm bị chiếm, phương hướng hành động nhằm duy trì và phát triển cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch, xây dựng và tăng cường lực lượng về mọi mặt, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong thu đông 1952.

Trong khi lực lượng vũ trang cùng nhân dân trong vùng tạm bị chiếm giữ vững và phát triển phong trào chiến tranh du kích, chiến đấu chống địch càn quét, củng cố và mở rộng các khu du kích và căn cứ du kích, thì trong vùng tự do, bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương tiến hành chỉnh quân chính trị, chấn chỉnh tổ chức, biên chế, trang bị và chỉnh huấn quân sự. Cuộc vận động chỉnh quân, chỉnh huấn đã thực sự nâng cao sức chiến đấu của quân đội lên một bước, nhất là mang lại cho bộ đội chủ lực một khả năng mới: đánh tiêu diệt lớn.

Từ kinh nghiệm 3 chiến dịch Xuân Hè 1951 và chiến dịch Hòa Bình, bước vào mùa khô 1952, Tổng quân ủy đề đạt với Trung ương chọn Tây Bắc làm hướng tiến công chiến lược chủ yếu, đồng bằng sông Hồng là hướng phối hợp quan trọng.

---

1. Ba nhiệm vụ lớn: Tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích; phá chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của địch; bồi dưỡng lực lượng của nhân dân, của kháng chiến. *Bốn công tác chính:* thực hiện kế hoạch tăng gia sản xuất và tiết kiệm; giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh trong vùng sau lưng địch; chấn chỉnh quân đội; chỉnh Đảng.

Tây Bắc là chiến trường rừng núi rộng lớn, một địa bàn chiến lược quan trọng ở phía Tây Bắc Bộ nước ta. Phía tây giáp 2 tỉnh Phong Xa Lỳ và Sầm Nưa của Lào, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, phía Nam là tỉnh Hòa Bình nối liền với các tỉnh Liên khu 3, Liên khu 4. Địch tổ chức chiến trường Tây Bắc thành 4 phân khu: Lai Châu, sông Đà, Nghĩa Lộ và Sơn La và một số tiểu khu độc lập: Thuận Châu, Phù Yên, Tuần Giáo. Phân khu Nghĩa Lộ được coi là bình phong bảo vệ Tây Bắc. Đặc điểm thế bố trí của địch ở Tây Bắc là, ngoài phân khu Nghĩa Lộ, các phân khu còn lại hình thành một tuyến dài dọc đường 41, song song với sông Đà. Bên trong tuyến sông Đà - Đường số 41, *càng đi sâu về phía Tây, thế bố trí của địch càng mỏng*. So với các chiến trường khác, Tây Bắc là chiến trường địch yếu, sơ hở, nhưng lại là một địa bàn chiến lược hiểm yếu, khi bị tấn công, chắc chắn địch sẽ đưa lực lượng lên ứng cứu[1].

Từ tháng 4, sau khi Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Tây Bắc [2], mọi công tác chuẩn bị chiến dịch được xúc tiến khẩn trương, trước hết là chuẩn bị đường sá (từ đường số 3 Bắc Cạn - Thái Nguyên đến đường 41 Hòa

---

1. Lực lượng địch ở Tây Bắc có 3 tiểu đoàn Âu - Phi, 5 tiểu đoàn và 43 đại đội quân ngụy Thái, 4 trung đội pháo, rải ra trên 144 cứ điểm (chừng 40 cứ điểm do 2 đại đội địch đóng giữ). Quá trình diễn biến của chiến dịch, địch tăng viện 9 tiểu đoàn bộ binh và dù Âu - Phi, 3 tiểu đoàn ngụy, 1 tiểu đoàn biệt kích hỗn hợp, 1 tiểu đoàn pháo binh.

2. Ba nhiệm vụ đề ra cho chiến dịch Tây Bắc là: tiêu diệt sinh lực địch; tranh thủ nhân dân; giải phóng một bộ phận đất đai Tây Bắc.

Bình - Sơn La) và "lót ổ" vật chất hậu cần chiến dịch ở tả ngạn sông Hồng và vùng Suối Rút (Hòa Bình)[1].

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm 3 đại đoàn chủ lực, 6 đại đội sơn pháo, 3 đại đội súng cối, 1 trung đoàn công binh cùng 1 tiểu đoàn và 11 đại đội địa phương.

Kế hoạch tác chiến dự kiến chia thành ba đợt. Trong *đợt 1,* ta tập trung binh hỏa lực tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ, dùng Nghĩa Lộ làm bàn đạp tiếp tục tiến sâu vào phía Tây, đồng thời tiêu diệt tiểu khu Phù Yên, phát triển đến sát sông Đà, mở đường giao thông vận tải tiếp tế, tạo điều kiện cho bước tiếp theo, phát triển tiến công lên hướng Sơn La. Sang *đợt 2,* nếu chưa có điều kiện tiến công giải phóng Sơn La thì hình thành 2 cánh quân: một cánh từ Tạ Khoa tiến ra Cò Nòi, cắt đường 41 rồi phát triển xuống phía Nam; một cánh từ Vạn Yên tiến ra Mộc Châu, từ đông nam Sơn La đánh lên, phối hợp với một bộ phận nhỏ hoạt động sâu trong vùng sau lưng địch, phát động quần chúng. Sau khi giải phóng vùng đông nam Sơn La, củng cố lực lượng bước vào *đợt 3*: giải phóng Sơn La.

2. Tóm tắt diễn biến chiến dịch Tây Bắc.

Trải qua 11 ngày chiến đấu trong đợt 1, quân ta đã hạ hàng loạt vị trí nhỏ, mở đường tiến vào tiêu diệt

1. Toàn chiến dịch, ta đã huy động 7 triệu ngày công, cung cấp cho bộ đội và dân công 9.360 tấn gạo, 164 tấn muối, 195 tấn thịt, 71 tấn thực phẩm khác, 33 tấn đạn. Đồng bào các dân tộc Tây Bắc, mặc dù kinh tế nghèo nàn lạc hậu, đường sá hiểm trở, dân cư thưa thớt lại bị địch đàn áp, o ép khốc liệt và tuyên truyền chia rẽ, nhiều vùng đồng bào chưa quen tiếp xúc với bộ đội và cán bộ miền xuôi, nhưng cũng đã đóng góp cho chiến dịch 1.140 tấn gạo, 40 tấn thịt, 15.000 ngày công.

phân khu Nghĩa Lộ, do một tiểu đoàn tăng cường của địch đóng giữ. Tiếp đó, vừa chặn đánh, tiêu diệt quân địch từ các vị trí nhỏ bỏ chạy, vừa truy kích trên đường dài Tú Lệ - Ít Ong, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn dù biệt kích tinh nhuệ (6 è BPC) của địch nhảy xuống Tú Lệ. Kết quả: toàn bộ phòng tuyến vòng ngoài của địch, từ hữu ngạn sông Thao đến tả ngạn sông Đà, từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai, bị đập tan. Nét đặc sắc trong đợt 1 là quân ta vừa tiến công phía trước, trên hướng chính (Nghĩa Lộ), vừa sớm hình thành mũi vu hồi chiến dịch ở phía Đông nam Lai Châu, chuẩn bị cho bộ đội tiến sâu sang phía tây - biên giới Việt - Lào.

Địch đã thấy hướng tiến công chủ yếu của quân ta và chúng ra sức đối phó. Quá trình diễn biến đợt 1 cũng như khi quân ta chuẩn bị bước vào đợt 2, chúng tăng cường cho Tây Bắc hơn 10 tiểu đoàn, tổ chức chiến trường Tây Bắc thành hai mặt trận Lai Châu và Sơn La (bao gồm Nà Sản), lập cầu hàng không Hà Nội - Nà Sản, xây dựng Nà Sản thành một tập đoàn cứ điểm (lúc đầu 6 tiểu đoàn). Để đỡ đòn cho Tây Bắc, địch tập trung một lực lượng lớn[1] mở cuộc hành binh Lô-ren đánh vào hậu phương ta ở Phú Thọ, Đoan Hùng, hòng thu hút chủ lực ta từ Tây Bắc về đối phó.

Bộ Chỉ huy chiến dịch giữ vững quyết tâm, cho bộ đội vượt sông Đà, bước vào đợt 2 theo kế hoạch và điều 1 trung đoàn về phối hợp với lực lượng tại chỗ đánh địch ở Phú Thọ.

---

1. 12 tiểu đoàn bộ binh và dù, 2 đại đội xe tăng thiết giáp, 2 tiểu đoàn pháo binh, 3 tiểu đoàn công binh, 2 thủy đội xung kích (dinassaut).

Để thu hút sự chú ý của địch lên hướng thứ yếu, cánh quân vu hồi ở phía nam Lai Châu hình thành 2 mũi, nổ súng trước: một mũi tiến công theo hướng Tuần Giáo, Lai Châu rồi tiến sâu vào Điện Biên Phủ; một mũi tiến công Thuận Châu, truy kích địch tới Sơn La. Quân địch ở Sơn La vội vã bỏ chạy về co cụm ở Nà Sản. Cánh quân vu hồi không những đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu diệt địch, giải phóng 6 huyện (3.000 km^2 với 10 vạn dân), phá vỡ phòng tuyến nam Lai Châu, mà còn phát huy tác dụng nghi binh thu hút địch để bộ đội trên hướng chính (nam Sơn La) vượt sông Đà, tiến công Mộc Châu, diệt và bức rút hàng loạt vị trí trên đường 41, giải phóng Sơn La.

Đợt 2 kết thúc, cục diện chiến trường thay đổi hẳn. Trên cả vùng rừng núi rộng lớn Tây Bắc, địch chỉ còn chiếm đóng một phần tỉnh Lai Châu và tập đoàn cứ điểm Nà Sản. Trên hướng Phú Thọ, cuộc hành binh Lô-ren không những không đỡ đòn được cho Tây Bắc mà còn bị đánh thiệt hại nặng, địch buộc phải lui quân. Lợi dụng thời cơ địch sơ hở vì phải điều lực lượng tăng viện cho Tây Bắc và hành binh lên Phú Thọ, quân và dân đồng bằng sông Hồng đã đẩy mạnh hoạt động, tiêu diệt và bức hàng, bức rút gần 100 cứ điểm, góp phần dồn địch vào tình thế phải giằng xé lực lượng đối phó trên cả 3 hướng: rừng núi Tây Bắc, đồng bằng và Phú Thọ - Đoan Hùng.

Sang đợt 3, quân ta tiến công tập đoàn cứ điểm Nà Sản. Sau 2 trận diệt vị trí Pú Hồng và Bản Hời (với thương vong, tổn thất cao) và 2 trận tiến công không

thành (Nà Xi và Bản Vầy), nhận thấy bộ đội chưa đủ sức tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm, Bộ Chỉ huy ra lệnh kết thúc chiến dịch (10-12-1952) và chuyển một phần lực lượng giúp các địa phương củng cố vùng mới giải phóng.

Quân ta đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt và bắt sống chừng một vạn tên địch, giải phóng một vùng rộng lớn trên địa bàn chiến lược quan trọng (chừng 30.000km^2, bao gồm 4 cánh đồng lớn, với chừng 25 vạn dân). Vùng giải phóng Tây Bắc nối liền với Việt Bắc và Thượng Lào, tạo thành một thế chiến lược mới, liên hoàn rất có lợi cho ta. Thế chiến lược đó chính là tiền đề thắng lợi của ta trong các chiến dịch Đông Xuân 1953-1954, nhất là chiến dịch Điện Biên Phủ. Như đánh giá của đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong Hội nghị cán bộ chiến dịch (10-12-1952): "Rồi đây, dù tình thế trở nên khó khăn hay thuận lợi, căn cứ địa Việt Bắc và căn cứ địa Tây Bắc sẽ là một bảo đảm cho cuộc kháng chiến lâu dài của chúng ta và sẽ có ảnh hưởng đối với cách mạng Lào"[1].

3. Mấy bài học về chỉ đạo chỉ huy.

a) Về chiến lược quân sự:

- Một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chiến thắng Tây Bắc là Trung ương Đảng và Tổng quân ủy đã chọn đúng hướng tiến công chiến lược. Địa hình

1. Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn - BTTM xuất bản, 1964, tập II, tr. 222.

rừng núi cộng với thế địch mỏng yếu là điều kiện khách quan thuận lợi cho phép quân ta phát huy sở trường và khả năng vận dụng phương châm "đánh điểm, diệt viện". Như nhận định của Bộ Chỉ huy chiến dịch trong hội nghị cán bộ ngày 9 tháng 9 năm 1952, trên chiến trường Tây Bắc, ta có điều kiện để diệt viện đồng thời cũng có điều kiện thuận lợi hơn so với đồng bằng để đánh địch trong công sự vững chắc. Thực tế đã chứng minh, phương châm "đánh điểm, diệt viện" đã được vận dụng trong suốt hai đợt đầu chiến dịch, dẫn đến kết quả to lớn cả về tiêu diệt sinh lực địch và giải phóng đất đai. Từ những khó khăn mà bộ đội gặp phải trong 3 chiến dịch trung du và đồng bằng, đến thắng lợi của 2 chiến dịch Hòa Bình và Tây Bắc, một điều có thể khẳng định: chiến trường rừng núi là hướng tiến công chiến lược phù hợp với thực tế so sánh lực lượng giữa ta và địch, không chỉ trong thời kỳ trình độ tác chiến của bộ đội còn hạn chế mà ngay cả trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Do sớm xác định hướng tiến công chiến lược và dự kiến đúng những khó khăn, nhất là về cung cấp hậu cần, mà bộ đội sẽ gặp phải trên một chiến trường xa hậu phương, một địa bàn đã bị địch chiếm đóng lâu ngày, nên từ tháng 4, Trung ương đã chỉ đạo triển khai khẩn trương công tác chuẩn bị chiến trường, mà trọng tâm là sửa chữa cầu đường, bảo đảm giao thông tiếp tế. Đồng thời Trung ương đã chỉ thị cho các địa phương động viên một lực lượng dân công rất lớn (gần 20 vạn lượt người) tham gia chiến dịch. Kinh nghiệm chỉ đạo công tác hậu cần chiến

lược, cụ thể là tổ chức, động viên hậu phương phục vụ tiền tuyến trong chiến dịch Tây Bắc, là bài học quý báu đối với cấp chiến lược. Những kinh nghiệm đó, được bổ sung ngày càng hoàn chỉnh, đã góp phần thắng lợi của các chiến dịch tiếp theo mở trên các chiến trường xa, từ Sầm Nưa, Lai Châu và điển hình là chiến dịch Điện Biên Phủ. Một trong những nét phát triển mới, đặc sắc của nghệ thuật động viên hậu phương phục vụ tiền tuyến trong hai năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp là sự ra đời của Hội đồng Cung cấp Mặt trận, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chính phủ.

- Sự chỉ đạo phối hợp chiến lược của Trung ương và Tổng quân ủy giữa hướng chính (Tây Bắc) với các chiến trường trong cả nước đã đem lại hiệu quả to lớn, đánh dấu một bước phát triển mới về nghệ thuật quân sự của Đảng. Quá trình bộ đội chuẩn bị và thực hành chiến dịch, các tỉnh trung du (Bắc Giang, Phúc Yên...) đều nhận được lệnh hoạt động nghi binh, đánh lạc sự phán đoán của địch về hướng tiến công chiến lược của ta. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng, cả hữu ngạn và tả ngạn, đều tích cực hoạt động phối hợp với Tây Bắc, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó trên nhiều hướng, hạn chế khả năng tăng viện của chúng lên chiến trường phía tây, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho quân ta giành thắng lợi lớn trong chiến dịch Tây Bắc.

- Quá trình diễn biến chiến dịch, Ban Chấp hành Trung ương đã theo dõi rất sát và chỉ đạo kịp thời hoạt động của bộ đội. Ngay sau đợt 1, ngày 25 tháng 10, Trung ương đã gửi thư động viên thành tích chiến đấu

của bộ đội, đồng thời chỉ ra những khuyết điểm (về chấp hành mệnh lệnh, tư tưởng chiến thuật, công tác cung cấp, địch vận, chấp hành chính sách dân tộc...) cần khắc phục trong các đợt chiến đấu tiếp theo. Sau đó, khi chiến dịch kết thúc thắng lợi, Tổng Bí thư Trường Chinh lại thay mặt Ban Chấp hành Trung ương gửi thư khen ngợi cán bộ, chiến sĩ mặt trận Tây Bắc "đã hoàn thành được nhiệm vụ mà Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch giao cho", đồng thời nêu lên những thiếu sót của bộ đội. Trung ương chỉ thị "các đồng chí cần ra sức phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để tiến bộ hơn nữa... phải tích cực tranh thủ nhân dân, củng cố vùng mới giải phóng, đề phòng âm mưu địch quay trở lại..."[1]. Sự quan tâm theo dõi thường xuyên và động viên, uốn nắn kịp thời của Trung ương Đảng không những đã động viên bộ đội củng cố quyết tâm vượt mọi khó khăn, giành thắng lợi to lớn cho chiến dịch mà còn chỉ ra phương hướng để cán bộ chiến sĩ tiếp tục phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu sắp tới.

b) Về nghệ thuật chiến dịch.

- Bộ Chỉ huy chiến dịch đã căn cứ vào đặc điểm bố trí của địch ở Tây Bắc (diện kết hợp với tuyến, càng đi sâu về phía tây lực lượng càng mỏng) để lập kế hoạch tác chiến nhằm tạo thế trận có lợi cho ta, đẩy địch vào thế ngày càng bất lợi, giành thắng lợi từng bước. Từ đột phá mở đường vào Nghĩa Lộ, phá vỡ phòng tuyến vòng ngoài trong đợt 1, đến việc hình thành 2 cánh quân (trong đó có cánh từ phía nam

---

1. Văn kiện quân sự của Đảng, Nxb Quân đội nhân dân, 1977, tập 3, tr. 345, 352, 353.

Lai Châu luồn sâu đến sát biên giới Việt - Lào), đi đôi với trận tiêu diệt Mộc Châu, tiến lên hướng Sơn La trong đợt 2, quân ta đã liên tiếp phá vỡ phòng tuyến của địch trên một diện rộng. Dù tăng viện lên hơn 10 tiểu đoàn (trong đó có tiểu đoàn dù biệt kích thiện chiến), địch cũng không kịp cứu vãn thế trận bị vỡ nhanh trước sức mạnh và tốc độ tiến công của ta trên cả hai hướng Nghĩa Lộ - Mộc Châu - Sơn La và Quỳnh Nhai - Luân Châu - Điện Biên Phủ.

Hình thành cánh quân vu hồi trên diện rộng, vừa tiến công tiêu diệt địch, giải phóng đất đai, vừa nghi binh đánh lạc hướng địch, phối hợp đắc lực với hướng chính, là nét đặc sắc về nghệ thuật chiến dịch trong chiến dịch Tây Bắc.

- Bộ Chỉ huy chiến dịch đã giữ quyền chủ động phát triển tiến công, không bị cuộc hành quân Lô-ren cản trở bước vào đợt 2. Chúng ta đã có kinh nghiệm đối phó với cuộc hành binh Pô-mô-nơ (địch đánh lên Tuyên Quang khi quân ta mở chiến dịch sông Thao - 1949) và cuộc hành binh Phô-cơ (địch đánh lên Thái Nguyên khi quân ta mở chiến dịch Biên Giới - 1950), nên Bộ Chỉ huy sớm khẳng định: cuộc hành binh Lô-ren cũng chỉ nhằm thu hút lực lượng ta về, hòng đỡ đòn cho Tây Bắc. Với một trung đoàn chủ lực để lại cùng lực lượng vũ trang tại chỗ bảo vệ hậu phương ngay từ đầu, cộng với một trung đoàn điều thêm từ Tây Bắc về, Bộ Chỉ huy chiến dịch khẳng định cuộc hành binh quy mô lớn của địch đánh vào hậu phương ta chắc chắn sẽ thất bại. Do đó, Bộ Chỉ huy vẫn giữ vững quyết tâm cho bộ đội vượt sông Đà, phát triển tiến công trong đợt 2 như kế hoạch ban đầu.

- Hậu phương đã dốc sức người, sức của ra phục vụ tiền tuyến. Vấn đề đặt ra với cấp điều hành chiến dịch là triển khai thế trận hậu cần sao cho phù hợp với kế hoạch tác chiến. Suốt tám tháng (từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1952), công tác hậu cần chiến dịch luôn đứng trước hai yêu cầu tưởng như trái ngược nhau: không bố trí hệ thống hậu cần gần khu vực chiến đấu để không lộ hướng tác chiến của bộ đội, nhưng từ khi chiến dịch mở màn đến khi kết thúc, mạng lưới hậu cần phải rải ra khẩn trương, kịp thời, để đáp ứng yêu cầu phát triển tiến công nhanh của các cánh quân. Yêu cầu đó càng trở nên khó khăn trên một chiến trường rừng núi hiểm trở, với diện tích rộng xấp xỉ 1/3 diện tích Bắc Bộ và khi mà đội hình chiến dịch bao gồm cả những mũi vu hồi tiến rất sâu trong lòng địch. Sau một số khó khăn, vấp váp trong đợt 1, Bộ Chỉ huy đã kịp thời chỉ đạo rút kinh nghiệm, kịp thời uốn nắn tác phong thiếu thực sự, thực tế của cán bộ hậu cần. Nhờ đó, sang đợt 2, không những bố trí cơ sở hậu cần và tuyến vận tải được triển khai trên một trục đường gần 200 ki-lô-mét khi bộ đội vượt sông Đà phát triển lên hướng Sơn La, mà còn vượt mọi khó khăn (địch đánh phá dọc đường, việc vận chuyển dùng sức người là chủ yếu), đáp ứng yêu cầu của cánh quân vu hồi tiến sâu trên hướng Tuần Giáo - Điện Biên Phủ.

- Kịp thời phát hiện lực lượng so sánh đã chuyển biến bất lợi cho ta, mạnh dạn thay đổi quyết tâm cho phù hợp với thực tế chiến trường là bài học quan trọng về chỉ đạo chỉ huy tác chiến trong đợt 3 chiến dịch. Như báo cáo tổng kết của đồng chí Tổng tư lệnh trong hội nghị kiểm thảo sự chỉ đạo chiến dịch Tây Bắc (10-2-1952) đã chỉ rõ: "Khuyết điểm lớn hơn hết là không nắm vững tình hình

địch, ta khi bước vào đánh Nà Sản". Do đánh giá tình hình không đúng, nên việc đề ra chủ trương tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Nà Sản là không phù hợp. Báo cáo tổng kết nhận xét rằng ta đã hạ quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Nà Sản "sau những thắng lợi lớn và liên tiếp của đợt 1 và đợt 2", khi mà "lúc thắng lợi thì dễ say mê..., nắm tình hình địch ta không vững vàng, vì chủ quan nên thường đánh giá địch yếu, đánh giá ta mạnh hơn sự thực". Sau mấy trận đầu, ta mới hiểu thêm về địch (chúng đã tăng cường binh lực và hỏa lực, tăng cường bố phòng và củng cố tinh thần binh lính một phần), đồng thời mới thấy "ta không có ưu thế binh lực đầy đủ so với địch". Trên cơ sở đánh giá lại tình hình, Bộ Chỉ huy chiến dịch "chủ trương đình chỉ cuộc tiến công Nà Sản vì nhận thấy đánh không chắc thắng". Và bài học rút ra là: "Trường hợp này, thay đổi quyết tâm là cần thiết, là linh hoạt, là tích cực giữ vững thắng lợi... Không được để tình cảm hay những tư tưởng tiếc rẻ, cay cú và những ý muốn chủ quan lôi cuốn..."[1].

Cân nhắc, đánh giá đúng tình hình địch và so sánh lực lượng, làm cơ sở để hạ quyết tâm và chọn cách đánh chính xác, chính là ***bài học lớn nhất*** *trong chiến dịch Điện Biên Phủ sau này.*

---

1. Tất cả những nhận định trong mục này, xin xem "Báo cáo kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm các chiến dịch lớn". Sđd, tr. 240, 241, 242 và *Tài liệu chỉ đạo các chiến dịch,* BTTM xuất bản năm 1964, tập IV, tr. 425 và 436.

II. KHI CHIẾN TRANH BƯỚC SANG NĂM THỨ TÁM

4
LẦN THỨ BẢY PA-RI THAY TƯỚNG

Buổi sáng hôm đó, thứ năm, ngày 7 tháng 5 năm 1953, một cú điện thoại từ Pa-ri đến Phông-ten-blô, nơi đặt tổng hành dinh của thống chế Gioăng (Alphonse Juin), tư lệnh các lực lượng Trung Âu của khối NATO, đồng thời là cố vấn quân sự của chính phủ Pháp. Người ta báo cho thống chế biết rằng: lời tiến cử của ông ta được chính phủ chấp nhận; tướng Na-va (Henri Navarre) về ngay Pa-ri để sang Đông Dương thay tướng Xa-lăng (Raoul Salan) cầm đầu quân viễn chinh.

Cuộc chiến tranh Đông Dương bước sang năm thứ tám và việc thay tướng lần này là lần thứ bảy. Tám năm, những viên tướng cự phách, đầy chiến công trong thế chiến 2, như cỡ Lơ-cle, Đờ-lát (Philippe Leclerc, Delattre de Tassigny)..., đã lần lượt phơi áo trên bán đảo này[1]. Xứ Đông Dương nhỏ bé và xa xôi chưa hề được Na-va quan tâm đến, mặc dù đó là nơi nóng bỏng nhất của các nước thuộc cái gọi là *Khối Liên hiệp Pháp*.

---

1. Sáu viên tướng cầm đầu quân viễn chinh trước Na-va là: Leclerc (1945-1946), Valluy (1946-1948). Blaizot (1948-1949), Carpentier (1949-1950), de Tassigny (1951), Salan (1952-1953).

Tiến cử Na-va nhưng thống chế Gioăng không hề hỏi ý kiến đương sự. Điều đó khiến Na-va có phần khó chịu, nhưng rồi nghĩ lại, ông ta lại tự hào vì được cấp trên tin cậy, "chọn mặt gửi vàng".

Chia tay với Gioăng, Na-va vội vã đi Pa-ri, với bao điều nghi vấn về những gì mà thống chế vừa cho biết: sự đánh giá lạc quan đối với cục diện chiến trường Đông Dương; khả năng viện trợ không hạn chế của người Mỹ; triển vọng của quân đội bản xứ (lính ngụy)... Na-va đặc biệt lưu ý sự đánh giá đối với tướng Xa-lăng, người "bị chê trách vì thiếu tư tưởng tiến công, chỉ co lại trong thế bị động phòng ngự".

Buổi chiều, đối diện với tướng Na-va là thủ tướng May-ê (René Mayer), vị thủ tướng thứ 18 của nước Pháp sau 8 năm chiến tranh Đông Dương. Trước khi đến điện Ma-ti-nhông để gặp May-ê, Na-va đã nói chuyện bằng điện thoại với thủ tướng. Về quan hệ cá nhân, hai người quen biết nhau từ hồi Na-va là tổng thư ký các lực lượng vũ trang Pháp trên đất Đức và May-ê làm cao ủy Pháp phụ trách các vấn đề Đức và Áo. Vì là chỗ thân quen nên Na-va được May-ê cho biết về sự cân nhắc của chính phủ. Một loạt người đã bị loại trừ khỏi danh sách đề cử, kể cả những người được coi là "thâm niên Đông Dương" như Va-luy, Moóc-lie (Valluy, Morlière). Đầu óc thực dân của họ quá lỗi thời so với tình hình thực tế hiện nay.

Cuộc nói chuyện đã kéo dài và Na-va vẫn ngỏ ý từ chối, viện lẽ "chưa chuẩn bị một tí gì để giữ trọng trách này". Thủ tướng thấy đã đến lúc phải dứt khoát:

- Chúng ta bị sa lầy trong vấn đề Đông Dương đã nhiều năm nay. Cuộc chiến Đông Dương đã làm đảo lộn đời sống chính trị của nước Pháp, làm kiệt quệ tiềm năng quân sự của nền đệ tứ cộng hòa, làm lung lay chế độ của chúng ta. Tướng quân phải giúp chính phủ tìm một lối thoát danh dự, vì lòng dân đã nản. Hy vọng tướng quân sẽ nhìn cuộc chiến bằng con mắt mới mẻ hơn, khách quan hơn, không bị lệ thuộc vào những định kiến sẵn có của nhiều vị tướng... thực dân. Họ chỉ lăm le phục hồi chủ quyền của Pháp, một việc đã lỗi thời...

Câu nói thân tình nhưng mang dấu ấn của một mệnh lệnh, mà đã là mệnh lệnh thì chỉ có chấp hành. Thủ tướng hạn cho Na-va một tháng phải báo cáo kế hoạch chiến lược của mình.

Rời điện Ma-ti-nhông, viên tướng mang trong đầu bao điều vương vấn: Lối thoát danh dự là cái gì? Thoát như thế nào? Liệu có thoát được không? Và nhất là phải làm gì để thoát? Tiêu diệt hết Việt Minh để trở lại thời kỳ hoàng kim như năm 1939 ư? Một việc không thể nào làm được! Trao trả độc lập cho người Đông Dương để rồi rút quân một cách cao thượng ư? Pa-ri đâu muốn thế! Nhường Đông Dương cho người Mỹ để tránh một thất bại quân sự lớn hơn mấy năm vừa qua ư? Đó chỉ là bước đường cùng.

Lưu lại Pa-ri chừng 10 ngày để tìm hiểu tình hình trước khi lên đường đi Viễn Đông, tướng Na-va được nghe đủ điều. Người này động viên, người kia khuyên can, mà mọi lời động viên hay khuyên can đều rất chân tình. Bạn bè nói thẳng với tổng chỉ huy mới rằng: Pa-ri

sẽ mặc cả với anh từng tiểu đoàn để rồi khoán trắng cho anh đương đầu với mọi rủi ro mà chiến trường đặt ra trước mặt anh. Chiến trường hiện nay có triển vọng gì cho cam. Cả Pa-ri, Sài Gòn và Hà Nội đều tập trung nỗ lực vào chiến trường sôi động nhất là Bắc Kỳ. Vậy mà sáu đời tổng chỉ huy dưới triều đại của mười tám vị thủ tướng, chỉ để lại một vùng đồng bằng "ruỗng nát". Chính nơi đây chôn chân tám vạn quân trong gần một ngàn đồn bốt, vậy mà một nửa tổng số làng xã đã thoát khỏi sự kiểm soát của quân Pháp. Còn chiến trường thượng du thì hầu như vắng bóng cờ ba sắc. Cả vùng Tây Bắc bao la chỉ còn trơ trọi hai vị trí Nà Sản và Lai Châu lọt thỏm giữa một vùng rừng núi trùng điệp. Quân đội bản xứ (ngụy Đông Dương) chưa đủ sức độc lập tác chiến (báo chí phương Tây gọi là chưa qua thời kỳ cai sữa), trong khi chính quyền Bảo Đại ỷ vào Mỹ để làm mình làm mẩy với Pháp, còn phái đoàn viện trợ Mỹ M.A.A.G ngày càng can thiệp sâu vào nội tình Đông Dương.

Cũng không ít lời động viên khiến tướng Na-va xuôi tai. Họ lập luận: Đối thủ của anh là ai? Là những người lính súng trường, chân đất, máy bay không, xe tăng cũng không. Họ chưa hề công khai đối mặt với quân đội Pháp trong một trận đánh bài bản của chiến tranh quy ước, mà chỉ dựa vào rừng núi, vào màn đêm để đánh những đòn bất ngờ. Pháo binh của họ chỉ là mấy khẩu pháo tép 75 mi-li-mét cổ lỗ sĩ từ hồi Nhật, cơ động bằng đôi vai và bắp chân người lính. Tại sao anh không thấy thực tế là phòng tuyến boong-ke của Đờ-lát còn nguyên;

các tập đoàn cứ điểm Nà Sản và Cánh Đồng Chum vẫn là bất khả xâm phạm? Tại sao không thấy quân Pháp vẫn làm chủ các thành phố và các trục giao thông chiến lược, làm chủ bầu trời và mặt biển?

Anh đã từng làm tham mưu trưởng lục quân khu vực Trung Âu của khối NATO. Anh có cái thế mạnh như Đờ-lát, đó là sự quen biết người Mỹ, điều kiện thuận lợi để anh tranh thủ viện trợ của Hoa Kỳ, đồng thời hạn chế sự can thiệp của họ vào quan hệ giữa Pháp với người bản xứ...

Na-va nghe bằng cả hai tai, tiếp thu một mớ chuyện buồn vui lẫn lộn. Và đêm 18 tháng 5 ông ta rời Pa-ri sang Đông Dương cùng với viên trung úy Pu-giê (Jean Pouget), vừa được chọn làm thư ký riêng cho tổng chỉ huy mới. Chuyến đi Viễn Đông này là một điều bất ngờ và cũng đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời binh nghiệp của cả hai người. Cuộc hành trình gần hai ngày đêm trên máy bay là một dịp để thầy trò tâm sự "trước khi cùng nhau lao vào cuộc phiêu lưu mới".

Không bao giờ Na-va nghĩ rằng có một ngày nào đó ông ta lại sang cái xứ Đông Dương xa xôi này. Tốt nghiệp học viện quân sự Xanh Xia, tham gia nhiều chiến dịch ở châu Phi, ở Pháp và Đức, với các loại công tác khác nhau, nhất là công tác tham mưu - tình báo, Na-va yên trí rằng với cái tuổi 55, với quân hàm cấp tướng 4 sao, với chức vị cao trong khối NATO..., những năm cuối của cuộc đời binh nghiệp sẽ gắn ông ta với chiến trường Đức và châu Âu. Vậy mà... số phận cũng lắm chuyện bất ngờ.

Thống chế Gioăng vừa sang thị sát tình hình Đông Dương. Cục diện chiến trường có vẻ khẩn trương. Chẳng thế mà hôm tướng Na-va đến chào để lên đường, bằng phong cách riêng của mình, thống chế đã nói thẳng thừng:

- Rõ ràng đây là một cú... gay go đối với tướng quân đấy! Nhưng dù sao thì cũng phải có một người dám hy sinh!

Câu nói cứ văng vẳng bên tai tướng Na-va trong suốt cuộc hành trình.

Có điều mà viên tổng chỉ huy mới không hề biết là, mấy tuần qua, khi có tin Na-va sắp sang nhậm chức, trong giới tướng lĩnh Pháp ở Sài Gòn và Hà Nội, đã có không ít lời bàn tán về "tân quan". Những người thuộc ê-kíp Đờ-lát thường lấy người chủ cũ của họ ra làm tiêu chuẩn so sánh, để rồi đi đến kết luận rằng Na-va thua Đờ-lát về mọi mặt: tuổi quân, tuổi đời, quân hàm, bản lĩnh chỉ huy, tóm lại là độ dày binh nghiệp. Cũng không ít người bênh vực viên tổng chỉ huy mới. Người ta lập luận rằng: từ một đại úy tình báo năm 1942, chỉ 10 năm sau Na-va đã leo lên đến cấp tướng 4 sao, nay lại được thống chế Gioăng tiến cử sang đứng mũi chịu sào trên mảnh đất nóng bỏng này, ắt hẳn Na-va phải có tầm nhìn chiến lược sắc sảo, có khả năng làm chuyển biến cục diện chiến tranh...

Cuối cùng, mọi người như thỏa thuận ngầm với nhau: hãy chờ đợi. Thời gian và thực tế chiến trường là thước đo bản lĩnh của từng viên tướng.

Sau cuộc đón tiếp đúng nghi thức nhà binh diễn ra ở sân bay Tân Sơn Nhất, sáng 21 tháng 5, tân tổng chỉ

huy chính thức ra mắt bá quan tại dinh cao ủy, với sự hiện diện của Lơ-tuốc-nô (Letourneau, phụ trách Bộ Các quốc gia liên kết) khi đó cũng có mặt ở Sài Gòn. Trong số các võ quan cao cấp đến dự cùng với tổng chỉ huy Xa-lăng, tổng tham mưu trưởng A-la (Allard)... thuộc ê-kíp Đờ-lát trước đây, Na-va quen thân với Đờ Li-na-rét (De Linarès, chỉ huy quân Pháp ở Bắc Bộ). Là bạn thân của Na-va và quen thói "cậu cậu - tớ tớ", chờ lúc thuận tiện, Li-na-rét kéo Na-va ra một chỗ, hỏi nhỏ:

- Này Hăng-ri, sao đang yên vị ở Phông-ten-blô, cậu lại mò sang cái xứ sở chết tiệt này? Chỉ trong vòng một vài năm, cái mảnh đất này sẽ làm cho người ta bạc nhược về tinh thần và rã rời về thể xác!

Na-va được dịp nhắc lại những điều mà ông ta đã thổ lộ với nhiều người, kể cả với viên thư ký riêng hôm cùng ngồi trên máy bay. Những ý kiến vừa như khiêm tốn nhưng lại hàm ý đề cao cương vị mới của mình một cách tinh vi:

- Ông thủ tướng May-ê tuy rất thân quen nhưng cũng đã nghiêm nét mặt nói với mình: Liệu một quân nhân có nên và có thể từ chối một nhiệm vụ nguy hiểm mà cấp trên giao phó? Còn thống chế (ý nói Gioăng) thì kêu gọi mình "hãy hy sinh"... Cậu xem, ở địa vị tổng chỉ huy, tớ làm sao có thể từ chối khi mà các bộ trưởng, thống chế, thủ tướng và cả tổng thống đều nài ép mình nhận?

Tướng Na-va không tỏ vẻ nuối tiếc khi được biết cả ê-kíp của Đờ-lát trước đây đều sẽ rời Đông Dương, theo Xa-lăng về Pháp, tân tổng chỉ huy đã chuẩn bị sẵn bộ

máy mới của mình, một bộ máy có thể giúp ông ta "chơi một ván bài toàn hồng", với Găm-biê (Gambiez) làm tổng tham mưu trưởng, Lô-danh (Lauzin) làm tư lệnh không quân... Đờ Li-na-rét đã nói thẳng thừng với Na-va khi biết tân tổng chỉ huy chọn Cô-nhi (Cogny) thay mình làm chỉ huy miền Bắc:

- Bắc Kỳ có hơn 12 vạn quân, chính xác là 125.000. Cô-nhi mới là thiếu tướng, lại còn quá trẻ. Đó là hai điều cần quan tâm. Nhưng lý do chính khiến tớ khuyên cậu đừng chọn Cô-nhi vì đó là một thằng cha rất tồi.

Ý kiến Xa-lăng thế nào? Vài ngày sau viên tướng này đã nói với người thay thế mình:

- Cô-nhi hoạt bát, thông minh, nhưng có tham vọng không lường được là muốn trở thành nhân vật số 1 ở đất Bắc Kỳ. Ông ta thiếu tinh thần chấp hành mệnh lệnh lại thường gây nhiều chuyện lủng củng khiến tổng chỉ huy phải đứng ra dàn xếp... Tướng quân có thể sử dụng ông ta, nhưng phải quản lý chặt...

Mọi bông hồng đều mang theo những cái gai sắc nhọn, mọi tấm huân chương đều có mặt trái của nó. Tướng Na-va nghĩ vậy. Và Cô-nhi vẫn được tổng chỉ huy đặt vào ngồi ghế tư lệnh miền Bắc. Nhậm chức ngày 25 tháng 5, viên tướng to xác (được gọi là con gà trống tốt mã) này đã nói thẳng ra rằng ông ta tự nguyện ở lại Đông Dương và "sự tự nguyện đó ắt phải được trả giá xứng đáng". Chính hôm đó, từ phòng làm việc của tổng chỉ huy mới, một bức điện được thảo và gửi về Pa-ri, đề nghị thăng quân hàm trung tướng (ba sao) cho Cô-nhi. Tướng Na-va không hề nghĩ rằng mình đã dễ dàng bỏ

ngoài tai lời khuyên của Xa-lăng. Ông ta cũng không ngờ rằng "sự trả giá xứng đáng" đã tạo điều kiện cho "con gà trống tốt mã" Cô-nhi gây nên mọi sự rắc rối trong quan hệ cá nhân giữa các tướng lĩnh hàng đầu, khiến cho ông ta - tổng chỉ huy Na-va, phải đối phó suốt một năm chèo chống trên mảnh đất Đông Dương nóng bỏng này.

5
SỰ RA ĐỜI CỦA KẾ HOẠCH NA-VA

Khách quan mà xét, tướng Na-va nhận chức tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương trong những điều kiện hết sức bất lợi.

Cuộc chiến tranh đã bước sang năm thứ 8. Trong 8 năm đó, 17 nội các đã thay nhau lập lên đổ xuống liên tiếp ở Pa-ri. Tính trung bình (từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 1 năm 1954) cứ 5 tháng nước Pháp lại trải qua một lần khủng hoảng nội các[1]. Một điều có thể khẳng định: nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp của nội tình chính trị rối ren kéo dài của nước Pháp là do Pa-ri ngoan cố tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Đến năm 1952, mỗi ngày chiến trường Đông Dương ngốn mất của nước Pháp một tỷ phrăng, con số quá lớn so với nền tài chính còm cõi của Pa-ri. Nạn thuế khóa ngày càng đè nặng lên vai người dân lao động Pháp[2]. Phong trào đấu tranh chống lại cuộc chiến tranh

1. Chính Rơ-nê May-ê, thủ tướng thứ 18 và là người trao nhiệm vụ cho tướng Na-va ngày 7 tháng 5 năm 1953 cũng phải từ chức sau đó hai tuần. Nội các của ông ta chỉ đứng được trong vòng 5 tuần.

2. 1947: 623 tỷ phrăng; 1950: 1.762 tỷ phrăng; 1954: 2.663 tỷ phrăng.

xâm lược bẩn thỉu ở Đông Dương ngày càng mở rộng trong nhân dân Pháp. Một hình thức đấu tranh mới đã xuất hiện và phát triển, đó là phá hoại các trang bị ngay trong quá trình vận chuyển từ Pháp hay Mỹ sang Đông Dương. Theo báo cáo của Ủy ban điều tra do Quốc hội cử ra, trong năm 1952, số trang bị kỹ thuật bị phá hoại lên tới 40%.

Trong khi đó, quan hệ Pháp - Mỹ ngày càng xấu đi. Như sau này tài liệu Lầu năm góc thú nhận, vì buộc lòng "nằm chung một giường với người Pháp" nên Mỹ đã gánh chịu trên 3/4 chiến phí của Pháp ở Đông Dương với hy vọng ép Pháp không bỏ cuộc. Thế nhưng, về phía Pháp, khi giao nhiệm vụ cho viên tổng chỉ huy mới, thủ tướng May-ê lại chỉ yêu cầu tướng Na-va "giúp chính phủ tìm một lối thoát danh dự". Sau nhiều năm chung lưng đấu cật theo đuổi cuộc chiến tranh, đến đây sự rạn nứt giữa hai ông bạn đồng minh ngày càng tăng, làm nổi bật mâu thuẫn nội bộ mối liên minh "đồng sàng dị mộng" và tính vô hiệu quả của công thức súng Mỹ + máu Pháp.

Nhiệm vụ của viên tổng chỉ huy mới thật nặng nề.

Lần đầu tiên đặt chân lên mảnh đất xa lạ này, tướng Na-va đã được chứng minh một thực tế: cục diện chiến trường của phía Pháp quả là một đường hầm không lối thoát. Hơn 40 vạn quân bị phân tán nghiêm trọng. Lực lượng cơ động chỉ còn khoảng 11% tổng số binh lực (25/226 tiểu đoàn). Chỉ nói riêng trên chiến trường chính Bắc Bộ, nơi đụng đầu chủ yếu giữa hai khối chủ lực, tình hình càng thật đáng lo ngại. Trên chiến trường

rừng núi Tây Bắc Việt Nam, quân Pháp chỉ còn đứng chân trên hai điểm trơ trọi là Lai Châu và Nà Sản. Trong vùng châu thổ sông Hồng thì các vị trí của Pháp và các khu du kích của đối phương xen kẽ nhau chằng chịt, đến nỗi nhìn vào bản đồ hình thái chiến lược, Na-va phải thốt lên: "Đúng là tấm bản đồ bệnh sởi". Mặc dù bộ chỉ huy Pháp đã phải giam chân chừng 80.000 quân trong gần 1.000 đồn bốt và liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét quy mô lớn, dài ngày, phía Pháp vẫn không sao tẩy được những "chấm đỏ" trên bản đồ chiến sự vùng châu thổ sông Hồng. Báo chí Sài Gòn đã công khai thừa nhận rằng: trong tổng số 5.000 làng ở vùng gọi là "đồng bằng có ích", chỉ có 1.442 làng được coi là "có an ninh" (chủ yếu là ban ngày), 1.343 làng được coi là "tạm yên", còn 1.885 làng (40%) được xem như "mất liên lạc". Chẳng thế mà một ký giả phương Tây (Bernard Fall) đã khéo phác ra một hình ảnh: Cứ mỗi khi màn đêm bắt đầu buông xuống, các cấp chỉ huy Pháp đều có chung một cảm giác là quyền làm chủ vùng đồng bằng sông Hồng đã chuyển sang tay Việt Minh.

Đó là thực tế chiến trường khi Na-va đến, Xa-lăng đi. Thật là một di sản cay đắng mà viên tổng chỉ huy thứ 7 phải tiếp nhận trong cuộc bàn giao cuối tháng 5 năm 1953.

Nhưng Pa-ri tin vào đôi tay chèo chống của viên tổng chỉ huy mới, viên tướng đã được giới sĩ quan cao cấp Pháp cũng như cá nhân thống chế Gioăng - người tiến cử Na-va - đánh giá là có nhãn quan chiến lược rộng, là không biết lùi bước trước khó khăn. Na-va cũng rất tự tin. Và chính với lòng tin đó của ông ta mà một kế hoạch

chiến lược 18 tháng mang tên *Kế hoạch Na-va* đã ra đời và được Hội đồng quốc phòng Pháp thông qua ngày 24 tháng 7. Với kế hoạch đó, viên tổng chỉ huy mới hy vọng có thể tìm ra "lối thoát danh dự". Thoát như thế nào, thực ra còn là một ẩn số, nhưng rõ ràng là không thoát không được. Tám năm thất bại quân sự dẫn đến kiệt quệ về kinh tế, khủng hoảng về chính trị triền miên. Là một viên tướng, lối thoát là trên chiến trường, là "chuyển bại thành thắng" bằng tư tưởng chỉ đạo do chính Na-va đã vạch ra: "Tiến công, chủ động tiến công". Thế là viên tổng chỉ huy "bắt tay vào việc với một sự hăm hở khác thường" như nhận xét của dư luận. Tình thế không cho phép chần chừ, do dự. Pa-ri đang nóng lòng chờ đợi tin chiến thắng.

Chính với tinh thần "hăm hở" đó mà chỉ sau một thời gian ngắn sang Đông Dương[1], Na-va đã cho ra đời một bản kế hoạch quy mô lớn. Nhiều ký giả và sử gia đã lấy sự kiện này làm thước đo nhãn quan chiến lược của viên tổng chỉ huy mới. Thực ra thì còn khá nhiều chi tiết quan hệ tới việc xây dựng bản kế hoạch chiến lược và số phận của nó. Trước khi Na-va được bổ nhiệm, từ tháng 3 năm 1953, theo chỉ thị của Pa-ri, tổng chỉ huy Xa-lăng đã từng xây dựng một chương trình hành động trong vòng 30 tháng (4-1953 - 9-1955) và đã trình lên thủ tướng. Chương trình bao gồm 3 điểm, cả về xây dựng lực lượng và tác chiến chiến lược: 1) Đến năm 1955, hoàn

1. Có mặt ở Sài Gòn ngày 19 tháng 5 năm 1953, nhận bàn giao ngày 25 tháng 5, hoàn thành xây dựng bản kế hoạch chiến lược ngày 2 tháng 7 năm 1953.

thành việc xây dựng 135 tiểu đoàn khinh quân ngụy; 2) Bình định xong vùng tạm chiếm trong năm 1954; 3) Từ năm 1955 bắt đầu thời kỳ tổng phản công. Trong vòng 9 tháng giành lại các vùng chiến lược quan trọng, trong đó có vùng bắc Khu 4, vùng đồng bằng Khu 5 do đối phương kiểm soát. Tóm lại, đó là một chương trình có quy mô lớn hơn so với dự kiến trước đây của Đờ-lát.

Trong cuộc họp nhận bàn giao của Xa-lăng, nếu Na-va hết lời than phiền về cục diện chiến trường đã trở nên quá bi đát thì ngược lại, viên tổng chỉ huy mới lại tìm thấy ở chương trình hành động của Xa-lăng những nét đáng được tham khảo để lần ra "lối thoát danh dự" theo chỉ thị của Pa-ri. Điều đó càng trở nên cần thiết khi cả ê-kíp của Đờ-lát đều ra đi cùng một lúc với Xa-lăng[1]. Viên tổng chỉ huy mới cảm thấy việc xây dựng kế hoạch chiến lược là một việc "mới mẻ khác thường" đối với mình, khi vừa chân ướt chân ráo đến một chiến trường xa lạ. Gạt bỏ thói kiêu kỳ vốn có, Na-va đã cải biên chương trình hành động 30 tháng của Xa-lăng thành kế hoạch chiến lược 18 đến 20 tháng (8-1953 - 3-1955). Thời gian cần rút ngắn hơn là điều dễ hiểu. Tình thế cấp bách cả về quân sự và chính trị, cả ở Đông Dương và bên "chính quốc" đòi hỏi phải sớm tìm ra lối thoát. Bản kế hoạch chiến lược đã lọt mắt xanh của các tham mưu trưởng các quân chủng và tiếp đó, được chính thức thông qua. Tác giả dự kiến bản kế hoạch sẽ được thực hiện làm hai bước:

1. Như các tướng A-la, Đờ Li-na-rét, Sát-xanh... những người có kinh nghiệm, rất cần thiết với tổng chỉ huy mới.

Bước một: Trong mùa khô 1953-1954, ngăn chặn đối phương, nhưng tránh sự thử thách bằng sức mạnh với chủ lực của họ, giữ thế phòng ngự ở bắc vĩ tuyến 18[1]; thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam (bình định miền Trung và miền Nam Đông Dương, đồng thời đánh chiếm các vùng kiểm soát của Việt Minh ở bắc Khu 4, đồng bằng Khu 5 và Khu 9).

Bước hai: Trong mùa khô 1954 - 1955, chuyển sang tiến công chiến lược trên chiến trường miền Bắc, tìm kiếm cuộc tổng giao chiến, giáng cho đối phương những đòn đủ sức buộc họ phải đến bàn thương lượng.

Để có đủ lực lượng cần thiết thực hiện kế hoạch trên đây, Na-va chủ trương phát triển lực lượng với quy mô lớn chưa từng thấy:

+ Mở rộng quân đội các quốc gia liên kết (quân ngụy Đông Dương) đưa lực lượng này từ 17 lên 28 vạn. Phần lớn số này được xây dựng thành 122 tiểu đoàn khinh quân[2] để thay thế quân Âu Phi và một phần chủ lực bản xứ (được rút khỏi các địa phương và đôn lên làm lực lượng cơ động). Đối tượng tác chiến của các tiểu đoàn khinh quân này là bộ đội địa phương tỉnh và huyện của Việt Minh.

+ Xây dựng hoàn chỉnh lực lượng tổng dự bị chiến lược, gồm 6 sư đoàn lục quân và 1 sư đoàn quân dù, tổng cộng là 27 binh đoàn cơ động (G.M), trong đó có 3 G.M bản xứ. Đối tượng tác chiến của các sư đoàn này là các đại đoàn chủ lực của đối phương.

---

1. Tập trung lực lượng bảo vệ vùng châu thổ sông Hồng, giam chân chủ lực đối phương ở "tuyến cấm" Thà Khẹt - Đèo Ngang.

2. Việt Nam: 108 tiểu đoàn; Lào: 7 và Cam-pu-chia 7 tiểu đoàn.

+ Phát triển lực lượng biệt kích hỗn hợp không vận (G.M.A) với nhiệm vụ chủ yếu là quấy rối, phá hoại hậu phương kháng chiến và làm các nhiệm vụ đặc biệt mà các lực lượng thông thường không thể hoàn thành được.

So với các kế hoạch chiến lược trước đó (của Rơ-ve, Đờ-lát hay Xa-lăng) thì kế hoạch Na-va có những bước phát triển mới:

Về tác chiến: Bản kế hoạch chứa đựng tham vọng lớn, không những chỉ trên chiến trường Bắc Bộ mà toàn Đông Dương; không những chỉ nhằm bảo vệ vùng tạm chiếm mà còn nhằm đánh chiếm vùng tự do rộng lớn của ta; không những chỉ nhằm giành lại quyền chủ động chiến lược trong một thời gian ngắn mà còn nhằm đạt được những thắng lợi quân sự có ý nghĩa chiến lược quyết định để đàm phán với ta trên thế mạnh.

Về xây dựng lực lượng, chủ yếu vẫn dựa vào chính sách cũ "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh - dùng người Việt đánh người Việt" và dựa vào viện trợ ngày càng tăng của đế quốc Mỹ. Điểm mới là ở chỗ kế hoạch này được thực hiện với quy mô lớn hơn, với những thủ đoạn xảo quyệt hơn (riêng khối cơ động chiến lược, quy mô xây dựng của Na-va lớn gấp 4 lần so với thời kỳ Đờ-lát).

Tuy nhiên, ngay khi hình thành cũng như trong các bước triển khai thực hiện, kế hoạch Na-va cho thấy bản thân nó vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn có tính quy luật của chiến tranh xâm lược mà các viên tổng chỉ huy trước đều tỏ ra bất lực không thoát ra nổi. Đó là mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung binh lực, giữa phòng ngự và tiến công chiến lược, giữa bảo vệ chiến trường đồng bằng và chiếm đóng chiến trường rừng núi, giữa

khả năng và kết quả xây dựng lực lượng với yêu cầu tác chiến v.v... Cụ thể là:

+ Na-va hy vọng được thỏa mãn về yêu cầu tăng viện (12 sư đoàn). Nhưng trong thế yếu lực suy sau 8 năm chiến tranh, nước Pháp làm sao bảo đảm được lời hứa đó! Quyết định của Hội đồng quốc phòng (13-11-1953) từ chối mọi đòi hỏi tăng viện (dù chỉ 9 tiểu đoàn) và chỉ thị cho Na-va phải "sửa lại kế hoạch chiến lược cho phù hợp với các phương tiện được cung cấp" đã chứng minh điều đó.

+ Na-va chủ trương phát triển quân đội tay sai với quy mô lớn hòng giải quyết vấn đề khủng hoảng quân số. Nhưng một thực tế đã từng diễn ra 8 năm qua, đến lúc đó lại lặp lại: số lượng quân ngụy càng tăng thì chất lượng chiến đấu của quân Pháp và ngụy càng giảm.

+ Na-va kiên quyết tập trung quân để xây dựng khối cơ động chiến lược mạnh. Nhưng muốn thế phải buộc lòng rút quân khỏi hàng loạt vị trí (kể cả Nà Sản), một việc làm trái ngược với mục đích và yêu cầu chiếm đất của cuộc chiến tranh xâm lược.

+ Na-va đặt nhiều hy vọng vào viện trợ Mỹ. Nhưng trên thực tế, viện trợ vào càng nhiều thì sự can thiệp của Oa-sinh-tơn vào cuộc chiến tranh Đông Dương càng sâu. Viên tổng chỉ huy Pháp đã phải cay đắng thừa nhận rằng hoạt động của phái đoàn M.A.A.G thể hiện rõ âm mưu của Mỹ là muốn biến quân viễn chinh Pháp thành "một đội quân đánh thuê tầm thường".

Đó là về xây dựng lực lượng. Còn về tác chiến thì:

+ Na-va muốn lập "tuyến cấm" ở bắc vĩ tuyến 18 để ngăn chặn chủ lực đối phương tiến xuống phía nam và để quân Pháp rảnh tay thực hành "tiến công chiến lược" ở miền Nam. Nhưng Na-va đã không đánh giá đúng bước tiến bộ về sức mạnh chiến đấu của chủ lực ta, cả về khả năng cơ động trên nhiều hướng chiến lược, khả năng đánh lớn - đánh công sự vững chắc cũng như đánh vận động. Na-va cũng không đánh giá đúng khả năng hạn chế của "tuyến cấm" đó. Thực ra đó chỉ là "tuyến cấm" trên bản đồ, vì quân Pháp làm sao chặn được bước chân của đối phương trên một chiến trường rừng núi kéo dài từ Thà Khẹt, qua Đèo Mụ Giạ đến tây Đèo Ngang?

+ Na-va muốn tránh tổng giao chiến với chủ lực đối phương trên chiến trường Bắc Bộ trong mùa khô 1953-1954. Nhưng Bắc Bộ lại chính là nơi tập trung hầu như toàn bộ lực lượng cơ động chiến lược của ta, nơi có một quả đấm chiến lược đã từng giữ vững thế chủ động chiến lược trong nhiều năm, chủ động cả về hướng chiến lược, thời gian và quy mô tiến công.

+ Na-va muốn đánh chiếm vùng tự do của đối phương, nhưng thực tế cho thấy: muốn đạt được mục tiêu chiến lược đó, phía Pháp phải huy động một lực lượng rất lớn[1]. Điều đó trái ngược với ý đồ tập trung khối cơ động chiến lược đang trong quá trình xây dựng chuẩn bị cho mùa khô năm sau.

---

1. Cuộc hành binh Camargue "giải tỏa con đường không vui, thu hút 30 tiểu đoàn các loại. Đợt 1 của chiến dịch *Alante* (cuộc hành binh *Arétuse)* tiến công vùng tự do Khu 5 cũng thu hút một lực lượng tương đương 30 tiểu đoàn.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch cũng như điều hành thực hiện kế hoạch chiến lược của mình, tướng Na-va đã không lường hết hoặc không đánh giá đúng bản chất của tất cả những điều trên đây. Điều đó giải thích một phần vì sao chỉ mới qua 10 tháng triển khai kế hoạch (7-1953 - 5-1954), Na-va đã đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, những bất ngờ khiến 25 năm sau[1], Na-va vẫn chưa giải thích được đầy đủ và chính xác nguyên nhân chính dẫn đến thất bại của phía Pháp là gì.

---

1. Xem bài của Na-va đăng trên báo *Figaro* ngày 7 tháng 5 năm 1979, giải thích vì sao Pháp thất bại ở Đông Dương.

6
DƯỚI CHIẾC Ô CỦA CHÚ SAM

Ngay từ khi sang nhận chức ở Đông Dương, Na-va đã đánh hơi thấy hình như ở Pa-ri, người ta không còn quan tâm nhiều đến cuộc chiến tranh Đông Dương. Người ta chỉ mong sao cho quân viễn chinh không bị dồn vào tình thế nguy ngập. Thế nhưng, tướng Na-va lại không muốn như vậy. Sang Đông Dương "với danh nghĩa là một nhà chiến lược tuyệt vời"[1], Na-va muốn làm nên "một cái gì", và để đạt được "cái gì" đó, không thể không trông cậy vào bàn tay hào hiệp của chú Sam. Việc thảo luận kế hoạch chiến lược hồi tháng 7 đã chứng minh: nước Pháp đã quá kiệt sức, việc tăng cường viện trợ của Mỹ đã trở thành yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định để kế hoạch Na-va có thể trở thành hiện thực.

Từ mùa hè năm 1953, báo chí Pa-ri đã từng vạch trần tính chất phụ thuộc vào Mỹ của giới cầm quyền Pháp trong việc thực hiện kế hoạch Na-va. Thủ tướng La-ni-en đã công khai tuyên bố trước quốc hội rằng kế

1. James Fox, tác giả bài *"Ông Giáp, người chiến thắng ở Điện Biên Phủ"*, tạp chí The Sunday Times Magazine số 5-11 và 12-11-1972.

hoạch Na-va không những được chính phủ Pháp tán thành mà còn được chính phủ Mỹ hoan nghênh. Kế hoạch đó cho phép Pa-ri "hy vọng đủ mọi điều" trước hết là hy vọng Mỹ tăng cường viện trợ.

Về phía Hoa Kỳ, từ khi cuộc chiến tranh Đông Dương bước sang năm thứ 8, khi giới cầm quyền ở Pa-ri công khai thú nhận rằng Pháp không thể giành được thắng lợi về quân sự thì điều lo ngại lớn đối với Oa-sinh-tơn là Pháp thua trận hoặc bỏ cuộc. Trong cuộc họp với một số nghị sĩ quốc hội tháng 7 năm 1953 ở Oa-sinh-tơn, bộ trưởng ngoại giao Đa-lét (Foster Dulles) khẳng định "sức kháng cự của Pháp tan rã sẽ là mối đe dọa đối với quyền lợi trọng yếu của Mỹ ở Tây Thái Bình Dương". Một tháng sau, khi hiệp nghị Bàn Môn Điếm chặn đứng quân Mỹ và chư hầu ở vĩ tuyến 38, trong một báo cáo tại quốc hội, tổng thống Ai-xen-hao (Dwight Eisenhower) nhận xét rằng nếu không có sự giúp đỡ của nước ngoài (tức là Mỹ) thì Pháp không đủ sức "giữ những điều cam kết" cả ở châu Âu và châu Á... Nước Pháp đã phải chịu những thiệt hại nặng nề về sĩ quan và binh lính, phải tiêu phí mỗi năm hơn một tỷ đô-la để theo đuổi cuộc chiến tranh gay go, khó khăn. Họ không thể đảm đương được toàn bộ chiến phí và đã làm ảnh hưởng đến sự đóng góp vào những nỗ lực quân sự ở châu Âu... Nhắc lại thuyết đô-mi-nô, tổng thống Mỹ dự đoán Miến Điện, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a sẽ bị uy hiếp nếu cộng sản thắng ở Đông Dương. Theo quan điểm của Ai-xen-hao, viện trợ kinh tế và quân sự

của Mỹ cho các lực lượng chống cộng ở Đông Dương là *cách rẻ nhất* để tránh mối đe dọa nghiêm trọng nền an ninh Mỹ(!). Phụ họa với tổng thống, thượng nghị sĩ Men-xphin (Mike Mansfied) cũng cho rằng viện trợ mà Hoa Kỳ bằng lòng gánh chịu ở Đông Dương là nhằm phục vụ công cuộc phòng thủ riêng của Mỹ cũng như cho cuộc phòng thủ chung của "thế giới tự do".

Từ cuối năm 1953, vấn đề can thiệp vào Động Dương đã được Nhà trắng đặt lên hàng đầu.

Kết quả tất yếu là viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp ở Đông Dương đã tăng vọt từ 285 tỷ phrăng năm 1953 (tức 43% chiến phí của Pháp) lên 555 tỷ phrăng năm 1954 (tức 73% chiến phí của Pháp, mức cao nhất của viện trợ Mỹ cho Pháp ở Đông Dương)[1].

Viện trợ Mỹ đổ vào càng nhiều thì yêu sách của Mỹ càng tăng và mâu thuẫn quyền lợi giữa Pháp và Mỹ càng sâu sắc.

Về chính trị, Mỹ giật dây các "chính phủ quốc gia" đòi Pháp trao trả "độc lập hoàn toàn" về nội trị và ngoại giao; tập hợp bọn tay sai thân Mỹ để vận động lật đổ chính quyền thân Pháp; đòi Pháp để các chính

---

1. Theo tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ, tỷ lệ đó lên tới 78%.

Nếu trong cả ba năm 1950-1952, Mỹ chỉ đưa vào Đông Dương 228 máy bay và một số trang bị khác thì trong hai năm 1953-1954, viện trợ của Mỹ lên tới 285 máy bay các loại, 60 tàu xuồng, 100 xe tăng và thiết giáp, 7.000 xe vận tải. Nhịp độ viện trợ tăng lên rất nhanh: năm 1952 từ 8.000 đến 17.000 tấn/ tháng; năm 1953 từ 20.000 đến 25.000 tấn/tháng; năm 1954, có tháng lên tới 40.000 tấn (4-1954) thậm chí 80.000 tấn (6-1954), tức là gấp mười lần so với tháng ít nhất trong năm 1952, gấp 4 lần so với tháng ít nhất trong năm 1953.

phủ tay sai tham gia liên minh với các chính phủ thân Mỹ ở Đông Nam Á... Về kinh tế, Mỹ ép Pháp để các công ty độc quyền Mỹ vơ vét nhiều nguyên liệu chiến lược[1]. Riêng về quân sự, Mỹ đưa tướng Ô Đa-ni-en (ODaniel) sang trực tiếp cùng Pháp điều hành cuộc chiến tranh; đòi viện trợ trực tiếp cho các chính phủ quốc gia; đòi đưa sĩ quan Mỹ vào huấn luyện quân đội các quốc gia liên kết; đòi cho sĩ quan bản xứ trực tiếp chỉ huy quân đội ngụy...

Cao ủy Đờ-giăng và tổng chỉ huy Na-va cũng có phản ứng trước những yêu sách của Mỹ, nhưng đó chỉ là sự phản ứng yếu ớt của những người đại diện cho một nước Pháp yếu thế và phụ thuộc. Chính tướng Na-va đã phát hiện mâu thuẫn của phía Pháp trong mối quan hệ với Mỹ: một mặt chủ trương ngăn cản Mỹ tham dự vào việc chỉ đạo chiến tranh và can thiệp vào mối quan hệ giữa Pháp với các quốc gia liên kết, nhưng mặt khác lại cầu xin Mỹ giúp đỡ, "một sự giúp đỡ tất nhiên làm cho họ (Mỹ) có quyền theo dõi công việc của chúng ta (Pháp)... Ô Đa-ni-en đã tìm hiểu các kế hoạch của chúng ta và buộc chúng ta làm theo ý muốn của Mỹ trên mọi lĩnh vực kể cả lĩnh vực quân sự... Tôi (Na-va) ngày càng nhận thấy rằng người chỉ huy thật sự ở Đông Dương là phái đoàn Mỹ... Nếu chúng ta không phản ứng lại thì dần dần chúng ta sẽ tụt xuống địa vị *những tên lính đánh thuê tầm thường...*".

---

1. Trong hai năm 1953-1954, số vốn của Mỹ đã chiếm 65% tổng số vốn của hãng Michelin của Pháp ở Đông Dương; buộc Pháp phải bán 74.122 tấn cao su, 500.000 tấn than đá, gấp đôi số than và cao su mà tư bản Pháp thu được về chính quốc.

Qua các phái đoàn kiểm tra của chính phủ, qua những bức thư than phiền của Na-va, Pa-ri không phải là không biết tất cả những sự thật phũ phàng đó. Nhưng vấn đề cấp thiết đối với Pháp là phải có đô-la và vũ khí để tiến tới một ưu thế quân sự, để tìm ra một lối thoát danh dự. Bởi vậy, chính phủ Pháp đã không quên nhắc cho tổng chỉ huy Na-va biết một thực tế là, do khó khăn nên chính phủ dự kiến ngân sách quân sự năm 1954 cho Đông Dương sẽ giảm từ 320 tỷ phrăng xuống 136 tỷ phrăng và viện trợ Mỹ sẽ bù vào chỗ thiếu hụt đó. Pa-ri không có cách gì khác hơn là khuyên Na-va hãy tỏ ra biết điều trước túi tiền và kho súng của Mỹ, hãy cố ngậm bồ hòn làm ngọt để "giữ quan hệ cá nhân tốt" với Ô Đa-ni-en, người đại diện của nước bạn Hoa Kỳ.

Về phía Mỹ, vào cuối năm 1953, khi thất bại của quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã trở nên rõ rệt, chủ tịch hội đồng tham mưu liên quân Mỹ Rát-pho đã đề nghị tổng thống kiêm tổng tư lệnh quân đội Hoa Kỳ cho chuẩn bị lực lượng để sẵn sàng can thiệp vào Đông Dương nếu Pháp thua trận. Theo Rát-pho, lực lượng tham gia cần khoảng một triệu quân và chỉ rút quân khỏi bán đảo này sau... ba mươi năm, vì phải xây dựng cho được một quân đội bản xứ mạnh để thay thế quân Mỹ sau khi... chiến thắng(!). Kế hoạch mạo hiểm đó không lọt tai các nhân vật cầm đầu Nhà trắng và Lầu năm góc nên đã lập tức bị bác bỏ. Tuy vậy, trước sự phản ứng của Pháp về sự can thiệp ngày càng trắng trợn của phái đoàn Ô Đa-ni-en và đánh hơi thấy

bầu không khí chiến bại đã bao trùm giới cầm quyền ở Pa-ri, bộ quốc phòng Mỹ chỉ thị cho phái đoàn M.A.A.G một mặt phải khẩn trương tăng cường viện trợ, mặt khác hãy dừng lại ở chức năng tiếp tế, cụ thể là phải nới tay, không nên gây sức ép dồn Pháp đến chỗ thoái chí và bỏ cuộc.

Một lần nữa, Pa-ri và Oa-sinh-tơn lại gặp nhau trên quan điểm thực dụng: để dòng sữa viện trợ tiếp tục tuôn vào Đông Dương nuôi sống cả hai đội quân Pháp và tay sai.

Chính nhờ dòng sữa đó mà các quân đội tay sai lớn lên nhanh chóng và lực lượng cơ động chiến lược của Pháp cũng phát triển chưa từng thấy trong mười tháng, từ mùa hè năm 1953 đến mùa xuân năm 1954.

Trong điều kiện "đạo dụ quân dịch" ngày 7 tháng 6 năm 1953 của Bảo Đại chỉ có tác dụng trên giấy, quân tăng viện từ Pháp sang chỉ mang tính chất tượng trưng[1], Na-va buộc phải trở lại những thủ đoạn của các viên tổng chỉ huy trước là cưỡng bức để tăng quân số và xây dựng khối cơ động chiến lược.

Bằng những cuộc càn quét, vây ráp liên tục quy mô lớn để bắt lính[2], Na-va đã tăng được 86.000 quân bản xứ, nâng tỷ lệ các quân đội tay sai lên tới 69% tổng quân số trên toàn Đông Dương (334.000/480.000). Mười tháng

1. Từ giữa năm 1953 đến đầu năm 1954, chính phủ Pháp vét túi cũng chỉ gửi sang Đông Dương được 9 tiểu đoàn bộ binh và dù, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh.

2. Trong mỗi trận càn, Pháp bắt ít nhất là 1.658 thanh niên (trận càn Brochet) và nhiều nhất là 4.950 thanh niên (trận càn Tarentaise) để đưa vào quân đội ngụy.

phát triển lực lượng từ sau ngày Na-va nhậm chức là thời kỳ quân đội tay sai phát triển nhanh nhất trong cả cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương: gấp 2,5 lần so với cả năm 1952; gần bằng cả 3 năm 1948, 1949, và 1950 cộng lại.

Na-va đã "đôn" các đơn vị phụ lực quân giáo phái thành những tiểu đoàn chính quy và rút quân ngụy ra khỏi các đơn vị hỗn hợp để tổ chức thành các tiểu đoàn ngụy riêng biệt. Với thủ đoạn này, Na-va xây-dựng thêm được 49 tiểu đoàn trong tổng số 110 tiểu đoàn ngụy mới được xây dựng.

Bằng biện pháp mạnh dạn rút hàng ngàn vị trí[1] và thay thế các đơn vị ngụy chất lượng chiến đấu kém vào làm nhiệm vụ chiếm đóng, Na-va đã rút ra được 15 tiểu đoàn Âu - Phi và 21 tiểu đoàn ngụy để tổ chức thành 36 tiểu đoàn cơ động chiến lược.

Đến khoảng đầu tháng 3 năm 1954 (trước chiến dịch Điện Biên Phủ), Na-va đã phát triển lực lượng lên đến 286 tiểu đoàn bộ binh và dù chính quy (201 tiểu đoàn ngụy và 85 tiểu đoàn Âu - Phi) trong đó có 103 tiểu đoàn cơ động (47 tiểu đoàn ngụy, 56 tiểu đoàn Âu - Phi; 40 tiểu đoàn cơ động chiến thuật - 14% tổng quân số - và 63 tiểu đoàn cơ động chiến lược - 22% tổng quân số - bao gồm 18 G.M và 11 tiểu đoàn dù). Với 10 tháng xây dựng của Na-va, khối cơ động chiến lược đã tăng gấp ba lần so với cả thời kỳ dưới quyền Đờ-lát.

---

1. Bắc Bộ 237, Trung Bộ 229, Nam Bộ 1.251, Lào 70, Cam-pu-chia 29, tổng cộng 1.816 vị trí, đồn bốt, tháp canh.

Về binh khí kỹ thuật, trong tay Na-va có:

Loại	Tổng số	Pháp	Ngụy
Trung đoàn cơ giới	10	9	1
Tiểu đoàn pháo binh	28	20	8
Tiểu đoàn công binh	15	10	5
Tiểu đoàn vận tải	11	5	6
Máy bay các loại	548	523	25
Tàu xuồng các loại	391	290	101

Những số liệu trên đây nói lên kết quả viện trợ quân sự và tài chính của Mỹ, đồng thời cũng nói lên sự cố gắng của Na-va sau mười tháng phát triển lực lượng và xây dựng khối cơ động chiến lược mạnh. Những số liệu đó cũng làm nổi bật những khó khăn nghiêm trọng mà bộ chỉ huy Pháp không thể khắc phục. Đó là những mâu thuẫn tất yếu nảy sinh ngay trong bản thân sự việc phát triển lực lượng của Pháp và tay sai.

Việc vây ráp, cưỡng bức thanh niên vào lính, tuy trước mắt có làm cho quân số ngụy tăng nhanh nhưng đã gây ra không khí căng thẳng, *sự phẫn nộ trong nhân dân vùng tạm chiếm và tinh thần chiến đấu kém cỏi trong quân ngụy*. Hậu quả có tính quy luật lại diễn ra: số lượng quân ngụy càng tăng, chất lượng chiến đấu của quân viễn chinh và tay sai càng giảm. Chính tổng chỉ huy Na-va cũng phải thú nhận rằng: "Cho đến cuối năm 1953, quân đội Việt Nam (quân ngụy Bảo Đại) chẳng qua chỉ là một hình thức giả dối bề

ngoài mà thôi... Tinh thần chiến đấu của họ rất tồi, khiến họ được liệt vào những chiến binh loại kém nhất...". Nguy cơ nổi lên trong hàng ngũ quân ngụy là hiện tượng không phục tùng mệnh lệnh (theo Na-va, có đơn vị tới 90%), nạn đào ngũ và thiệt hại quá cao trong chiến đấu.

Lực lượng phát triển nhanh làm nảy sinh nạn *khủng hoảng nghiêm trọng về sĩ quan chỉ huy*. Theo nhận xét của Na-va, bọn sĩ quan bản xứ đều coi quân hàm của họ là một phương tiện để làm giàu hơn là để chỉ huy đơn vị. Do thiếu sĩ quan cấp dưới có kinh nghiệm nên việc lựa chọn cán bộ lên chỉ huy tiểu đoàn hoặc đơn vị lớn hơn gặp rất nhiều khó khăn. Sĩ quan khung ở mỗi tiểu đoàn quân viễn chinh cũng thiếu chừng 50%. Muốn cho biên chế sĩ quan chỉ huy quân viễn chinh tương đương như các đơn vị ở chính quốc thì nước Pháp phải gửi sang ít nhất 3.000 sĩ quan và rất nhiều hạ sĩ quan. Như vậy, "bộ máy quân sự ở chính quốc không thể tồn tại được nữa".

Việc tập trung quân Âu - Phi và các tiểu đoàn ngụy có chất lượng chiến đấu, rút chúng ra khỏi nhiệm vụ chiếm đóng tuy có giúp cho Na-va phát triển được một lực lượng dự bị chiến lược mạnh, nhưng lại làm cho *chất lượng quân chiếm đóng giảm sút* vì tỷ lệ quân ngụy chiếm đóng tăng lên. Nếu cuối năm 1952, tỷ lệ quân ngụy chiếm đóng là 64% (78/122 tiểu đoàn) thì bước vào đầu năm 1954, tỷ lệ đó đã tăng lên 84% (154/183 tiểu đoàn).

Lực lượng cơ động chiến lược càng phát triển thì *yêu cầu về yểm trợ và phục vụ đối với không quân càng lớn,* nhất là khi mùa khô tới, các chiến dịch tiến công chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam bắt đầu cũng là lúc một bộ phận quan trọng lực lượng cơ động chiến lược của Pháp lần lượt bị thu hút và phân tán trên nhiều chiến trường. Na-va than phiền rằng quân chủng được coi là chủ bài này đã đuối sức trước nhiệm vụ[1] vì quá thiếu thốn. Viên tổng chỉ huy đã liên tiếp xin Pa-ri tăng viện gấp nhưng "những yêu cầu của tôi (Na-va) đều không được thỏa mãn hoặc khi được đáp ứng thì (than ôi) đã quá muộn"!

Chính với những con số kết quả mười tháng cố gắng trên đây cộng với tâm tư vui buồn lẫn lộn mà tổng chỉ huy Na-va bước vào cuộc đọ sức cuối cùng quyết định thắng bại với đối phương.

---

1. Trước chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, ngoài máy bay phục vụ chiến đấu (liên lạc, trinh sát, tải thương...), Pháp có 116 máy bay vận tải (100 C47, 16 C119) và 227 máy bay chiến đấu.

7
KHI MÙA KHÔ TỚI

Quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược của Na-va (trước hết trên các mặt phát triển quân bản xứ, xây dựng lực lượng tổng dự bị chiến lược, hành quân bình định vùng "đồng bằng có ích") cũng là quá trình bộ chỉ huy Pháp tập trung theo dõi chủ trương chiến lược của đối phương trong thu - đông sắp tới. Đó thật sự là một thử thách lớn đối với phòng nhì bộ tham mưu quân viễn chinh.

Chịu chung số phận như các ngành khác trong cơ quan tham mưu, phòng nhì bị xáo trộn về mặt nhân sự khi Xa-lăng đi, Na-va đến. Đại tá Ghi-bô (Guibaud) thay đại tá Bút-xa-ri cầm đầu cơ quan tai mắt của tổng chỉ huy. Chưa có "thâm niên Đông Dương" như Bút-xa-ri nên Ghi-bô không khỏi lúng túng, mặc dầu viên sĩ quan tình báo này được coi là "một người làm ăn có bài bản".

Trong quá trình theo dõi hoạt động của đối phương, nếu phòng nhì của Na-va tự hào rằng họ "nắm rất vững các bước phát triển lực lượng của Việt Minh"

(đến cấp trung đội!), thì họ lại ngập ngừng khi kết luận về mục tiêu chiến lược sắp tới của đối phương. Điều đó một phần do thái độ của tổng chỉ huy. Theo các nhân viên tham mưu Pháp, có lẽ bản thân Na-va là viên tướng sành sỏi nghề tình báo cho nên sớm phát hiện sự bất lực của phòng nhì và không tin rằng cơ quan này có thể giải đáp được những vấn đề có tầm chiến lược cần tìm hiểu về đối phương. Không phải Na-va coi thường các tin tức thâu lượm được nhưng người ta nhận thấy đôi khi Na-va tỏ ra quá thận trọng (thận trọng tới mức nghi ngờ) đối với những ý kiến của phòng nhì. Trước những tin tức mà bao giờ tổng chỉ huy cũng là người được báo cáo đầy đủ nhất và sớm nhất, Na-va thường đòi xác minh lại và trong nhiều trường hợp, khi vấn đề được xác minh thì đã quá muộn.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Nà Sản (8-12 tháng 8 năm 1953), trong cơ quan tham mưu thường có những ý kiến phán đoán khác nhau về chủ trương chiến lược của đối phương trong mùa khô tới.

Có ý kiến cho rằng đối phương sẽ mở chiến dịch tiến công vào vùng châu thổ sông Hồng để, nếu không hoàn toàn làm chủ được địa bàn chiến lược đông người nhiều của này thì cũng làm cho "vùng đồng bằng có ích" bị ruỗng nát thêm, đồng thời giam chân khối cơ động chiến lược của Pháp đang được khẩn trương xây dựng và tập trung ở đây. Những người

ủng hộ ý kiến này (trong đó có tướng Cô-nhi, chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc) nhận định rằng đối phương không đủ sức mở các chiến dịch tiến công trên những chiến trường xa các căn cứ của họ ở vùng thượng du Bắc Bộ vì không vượt nổi những khó khăn về tiếp tế, hậu cần.

Trái với nhận định trên đây, phòng nhì cho rằng hướng tiến công chiến lược sắp tới của đối phương không những diễn ra trên chiến trường rừng núi vùng tây - bắc Đông Dương mà họ còn vươn xa hơn nữa xuống phía Nam, sau khi đã quét sạch các vị trí của Pháp ở cực bắc Thượng Lào. Phòng nhì không tin rằng đối phương không "bước qua được cái đòn gánh" của tổng chỉ huy Na-va đã chắn ngang vĩ tuyến 18 (Đèo Ngang - Thà Khẹt). Họ còn lập luận rằng đồng bằng Bắc Bộ (với sự tồn tại của phòng tuyến Đờ-lát, với khối cơ động chiến lược đông và mạnh) là một hướng chiến lược không hấp dẫn đối với Việt Minh. Có nhiều khả năng đối phương chọn hướng nào quân Pháp phòng thủ kém hơn so với các nơi khác, quân bản xứ (ngụy) tại chỗ không đủ sức đương đầu trong những trận đánh không cân sức. Hướng chiến lược đó, theo phán đoán của phòng nhì, có thể là Thượng Lào. Đường 41 bỏ ngỏ là một trục giao thông mà đối phương có thể đi lại tự do.

Thế bố trí chiến lược hiện nay cho thấy phía Pháp không đủ lực lượng cần thiết để phản ứng nếu một chiến

dịch quy mô lớn diễn ra trên chiến trường tây - bắc Đông Dương. Đó không những vì chiến trường quá xa các căn cứ của Pháp ở đồng bằng mà còn vì địa hình khắc nghiệt ở vùng rừng núi không cho phép quân Pháp tiếp nhận một trận đánh bất lợi như vậy.

Phòng nhì cho rằng đối phương có đủ sức bảo đảm hậu cần cho một chiến dịch trên chiến trường xa căn cứ của họ. Theo tài liệu của bộ tham mưu Pháp, bấy giờ không những đối phương có một lực lượng vận tải bằng cơ giới khá lớn mà còn có cả một hệ thống vận tải khổng lồ, vô tận về người và xe đạp, đủ sức len lỏi vào những địa bàn rất xa, rất sâu. Pháp đã từng tỏ ra bất lực trước hệ thống vận chuyển kỳ lạ này.

Tại vùng đồng bằng sông Hồng, vẫn theo phán đoán của phòng nhì, bộ đội địa phương và dân quân du kích Việt Minh đã đứng vững và làm cho tình trạng "ruỗng nát" trở nên rất nghiêm trọng trên một địa bàn rộng, gồm khoảng 5.000 làng xã trong tổng số 7.000 làng xã đồng bằng. Chỉ riêng lực lượng tại chỗ của đối phương (trong đó có trung đoàn 42, "trung đoàn hăng nhất, nguy hiểm nhất và bất trị nhất") cũng đủ buộc Pháp phải giam chân phần lớn lực lượng dự bị chiến lược để bảo vệ các vị trí. Vì thế quân chủ lực của Việt Minh có thể tự do hoạt động trên các chiến trường lựa chọn ngoài vùng châu thổ sông Hồng.

Còn tổng chỉ huy Na-va thì sao? Bản thân viên tướng này cũng đang bị giằng xé giữa hai yêu cầu: 1) Tập trung

lực lượng ở đồng bằng để bảo vệ địa bàn chiến lược hết sức xung yếu và đang bị uy hiếp này, đồng thời để hoàn tất xây dựng đội dự bị cơ động, "quả đấm chiến lược"; 2) Sẵn sàng lực lượng tung đi cứu nguy nếu chiến trường Thượng Lào bị uy hiếp. Tướng Na-va cho rằng bảo vệ Thượng Lào đã trở thành một yêu cầu chính trị quan trọng đối với quân viễn chinh Pháp. Nhưng vấn đề đặt ra là phải dùng hình thức nào để phòng thủ Thượng Lào có hiệu quả nhất và với giá rẻ nhất?

Theo các phương án đã từng được đem ra trao đổi với Xa-lăng hồi tháng 5, Na-va thấy rõ ràng Pháp không đủ lực lượng (quân số và phương tiện cơ động đường không) để kết hợp phòng ngự trực tiếp và phòng ngự từ xa, cụ thể là vừa chốt giữ các đầu mối giao thông chiến lược bên này và bên kia biên giới Việt - Lào (Mường Khoa, Sốp Nao, Điện Biên Phủ...), vừa tung quân vào một vùng trọng yếu nào đó do đối phương kiểm soát (ví dụ vùng Yên Bái) để "giam chân" một bộ phận chủ lực của họ, nhằm đỡ đòn cho cả Thượng Lào và đồng bằng sông Hồng. Điều đắn đo đối với Na-va là "phương án kết hợp" trên đây không những ít có khả năng thu hút chủ lực của đối phương[1] mà còn dẫn đến nguy cơ đồng bằng bị bỏ trống một thời gian ít nhất là ba tuần lễ.

Na-va cũng nghĩ đến hình thức phòng ngự vận động ngay trên đất Lào nhưng phương án này đã nhanh chóng

---

1. Các cuộc hành binh "Hải cẩu" (Phoque) cuối năm 1950 và "Lo-ren" (Lorraine) cuối năm 1952 đã chứng minh điều đó.

bị gạt bỏ vì quân Pháp không đủ điều kiện về trang bị và trình độ chiến thuật để tác chiến vận động trên địa hình khắc nghiệt ở vùng rừng núi tây - bắc Đông Dương.

Trong lúc cơ quan tham mưu theo dõi cuộc vật lộn giữa các phương án tác chiến chiến lược đang thai nghén trong đầu óc viên tổng chỉ huy thì ngày 15 tháng 9, Giăng Phe-răng-đi (Jean Ferrandi), một sĩ quan tình báo thuộc loại "kỳ cựu Đông Dương", được đại tá Béc-tây, tham mưu phó phụ trách kế hoạch hành binh, gọi lên để "tham khảo ý kiến". Phe-răng-đi đã nhiều lần theo Xa-lăng qua lại Điện Biên Phủ trong những ngày sóng gió nổi lên ở Tây Bắc tháng 11 năm trước. Qua một tấm ảnh do máy bay chụp và được phóng rất lớn, viên tham mưu phó quân viễn chinh Pháp chăm chú nghe giới thiệu cụ thể về cái lòng chảo khổng lồ Điện Biên Phủ.

Mặc dù đại tá Béc-tây không hề tiết lộ ý đồ chiến lược của tổng chỉ huy và còn yêu cầu Phe-răng-đi giữ kín về "cuộc tìm hiểu bình thường" này, nhưng từ trung tuần tháng 9, trong cơ quan tham mưu bắt đầu có những tiếng thì thào về khả năng Điện Biên Phủ được chọn làm chiến trường để "đập tan ý đồ chiến lược của Việt Minh". Người ta cũng thấy nảy sinh sự so sánh giữa Nà Sản với Điện Biên Phủ. Cùng ở vùng rừng núi nhưng, nếu Nà Sản không có gì đặc biệt so với bất kỳ một cánh đồng nào trên vùng thượng du thì, với những điểm cao trùng điệp bao quanh, càng xa cánh đồng Mường Thanh núi càng cao dần, Điện

Biên Phủ đúng là một lòng chảo khổng lồ. Các cán bộ tham mưu phán đoán rằng nếu tổng chỉ huy Na-va có ý định chiếm đóng Điện Biên Phủ nhằm ngăn chặn những đơn vị chủ lực lớn của đối phương thì vị trí này phải trở thành một căn cứ không quân - lục quân lớn hơn nhiều so với Nà Sản.

Cơ quan tham mưu chưa có cơ sở để tin rằng Na-va sẽ trở lại hình thức phòng ngự bằng tập đoàn cứ điểm. Người ta còn nhớ, ngay từ mùa hè khi lên thăm Nà Sản, viên tổng chỉ huy mới đã từng phê phán "cái tài sản bị nhiễm độc" do Xa-lăng để lại và đã tỏ thái độ xem thường "hệ thống những con nhím". Việc rút quân khỏi Nà Sản đã chẳng chứng minh thái độ khinh miệt đối với biện pháp phòng ngự cứng đờ đó sao? Phải chăng "sau khi suy đi tính lại", tổng chỉ huy đã thấy hình thức phòng ngự bằng tập đoàn cứ điểm là một biện pháp chiến lược mầu nhiệm để, nếu không đủ sức ngăn chặn chủ lực đối phương lọt qua thì ít nhất cũng làm thất bại những cuộc tiến công của họ vào những vị trí quan trọng nhất của Pháp.

Sau khi tìm hiểu ý định của tổng chỉ huy, người ta được biết rằng vấn đề quan trọng đối với tướng Na-va lúc này không phải là tên gọi (là vị trí, là con nhím, là tập đoàn cứ điểm, gì gì cũng được) mà là nên thiết lập "cái đó" ở đâu?

Luông Pha băng, Viêng Chăn và Lai Châu đều không thuận tiện cho việc sử dụng không quân. Hơn

thế nữa Lai Châu lại quá xa đường tiến quân của đối phương sang hướng Lào. Chẳng lẽ cho quân chiếm đóng lại Nà Sản? Không! Thể diện của tổng chỉ huy không cho phép làm việc đó! Vậy thì vị trí duy nhất thích hợp để lập một căn cứ không quân - lục quân chỉ có thể là Điện Biên Phủ, một địa điểm cần chiếm đóng để bảo vệ Thượng Lào đã được Xa-lăng nêu lên trong tài liệu bàn giao ngày 25 tháng 5 năm 1953.

Nguyên nhân cuộc "tìm hiểu bình thường" của tham mưu phó Béc-tây với Phe-răng-đi về chiến trường Điện Biên Phủ hồi trung tuần tháng 9 đến nay đã sáng tỏ.

Trong tháng 10, khi phòng nhì thông báo về những hoạt động đầu tiên của đối phương cũng là lúc tổng chỉ huy dần dần khẳng định kế hoạch của mình. Điện Biên Phủ quả là quá xa các căn cứ ở đồng bằng và địa hình cũng không hoàn toàn thuận lợi. Tuy nhiên, đưa quân lên đây sẽ tạo điều kiện cho Lai Châu khỏi bị "lạnh chân", bọn biệt kích đang hoạt động ở vùng bắc Sơn La khỏi bị "hở sườn" và điều chủ yếu là chốt chặt cửa ngõ sang hướng Thượng Lào trên trục đường Tuần Giáo - Mường Khoa.

Sau khi hiệp định Pháp - Lào được ký kết (28-10-1953) trong đó có điều khoản xác định nhiệm vụ "bảo vệ Thượng Lào", quyết tâm chiến lược trên đây của viên tổng chỉ huy càng được khẳng định.

Mọi việc chuẩn bị để thực hiện kế hoạch Ca-xto (Ca-stor) được xúc tiến khẩn trương để sẵn sàng ném

quân lên chiến trường Tây Bắc, chiếm đóng Điện Biên Phủ. Tuy có lời bàn ra tán vào trong cơ quan tham mưu nhưng không ai dám hỏi vì sao Điện Biên Phủ không được ghi trong kế hoạch chiến lược của Na-va ngay từ đầu? Phải chăng đưa quân lên Điện Biên Phủ là biểu hiện đầu tiên của sự bị động về chiến lược, là sự giằng xé trong việc bố trí binh lực giữa rừng núi và đồng bằng? Không ai tiện hỏi và tất nhiên tổng chỉ huy Na-va cũng không tiện và không cần giải thích.

III. NA-VA VÀO CUỘC

8
TỪ "QUẢ ĐẤM CHIẾN LƯỢC" ĐẾN "BÀN TAY XÒE"

Theo dự kiến của bộ chỉ huy Pháp, trong bước 1 của kế hoạch Na-va, cụ thể là trong Đông - Xuân 1953-1954, không một trận đánh lớn nào được đặt ra (tránh "tổng giao chiến").

Thủ tướng La-ni-en cũng chỉ thị: tổng chỉ huy phải bảo toàn và phát triển lực lượng để tiến tới giành một thắng lợi quân sự có ý nghĩa quyết định vào mùa khô 1954.

Trải qua nửa năm đầu thực hiện kế hoạch Na-va, các hoạt động của quân Pháp trong mùa hè 1953 chủ yếu diễn ra dưới các hình thức càn quét, tập kích, giải tỏa, thăm dò[1]. Theo Phe-răng-đi, cơ quan tham mưu Pháp đã đánh giá thấp kết quả những hoạt động quân sự đầu tiên của Na-va. Chỉ riêng các cuộc hành binh càn quét trong 50 ngày, tính từ "Cá măng" (Brochet 23-9 - 11-10-

1. Ngoài việc rút quân khỏi Nà Sản và ba cuộc hành binh Hirondelle, Camargue và Mouette, từ tháng 6 đến tháng 11 năm 1953, quân Pháp còn tiến hành 17 cuộc hành binh khác, gồm hai cuộc hành binh biệt kích ở Tây Bắc, hai cuộc hành binh giải tỏa ở Thượng Lào, 13 trận càn quét vùng tạm chiếm (sáu trận ở Bắc Bộ, năm trận ở Nam Bộ, hai trận ở Trung Bộ).

1953) đến "Chim ưng" (Gerfaut 12-12-1953 - 10-1-1954), phía Pháp "đã phải trả một giá rất đắt... hai tiểu đoàn đi đứt... trong khi đó thì tổn thất của địch không đáng kể...". Khốn nỗi, Na-va cũng mắc chung một bệnh như sáu viên tổng chỉ huy trước, tức là khuyến khích báo chí thổi phồng "chiến tích chủ động tiến công" của mình. Chính viên tướng này cũng khoe khoang rằng những hoạt động quân sự đó "đã tạo cho quân đội viễn chinh Pháp những thuận lợi quan trọng về tinh-thần..., đã làm cho họ tin tưởng..., đã động viên những người lãnh đạo các quốc gia liên kết và làm cho Việt Minh rất lo lắng..." (!). Hậu quả dẫn đến, như chính Na-va thú nhận sau này, là Pa-ri đã mắc lừa. Tin chiến thắng "đã tạo ra tâm lý lạc quan đáng lo ngại trong giới cầm quyền Pháp" đến nỗi chính phủ phải tìm cách can ngăn tổng chỉ huy "không nên tìm cách để thắng trong chiến tranh" (!) mà chỉ hành động sao đủ để chứng minh cho đối phương biết rằng họ không thể giành được thắng lợi quân sự!

Đáng chú ý là Na-va có lúc đã tỏ ra biết điều khi buộc phải thừa nhận rằng những hoạt động quân sự vừa qua chỉ mới là món ăn đầu bữa (hors d' oeuvre) và kết quả cũng chỉ đóng khung trong phạm vi đó thôi. Trong các thông cáo chính thức, trong thư từ gửi cho bạn bè ở Pa-ri cũng như trong các cuộc họp báo, viên tướng này thường nói lên một hình ảnh: "Chúng ta đã ăn xong món đầu bữa rồi, nhưng còn phải chén nốt món kháng chiến (plat de résistance) nữa (ý nói tiêu diệt chủ lực của đối phương)... Thế nhưng món kháng chiến đó lại ngày càng tỏ ra đặc biệt khó tiêu" (đúng ra phải gọi là "khó nhá").

Thế rồi, từ tháng 11 năm 1953, đi đôi với việc hoàn tất kế hoạch cuộc hành binh Ca-xto (đưa quân lên Điện Biên Phủ), Na-va phân bố lực lượng trên các chiến trường, tập trung phần lớn binh lực trên chiến trường Bắc Bộ và ... chờ đợi động tĩnh của cái mà viên tướng gọi là "món kháng chiến".

Viên tổng chỉ huy Pháp không hề biết rằng lúc này tuy đối phương chưa nắm được mọi chi tiết trong bản kế hoạch Na-va, nhưng từ tháng 9 năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã xác định phương hướng chiến lược là: nhằm vào những hướng quân viễn chinh Pháp sơ hở và tương đối yếu để mở các chiến dịch tiến công, tiêu diệt từng bộ phận lực lượng địch, giữ vững chủ động, *kiên quyết buộc bộ chỉ huy Pháp phải phân tán khối cơ động chiến lược của chúng để đối phó trên những chiến trường quan trọng về mặt chiến lược mà quân Pháp không thể không đối phó.* Nói một cách khác, nếu trong bước 1, Na-va đang cố gắng xây dựng "quả đấm chiến lược" mạnh[1] thì đối phương quyết biến chỗ mạnh đó thành chỗ yếu, buộc "quả đấm chiến lược" của Na-va phải mở ra thành một bàn tay xòe, gồm những ngón tay duỗi thẳng, yếu ớt, không liên kết được với nhau, để bẻ gãy dần từng ngón. Đó là quyết định quan trọng đầu tiên trong cuộc đấu trí với tổng chỉ huy Na-va, "nhà chiến lược tuyệt vời", theo cách gọi của Giêm Phốc.

---

1. Trước mắt, Pháp có 82 tiểu đoàn cơ động (trong đó có 36 tiểu đoàn cơ động chiến lược, chiếm 13% tổng quân số) và đang cố phát triển lên khoảng 100 tiểu đoàn.

Vì dừng lại ở sự phán đoán từ những tháng mùa hè rằng đối phương sẽ tiến công vào đồng bằng nên khoảng cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 1953, khi có những tin tức đầu tiên về hướng ra quân của đối phương lên chiến trường Tây Bắc, Na-va vội kết luận "Việt Minh thay đổi kế hoạch"(!). Viên tướng còn thừa nhận rằng sự thay đổi đó đã loại trừ nguy cơ một cuộc tiến công của chủ lực đối phương vào đồng bằng nhưng đồng thời nó cũng đặt quân đội Pháp trước một yêu cầu không kém phần khó khăn là bảo vệ Thượng Lào.

Cũng từ đầu tháng 11, các nhân viên tham mưu chủ chốt của chiến trường Bắc Bộ đã hoàn tất kế hoạch hành binh Ca-xto, chiếm lại Điện Biên Phủ bằng ba lực lượng: từ Thượng Lào lên, từ Lai Châu về cộng với quân dù nhảy thẳng xuống Mường Thanh. Trong cuộc họp thông qua kế hoạch này, có không ít ý kiến phản đối chủ trương đưa quân lên Tây Bắc. Người này cho rằng không nên bỏ Lai Châu, chỗ đứng chân cuối cùng của quân Pháp ở Tây Bắc, vị trí quan trọng kiểm soát ngã ba sông Nậm Na và sông Đà "thủ phủ của liên bang Thái", chỗ dựa của các đơn vị biệt kích đang hoạt động sau lưng đối phương. Kẻ khác không tán thành chiếm Điện Biên Phủ vì không có tác dụng ngăn chặn đối phương, không bảo vệ được Thượng Lào vì chỉ chặn trên một hướng; hơn nữa, Thượng Lào chưa trực tiếp bị uy hiếp mà đã vội đưa lên vùng rừng núi một binh lực lớn chừng mười tiểu đoàn thì lực lượng phòng giữ đồng bằng sẽ bị giảm sút. Trong số những người phản đối có tướng

Đờ-sô (Dechaux, tư lệnh không quân) và tướng Gin (tư lệnh quân dù).

Cuộc tranh cãi còn chưa ngã ngũ thì tin tức về sư đoàn 316 của đối phương đang hành quân lên Tây Bắc được phòng nhì khẳng định. Một cuộc hội nghị quân sự cấp chóp bu được triệu tập vội vã ngày 17 tháng 11 tại Hà Nội, gồm tướng Bô-đê (phó tướng của Na-va) Cô-nhi, Mát-xông (tư lệnh và phó tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ), Đờ-sô và Gin cùng các nhân vật chủ chốt của cơ quan tổng hành dinh. Quyết tâm chiến lược của tổng chỉ huy được khẳng định: Quân Pháp không đủ lực lượng để mở cuộc hành binh lên vùng Yên Bái hay Thái Nguyên theo phương án "phòng ngự gián tiếp" Thượng Lào; mặc dù không kịp phối hợp với các hướng Lai Châu và Luông Pha-băng theo kế hoạch đã định, nhưng không thể trì hoãn việc chiếm lại Điện Biên Phủ (chừng nào vị trí này chưa lọt vào tay quân Pháp thì đường xuống Luông Pha-băng còn bị bỏ ngỏ); sau khi chiếm xong Điện Biên Phủ, sẽ rút quân ở Lai Châu về (vì điều kiện địa lý không cho phép vị trí này đứng vững trước một cuộc tiến công bằng sức mạnh của một sư đoàn đối phương); sau đó sẽ tùy khả năng binh lực, xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm (cỡ như Nà Sản cũng đủ để đối phó với một sư đoàn đối phương). Tổng chỉ huy Na-va nhấn mạnh: chủ trương chiến lược trên đây phù hợp với phương châm "liệu cơm gắp mắm" mà ủy ban quốc phòng mới chỉ thị ngày 13 vừa qua.

Mấy ngày sau, ngày 20 và 21 tháng 11, tướng Gin, "thần khổng lồ một mắt" được giao nhiệm vụ thực hiện

cuộc hành binh Ca-xto lên Tây Bắc. Hơn 5.000 quân, gồm 6 tiểu đoàn dù[1] (tức gần 2/3 lực lượng dù toàn Đông Dương), 2 đại đội pháo binh, 1 đại đội công binh và 240 tấn dụng cụ được ném vội vã xuống cánh đồng Mường Thanh. Pa-ri chỉ nhận được báo cáo của Na-va khi những tên lính dù nhảy đợt đầu tiên đã đặt chân xuống đất.

Ngày 21, khi việc chiếm Điện Biên Phủ đã trót lọt, người ta thấy chính những kẻ chỉ trước đó mấy ngày còn phản đối cuộc hành binh này, giờ đã vội đảo lưỡi ca tụng "con chuột biển thần kỳ" (le castor magique). Tất nhiên trong số những người ca tụng đó, có "viên tướng to xác" Cô-nhi, người chỉ lo thu vén lực lượng để giữ "vùng đồng bằng có ích". Ngồi mãi tận bên Pa-ri, nghe tin quân dù đã được ném xuống Điện Biên Phủ, từ thủ tướng La-ni-en đến tướng Ca-tơ-ru cũng góp phần vào bản hòa tấu ca tụng "chiến tích lớn đầu mùa khô" của đội quân viễn chinh.

Khi người ta đang say sưa tâng bốc nhau thì tất nhiên không một nhân vật nào ở Pa-ri, Sài Gòn hay Hà Nội lại dại dột nghĩ đến một sự thật là "quả đấm chiến lược" của Na-va không còn nguyên vẹn ở châu thổ sông Hồng. Một ngón tay, có thể coi là ngón cái, đã duỗi ra và vươn xa các căn cứ của quân Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ khoảng 300 ki-lô-mét (đường chim bay).

Trong lúc những lời ca tụng còn đang râm ran thì ngày 28 tháng 11, phòng nhì nhận được những tin dữ: không phải chỉ một sư đoàn 316 (sẽ tới Điện Biên Phủ

1. 6e BPC, 2/1 RCP 1er BPC, 1er BEP, 8e BPC và 5eBPVN.

vào ngày 6 tháng 12) mà các sư đoàn khác 308, 312, một bộ phận của 304 và cả "sư đoàn nặng" 351 cũng sẽ lần lượt lên vùng này vào cuối tháng 12.

Thêm một quyết tâm chiến lược mới được Na-va xác định vào ngày 3 tháng 12:

- Khẩn trương xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh để đương đầu với cuộc tiến công lớn của nhiều sư đoàn đối phương. Điện Biên Phủ phải đứng vững bằng bất kỳ giá nào để bảo vệ Thượng Lào và thu hút chủ lực đối phương dài ngày, nhằm giảm sức ép cho đồng bằng Bắc Bộ.

- Tổ chức cuộc hành binh Pô-luých (Pollux), rút toàn bộ lực lượng ở Lai Châu về tăng cường cho Điện Biên Phủ.

- Tổ chức đồng thời hai cuộc hành binh Rê-gát và Ác-đét (Régate-Ardèche), từ Điện Biên Phủ xuống, từ Luông Pha-băng lên, hợp điểm ở Sốp Nao, tạo thành một "hành lang chiến lược" nối liền Điện Biên Phủ với Luông Pha-băng, gồm những vị trí mới được "cấy" dọc sông Nậm U, để tập đoàn cứ điểm khỏi bị cô lập và có sẵn đường để rút chạy từ Điện Biên Phủ về Thượng Lào khi cần!

Ngay sau khi quyết tâm chiến lược trên đây được xác định, "con chuột biển thần kỳ" vừa được ném xuống cánh đồng Mường Thanh đã lớn lên nhanh chóng và biến thành "một con nhím khổng lồ": từ 6 tiểu đoàn ngày 21 tháng 11 lên 9 tiểu đoàn ngày 7 tháng 12, rồi 10 tiểu đoàn ngày 25, v.v..

Thế là chủ trương "tránh tổng giao chiến với chủ lực đối phương" được vạch ra trong bước 1 của kế hoạch Na-va đã không còn ý nghĩa thực tiễn nữa. Nói một cách khác, chỉ những tin tức về việc chuyển quân của đối phương lên Tây Bắc cũng đã làm cho "bản kế hoạch chiến lược nổi tiếng" của ngài tổng chỉ huy đứng trước nguy cơ bị đảo lộn.

Mấy cuộc hành binh theo mệnh lệnh ngày 3 tháng 12 đã diễn ra không được như ý tổng chỉ huy.

Về cuộc hành binh Pô-luých: Vì không đủ máy bay nên chỉ hai tiểu đoàn Ta-bo rút chạy khỏi Lai Châu bằng đường hàng không về đến Điện Biên Phủ an toàn. Viên đại tá Tơ-răng-ca (Trancard, chỉ huy khu Tây Bắc) tin rằng quân ngụy Thái và các đơn vị biệt kích hoạt động quanh vùng Lai Châu, trang bị nhẹ, luồn rừng giỏi, có thể hành quân vô sự về Điện Biên Phủ trước khi sư đoàn 316 có mặt ở Tây Bắc. Kết quả thực tế đã trái hẳn với sự phán đoán của tướng tá Pháp. Theo số liệu mà bộ tham mưu của tướng ngụy Nguyễn Văn Hinh tổng kết, chỉ còn khoảng 150 trong tổng số hơn 2.100 lính ngụy và biệt kích Thái cùng 10 trong số 40 sĩ quan Pháp thoát chết trong cuộc tháo chạy từ Lai Châu về Điện Biên Phủ qua hướng Mường Pồn. Đó là chưa kể gần 100 tên lính dù bị bỏ mạng khi nhảy xuống yểm trợ cho bọn biệt kích trên đường rút chạy.

Về cuộc hành binh "sinh đôi" Rê-gát và Ác-đét: Trải qua hai tuần lễ băng rừng, cánh quân của trung tá

Lăng-gle từ Điện Biên xuống và cánh quân của trung tá Vô-đrây từ Luông Pha-băng lên đã gặp nhau. Hai viên chỉ huy chụp chung tấm ảnh để chứng minh với tổng chỉ huy rằng hai cánh quân đã thật sự hợp điểm ở Sốp Nao. Thế nhưng, theo sự đánh giá của cơ quan tham mưu ngụy, cái mẹo vặt ấy chỉ có ý nghĩa tuyên truyền, vì qua các cuộc hành binh này, thật ra Pháp đã thấy khó khăn không thể nối Điện Biên Phủ với Thượng Lào bằng một đường giao liên chiến lược băng qua những khu rừng núi rậm rạp và nguy hiểm.

Sự đánh giá nói trên được thực tiễn chứng minh là đúng, vì ngay sau đó Na-va đã phải hạ lệnh mở một cuộc hành binh khác. Viên đại tá Cre-vơ-cơ, chỉ huy quân Pháp ở Thượng Lào nhận được lệnh phải gấp rút "cấy" 6 tiểu đoàn dọc sông Nậm U, từ Luông Pha-băng lên Mường Ngòi - Mường Khoa để củng cố hành lang Điện Biên Phủ - Thượng Lào.

Mất Lai Châu nhưng được Điện Biên Phủ để bảo vệ nước Lào. Trong việc tính toán lỗ lãi, Na-va thấy vừa lòng. Nhưng bảo vệ nước Lào đâu chỉ ở phía bắc, đâu chỉ bằng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ? Phòng nhì kiến nghị: phải chú ý cả Trung và Hạ Lào vì "Việt Minh sẽ vươn xa xuống phía nam"! Na-va cũng phán đoán đối phương có thể tiến công xuống miền Trung Đông Dương, song cụ thể ở hướng nào thì còn là một ẩn số. Một bộ chỉ huy hành binh thống nhất được thành lập, do tướng Blăng (sau đó là tướng Buốc-goong - Bourgund) cầm đầu

để chuẩn bị đối phó trên cả ba chiến trường Trung Lào, Hạ Lào, Tây Nguyên. Một G.M (ba tiểu đoàn) được điều từ đồng bằng Bắc Bộ vào Sê-nô, nơi vừa được xây dựng thành một căn cứ không quân - lục quân. Thêm 4 tiểu đoàn cơ động được điều từ chiến trường Trung Bộ ra đường số 12 Trung Lào. Vừa chân ướt chân ráo tới nơi, bọn này đã bị tiến công liên tục từ 20 đến 25 tháng 12. Một đơn vị chủ lực đối phương, nhân những ngày thời tiết xấu, hoạt động của không quân hạn chế, đã men dọc Trường Sơn mở chiến dịch tiến công dọc đường số 12 về hướng Thà Khẹt. Hai tiểu đoàn cơ động và một tiểu đoàn pháo vừa đến còn đang lạ nước lạ cái đã bị xóa sổ. Quân Pháp ở Thà Khẹt và đường số 9 vội vã bỏ chạy, ùn cả về Sê-nô.

Báo chí la lớn: Đông Dương bị cắt làm đôi! Dư luận Pháp xôn xao. Tổng chỉ huy Na-va than phiền rằng tại Pa-ri, "luồng tư tưởng chiến bại lại có dịp dâng lên"! Cực chẳng đã, viên tướng tổng chỉ huy lại phải móc túi dự trữ ở đồng bằng Bắc Bộ bốn tiểu đoàn cơ động chiến lược và điều thêm một tiểu đoàn chiếm đóng ở Nam Bộ ra để tổ chức thành một tập đoàn cứ điểm mười tiểu đoàn ở Sê-nô.

"Quả đấm chiến lược" của Na-va lại phải tách ra thêm một ngón tay bị trói chặt ở Trung Lào.

Thế nhưng, đâu phải mọi sự đã ổn trên chiến trường Lào? Sau đòn tiến công bất ngờ "giành được một thắng lợi hiển nhiên..., đối phương vẫn chưa chịu lui quân". Theo báo cáo của phòng nhì, không những họ phân tán thành những đơn vị nhỏ tiếp tục hoạt động trong rừng rậm ở

Trung Lào mà còn lọt cả xuống Hạ Lào, làm cho vùng quân Pháp kiểm soát bị "ruỗng nát" và tạo ra một tình thế thường xuyên không ổn định trên các trục giao thông, dẫn đến nguy cơ làm cho cả Trung và Thượng Lào bị bóp nghẹt vì đường tiếp tế từ phía nam ra bị phong tỏa.

Cuối tháng 1 năm 1954, một nguy cơ mới lại ập đến. Sau khi bất ngờ tiến công tiêu diệt một tiểu đoàn hỗn hợp Pháp - Lào và làm chủ thị xã A-tô-pơ, liên quân kháng chiến Việt - Lào đã lợi dụng thế bố trí của Pháp sơ hở, tiến thẳng lên hướng Xa-ra-van, thổi bùng phong trào kháng chiến ở cao nguyên Bô-lô-ven.

Ba tiểu đoàn cơ động (trung đoàn 51) vừa được xây dựng ở Cam-pu-chia lập tức được điều lên cùng một tiểu đoàn dù từ Bắc Bộ vào tăng cường cho Pắc Xế, nhằm chặn đối phương tiếp tục tiến xuống phía nam.

Thêm một ngón tay nhỏ xíu (4 tiểu đoàn) bị tách ra khỏi "quả đấm chiến lược" của Na-va, vươn tới mãi vùng cực nam nước Lào.

Vào khoảng trung tuần tháng 1 năm 1954, trong tổng hành dinh Pháp có dư luận về tình hình đánh đấm của quân viễn chinh: nếu cứ chống đỡ mãi, từ Tây Bắc đến Trung Lào rồi Hạ Lào thì còn đâu là chủ động tiến công? Dư luận đó đến tai Na-va và được ngài tổng chỉ huy cho là phải. Điện Biên Phủ quan trọng thật, song "chỉ mang tính chất cục bộ". Đồng bằng Liên khu 5 của Việt Minh mới là vùng quan trọng cả về kinh tế, chính trị và chiến lược quân sự. Phải chuyển sang tiến công, đánh chiếm vùng này, hoàn thành mục tiêu

tướng Xa-lăng đề ra mà chưa thực hiện được. Chiếm xong, sẽ tảo thanh gấp rút rồi giao cho chính quyền Bảo Đại, như vậy sẽ gây được ảnh hưởng chính trị quan trọng chưa từng thấy.

Từ lâu, Na-va đã ấp ủ giấc mộng *Át-lăng* (*Atlante*), một kế hoạch gồm ba bước đánh chiếm vùng tự do của đối phương ở Nam Trung Bộ. Bước 1 (*Aréthuse*): chiếm Tuy Hòa, Phú Yên; bước 2 (*Axelle*): chiếm Quy Nhơn, Bồng Sơn; bước 3 (*Attilat*): hoàn chỉnh cuộc hành binh bằng hành động nối liền Bồng Sơn với Quảng Nam. Ngoài mục tiêu trên, phải bắt bằng được 30.000 thanh niên vào hương dũng, địa phương quân để giữ vững vùng mới chiếm sau khi đã bình định xong. Việc bình định được giao cho Phan Văn Giáo, "thủ hiến Trung Việt", chỉ huy đoàn G.A.M.O[1] từ Trung Trung Bộ vào tiến hành.

Ngày 20 tháng 1 năm 1954, bước 1 của chiến dịch *Át-lăng* bắt đầu. 22 tiểu đoàn bộ binh và lính dù[2] cùng một số đơn vị pháo binh, cơ giới, công binh, vận tải..., đổ bộ lên chiếm Tuy Hòa, Phú Yên. Giữa lúc tướng Blăng còn nghi hoặc, chưa hiểu vì sao không gặp chủ lực đối phương thì bỗng có tin nhiều vị trí trên đường 14 bị tiêu

---

1. G.A.M.O. (*Groupement administratif mobile opérationnel*) - Một tổ chức bình định chiêu hồi của chính quyền Bảo Đại, nhằm phát huy "chiến tích" của các cuộc hành binh. Lịch sử quân sự của ngụy gọi là *quân thứ hành chính lưu động*".

2. Gồm G.M10 (Bắc Phi), G.M100 (mới ở chiến trường Triều Tiên về và được bổ sung quân ngụy) các G.M41 và 42, cộng với tám tiểu đoàn cơ động chiến lược lẻ và hai tiểu đoàn dù.

diệt, Việt Minh tràn ngập thị xã Công Tum và đang tiến xuống đường 19, tập kích thị xã Plây-cu. Một hình thái mới xuất hiện: địa bàn chiến lược Bắc Tây Nguyên đã lọt vào tay Việt Minh, cả một khu vực do lực lượng kháng chiến kiểm soát đã nối liền từ vùng biển Quảng Nam - Quảng Ngãi đến biên giới Lào - Việt và thông sang Hạ Lào, nơi Pháp vừa thất bại.

Trước nguy cơ giấc mộng Át-lăng bị tan vỡ, ngày 28 tháng 1 năm 1954, Na-va đành vội vã hạ lệnh "cứu hỏa": tạm đình chỉ cuộc hành binh ở đồng bằng Liên khu 5, rút G.M100 và hai tiểu đoàn dù ra khỏi cuộc hành binh cùng với hai G.M11 và 21 cơ động chiến lược được điều gấp lên Tây Nguyên để tổ chức Plây-cu và An Khê thành hai tập đoàn cứ điểm hòng đối phó với cuộc tiến công của chủ lực đối phương[1].

Trong cuốn *Quân sử ngụy,* bộ tham mưu ngụy thú nhận: tại vùng đồng bằng Liên khu 5, việc "bình định" không thành công. Đặc biệt là ở Phú Yên, dân quân du kích đánh mạnh đã làm cho kế hoạch "tảo thanh" bị thất bại hoàn toàn. Các tiểu đoàn khinh quân đào ngũ hàng loạt. Các G.M, nhất là G.M41 và 42 (do các đại tá Xôc-ken và Giốt chỉ huy), bị đánh tan tành. Trên vùng Tây Nguyên, G.M11 (do viên trung tá Nguyễn Khánh[2] chỉ huy) vừa bị điều vội vã từ Nam Bộ ra đường 19 đã bị thiệt hại nặng nề.

---

1. Plây-cu: 11 tiểu đoàn. An Khê: 3 tiểu đoàn.
2. Thủ tướng bù nhìn của Mỹ sau này (1964).

Bước thứ nhất của *Át-lăng* bị phá sản. Thêm 26 tiểu đoàn cơ động chiến lược bị chôn chân ở chiến trường Nam Trung Bộ. Lại thêm một ngón tay nữa, khá lớn, bị tách ra từ "quả đấm chiến lược" của Na-va, vươn vào tận chiến trường Nam Đông Dương.

Nếu Cô-nhi có lý do để lo ngại về "tình hình bất an" ở đồng bằng Bắc Bộ, nơi lực lượng cơ động chiến lược tập trung đông nhất, thì Na-va cũng thấy một thực tế là vùng Pháp kiểm soát trên cả ba chiến trường Bắc - Trung - Nam đều bị chiến tranh du kích uy hiếp.

Từ cuối tháng 10 năm 1953, mặc dù bộ chỉ huy Pháp ngày càng khẳng định *vùng châu thổ sông Hồng* không phải là mục tiêu trực tiếp của chủ lực đối phương, nhưng ở đây "chiến tranh vẫn diễn ra gay gắt". Theo Na-va, binh lực của đối phương ở đồng bằng Bắc Bộ từ 50 đã lên tới 78 tiểu đoàn, còn lực lượng tổng dự bị của Pháp đang trong quá trình xây dựng thì vẫn không ngừng bị điều đi đối phó trên khắp các chiến trường. Những trận giao chiến ở đồng bằng Bắc Bộ đối với Pháp vẫn là những trận gay go nhất, không những vì địa bàn hẹp, mật độ dày đặc và đóng xen kẽ mà còn vì hai bên tham chiến đều bao gồm những đơn vị tinh nhuệ, thiện chiến. Na-va còn thú nhận rằng trong các trận càn quét, phía Pháp cố dùng rất nhiều binh lực, "nhưng đã nhiều lần rơi vào chỗ trống", đến nỗi ngày 22 tháng 12, viên tổng chỉ huy phải hạ lệnh cho tướng Cô-nhi "đình chỉ những cuộc hành binh dùng lực lượng quá nhiều mà không đem lại kết quả đáng kể...".

Trong khi đó, lực lượng vũ trang đối phương (kể cả những đơn vị đã bị bộ tham mưu Pháp liệt vào danh sách "bị tiêu diệt") vẫn hoạt động mạnh khắp nơi, từ vùng trung du Sơn Tây đến vùng biển Thái Bình và vùng Hà Đông sát trung tâm Hà Nội. Đường số 5, con đường huyết mạch, thường xuyên bị uy hiếp khiến cho kế hoạch vận chuyển để tăng viện cho các chiến trường trực tiếp bị ảnh hưởng. Trận tiến công căn cứ không quân Đồ Sơn ngày 31 tháng 1 năm 1954 (5 máy bay bị phá hủy, một kho xăng bị đốt) là đòn cảnh cáo đầu tiên đối với quân Pháp và đối với bọn phi công và nhân viên kỹ thuật Mỹ đang kéo vào Việt Nam tiếp tay cho Pháp.

Tại vùng quân Pháp kiểm soát ở *đồng bằng Trung Bộ,* nhất là dọc trục đường chiến lược số 1, tình hình "bất an" vẫn lan tràn. Chỉ trong mấy tháng cuối năm 1953, đầu năm 1954, đã có hàng chục đoàn tàu với hàng trăm toa bị lật nhào, trên 200 vị trí và tháp canh bị tiêu diệt hoặc bị bức hàng, bức rút. Cơ quan tham mưu Pháp đi đến kết luận là, do lực lượng chính quy của đối phương ở chiến trường miền Trung không nhiều, cho nên thất bại của *Át-lăng* trước hết và chủ yếu là thất bại của những binh đoàn cơ động trang bị hiện đại trước những đơn vị vũ trang địa phương nhỏ bé nhưng quyết tâm bám đất giữ làng. Sau này, chính Na-va cũng phải thú nhận rằng sức mạnh của chiến tranh du kích đã buộc hắn ta phải đình chỉ những cuộc hành binh càn quét được chuẩn bị mở ở vùng duyên hải Trung Bộ.

Tại *chiến trường Nam Bộ,* sau khi GM11, lực lượng cơ động chiến lược duy nhất bị điều ra Tây Nguyên, lực

lượng còn lại của Pháp và tay sai (kể cả những tiểu đoàn cơ động chiến thuật) phải co lại giữ các địa bàn xung yếu khiến cho sức đối phó ở các nơi khác bị giảm sút rõ rệt. Đó là cơ hội tốt để chiến tranh du kích phát triển rộng khắp, buộc quân Pháp, ngụy phải bỏ hàng ngàn vị trí, tháp canh. Ý đồ của bộ chỉ huy Pháp "tiến công dứt điểm" vùng tự do Khu 9 rốt cuộc chỉ còn là chủ trương trên giấy. Theo Na-va, sự "ruỗng nát" đã tăng lên, nhất là ở những vùng đã bàn giao cho ngụy quyền... "Các đồn bốt và tháp canh bị tiến công liên tiếp và không đủ binh lực để chống đỡ lại... Tôi (Na-va) buộc lòng phải vứt bỏ kế hoạch chiếm đóng vùng Transbassac (đồng bằng miền Tây Nam Bộ)".

Sau này, trong cuốn *Đông Dương hấp hối,* tướng Na-va vẫn chưa dám nói lên một sự thật là: trải qua ba tháng đầu tiên của mùa khô (từ tháng 11 năm 1953 đến tháng 1 năm 1954) bước 1 kế hoạch chiến lược của Pháp đã bị phá sản trên những mặt cơ bản. Na-va đã sớm bị dồn vào thế *bị động chiến lược* mà từ Đờ-lát đến Xa-lăng đều không sao thoát ra nổi.

- Na-va muốn xây dựng một đội quân cơ động chiến lược mạnh và tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ, nhưng các chiến dịch đầu tiên của đối phương trong đông - xuân 1953 - 1954 đã buộc bộ chỉ huy Pháp phải liên tiếp điều lực lượng dự bị chiến lược (đang trong quá trình xây dựng) phân tán đi khắp nơi, từ Tây Bắc đến Trung và Hạ Lào, từ Tây Nguyên đến vùng duyên hải Nam Trung

Bộ. Mâu thuẫn và sự giằng xé trong thế bố trí chiến lược của Na-va giữa đồng bằng và vùng rừng núi, giữa tập trung và phân tán, giữa chiến trường chính và các chiến trường khác, ngày càng trở nên sâu sắc. Cái gọi là "tư tưởng chủ động tiến công" của Na-va chỉ còn là một ảo vọng khi hắn buộc phải liên tiếp vét lực lượng từ đồng bằng Bắc Bộ và Bình Trị Thiên, từ Cam-pu-chia đến Nam Bộ để ném đi đối phó một cách bị động trên các chiến trường.

- Na-va muốn "giam chân" chủ lực đối phương ở phía bắc vĩ tuyến 18 để rảnh tay "tảo thanh" chiến trường miền Nam, tiêu diệt các ổ đề kháng và nhất là xóa sạch các căn cứ địa kháng chiến rộng lớn ở Khu 5 và Khu 9, nhưng nhiều đơn vị chính quy đối phương đã "bước qua cái đòn chắn" của Na-va để tiến sâu xuống phía nam, đánh mạnh ở Trung và Hạ Lào. Trong khi đó thì bộ đội chủ lực của đối phương ở Khu 5 và Khu 9 đã cùng dân quân du kích Trung và Nam Bộ không những bảo vệ vững chắc vùng tự do mà còn buộc Pháp phải liên tiếp thu hẹp phạm vi chiếm đóng trên các chiến trường này. Riêng tại đồng bằng Bắc Bộ, thất bại của Na-va về âm mưu bình định là một thực tế quá rõ ràng. Thất bại này đã trở thành nguồn gốc những cuộc xung đột giữa Na-va và Cô-nhi trong chủ trương xé lực lượng dự bị chiến lược ở vùng châu thổ sông Hồng đưa đi các chiến trường khác, một chủ trương mà Cô-nhi trước sau vẫn phản đối.

Na-va muốn "tránh tổng giao chiến" với chủ lực đối phương trong đông - xuân 1953 - 1954, nhưng các chiến dịch đối phương liên tiếp mở trên *các hướng chiến lược*

quan trọng mà ở đó quân Pháp lại sơ hở và mỏng yếu đã buộc Pháp không thể không đối phó. Điển hình bị động trong chiến lược của Na-va là quá trình hình thành chủ trương "chấp nhận tổng giao chiến" trên chiến trường Tây Bắc, cụ thể là ở Điện Biên Phủ.

Các tướng lĩnh Pháp bấy giờ không thấy hoặc không muốn công nhận tất cả những sự thật đó. Và bộ máy tâm lý chiến của quân đội viễn chinh Pháp vẫn không ngừng tuyên truyền cho cái gọi là "thắng lợi bước đầu" trong việc thực hiện kế hoạch Na-va!

9
VÌ SAO ĐIỆN BIÊN PHỦ?

Từ khi kế hoạch Na-va hình thành đến khi Điện Biên Phủ được cả ta và địch chọn làm điểm quyết chiến chiến lược, là cả một quá trình diễn ra cuộc đấu trí, khi công khai, khi thầm lặng giữa hai bộ thống soái.

Na-va và nhiều tướng lĩnh Pháp, Mỹ và phương Tây đã từng giải thích vì sao bộ thống soái quân viễn chinh chọn Điện Biên Phủ để xây dựng tập đoàn cứ điểm, chấp nhận giao chiến với chủ lực ta. Họ nêu nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng với quan điểm phân tích của ta, thấy nổi lên mấy điểm sau đây:

1. Về vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ.

Họ đánh giá cao vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ. Đối với khu vực lục địa châu Á, Điện Biên Phủ là *ngã tư chiến lược,* là cái bàn xoay ở vào giữa 4 quốc gia: Việt Nam, Lào, Miến Điện và Trung Quốc. Riêng đối với chiến trường Bắc Đông Dương, Điện Biên Phủ là *cửa ngõ* từ tây bắc Việt Nam sang Thượng Lào, là cái *chìa khóa* sang Thượng Lào. Trong cuốn *Điện*

Biên Phủ[1], Lăng-le (Langlais, nguyên chỉ huy phó tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ) đánh giá: "Chỉ cần nhìn lên bản đồ cũng đủ thấy rằng Điện Biên Phủ khống chế đường sang Luông Pha-băng và sông Mê-kông bằng các dòng sông Nậm Nưa và Nậm Hu, xuống phía nam Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ bằng sông Mã, sông Đà và các nhánh của hai sông đó...".

Cách đánh giá cao vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ không phải chỉ trong những năm 1953-1954, mà từ lâu, từ "những ngày vàng son" của đế quốc Pháp trên bán đảo này. Năm 1888, tên thực dân khoác áo nhà thám hiểm O-guyt-xtơ Pa-vi (Auguste Pavie) đã mò đến đây. Sau đó con đường mòn Lai Châu - Điện Biên Phủ được mang tên hắn - đường Pa-vi. Từ đầu thế kỷ này, Điện Biên Phủ là "hạt nhân của đạo quan binh thứ 4" ở Bắc Đông Dương. Khi Pháp bị Nhật đảo chính (3-1945), trong cảnh thất cơ lỡ vận, Pháp nhớ lại cánh đồng Mường Thanh của Điện Biên Phủ. Viên trung tá Gô-sê (Gaucher - năm 1954 là chỉ huy phân khu Trung tâm của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ) kể lại rằng hồi đó, trên đường chạy trốn từ Bắc Kỳ sang Côn Minh (Trung Quốc), khi bọn tàn quân Pháp con đang dừng chân ở Điện Biên Phủ, sáng ngày 29 tháng 3 năm 1945, hai sĩ quan được gọi là "phái viên quân sự cao cấp" của Đờ-gôn từ một *Da-kô-ta* của Mỹ nhảy dù xuống, chuyển cho bọn chỉ huy Pháp chỉ thị của tổng thống Pháp: Phải giữ bằng được cái chậu (cuvette- lòng chảo) Điện Biên Phủ. Đứng vững trên cánh đồng này sẽ "xoay chuyển được tình thế, cứu nguy được Đông Dương khỏi tay phát xít Nhật".

---

1. Nxb France Empire - 1963.

Tháng 5 năm 1953, khi nhận bàn giao, tướng Na-va được Xa-lăng cho biết: sau khi bị mất Điện Biên Phủ (trong chiến dịch Tây Bắc cuối năm 1952 của ta), bộ chỉ huy Pháp đã định chiếm lại, nhưng không đủ quân. Xa-lăng dự kiến "trước sau sẽ trở lại". Đến lượt Na-va, ngay từ lần đầu tiên lên thăm Điện Biên Phủ ngày 29 tháng 11 năm 1953, dưới con mắt của viên tổng chỉ huy mới, cánh đồng Mường Thanh rộng bao la là mảnh đất dụng võ tuyệt vời đối với xe tăng (bản thân Na-va cũng là lính xe tăng từ trước khi làm nghề tình báo); sân bay sẵn có của Điện Biên Phủ có thể mở rộng gấp 2 - 3 lần; giữa các triền núi vây quanh lòng chảo (một bức thành thiên nhiên), là một không gian rộng lớn cho phép máy bay đủ tầm hoạt động, lên xuống dễ dàng. Tóm lại, cánh đồng 130km^2 này có đủ điều kiện để xây dựng thành một căn cứ không quân - lục quân quan trọng, "hiện đại vào bậc nhất Đông Dương".

Có người nói rằng Điện Biên Phủ quá xa các căn cứ của Pháp ở đồng bằng. Na-va trả lời: Không đâu! Vì sao như vậy? Viên tổng chỉ huy Pháp đã từng đồng ý với một sĩ quan hậu cần khi anh ta nhận xét rằng: Cầu hàng không (Hà Nội - Điện Biên Phủ) chỉ cần một giờ bay. Người ta có thể đi chữa răng ở thành phố (Hà Nội), ăn bữa trưa ở khách sạn Mê-tơ-rô-pôn, làm một giấc *la-xiết* rồi trở lại lòng chảo (Điện Biên Phủ) trước tối bằng chuyến Da-kô-ta cuối cùng. Đó là tính ưu việt của Điện Biên Phủ về mặt quân sự. Còn về kinh tế thì Tây Bắc có 4 cánh đồng lớn và Mường Thanh đứng đầu sổ. Theo tài liệu của thời Tây để lại thì lúa Mường Thanh

đủ nuôi cho cả Lai Châu. Một vựa lúa khổng lồ! Na-va đặt một bài toán: Đủ nuôi ba vạn quân chiến đấu trong nhiều tháng. Trong chỉ lệnh số 852 ngày 2 tháng 11 triển khai kế hoạch Ca-xto (*Castor* - kế hoạch nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ), tướng Na-va tâm niệm hai điều: 1) Phải chiếm cánh đồng Mường Thanh trong những ngày 19, 20, chậm là ngày 25 tháng 11, khi mùa gặt ở đây vừa bắt đầu. 2) Phải nhanh chóng cướp lấy con chủ bài lúa, đánh vào cái dạ dày đối phương.

2. Yêu cầu chiến lược và chính trị: "bảo vệ" Thượng Lào.

Biết rõ vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ, nhưng Na-va không vội vã thiết lập tập đoàn cứ điểm trên cánh đồng Mường Thanh. Có nhiều lý do: 1) Phòng ngự bằng hình thức co cụm thành tập đoàn cứ điểm vốn không phải là việc mà Na-va ưa thích. Ông ta đã từng phê phán tập đoàn cứ điểm Nà Sản là "một di sản nhiễm độc" và cho rút quân khỏi Nà Sản sau ba tháng nhậm chức. Hơn nữa, ai chẳng biết tư tưởng chỉ đạo (nổi tiếng!) của kế hoạch Na-va là "tiến công - chủ động tiến công". 2) Bước vào mùa khô 1953 - 1954, Na-va phán đoán đối phương sẽ tập trung nỗ lực vào hướng đồng bằng, mà quân Pháp thì lại rất coi trọng nhiệm vụ bảo vệ đồng bằng - "chiến trường nhạy cảm". 3) Mục tiêu trước mắt của bộ chỉ huy Pháp là biến giấc mộng *Atlante* thành hiện thực, phải chiếm cho được vùng Việt Minh kiểm soát ở Liên khu 5. Đây là mục tiêu hàng đầu của Na-va. 4) Phải dành lực lượng, thu vén nhặt nhạnh để

xây dựng "quả đấm chiến lược" cho bước 2 của kế hoạch chiến lược 18 tháng... Tóm lại, không có từ *Điện Biên Phủ* trong kế hoạch Na-va khi kế hoạch này ra đời cũng như khi nó đã lọt vào mắt xanh của Hội đồng quốc phòng Pháp (24-7-1953).

Nhưng rồi từng bước, Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch đó. Tổng chỉ huy phân tích nhiều lẽ (mà nhiều tướng lĩnh Pháp cho rằng Na-va cố tình biện bạch sau khi thua) để chứng minh lý do *bảo vệ Thượng Lào*: 1) Tháng 10 năm 1953, Pháp và (ngụy) Lào ký hiệp định, trong đó có chuyện quân viễn chinh Pháp coi nhiệm vụ bảo vệ Thượng Lào có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. 2) Một tháng sau, có tin một sư đoàn Việt Minh lên Tây Bắc, mà đã lên Tây Bắc thì (như kinh nghiệm thời Xa-lăng) chỉ cần một bước là sang đến đất Lào, là uy hiếp cố đô Luông Pha-băng. Phải đóng chốt ở Điện Biên Phủ để chặn đứng bước chân của đối phương, không những để Thượng Lào khỏi hở sườn mà còn bảo vệ cho Lai Châu (khi đó chưa rút) khỏi lạnh chân. Suy đi tính lại, không một địa bàn nào khác (Nà Sản, Lai Châu, Viêng Chăn, Luông Pha-băng, Cánh Đồng Chum...) có đủ điều kiện để thay thế Điện Biên Phủ làm chức năng thiêng liêng bảo vệ Thượng Lào. 3) Ngày càng rõ ý đồ của đối phương: Hướng chiến lược của họ không nhằm đồng bằng sông Hồng mà hướng lên chiến trường rừng núi tây bắc Đông Dương. 4) Đưa lên Điện Biên Phủ 6 tiểu đoàn với lực lượng không quân yểm trợ cũng đủ cho tập đoàn cứ điểm đứng vững trước cuộc tiến công của một sư đoàn (tăng cường) của Việt Minh. Kinh nghiệm nóng hổi của Nà Sản còn đó.

3. Từ "con chuột biển" (Castor - Hải ly) đến "con nhím" khổng lồ.

Từ chủ trương ném xuống 4.500 quân (20 - 22-11-1953), với ý định xây dựng một tập đoàn cứ điểm *cỡ Nà Sản* đến quyết tâm (3-2-1953) xây dựng một căn cứ *siêu Nà Sản* là một quá trình phán đoán, suy nghĩ đắn đo. Cụ thể là: 1) Cuối tháng 11 đến đầu tháng 12, tin tức cho thấy không phải chỉ một đại đoàn 316 mà phần lớn bộ đội chủ lực của Việt Minh đã và đang chuẩn bị lên Tây Bắc. Thế là đồng bằng sẽ không còn bị 312, 308, 351 từ trên ép xuống và 304, 320 từ dưới thúc lên nữa. 2) Tập đoàn cứ điểm đã trở thành mục tiêu hấp dẫn thu hút chủ lực đối phương như một "cái nhọt hút máu độc". Vậy thì phải cho *con nhím* Mường Thanh phình ra thành một *siêu Nà Sản* mới đủ sức đối phó chắc chắn với chủ lực đông của Việt Minh. 3) Hai tình huống có thể sẽ diễn ra và phía Pháp đều có lợi: Nếu Việt Minh thấy tập đoàn cứ điểm lớn quá, không dám tiến công, họ lui quân về đồng bằng thì mùa khô đã qua, mùa mưa đã tới, mùa chiến dịch đã hết. Nếu Việt Minh liều mạng húc vào *Véc-đoong châu Á*, thì đây là một dịp chưa hề có: đánh nhau có bài bản, mặt đối mặt và dứt khoát chủ lực Việt Minh sẽ bị nghiền nát. 4) Đối phương đã dồn quân lên chiến trường rừng núi, khiến cho chiến trường đồng bằng dễ thở, bộ thống soái Pháp cũng thoải mái, nhẹ nhõm, ung dung triển khai chiến dịch *Át-lăng*, chiếm đồng bằng Liên khu 5.

Từ phán đoán đó dẫn đến quyết tâm quan trọng ngày 3 tháng 12 năm 1953, gồm mấy điểm sau đây: 1) Rút quân ở Lai Châu về Điện Biên Phủ, đưa thêm quân ở đồng bằng sông Hồng lên (dù tư lệnh Bắc Bộ Cô-nhi phản đối), nâng binh lực ở Điện Biên Phủ lên trên 10 tiểu đoàn (12 tiểu đoàn và 9 đại đội), xây dựng một tập đoàn cứ điểm cỡ lớn trên cánh đồng Mường Thanh. 2) Chấp nhận giao chiến với chủ lực đối phương. Na-va tin rằng, với lực lượng được tăng cường như trên, dù đứng trước sức mạnh tiến công của 4 - 5 đại đoàn đối phương, tập đoàn cứ điểm vẫn có thể và cần phải được "bảo vệ bằng mọi giá". 3) Để Điện Biên Phủ khỏi bị cô lập, rải 6 tiểu đoàn dọc sông Nậm Hu, nối liền Luông Pha-băng - Mường Khoa với Điện Biên Phủ. Vạn nhất, nếu có phải bỏ Điện Biên Phủ, cũng có sẵn hành lang đường bộ bảo đảm việc lui quân sang Thượng Lào (theo kế hoạch *Xê-nô-phôn*). 4) Trước khi mở cuộc hành binh *Át-lăng*, dành ưu tiên số 1 về không quân cho Điện Biên Phủ để *con nhím* xù lông nhanh chóng trước khi chủ lực đối phương vượt qua Tuần Giáo.

Từ phán đoán sai, quyết tâm không chính xác, dẫn đến kế hoạch tác chiến không tưởng. Đó là kế hoạch *bốn bước* giành chiến thắng ở Điện Biên Phủ: Bước 1: Trong những ngày đối phương tập kết lực lượng và chuẩn bị chiến dịch, không quân Pháp sẽ phá tuyến cung cấp, phá đường hành quân, phá kế hoạch chuẩn bị của Việt Minh. Bước 2: Những ngày đối phương tiếp cận trận địa (phán đoán từ 6 đến 10 ngày), Pháp sẽ dùng không quân và pháo binh đánh bật quân Việt Minh ra khỏi khu vực

tiếp cận. Bước 3: Khi đối phương mở cuộc tiến công (Na-va phán đoán chủ lực Việt Minh chỉ kéo dài cuộc chiến được vài ngày), Pháp sẽ dùng lực lượng dưới mặt đất và trên không phản kích liên tục, buộc quân Việt Minh phải trả giá đắt để rồi bỏ cuộc. Bước 4: Khi đối phương đã thất bại, buộc phải lui quân, quân Pháp sẽ nhanh chóng truy kích, gây cho họ những tổn thất lớn ngay trong quá trình rút chạy.

4. Quyết tâm sắt đá, dù cấp dưới không đồng tình, dù Pa-ri can ngăn.

Trong hàng ngũ tướng tá cấp dưới của Na-va, không phải ai cũng tán thành chủ trương xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chúng ta hãy điểm vài ý kiến của một số người:

Cô-nhi, tướng 2 sao, tư lệnh Bắc Kỳ: 1) Không nên rút quân ở đồng bằng đi; 2) Nếu chủ lực Việt Minh đang lên Tây Bắc, thừa cơ mở cuộc tiến công lớn vào hậu phương của họ (vùng Yên Bái hay Thái Nguyên), với lực lượng chừng 6 - 9 G.M; 3). Nếu đưa quân lên Tây Bắc thì Điện Biên Phủ chỉ đóng vai trò "cái cọc buộc thuyền" để mở rộng các hoạt động quân sự và chính trị ra ngoài phạm vi Mường Thanh để bảo vệ cả khu tam giác Điện Biên - Tuần Giáo - Lai Châu. Kiềng ba chân mới vững.

Ba-xti-a-ni, đại tá tham mưu trưởng của Cô-nhi: 1) Điện Biên Phủ không thể chặn được đối phương sang Thượng Lào. Trên cái chiến trường Đông Dương kỳ lạ này, người ta (Pháp) không thể chặn đối phương trên một hướng, dù đường 41 (Tuần Giáo - Điện Biên - Tây Trang -

Mường Khoa) là độc đạo; 2) Điện Biên Phủ sẽ là cái vực thẳm chôn các tiểu đoàn quân viễn chinh; 3) Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ chết cứng một chỗ, không thể hoạt động mở rộng ra chung quanh.

Đờ-sô, tư lệnh binh đoàn không vận và ***Ni-cô,*** chỉ huy phi đoàn vận tải: 1) Điện Biên Phủ quá xa đồng bằng, khó yểm trợ có hiệu lực; 2) Khí tượng rừng núi phức tạp, tiếp tế và tăng viện đều khó khăn; 3) Máy bay ít, nhiều chiến trường đòi hỏi, phục vụ không xuể.

Chính phủ Pháp, qua phái viên là đô đốc Ca-ba-ni-ê đã báo cho Na-va biết (đúng vào ngày 20 tháng 11, quân Pháp nhảy xuống Điện Biên): 1) Phải hiểu nhiệm vụ "tìm lối thoát danh dự" là làm cho đối phương nhận thức được rằng họ không thể thắng Pháp bằng quân sự. "Lối thoát" không phải là đánh bại Việt Minh, một việc không thể làm được; 2) Pa-ri không còn quân tăng viện (dù chỉ yêu cầu 9 tiểu đoàn chứ đừng nói 2 sư đoàn), Oa-sinh-tơn không viện trợ thêm máy bay; 3) Do đó, phải "liệu cơm gắp mắm", hãy điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với phương tiện có trong tay.

Na-va bỏ ngoài tai. Tư tưởng "tích cực tiến công - chủ động tiến công" của ngài tổng chỉ huy đã được (hay là bị) báo chí đưa lên tận chín tầng mây xanh. Hạ xuống khó lắm, nhất là với cá tính Na-va: lạnh lùng, kiêu hãnh.

5. Nhưng rồi cũng đến lúc thần kinh dao động.

a) Cho đến giữa tháng 12 năm 1953, Na-va vẫn đánh giá sai tình hình, vẫn chủ quan: 1) Đối phương đã không

đánh được Nà Sản, nhất định sẽ bị nghiền nát trước một "siêu Nà Sản". 2) Điện Biên Phủ quá xa hậu phương của họ. Đường vận chuyển chiến lược bị không quân băm nát. Vai và bắp chân cu-li (dân công) gánh sao đủ gạo để nuôi mấy vạn quân? 3) Dù phần lớn chủ lực đối phương đã hay đang lên gần tới Điện Biên Phủ, nhưng nhờ có không quân yểm trợ đắc lực, "con nhím" đang xù lông nhanh chóng. Bước đi bộ của Việt Minh chậm lắm. Họ lên tới nơi thì tập đoàn cứ điểm đã vững lắm rồi. 4) Đường lên Điện Biên Phủ quá xấu, pháo nặng không lên được. Núi quanh lòng chảo quá cao, pháo nặng đặt trận địa ở đâu? Mà có pháo thì pháo Việt Minh cũng nhanh chóng bị pháo của quân Pháp "khóa mõm". Hội nghị chuyên đề về pháo binh mở ngày 29 tháng 12 ngay tại Mường Thanh đã kết luận như vậy. Trung tá Pi-rốt (chỉ huy pháo binh của tập đoàn cứ điểm) cũng đã bảo đảm như vậy. 5) Quả đấm chiến lược của Pháp chỉ mới mất chừng 10 tiểu đoàn đưa lên Điện Biên Phủ, khối chủ lực còn lại của Pháp vẫn thừa sức để "làm *Át-lăng*". 6) Thực tế Nà Sản đã chứng minh: xây dựng tập đoàn cứ điểm nhanh bao nhiêu thì (khi cần) rút cũng nhanh bấy nhiêu. 7) Hành lang chiến lược dọc sông Nậm Hu bảo đảm rút quân bằng đường bộ; máy bay vận tải đủ sức chở quân rút bằng đường không (cũng nhanh chóng nhẹ nhàng như rút Nà Sản thôi). 8) Với kế hoạch tác chiến 4 bước (nói ở trên), Việt Minh nhất định bị đo ván, không thể gượng dậy được. 9) Với chỉ lệnh 22 tháng 12 (tăng 3 tiểu đoàn bộ binh và một đại đội xe tăng), tập đoàn cứ điểm có 12.000 quân, thừa sức quật ngã đối phương. Tóm lại, khoảng trước cuối tháng 12, Na-va vẫn tin chắc thắng trăm phần trăm. Lòng tin

càng được củng cố mỗi khi có thêm các phái đoàn quân sự từ Pa-ri và Oa-sinh-tơn viếng thăm Điện Biên Phủ. Viếng thăm cộng với lời khen và thán phục.

b) Nhưng rồi cũng đến lúc "nhiệt kế thần kinh" của Na-va hạ dần xuống, có lúc xuống khá thấp, do thực tế hoạt động của đối phương.

- 27 tháng 12 - có tin đại đoàn 308 đã áp sát lòng chảo. Na-va cảm thấy chiến sự khi nổ ra sẽ gay go.

- Ngày 31 tháng 12 - Na-va chỉ thị cho Cô-nhi và Cre-vơ-cơ (chỉ huy quân Pháp ở Thượng Lào) bí mật chuẩn bị kế hoạch *Xê-nô-phôn*, sẵn sàng rút chạy sang Lào khi cần. Nhưng (như Y-vơ Gra[1] nhận xét sau này), đến cuối tháng 12, thời cơ rút chạy đã qua rồi. "Hòn sáp đã khô lại, không còn có thể nhào nặn theo ý muốn chủ quan được nữa rồi".

- Ngày 1 tháng 1 năm 1954, Na-va gửi thư về Pa-ri, cảnh báo: Không tăng viện không quân, tập đoàn cứ điểm sẽ bị đè bẹp.

- Giữa tháng 1 năm 1954: Tin đối phương có lựu pháo 105mm và cao pháo 37mm. Quân Pháp sẽ phải đương đầu với những khó khăn chưa lường trước được.

- Ngày càng thấy yêu cầu tiếp tế vượt quá xa dự kiến ban đầu, không quân không chịu nổi.

Thực tế trên đây ngày càng làm sáng rỏ nguy cơ khó giành thắng lợi của phía Pháp: 1) Công sự (của tập đoàn cứ điểm) vững chắc, nhưng đối phương có

1. Yves Gras - Tác giả cuốn *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nxb Plon Paris, 1979.

pháo lớn. 2) Cầu hàng không không phục vụ nổi chiến trường xa. Chỗ (mà trước kia Na-va cho là) mạnh có thể trở thành chỗ yếu chí mạng. 3) Phòng tuyến sông Nậm Hu bị 308 đập tan. Rõ ràng chốt Điện Biên Phủ không chặn được bước chân họ tiến quân sang Thượng Lào. 4) Hành lang chiến lược bị phá sập, máy bay bị hỏa lực Việt Minh khống chế, rút chạy bằng đường bộ hay đường không đều khó. 5) Không quân không phá nổi đường tiếp tế của đối phương. Đường hỏng là họ chữa và "đàn kiến cu-li" (dân công) vô tận cứ bò mãi, bò mãi ra mặt trận, bất kể ngày đêm.

- Có đánh lên Yên Bái hay Thái Nguyên để đỡ đòn cho Tây Bắc được không? Tốn quân quá. Mà đánh lên, chắc gì chủ lực Việt Minh đã lui về. Kinh nghiệm các cuộc hành binh Phô-cơ (Phoque-1950) và Lô-ren (Loraine-1952) còn nóng hổi. Mà lúc này kéo quân ra khỏi đồng bằng, hậu phương quân viễn chinh sẽ thế nào trước mũi súng của 320 và các trung đoàn địa phương, nhất là trung đoàn 42?

Tóm lại, từ cuối tháng 12 năm 1953, dần dần Na-va không còn tin vào thắng lợi nữa vì không tìm ra lối thoát trong tình thế tiến thoái lưỡng nan. Mọi dự kiến đã bị đảo lộn hết. Đành phải phó mặc cho số phận: phải đánh với phương tiện của bản thân tập đoàn cứ điểm là chủ yếu.

10
TƯ TƯỞNG MA-GI-NÔ SỐNG LẠI

Hạ quyết tâm *chấp nhận chiến đấu với chủ lực đối phương ở Điện Biên Phủ,* ngày 3 tháng 12 năm 1953, Na-va khẳng định: căn cứ không quân - lục quân này phải được giữ vững bằng bất kỳ giá nào. Viên tổng chỉ huy Pháp tin rằng, với một lực lượng mạnh, với biện pháp phòng ngự hiện đại, Điện Biên Phủ chắc chắn sẽ trở thành một "pháo đài bất khả xâm phạm".

Đại bộ phận chủ lực của đối phương đã tiến quân lên Tây Bắc thì càng nên biến Điện Biên Phủ thành "cái nhọt hút máu độc", dùng Điện Biên Phủ để giam chân các sư đoàn cơ động của họ trên chiến trường rừng núi càng lâu càng tốt. Nếu họ không bỏ ý định tiến công Điện Biên Phủ thì tập đoàn cứ điểm này sẽ trở thành "cái bẫy", "cái máy nghiền", nghiền nát chủ lực đối phương. Na-va hy vọng rằng mùa đông trôi qua vào lúc thế trận chuyển biến ngày càng có lợi cho quân đội Pháp: đứng vững chân và mở rộng phạm vi chiếm đóng ở Tây Bắc; bảo vệ được Thượng Lào; giảm sức ép tiến công của đối phương ở đồng bằng Bắc Bộ. Trong điều

kiện đó, khi mùa xuân tới, viên tổng chỉ huy sẽ ung dung chuyển sang kế hoạch tiến công trên chiến trường miền Nam!

Với niềm lạc quan, tin tưởng hiếm có đó, Na-va đã lao vào xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Bộ chỉ huy cuộc hành binh Ca-xto được thay thế bằng bộ chỉ huy "binh đoàn hành binh Tây Bắc (GONO)" gồm khoảng mười viên đại tá và trung tá được coi là cự phách và được đưa lên Điện Biên Phủ ngay từ những ngày đầu tháng 12.

- Chỉ huy trưởng: đại tá Đờ Cát.

- Chỉ huy phó, đặc trách phân khu Trung tâm: trung tá Gô-sê (Gaucher) (13-3-1954 Gô-sê chết, trung tá Lăng-gle thay).

- Chỉ huy phó, phụ trách phòng thủ chung: đại tá Lơ-mơ-ni-ê (Lemeunier).

- Chỉ huy phó, phụ trách phân khu Bắc: đại tá Tơ-răng-ca.

- Chỉ huy phó phụ trách pháo binh: trung tá Pi-rốt (15-3-1954, Pi-rốt chết, trung tá Vai-ăng (Vaillant) thay).

- Tham mưu trưởng: trung tá Ken-le (Keller) sau đó là trung tá Đuy-cruých (Ducruix).

- Chỉ huy không quân: trung tá Ghe-ri-ê (Guerrier).

Tướng Cô-nhi, chỉ huy trưởng ở Bắc Bộ, trực tiếp chịu trách nhiệm trước tổng chỉ huy về tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Để chắc tay hơn, Na-va còn cử Bô-đê,

phó tướng của mình, thường trực ở Hà Nội, phụ trách việc hiệp đồng giữa các quân chủng.

Nếu có ai đặt vấn đề: tại sao Na-va không chỉ định một sĩ quan cấp tướng trực tiếp chỉ huy tập đoàn cứ điểm thì người đó quả thật chưa đánh giá đúng "tài" của đại tá Đờ Cát, một người có cái tên quý tộc dài dằng dặc (Christian - Marie - Ferdinand de la Croix de Castries), xuất thân từ một dòng họ đã từng vang bóng một thời với một lô trung tướng, đô đốc, thống chế, bộ trưởng... Bản thân Đờ Cát đã từng ba lần qua lại Đông Dương: 1946, 1951, 1953. Không phải ngẫu nhiên mà Đờ Cát được các danh tướng Lơ-cle, Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi rồi Na-va kéo sang đây vào những thời điểm bước ngoặt (thường là bước ngoặt đi xuống) của quân viễn chinh Pháp. Cũng không phải ngẫu nhiên mà Đờ Cát được tướng Đờ-lát tin cậy kéo từ Lục Nam lên chữa cháy ở Vĩnh Yên hồi tháng 1 năm 1951, khi quân đội Việt Nam mở chiến dịch Trung Du. Càng không phải ngẫu nhiên mà trong cuộc hành binh "Hải Âu", viên đại tá đội chiếc mũ ca-lô đỏ chói, quàng chiếc khăn sặc sỡ, tay cầm cây gậy chỉ huy cán bịt bạc luôn tỏ ra xông xáo... đã lọt vào mắt xanh của Ních-xơn khi ngài phó tổng thống Huê Kỳ ra thị sát chiến trường Nho Quan (4-11-1953).

Rõ ràng, cả về quá khứ và hiện tại, cả về gia đình và bản thân, Đờ Cát thừa tiêu chuẩn để cấp trên giao cho trọng trách trấn giữ cái lòng chảo Điện Biên nóng bỏng này. Còn về cấp bậc? Ở Đông Dương , tướng Pháp không nhiều lắm. Đó chỉ là một lẽ. Cái chính là (theo quan

điểm của Na-va - Cô-nhi) một đại tá có tài còn hơn một viên tướng bất lực. Mà Đờ Cát thì được Na-va đánh giá là viên đại tá "không ai giỏi hơn được". Tổng chỉ huy quả là người biết chọn mặt gửi vàng.

Còn các đại tá và trung tá khác, tuy đã từng có chuyện không hay này nọ[1], nhưng họ đều là những người tận tụy với sự nghiệp đế quốc của nền đệ tứ cộng hòa Đại Pháp!

Ngay sau khi được chỉ định, các sĩ quan đáng tin cậy trên đây của Na-va bắt tay vào việc xây dựng tập đoàn cứ điểm với "lòng hăng say lạ thường".

Từ đầu tháng 12, cánh đồng Điện Biên nhanh chóng thay đổi bộ mặt. Sân bay Mường Thanh được củng cố và sử dụng ngay. Hàng ngày, hàng trăm chuyến máy bay vận tải chở đủ các loại trang bị kỹ thuật (kể cả xe tăng M24 tháo rời) hạ cánh hoặc thả dù xuống lòng chảo. Trên thị trấn Điện Biên nhanh chóng bị san phẳng, các cụm cứ điểm lần lượt mọc lên quanh sân bay. Ba trung tâm đề kháng hình thành ngay từ đầu ở phía tây - bắc và phía đông sân bay.

Sau ba tháng chuẩn bị, đến đầu tháng 3 năm 1954, binh lực của Pháp ở đây đã lên tới 12.000 tên, gồm 12 tiểu đoàn (năm lê-dương, bốn da đen, một Pháp,

---

1. Gaucher, năm 1945 khi còn là đại úy, đã từng thủ tiêu chiến đấu và bỏ chạy hồi Nhật đảo chính Pháp.

Piroth, bỏ xe pháo lại, chạy tháo thân khỏi Lạng Sơn trong chiến dịch Biên Giới cuối năm 1950.

Trancard, chỉ huy phân khu Tây Bắc, vừa nướng hàng chục đại đội ngụy Thái khi quân đội Việt Nam tiến lên giải phóng Lai Châu trong đợt 1 của chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, v.v...

hai ngụy) và bảy đại đội lẻ, phần lớn là các đơn vị bộ binh và dù tinh nhuệ. (Trong quá trình chiến dịch, tăng thêm bốn tiểu đoàn và hai đại đội, nâng tổng quân số lên 16.000 tên, trong đó có 17 tiểu đoàn bộ binh và dù). Về trang bị, có hai tiểu đoàn pháo 105 mi-li-mét (24 khẩu), một đại đội pháo 155 mi-li-mét (bốn khẩu), hai đại đội súng cối 120 mi-li-mét (20 khẩu), hai đại đội công binh, một đại đội xe tăng 18 tấn (10 chiếc), một đội xe cơ giới (127 chiếc các loại), một phi đội thường trực (sáu máy bay khu trục và trinh sát). Ngoài ra còn có một số binh khí kỹ thuật khác như súng phun lửa, mìn đĩa, mìn thường, mìn na-pan chôn dưới đất, khí tài chống đạn khói, máy hồng ngoại...

Với binh lực trên đây, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được tổ chức thành ba phân khu (Bắc, Trung tâm và Nam) với 49 cứ điểm yểm trợ lẫn nhau. Mỗi phân khu gồm một hoặc nhiều trung tâm đề kháng.

Phân khu Bắc gồm hai trung tâm đề kháng: Ga-bri-en (Độc Lập) và Bê-a-tơ-ri-xơ (Him Lam), mỗi trung tâm có một tiểu đoàn phòng giữ, ở cách phân khu Trung tâm từ 2 đến 3 ki-lô-mét về phía bắc và đông bắc, có nhiệm vụ bảo vệ phân khu Trung tâm ở vành ngoài (ngăn chặn bước tiến của đối phương trên những hướng mà Pháp cho là nguy hiểm nhất: hướng bắc, đường Lai Châu - Điện Biên Phủ; hướng đông-bắc, đường Tuần Giáo - Điện Biên), đồng thời đảm bảo mở rộng không phận an toàn cho máy bay hoạt động trên vùng trời bắc và đông-bắc sân bay.

Phân khu Nam, tức trung tâm đề kháng I-da-ben (Hồng Cúm), ở cách phân khu Trung tâm khoảng bảy ki-lô-mét về phía nam, do hai tiểu đoàn phòng giữ, có nhiệm vụ ngăn chặn đối phương từ phía nam lên, chi viện bằng hỏa lực cho phân khu Trung tâm chiến đấu phòng ngự đồng thời giữ đường liên lạc với Thượng Lào.

Phân khu quan trọng hơn hết là *phân khu Trung tâm*, ở giữa Mường Thanh (huyện lỵ Điện Biên). Tám tiểu đoàn (tức 2/3 lực lượng) được tập trung ở đây và bố trí thành năm trung tâm đề kháng: An Ma-ri (Bản Kéo), Huy-ghét (Tây sân bay), Đô-mi-ních (đồi Đ), Clô-đin (Nam sân bay), Ê-li-an (đồi A). Các trung tâm đề kháng này yểm hộ lẫn nhau và bao bọc lấy cơ quan chỉ huy, các căn cứ hỏa lực, căn cứ hậu cần đồng thời bảo vệ sân bay. Ngoài lực lượng chiếm đóng (năm tiểu đoàn), Pháp còn có sẵn một lực lượng cơ động ứng chiến (ba tiểu đoàn bộ binh - dù và một đại đội xe tăng) sẵn sàng phối hợp với các trung tâm đề kháng để phản kích; một lực lượng pháo binh và không quân để ngăn chặn đối phương tiếp cận và đánh trả các trận địa pháo binh.

Chung quanh mỗi cứ điểm và mỗi trung tâm đề kháng là cả một hệ thống công sự, hào chiến đấu, dây thép gai (dày từ 50 đến 75 mét) và mìn các loại.

Pháo binh được bố trí ở hai căn cứ: Mường Thanh và Hồng Cúm, có thể yểm trợ lẫn nhau và yểm trợ cho các cứ điểm chung quanh. Ngoài hệ thống hỏa lực chung của tập đoàn cứ điểm, mỗi trung tâm đề kháng còn có hỏa lực riêng bao gồm nhiều súng cối các cỡ, súng phun lửa và các loại súng bắn thẳng bố trí thành một mạng lưới hỏa lực chặt

chẽ, liên hoàn, hoàn chỉnh, khiến cho mỗi cứ điểm, mỗi trung tâm đề kháng có thể độc lập chiến đấu phòng ngự, đồng thời có thể yểm trợ cho các cứ điểm chung quanh.

Điện Biên Phủ có hai sân bay. Ngoài sân bay chính ở Mường Thanh đã được sửa chữa và mở rộng, còn có sân bay dự bị ở Hồng Cúm. Ngày ngày, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được nối liền với Hà Nội và Hải Phòng bằng một cầu hàng không, đường vận tải tiếp tế duy nhất cho tập đoàn cứ điểm. Gần 100 lần chiếc máy bay vận tải Mỹ DC3 hàng ngày hạ cánh xuống sân bay, mang theo một khối lượng tiếp tế từ 200 đến 300 tấn. Ngoài ra, chừng 30 lần chiếc máy bay vận tải hạng lớn C119 do phi công Mỹ lái, mỗi buổi sáng thả dù tiếp tế thêm từ 100 đến 150 tấn. Theo kinh nghiệm chiến đấu ở Nà Sản, các tướng lĩnh Pháp dự tính, để duy trì sức chiến đấu ở Điện Biên Phủ, mức tiếp tế yêu cầu mỗi ngày khoảng 70 tấn trong điều kiện chiến đấu thông thường và khoảng 90 tấn trong điều kiện chiến đấu ác liệt.

Do đánh giá khả năng đối phương không thể kéo dài trận đánh, nên cơ số vật chất được chuẩn bị theo kế hoạch chỉ bao gồm 9 ngày lương thực thực phẩm, 8 ngày nhiên liệu, từ 6 đến 9 cơ số đạn các loại.

Kế hoạch tác chiến phòng ngự do tổng chỉ huy trực tiếp thông qua gồm bốn bước:

Bước 1. Đẩy mạnh mọi hoạt động dưới đất và trên không nhằm trì hoãn việc chuyển quân của đối phương và đánh phá các tuyến giao thông.

Bước 2. Quá trình đối phương tiếp cận tập đoàn cứ điểm và trực tiếp tiếp xúc (dự kiến từ 6 đến 10 ngày), dùng máy bay và pháo binh đánh bật đối phương ra khỏi vị trí tiếp cận.

Bước 3. Nếu đối phương thực hành tiến công (dự kiến trận đánh chỉ kéo dài trong vài ba ngày), sẽ dùng hành động phản kích liên tục, buộc họ phải trả một giá rất đắt và phải đình chỉ trận đánh.

Bước 4. Ngay khi đối phương đã buộc phải rút lui, phải kịp thời khuếch trương thắng lợi, gây thêm cho họ nhiều tổn thất suốt trong quá trình lui quân.

Dựa trên quy mô binh lực, hỏa lực, mục tiêu chiến lược của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, những người theo dõi lời nói và việc làm của Na-va (*lời nói:* chê bai "hệ thống những con nhím", chê bai "tài sản bị nhiễm độc" Nà Sản; *việc làm*: thiết lập tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ) đã có cơ sở thực tế để rút ra kết luận: Lại một lần nữa (có thể là lần chót), "tư tưởng Ma-gi-nô" đã bao trùm và chế ngự đầu óc của "nhà chiến lược tuyệt vời" Hăng-ri Na-va và dẫn đến một công sự boong-ke (pillbox) khổng lồ: Điện Biên Phủ.

Quá trình hình thành và phát triển mau chóng của tập đoàn cứ điểm cũng là quá trình Na-va - Cô-nhi và các tướng lĩnh Pháp vững tin rằng Điện Biên Phủ là một "pháo đài bất khả xâm phạm". Nhớ lại, không những suốt tám năm chiến tranh xâm lược Việt Nam đã qua mà cả trong Chiến tranh thế giới thứ hai, ngay trên đất Pháp, quân đội Pháp chưa bao giờ dựng lên

một hệ thống phòng ngự mạnh như ở Điện Biên Phủ. Nhận xét đó hoàn toàn phù hợp với cách nhìn của các quan chức Pháp - Mỹ khi họ lần lượt lên thăm để tận mắt chiêm ngưỡng công trình vĩ đại, tượng trưng sức mạnh của quân đội viễn chinh Pháp. Ngoài các ký giả Pháp và phương Tây thường xuyên có mặt (theo lời mời có dụng ý của Na-va - Cô-nhi), những người lên thăm viếng Điện Biên Phủ có cả các quan chức quân sự lẫn dân sự, cả Pháp lẫn Mỹ, toàn cỡ bự, phần lớn từ "chính quốc" sang. Những chuyến đi về của chủ và khách ken dày như mắc cửi[1]. Đối với các đơn vị "khán giả" trên đây, nếu tập đoàn cứ điểm không phải là một "tiết mục mới" thì ít nhất "con nhím khổng lồ" này cũng là một động vật lạ, mới xuất hiện ở một vườn bách thú nào đó. Người ta lên thăm và người ta trầm trồ khen ngợi (khen thật lòng, không khách sáo chút nào!) vì ai lại tin rằng Việt Minh dám húc đầu vào "một cái bẫy khổng lồ và phức tạp, lởm chởm những mũi nhọn, sần sùi những công sự đầy mìn" như thế? Na-va - Cô-nhi đã ghi nhận và cảm ơn tất cả những lời khen của khách thập phương, với một sự khiêm tốn đầy tự phụ (modestie orgueilleuse).

Cả khách và chủ đều có cơ sở để tin rằng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là "bất khả xâm phạm".

---

1. Trong vòng 5 tháng (11-1953 đến 3-1954): 17 lượt của chủ nhà (Đờ-giăng, Na-va, Cô-nhi, Bô-đê). Trong vòng 3 tháng (1 đến 3-1954): 12 lượt của khách (các bộ trưởng Plê-ven, Sơ-vi-nhê, Giắc-kê; tổng tham mưu trưởng Ê-ly; các tham mưu trưởng các quân chủng Phay, Blăng, Nô-mi; tướng Mỹ Ô Đa-ni-en).

Với họ, tập đoàn cứ điểm có nghĩa là sắt thép, mà muốn chọi với sắt thép ắt phải có sắt thép. Trong tay đối phương có gì? Chỉ vài chục khẩu pháo. Pháo nặng, đèo cao, lấy gì mà kéo lên? Sức người: có hạn. Mà có kéo lên được thì trận địa pháo đặt ở đâu? Các chuyên gia pháo binh Pháp - Mỹ, kể cả những người có kinh nghiệm mới toanh trong cuộc chiến tranh (xâm lược) Triều Tiên, cũng không ai tin rằng những dãy núi cao ngất trời kia lại có thể là chỗ đứng chân của pháo. Đặt ở sườn ngoài: tầm bắn không tới. Đặt ở sườn trong, trông xuống lòng chảo Mường Thanh: lửa đầu nòng sẽ làm lộ trận địa, mấy khẩu pháo quèn sẽ lập tức bị "khóa mõm", trận địa pháo lập tức bị tiêu diệt ngay khi pháo thủ chưa kịp tống viên đạn thứ hai vào nòng. Hơn nữa, liệu đối phương có trong tay mấy ngàn viên đạn? Cô-nhi là tướng pháo binh, Pi-rốt là tá pháo binh, đều "không quan tâm sâu sắc đến cái gọi là pháo binh Việt Minh trên chiến trường Điện Biên Phủ này". Nhận định đó không phải là không lọt tai tướng Pen-nác-ki-ô-ni, thanh tra pháo binh của quân đội Đại Pháp!

Như vậy là bắc cân lên mà xét, về mặt sắt thép, phía Pháp đã ăn đứt đối phương rồi.

Còn các mặt khác của Việt Minh thì sao? Na-va đã từng phê phán các tổng chỉ huy trước là đánh giá quá thấp đối phương. Viên tổng chỉ huy khuyên cấp dưới không nên đi vào vết xe đổ đó. Thế nhưng, vào những ngày đầu năm 1954, Na-va bỗng phát hiện một điều quan trọng: có dấu hiệu chứng tỏ Việt Minh đã mệt mỏi, các chiến dịch tiến công của họ đã lên đến đỉnh cao và

họ sắp sửa lui quân đến nơi rồi. Trong thư chúc Tết gửi ba quân (1-1-1954), viên tổng chỉ huy Pháp nhận định: Điều kiện quân sự để chiến thắng đã đầy đủ, chỉ còn tùy thuộc vào ý chí của tất cả các chiến binh hải - lục - không quân để làm cho năm 1954 là năm thắng lợi rõ rệt của quân đội Pháp (!).

Cách đánh giá đó được Cô-nhi nâng lên mức thường xuyên hơn. Người ta tính trung bình cứ khoảng một tuần, viên tướng này lại khẳng định một lần đại ý: mong cho Việt Minh tiến công Điện Biên Phủ, nhất định họ sẽ bị nghiền nát. Đến lượt Đờ Cát, "người hùng ở Điện Biên Phủ" thì những lời tuyên bố còn hăng hơn nữa. Ví dụ, có lần y vênh váo nói: "Nếu đối phương tiến công thì tôi sẽ đội chiếc mũ ca-lô đỏ của tôi để từ trên cao họ thấy rõ mục tiêu và bắn trúng hơn". Nhưng rồi đợi mãi chưa thấy quân đội Việt Nam tiến công, ngày 15 tháng 1 năm 1954, y cho máy bay rải truyền đơn thách thức: "Còn đợi gì nữa mà không tiến công nếu các người không phải là những kẻ hèn nhát!".

Để khích lệ "quyết tâm và lòng dũng cảm" của viên sĩ quan đứng mũi chịu sào ở mảnh đất Điện Biên Phủ, trong cuộc viếng thăm tập đoàn cứ điểm ngày 19 tháng 2 năm 1954, bộ trưởng quốc phòng Plê-ven nói với Đờ Cát: "Liệu đại tá có biết rằng cả nước Pháp đang chăm chú chiêm ngưỡng ngài không?". Phải chăng Plê-ven muốn khêu gợi để viên chỉ huy tập đoàn cứ điểm nghĩ đến một cái gì đó sắp xuất hiện trên cầu vai của mình?

Các tướng lĩnh Pháp tin rằng họ sẽ thắng ở Điện Biên Phủ không những vì họ có quân đông, súng nhiều

và "công tác chuẩn bị đã đạt tới mức tối đa" mà còn tin vào mọi thủ đoạn hòng làm yếu đối phương, gây trở ngại cho quân đội Việt Nam trong quá trình chuẩn bị trận đánh. Họ biết tập trung vào khó khăn lớn nhất của đối phương là vấn đề hậu cần. Việc tiếp tế của Quân đội nhân dân Việt Nam được tiến hành trên một chặng đường quá dài, chủ yếu dựa vào đôi vai của dân công, vì số xe vận tải không nhiều.

Từ tháng 1 năm 1954, việc đánh phá tuyến cung cấp của đối phương (đặc biệt trục đường Yên Bái - Sơn La - Tuần Giáo - Điện Biên) là một trong những nhiệm vụ hàng đầu được đặt ra cho không quân Pháp. Hàng ngày, chừng 50 lần chiếc máy bay của cả không quân và hải quân, đem hàng trăm tấn bom (kể cả bom na-pan) giội xuống các trục đường và các đầu mối giao thông quan trọng, trong đó ngã tư Cò Nòi được coi là một trọng điểm (thường thu hút khoảng 50% số lượng bom trong ngày)[1]. Từ đầu năm 1954, lần đầu tiên máy bay vận tải cỡ lớn C119 (Packet) của Mỹ ném những bình na-pan xuống các trục giao thông trên đất nước Việt Nam.

Ngoài các loại bom cháy, bom nổ ngay, bom nổ chậm và những chùm chông sắt ném xuống hàng ngày, máy bay Pháp còn thả những toán biệt kích, thổ phỉ xuống

---

1. Mấy con số về bom được ghi trong kế hoạch đánh phá hàng ngày của máy bay Pháp trên các trục giao thông của ta đầu năm 1954: chặng Yên Bái - Cò Nòi 114 tấn (riêng Cò Nòi 69 tấn); chặng Lai Châu - Sơn La 17 tấn; chặng Tuần Giáo - Điện Biên 15 tấn.

nhằm phá hoại cầu đường, kho tàng và chân hàng trên các trục đường tiếp tế của đối phương.

Nhưng rồi một bất ngờ xảy đến đối với Na-va: Pháo cao xạ của quân đội Việt Nam xuất hiện trên tuyến đường vận tải của họ. Số lượng không nhiều, tầm không cao, cỡ không lớn nhưng đã khiến những tên giặc lái, từ thiếu úy Xanh-lô, trung úy Đu-ve-nen đến đại úy Ra-pi-nê,... có đi không về. Máy bay buộc phải bay cao lên và tính chính xác của các vụ ném bom vốn đã kém lại càng kém hơn.

Chiếc gậy không quân mà Na-va - Đờ-sô giơ lên không cản nổi bước đi của "đoàn dân công vô tận" hướng ra phía trước. Như sau này viên tổng chỉ huy thú nhận, tất cả mọi cố gắng của Pháp dùng máy bay để đánh phá các đoàn tiếp tế, ngăn chặn đối phương xây dựng và sửa chữa các tuyến giao thông đều vô hiệu quả. Sau khi bị phá hoại, các đoạn đường bị cắt đứt được nhanh chóng sửa chữa lại ngay. Thường ít có đoạn đường nào bị nghẽn quá 24 tiếng đồng hồ. Trong thời gian đường tạm thời bị cắt, tuyến tiếp tế vẫn hoạt động bằng cách chuyển tải hoặc đi vòng. Na-va còn nhận xét rằng, các đoàn xe vận tải cơ giới, xe đạp thồ và dân công thường chỉ đi ban đêm và lúc thời tiết xấu, hoặc cũng có khi đi ban ngày nhưng họ ngụy trang rất kỹ khiến máy bay không sao phát hiện được. Lại thêm một kết luận cổ điển: sở dĩ Pháp bất lực không ngăn chặn nổi đường tiếp tế của đối phương chỉ vì thiếu máy bay.

Để bù đắp vào lỗ hổng đó, Na-va nghĩ ra một sáng kiến: xin chuyên gia từ Pa-ri sang để nghiên cứu làm... mưa nhân tạo. Mưa rơi, đường trơn, lũ lụt, sẽ làm chậm tốc độ của các đoàn xe, đoàn dân công! Kết quả là, như sau này tổng tham mưu trưởng Ê-ly nhận xét, "sáng kiến" đó bắt nguồn từ một mơ tưởng hồ đồ.

11
HAI ĐÒN BẤT NGỜ

A. ĐẬP TAN GIẤC MỘNG "ÁT-LĂNG" CỦA TƯỚNG NA-VA

Đánh chiếm vùng tự do của đối phương ở Liên khu 5 vốn là một ước mơ từ lâu của các viên tổng chỉ huy Pháp, từ Xa-lăng đến Na-va. Trải dài 400 ki-lô-mét giữa biển và vùng cao nguyên chiến lược, với chừng hai triệu dân, dải đất Nam - Ngãi - Bình - Phú này rất hấp dẫn đối với bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Họ biết rất rõ rằng, từ năm 1951, với hai trung đoàn chủ lực đã được xây dựng và trưởng thành, với hệ thống bộ đội địa phương và dân quân du kích hoàn chỉnh, dải đất này đã trở thành mối nguy cơ thực sự đối với quân Pháp. Chiếm được dải đất này không những xóa được một địa bàn đứng chân quan trọng của đối phương mà còn giải tỏa cho vùng chiến lược rừng núi cao nguyên khỏi sức ép nặng nề thường xuyên từ phía đông.

Trong bước 1 kế hoạch 18 tháng của mình, tướng Na-va chủ trương đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5 bằng một kế hoạch hành binh mang tên Át-lăng

(Atlante). Toàn bộ chiến dịch dự kiến chia làm ba bước: bước 1, mang tên Arêtuy (Aréthuse), đánh chiếm Tuy Hòa, Phú Yên; bước 2, mang tên Axen (Axelle), đánh chiếm Quy Nhơn, Bồng Sơn; bước 3, mang tên Át-ti-la *(Áttilat),* nối Bồng Sơn với Quảng Nam. Cơ quan tham mưu Pháp đặt cho kế hoạch này mật danh "4.A" (một A mẹ, ba A con).

Để tỏ tinh thần thân hữu Pháp - Việt, để dễ bề huy động người của tại chỗ vào chiến tranh và cũng để tiện cho việc tuyên truyền về tầm quan trọng của cuộc hành binh, tổng chỉ huy Na-va đề nghị Bảo Đại đích thân điều hành kế hoạch hành binh này. Quốc trưởng vốn quen lo chuyện ăn chơi hơn là quan tâm quốc sự. Và ông ta đã từ chối. Bảo Đại chỉ cử Phan Văn Giáo theo dõi Át-lăng và "sẵn sàng tiếp nhận bàn giao khi người Pháp đã giành thắng lợi". Ngán ngẩm trước "tinh thần quốc gia" của ông bạn đồng minh da vàng, Na-va đành để cho Bô-pho và Blăng đảm nhiệm công việc quan trọng này.

Sau ba đòn đầu tiên của ta ở Tây Bắc, Trung Lào và Hạ Lào trong đợt 1 của chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, vào cuối trung tuần tháng 1 năm 1954, Na-va và cơ quan tham mưu Pháp nhận định rằng "đối phương đã hụt hơi", rằng các chiến dịch của họ đã lên đến đỉnh cao, rằng đã đến lúc bật đèn xanh cho ba quân nhảy vào vùng duyên hải nam Trung phần... Thế là đứa con đầu lòng của Át-lăng (Aréthuse) ra đời. Ngày 20 tháng 1 năm 1954 bốn binh đoàn cơ động (G.M10, 41, 42 và 100), gồm 22 tiểu đoàn bộ binh và dù (trong đó có cả một tiểu đoàn) mới từ chiến trường Triều Tiên về) cùng với một

số lớn pháo binh, cơ giới, công binh, vận tải... hùng hổ đổ bộ lên Tuy Hòa, Phú Yên.

Người chỉ huy cuộc hành binh, tướng Blăng lấy làm lạ vì không thấy chủ lực đối phương. Blăng và cấp trên của ông ta ở Sài Gòn đâu có biết rằng ngay từ tháng 6 năm 1953, trên cơ sở phán đoán ý đồ chiến lược của địch, lãnh đạo Liên khu 5 đã mạnh dạn điều hai trung đoàn có trong tay lên chuẩn bị mở chiến dịch tiến công Bắc Tây Nguyên. Mục đích của chiến dịch không chỉ là nhằm mở rộng vùng giải phóng trên vùng cao nguyên chiến lược mà còn chủ động phá kế hoạch tiến công của địch rất có thể xảy ra ở vùng đồng bằng duyên hải. Việc bảo vệ vùng tự do Liên khu 5 giao cho một tiểu đoàn chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương. Ngay từ hồi đó, mùa thu 1953, có ý kiến cho rằng đó là một chủ trương chiến lược mạo hiểm, vì lực lượng bảo vệ đồng bằng quá mỏng. Nhưng khi Tư lệnh kiêm chính ủy Liên khu Nguyễn Chánh ra báo cáo kế hoạch tác chiến thu đông, chủ trương tác chiến của Liên khu được Tổng tư lệnh phê chuẩn. Mọi công tác chuẩn bị cho nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương sẵn sàng đánh địch, bảo vệ vùng tự do, được chuẩn bị khẩn trương, chu đáo.

Trong lúc tướng Blăng còn đang ngơ ngác vì không gặp đối thủ chính ở vùng Phú Yên, Tuy Hòa, thì đùng một cái, ngày 26 tháng 1, tướng Bô-pho ở Tây Nguyên được tin: nhiều vị trí trên đường số 14 bị tiêu diệt; đối phương tràn vào thị xã Công Tum, uy hiếp đường số 19, tập kích thị xã Plây-cu. Một nguy cơ chiến lược mới xuất hiện: đối phương giải phóng vùng Bắc cao nguyên, phạm

vi kiểm soát của họ có thể sẽ nối liền từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến sát biên giới Lào - Việt, thông sang Hạ Lào, nơi mà quân Pháp vừa bị một đòn đau tháng trước.

Aretuy vừa được khai sinh đã bị khai tử. Ngày 28 tháng 1, tổng chỉ huy Na-va vội ra lệnh điều G.M100 và hai tiểu đoàn dù đang tham gia cuộc hành binh ở đồng bằng, cùng hai G.M11 và 21 ở miền Nam ra, đưa lên "chữa cháy" ở Tây Nguyên. Các G.M và các tiểu đoàn lẻ còn lại ở Tuy Hòa và Phú Yên luôn luôn bị du kích tiêu hao, nhất là hai G.M41 và 42. Bước thứ nhất của kế hoạch Át-lăng (tức Arêtuy) bị phá sản. Trong khi đó, trên chiến trường Bắc Tây Nguyên, G.M11 do trung tá Nguyễn Khánh (người sắm vai thủ tướng Việt Nam cộng hòa sau này - 1964) chỉ huy, vừa chân ướt chân ráo từ Nam Bộ ra đường số 19, đã bị những đòn phủ đầu.

Với lực lượng mới được điều lên Tây Nguyên, Na-va cho xây dựng gấp rút hai tập đoàn cứ điểm ở Plây-cu (11 tiểu đoàn) và An Khê (3 tiểu đoàn) hòng "chặn đứng bước tiến của đối phương". Một lần nữa, "cái túi lực lượng dự bị chiến lược" của Na-va ở đồng bằng Bắc Bộ lại bị rút ruột.

Thế là, chỉ bằng một đòn ở Bắc Tây Nguyên, ta đã giải phóng 1,6 vạn ki-lô-mét vuông với 20 vạn dân, đã thu hút được trên 20 tiểu đoàn địch lên chiến trường rừng núi Liên khu 5, tiêu diệt nhiều lực lượng địch và giam chân số còn lại trên đường số 19. Trên phạm vi toàn cục, ta đã bước đầu làm phá sản kế hoạch chiến lược Át-lăng của bộ chỉ huy Pháp, bảo vệ được vùng tự do Liên khu 5, buộc địch phải phân tán thêm một bước

khối cơ động chiến lược của họ, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho mặt trận chính - Điện Biên Phủ - giành thắng lợi mấy tháng sau đó.

Tướng Na-va đâu có dễ dàng chịu lùi bước! Ngày 12 tháng 3, ông ta lại cho ra đời Ác-xen, mở cuộc tiến công lên Quy Nhơn. Ngồi ở Sài Gòn, chưa kịp thưởng thức mùi vị của "chiến tích mới" thì đã có tin đối phương nổ súng, mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trên đường bay vội ra Hà Nội, ngài Tổng chỉ huy ra lệnh: đình chỉ hẳn cuộc hành binh ở vùng duyên hải miền Trung, "thu quân - đợi lệnh". Thế là Ác-xen vừa chào đời được một ngày đã chết yểu. Còn *Át-ti-la* thì chết ngay từ trong trứng, khi mà mẹ nó (chữ A lớn - Átlante) cũng vĩnh viễn không còn.

Tiếng súng tiến công sáng 13 tháng 3 năm 1954 vào cứ điểm Him Lam (ở Điện Biên Phủ) là nhát búa cuối cùng đập tan ảo vọng của Na-va đối với mảnh đất Nam - Ngãi - Bình - Phú.

B. SỐ PHẬN PHÒNG TUYẾN SÔNG NẬM HU

1. Cuộc hành binh "sinh đôi" Rêgate và Ardèche

Trong hai ngày 20 và 21 tháng 11 năm 1953, tướng Gin chỉ huy 6 tiểu đoàn quân dù nhảy xuống cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ). Một tuần sau, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp được tin: không chỉ một đại

đoàn 316 hành quân lên Tây Bắc mà ba đại đoàn khác (trong đó có "đại đoàn nặng" 351) cũng đã xuất quân.

Một cuộc họp được triệu tập cấp tốc ngày 3 tháng 12 tại tổng hành dinh của tướng Na-va ở Sài Gòn. Ba quyết định quan trọng: 1) Xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh, đủ sức đối mặt với các đại đoàn chủ lực đối phương; 2) Rút quân ở Lai Châu về tăng cường cho Điện Biên Phủ; và 3) Tổ chức ngay một cuộc hành binh "sinh đôi", từ Điện Biên Phủ xuống, từ Luông Pha-băng lên, hợp điểm ở Sốp Nao, tạo thành một "hành lang chiến lược". Các vị trí được "cấy" dọc hành lang này có nhiệm vụ: a) bảo vệ Thượng Lào; b) che chở cho Điện Biên Phủ khỏi bị cô lập; và c) tạo thành đường lui quân từ Điện Biên về Thượng Lào khi cần (theo kế hoạch mang mật danh *"Xê-nô-phôn"*). Người ta bảo Na-va nhìn xa trông rộng, kế hoạch có tiến, có thoái, đi bước trước, dự kiến bước sau.

Trải qua hai tuần lễ băng rừng lội suối (từ 7 đến 23-12-1953), cánh quân của trung tá Lăng-gle từ phía bắc xuống, gặp cánh quân của trung tá Vô-đrây từ phía nam lên, ở địa điểm đã định. Một tấm ảnh được chụp để chứng minh với tổng chỉ huy Na-va rằng "rõ ràng chúng tôi đã gặp nhau ở Sốp Nao".

Để "hành lang chiến lược" có thêm sức chịu đựng, mấy ngày sau đại tá Cre-vơ-cơ (chỉ huy ở Thượng Lào) được lệnh "cấy" thêm 6 tiểu đoàn dọc sông Nậm Hu, từ Luông Pha-băng lên Mường Ngòi, Mường Khoa. Đúng dịp này, tướng Na-va lên dự lễ giáng sinh với ba quân

ở Điện Biên Phủ. Khi nâng cốc với cấp dưới, ông ta tỏ ra tự tin về việc làm vừa qua, về "tính bền vững của phòng tuyến Thượng Lào". Ông ta cũng nhắc lại cho mọi người biết, hơn hai tháng trước, ngày 15 tháng 10, khi sang thăm Đông Dương, bộ trưởng Quốc gia Liên kết Mắc Giắc-kê đã cảnh cáo ông ta (Na-va) rằng: Để mất Luông Pha-băng cũng tức là kết thúc thất bại cuộc chiến tranh. Thượng Lào bây giờ đã được bảo vệ vững chắc. Với phòng tuyến sông Nậm Hu, Luông Pha-băng không còn hở sườn mà Điện Biên Phủ cũng không còn lạnh chân...

2. R.A.S.

Mọi sự chờ đợi căng thẳng của quân Pháp ở Điện Biên Phủ từ mấy tháng nay, dồn nén vào cái ngày 25 tháng 1 năm 1954 này. Có tin chắc chắn là hôm nay đối phương sẽ tiến công. Lại có tin một phái đoàn cấp cao do bộ trưởng Giắc-kê cầm đầu đã từ Pa-ri sang kiểm tra tình hình chuẩn bị chiến đấu ở Điện Biên Phủ. Lạy thánh Ala! Mong sao hai sự việc không cùng diễn ra một lúc trên cánh đồng Mường Thanh này.

Sự thật, đúng là đối phương chuẩn bị nổ súng tiến công vào chiều hôm đó, 25 tháng 1 năm 1954[1]. Bộ đội đã đứng trong chiến hào. Quai mũ lá đã bỏ xuống. Thắt lưng lựu đạn đã xiết chặt. Dây giày đã buộc cẩn thận.

1. Phía Pháp hiểu sai. Đúng ra là ngày 26-1-1954, vì sau khi một chiến sĩ 312 bị bắt, ta lùi ngày N lại 24 giờ.

Các hướng đều đợi lệnh trên một chiến trường im phăng phắc. Nhưng rồi (cả Na-va, Cô-nhi và Đờ Cát đều không hiểu vì sao), đối phương lại không tiến công.

Ngày 25 tháng 1 lặng lẽ trôi qua. Mặt trời đã lặn sau dãy Pú Tà Cọ. Màn đêm trùm xuống cánh đồng Mường Thanh. Đèn trong các vị trí của Pháp bật sáng. Trong hầm chỉ huy Ê-péc-vi-ê, đại tá Đờ Cát vẫn chưa hết bồn chồn, chờ đợi. Rồi trời hửng sáng, báo hiệu một ngày mới (26-1) bắt đầu. Vẫn im ắng, một sự im ắng khó chịu.

6 giờ. Một bức điện ngắn từ hầm chỉ huy của Đờ Cát bay về Hà Nội và Sài Gòn: "R.A.S.". Điều đó có nghĩa là chẳng có gì mới lạ để thông báo, báo cáo (Rien à signaler). Thế là thêm một đêm bình yên vô sự. Việt Minh vẫn chưa tiến công. Thật là một đối phương khó hiểu!

3. Thần tốc.

Cái gì đang xảy ra ở Mường Phăng, chỉ huy sở chiến dịch của ta?

14 giờ 30 hôm đó (26-1), Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp gọi điện cho Đại đoàn trưởng 308, Vương Thừa Vũ

- Đại đoàn thu quân xong chưa?

- Báo cáo, chúng tôi đã hoàn thành. Anh em đã về khu tập kết an toàn.

- Tốt! Bây giờ anh giở bản đồ ra, nhận nhiệm vụ sắp tới của đại đoàn...

Đại tướng cho biết hai bộ chỉ huy tối cao Việt Nam và Lào đã nhất trí: Đại đoàn 308 sang phối hợp với lực lượng bạn tiến công vào phòng tuyến sông Nậm Hu, làm sập "cái cầu" nối liền Điện Biên Phủ với Luông Pha-băng, để cô lập Điện Biên Phủ, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho chiến dịch tiến công Điện Biên Phủ thắng lợi. Đại tướng nhấn mạnh:

- Phải hành động hết sức nhanh chóng, tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, thu hút lực lượng mặt đất và trên không của chúng về hướng Thượng Lào càng nhiều càng tốt.

Đảng ủy đại đoàn họp. Vấn đề nổi lên: lương thực. Mỗi ngày đại đoàn cần chừng 5 tấn gạo. Vậy mà chuẩn bị lên đường mỗi người chỉ có một ngày lương khô và một ngày gạo. Hành quân với một sự nhẹ nhõm đáng lo hơn là đáng mừng.

- Quân lệnh như sơn - Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ kết thúc cuộc họp - Cứ lên đường. Dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân nước bạn mà có thóc. Dựa vào đội ngũ "phó cối" của đại đoàn mà biến thóc thành gạo...

18 giờ 30 ngày 26 tháng 1, toàn đại đoàn xuất quân. Không thể hơn, chỉ có hai máy vô tuyến điện. Phải hành quân theo lối nhảy cóc. Đài này dừng chân làm việc thì đài kia hành quân.

Qua 80 ki-lô-mét đường rừng, đến Sốp Nao tức là đã vào phạm vi của phòng tuyến. Đêm 29, đại bộ phận của đại đoàn đến Sốp Nao cũng là lúc đội tiền vệ đã đến sát bờ sông Nậm Hu.

4. Tiến công gấp - truy kích mạnh.

20 giờ 20, đúng giờ liên lạc với đài Bộ Tổng tư lệnh. Đại đoàn phó Cao Văn Khánh được thông báo: địch đã phát hiện đại đoàn 308 rời Điện Biên Phủ. Lúc đầu, họ cho rằng ta lui quân, bỏ cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm. Nhưng khi được tin đại đoàn lật cánh sang hướng Thượng Lào, tổng chỉ huy Pháp ra lệnh chuẩn bị rút khỏi Mường Khoa. Có thể Na-va cho quân cụm lại ở ngã ba Nậm Bạc?

Một quyết định nhanh chóng: Trung đoàn 102 tiến sang Mường Khoa; Trung đoàn 88 chọc thẳng xuống Mường Ngòi; Trung đoàn 36 vu hồi, tiến sâu xuống Nậm Bạc.

Đúng đêm hôm đó gạo hết.

Một khẩu hiệu kỳ lạ được đưa ra: "Cấp dưỡng ở phía trước!" Cũng chính với khẩu hiệu này, tháng 4 năm ngoái, quân ta đã giành thắng lợi trong trận truy kích địch cũng trên đất bạn Lào. Nguồn cung cấp ở trong quân địch đang hoảng loạn cắm đầu chạy, ở trong đồn bốt mà chúng phải rút bỏ, ở trên trời rơi xuống khi chúng tiếp tế cho nhau bằng dù...

Ba ngày (30-1 - 1-2-1954) đối với quân ta trôi đi quá nhanh nhưng đối với đại tá Cre-vơ-cơ và trung tá Vô-đrây thì là những ngày nặng nề kéo dài. Quân của họ có nơi không kịp đốt đồn trước khi tháo chạy. Đâu còn là "phòng tuyến" khi mà gần 20 đại đội rải dọc sông Nậm Hu lần lượt bị tiêu diệt. Số sống sót biến thành những đám tàn quân, lẩn lút trong rừng sâu, dưới khe suối. Cuối cùng, đành lộ mặt, xin ăn.

Ngày 3 tháng 2 là Tết âm lịch. Lính đại đoàn quên cả cái Tết Giáp Ngọ đáng ghi nhớ này. Cuộc chiến đấu đang bước vào thời điểm quyết định. Trong lúc trung đoàn 36 tiến gấp xuống Pạc U, cửa sông Nậm Hu đổ vào sông Mê Kông, thì địch dồn máy bay đổ quân xuống Mường Sài. Ngã ba sông mênh mông, sóng gió, rét... không gì ngăn chặn được tiểu đoàn 89 vượt sông vào ngày 4 tết, nhanh chóng diệt vị trí Bản Na. Vài ngày sau, toàn đại đoàn đứng trước cửa ngõ Luông Pha-băng. Kinh đô bị uy hiếp nghiêm trọng. Thêm từng đàn máy bay ngày đêm đổ quân xuống hòng cứu nguy cho kinh đô. Vậy là cùng với Mường Sài, Luông Pha-băng biến thành tập đoàn cứ điểm lớn thứ hai trên đất Thượng Lào. Cái "túi quân dự bị chiến lược" của Na-va ở đồng bằng Bắc Bộ cứ vơi dần, ngoài ý muốn của ông ta.

Đại đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt 17 đại đội địch, phá sập phòng tuyến Điện Biên - Thượng Lào, thu hút bộ binh và không quân địch về hướng Tây, tạo điều kiện cho chiến trường Điện Biên Phủ khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị. Ngày 13 tháng 2, đại đoàn nhận được lệnh trở lại vị trí cũ ở Tây Bắc cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ), gấp rút cùng các đơn vị bạn chuẩn bị cho kịp ngày nổ súng.

Rời Điện Biên ra đi thần tốc, đuổi và diệt địch, đập tan phòng tuyến trong thế chẻ tre để rồi trở lại Điện Biên cũng với bước chân thần tốc. Và mờ sáng ngày 15 tháng 3, trung đoàn 88 đã cùng trung đoàn 165 của đại

đoàn bạn tiến công cứ điểm Độc Lập ở phía bắc tập đoàn cứ điểm Điện Biên.

Khi "sự kiện Điện Biên Phủ" đã qua đi, ngồi viết hồi ký, tướng Na-va vẫn không giải thích nổi có cái gì "mầu nhiệm" đã khiến "đối thủ chân đất" của ông ta hành động được như vậy?

IV. NHỮNG CHUYỆN NGOÀI TẦM NHÌN CỦA NA-VA

12
PHÁO TA - PHÁO TÂY

Cuối tháng 11, chương trình huấn luyện đã hoàn thành. Mọi công tác chuẩn bị đã xong, vậy mà trung đoàn pháo binh *Tất Thắng* vẫn giấu mình trong khu rừng già Bắc Mục[1]. Đã sốt ruột lại càng sốt ruột khi có tin trung đoàn bạn, sơn pháo 675, đã lên đường từ đầu tháng 12.

Tâm tư gửi gắm trong bài thơ trên bích báo cho thấy lính ta mong ngày xuất trận thế nào:

Chiến dịch Thu Đông đã đến rồi
Trung đoàn *Tất Thắng* vẫn nằm chơi!
Sao không *cơ động linh hoạt* nhỉ?
Chiến dịch Thu Đông đã đến rồi...!

Anh em đã biết trung đoàn được Bộ Tổng tư lệnh tặng lá cờ mang tám chữ vàng *"Ẩn lặng như tờ - Đánh mạnh như sét"*. Nhưng "ẩn" đã hơn nửa năm rồi. Anh em cán bộ thì kín đáo hơn. Chưa ai quên lời Đại tướng Tổng tư lệnh về yêu cầu chỉ đạo sử dụng trọng pháo lần đầu ra quân: "Có giữ được bí mật về hỏa lực lớn mới giành được bất ngờ. Sử dụng lựu pháo vào lúc nào, ở đâu, phải có thời cơ và phải thu được thắng lợi đích đáng...".

---

1. Trên đường số 2 Tuyên Quang đi Hà Giang.

Sau khi pháo xung kích 675 lên đường, anh em đoán già đoán non: sắp đến lượt mình. Quả vậy. Đêm 20 tháng 12, một bức điện triệu tập chính ủy đại đoàn 351 và trung đoàn trưởng pháo binh *Tất Thắng* lên Bộ nhận nhiệm vụ.

Phổ biến xong quyết định của Tổng quân ủy cho trung đoàn trọng pháo tham gia chiến dịch sắp đến, đồng chí Tổng tư lệnh nhấn mạnh:

- ...Trước mắt phải bảo đảm an toàn và bí mật tuyệt đối trong hành quân. Đưa được người và xe, pháo tới đích, coi như ta đã đạt sáu mươi phần trăm thắng lợi...

Theo quyết định của Bộ, trung đoàn pháo cao xạ 367 mới được xây dựng, cũng lên đường và đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ tư lệnh đại đoàn 351.

Sau hơn một ngày hoàn tất mọi công việc chuẩn bị lên đường, đêm 22 tháng 12 từng "con voi thép" được ngụy trang um tùm như những lùm cây bí mật rời khỏi Tuyên Quang. Qua bến đò Hiên, bến đò đầu tiên trên đường ra trận, ấn tượng sâu sắc đối với cán bộ chiến sĩ đoàn pháo binh cơ giới là tài điều khiển chững chạc, dứt khoát của chị Bích, người chỉ huy bến phà. Đây là lần đầu chị điều hành việc đưa một đoàn xe "có đuôi" qua sông. Một đất nước có những người con tài giỏi, mưu trí, dũng cảm như vậy, rõ ràng là nhân tố cơ bản quyết định bước đường trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta.

Đoàn "voi thép" đến bến phà Tạ Khoa sau 10 ngày hành quân. Mười ngày vượt 300 ki-lô-mét là chuyện bình thường đối với xe cơ giới. Điều không bình thường đáng nói là cơ giới "có đuôi", hành quân đường rừng, chỉ

đi ban đêm và không được bật đèn pha, đi trong đội hình toàn trung đoàn chưa một lần kinh qua luyện tập cơ động đường dài. Anh em vừa đi vừa rút kinh nghiệm sau từng chặng đường, cố nâng tốc độ lên, nhất là sau khi vượt sông Đà. Nhưng khó khăn trước mắt không ít. Có những đoạn đường "cua" quá hẹp phải cắt pháo khỏi xe, dùng sức người đẩy pháo qua. Có những ngọn đèo cao, xe rú ga kéo pháo nhích dần từng bước. Một bước xe lên, một bước chèn pháo để "voi" khỏi tụt lùi. Đêm cuối năm, đường rừng, trời tối, máy bay luôn lượn trên đầu. Không có ánh sáng đèn, hướng nhìn của lái xe là hai pháo thủ khoác màn trắng chạy hai mép đường, làm chuẩn cho vành lái. Thật khó tả xiết nỗi vui mừng của bộ đội và dân công dọc đường "voi" đi qua. Cứ có dịp xe pháo dừng lại là có người tiến đến, vạch lá ngụy trang để tận mắt nhìn thấy "voi của mình". Người ta sờ tai "voi", áp má vào vòi "voi", đứng mãi cạnh "voi", cho đến khi cả bầy "voi mẹ, voi con" tiếp tục ra đi, giàn lá ngụy trang rung rinh như những lùm cây di động, nhảy nhót trên mặt đường.

Ngồi trên xe, hành quân cơ giới, đôi khi gặp bạn pháo mang vác dọc đường. Những cánh tay vẫy. Những tiếng hoan hô cổ vũ nhau. Các chiến sĩ sơn pháo 75 và súng cối, khiêng đôi, khiêng tư, rảo bước. Những lá chắn, bánh xe, trục, bệ ... kẽo cà kẽo kẹt nhún nhảy theo nhịp bước của các chiến sĩ "chân đồng vai sắt". Anh em hẹn gặp nhau trên chiến trường, nơi mà pháo lớn, pháo nhỏ, tầm xa, tầm gần, sẽ phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau, cùng trút bão lửa lên đầu quân địch.

Phía Pháp hình như đã đánh hơi thấy trọng pháo của ta ra trận. Máy bay trinh sát vè vè suốt dọc đường. Bom giội xuống các đoạn đèo hiểm trở và những khu rừng nghi là có đoàn pháo cơ giới dừng chân. Những giờ phút đó, nếu đối với các chiến sĩ lựu pháo, yêu cầu chỉ là bảo đảm an toàn cho người, cho pháo, thì đối với anh em cao pháo, yêu cầu có phần "phức tạp" hơn. Trên bầu trời của ta, kẻ thù đang lồng lộn. Là chiến sĩ cao xạ, được lệnh ngồi trên mâm pháo để sẵn sàng chiến đấu, sao mà thấy ngứa ngáy chân tay! Nhưng mệnh lệnh hết sức nghiêm mật: tuyệt đối giữ bí mật. Không cho địch biết pháo cao xạ 37mm có mặt trên chiến trường trước giờ nổ súng tiến công. Trong hành quân và trú quân, chỉ được bắn khi có lệnh.

Nửa tháng trôi qua. Ngày nghỉ, đêm đi, cuối cùng đàn "voi thép" đã đến vị trí tập kết ở vùng Tuần Giáo. Bộ chỉ huy mặt trận gửi điện biểu dương toàn đại đoàn: Hành quân bảo đảm bí mật an toàn là một thắng lợi quan trọng đối với pháo binh cơ giới lần đầu xuất trận. Cùng với bức điện trên, Tham mưu trưởng chiến dịch còn dặn thêm: càng gần địch, càng phải giữ nghiêm kỷ luật bí mật. Phải dành cho địch một bất ngờ lớn khi loạt đạn trọng pháo đầu tiên nổ trên đầu chúng.

Sau này, qua sách báo Pháp và phương Tây, được biết dù đã hạ quyết tâm chấp nhận giao chiến ở Điện Biên Phủ rồi, nhưng đã có lúc Na-va do dự, một biểu hiện lên xuống thất thường của nhiệt kế thần kinh.

Người ta thừa nhận rằng ngay từ đầu tháng 12, Na-va đã làm nhiều việc để thực hiện quyết tâm giao chiến,

đã phái Cô-nhi lên trực tiếp cùng với tướng Gin và Đờ Cát nghiên cứu lập kế hoạch tại chỗ. Kế hoạch đó đã khẳng định đúng tầm quan trọng của các điểm cao phía đông - bắc và đông cánh đồng Mường Thanh. Một cụm cứ điểm đã sớm hình thành ở khu điểm cao 506 (Bê-a-tơ-ri-xơ - Him Lam), chặn con đường từ Tuần Giáo vào. Năm ngày sau, ngày 15 tháng 12, thêm hai cứ điểm xuất hiện trên hai hướng khác: A-nơ Ma-ri (Bản Kéo) án ngữ đường phía bắc xuống, I-da-ben (Hồng Cúm) chặn đường phía nam lên. Và trên khu vực trung tâm, các cứ điểm lần lượt mọc lên. Hồi đó, đầu tháng 12, Na-va tin rằng đối phương chỉ đưa lên một sư đoàn tăng cường, trong khi phía Pháp có chín tiểu đoàn bộ binh và dù. Lực lượng 1 chọi 1, phía phòng thủ lại hơn hẳn về binh khí kỹ thuật, thì Pháp nhất định thắng. Do yên tâm về khả năng chống đỡ của Đờ Cát, ngày 7 tháng 12, tổng chỉ huy ra chỉ thị chính thức chuẩn bị kế hoạch *Át-lăng*, đánh chiếm vùng Khu 5, một cuộc hành binh mà ông ta ấp ủ từ lâu. Do tập trung nỗ lực vào Điện Biên Phủ và *Át-lăng* mà Na-va gạt bỏ đề nghị của tướng Cô-nhi mở cuộc hành binh lên hướng Thái Nguyên (cụ thể là Chợ Chu) và Phú Thọ (Đoan Hùng). Na-va cho rằng những cuộc hành binh như vậy chỉ làm cho lực lượng Pháp phân tán, trong khi chưa biết hướng ra quân của các sư đoàn còn lại của đối phương.

Thế rồi, suốt nửa tháng tiếp theo, kể từ ngày 7 tháng 12, tổng chỉ huy Na-va luôn chập chờn giữa những tin tức hư hư thực thực về lực lượng đối phương kéo lên Tây Bắc. Phải chăng đúng là cả 316, 308 và 312 nữa đã lên đường cùng với cao pháo 37mm của 351? Nếu vậy thì chín tiểu đoàn và 3 cụm pháo của Đờ Cát đứng sao nổi?

Rõ ràng là phải cùng các tướng lĩnh xem xét lại và bổ sung những biện pháp cần thiết.

Ngày 17, Na-va bay lên Điện Biên Phủ. Cùng đi là cả một đoàn sĩ quan cao cấp thuộc quyền: Cô-nhi, chỉ huy Bắc Bộ, Lô-ranh, tư lệnh không quân Đông Dương, một số cán bộ tham mưu cao cấp như các đại tá Béc-tây, Rê-von... Tướng Nguyễn Văn Hinh cũng viện cớ lên thăm tiểu đoàn bảo an 301 để được tận mắt chiêm ngưỡng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Suốt một giờ bay, Cô-nhi không ngớt cười nói, giải thích cho tướng Hinh biết người Pháp sẽ "đánh gục Việt Minh ở Điện Biên Phủ" như thế nào! Riêng tổng chỉ huy Na-va thì chìm đắm trong dòng suy tư về cuộc giao chiến sắp tới. Ba hôm trước (15-12-1953), trong một bức thư gửi thống chế Gioăng, ông ta đã tin chắc rằng đối phương (ít nhất là trong lúc này) không tiến công vùng châu thổ sông Hồng, do đó ông ta (Hăng-ri Na-va) đã "thở phào một cách nhẹ nhõm". Giờ đây, đối phương đang tập trung sức lực lên Điện Biên Phủ. Vậy nên rút hay nên tiếp tục chuẩn bị cho cuộc giao chiến?

Sau này, trong hồi ký của mình, Pu-giê[1] kể rằng trên đường bay Hà Nội - Điện Biên, sáng hôm đó lại diễn ra cảnh "tướng quân cụp tai lại như con ngựa cụp tai trước khi vượt qua một vật chướng ngại khó khăn"!

Na-va thấy cần phải kiểm tra lại tin tức về binh lực và khả năng đối phương. Dù sao, điều có thể khẳng định là họ đưa lên đây không phải một sư đoàn tăng cường. Vậy khả năng giành phần thắng của phía Pháp thế nào?

---

1. Jean Pouget nguyên là đại úy, thư ký riêng của tổng chỉ huy Na-va. Về cuối chiến dịch Điện Biên Phủ, được điều lên chỉ huy một tiểu đoàn chiến đấu ở khu cao điểm phía đông Mường Thanh.

Na-va suy nghĩ về người đứng mũi chịu sào, cụ thể là Đờ Cát, viên đại tá mới được chỉ định lên thay Gin chỉ huy tập đoàn cứ điểm cách đây 10 ngày. Tổng chỉ huy khẳng định việc chọn Đờ Cát mà không chọn Va-nuy-xem là đúng. Đờ Cát đã từng nổi tiếng trong thế chiến hai trên các mặt trận Tuy-ni-di, Ý, Pháp và Áo, đã từng được coi là "mũi nhọn" của trung đoàn dưới quyền chỉ huy của Na-va, đi đầu đội hình quân đoàn 1 trong chiến dịch Côn-ma-rơ ở Áo. Trải qua ba lần sang Đông Dương, Đờ Cát được nhận xét là một sĩ quan "số dách", ngay cả dưới thời một tổng chỉ huy khó tính như Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi. Bên cạnh Đờ Cát là một loạt trung tá dày dạn kinh nghiệm, từ Pi-rốt (pháo binh) đến các sĩ quan bộ binh kỳ cựu như Gô-sê, La-lăng, Lăng-gle, Tơ-răng-ca... Chính họ sẽ giúp làm sáng tỏ những vấn đề quan trọng đưa ra trong cuộc họp hôm nay.

Trong năm cuối của cuộc chiến tranh, đối với người Pháp, cuộc hội nghị tại chỗ ngày 17 tháng 12 có tầm quan trọng đặc biệt. Nó khẳng định khả năng thắng - thua trong cuộc giao chiến có ý nghĩa quyết định này. Những người có mặt được dịp bộc lộ nhận xét dưới góc độ chuyên môn của mình về triển vọng sắp tới.

Bản báo cáo của Đờ Cát khá dài và được minh họa bằng những ý kiến bổ sung. Điểm thống nhất là ai cũng tin rằng ngành của mình, đơn vị của mình, chắc chắn sẽ góp phần bảo đảm cho "con nhím" đứng vững. Tư lệnh không quân Lô-ranh bảo đảm dùng máy bay cắt đứt đường tiếp tế của đối phương. "Việt Minh lấy gì mà ăn để kéo dài cuộc chiến?". Trung tá Lăng-gle cam đoan rằng với xe tăng và bộ binh dự bị, quyết giành lại bất cứ vị trí nào bị Việt Minh đánh chiếm. Chỉ huy trưởng

pháo binh, trung tá Pi-rốt khẳng định sẽ khóa mõm pháo binh đối phương. Và cuối cùng là kết luận của tướng Cô-nhi: chỉ mong Việt Minh tiến công. Nhất định họ sẽ bị nghiền nát!

Tổng chỉ huy quay sang hỏi Pi-rốt:

- Với pháo 155 có trong tay, liệu ông có thể phản pháo hiệu quả hay không?

Viên trung tá trả lời không đắn đo:

- Thưa đại tướng, tôi sẽ không để cho một khẩu pháo nào của địch bắn được quá 3 phát đạn mà lại không bị bắn trả và hủy diệt!

Mọi người đi thăm một số cứ điểm. Người ta hài lòng về tốc độ xây dựng công trình, hài lòng về khả năng đề kháng của các vị trí, dù việc xây dựng chưa hoàn tất. Một ví dụ là Bê-a-tơ-ri-xơ (Him Lam), trung tâm đề kháng được phòng thủ "rất vững chắc", với một tiểu đoàn thiện chiến của bán lữ đoàn lê dương 13è DBLE, một đơn vị nổi danh về chiến công của lục quân Pháp. Tướng Na-va im lặng theo dõi ý kiến nhận xét của các sĩ quan cùng đi. Ông tin tưởng vào những sĩ quan chỉ huy tập đoàn cứ điểm, những người đã trải qua nhiều thử thách, dày dạn kinh nghiệm. Nhưng còn nhiều việc phải làm trước sự xuất hiện trọng pháo đối phương. Liệu có đúng như phòng nhì dự đoán, trong vòng 10 ngày, Việt Minh sẽ chỉ bắn 25.000 viên đạn pháo?

Trong tiệc rượu chia tay chiều hôm đó, tổng chỉ huy mới nói về những điểm yếu cần được khắc phục ngay: các xà ngang đỡ mái hầm còn yếu, mạng rào dây thép

gai còn thưa, giao thông hào chưa đủ tiêu chuẩn... Ông chỉ thị cho tướng Cô-nhi phải đưa thêm bộ binh lên, riêng pháo binh và xe tăng phải có mặt đầy đủ vào hôm sau. Đờ Cát phải nâng tốc độ xây dựng tập đoàn cứ điểm nhanh hơn nữa để đủ sức giành phần thắng khi đối phương bắt đầu cuộc tiến công. Bộ chỉ huy Bắc Bộ phải tăng thêm lực lượng dự bị (ở Hà Nội) lên 5 tiểu đoàn để sẵn sàng đưa lên tham chiến ở Điện Biên Phủ, đồng thời phải hoàn tất kế hoạch *Xê-nô-phôn*, chậm nhất là ngày 21, tạo thành một hành lang nối liền Điện Biên Phủ với Luông Pha-băng để khi cần thiết có thể chuyển quân sang "hỗ trợ cho Thượng Lào" (thực ra là để rút chạy khỏi Điện Biên Phủ trong tình thế bắt buộc). Tổng chỉ huy tuyên bố giao cho Cô-nhi trực tiếp chịu trách nhiệm điều hành cuộc chiến ở Điện Biên Phủ để ông ta, Na-va, tập trung chỉ đạo chuẩn bị và thực hành cuộc hành binh *Át-lăng*.

Quyết tâm trên đây được thể hiện trên giấy trắng mực đen ngày 22 tháng 12. Đó là quyết tâm lần thứ 3 của Na-va, quyết giành phần thắng trong cuộc giao chiến. Mệnh lệnh gửi đi đúng lúc có thêm tin tức về trọng pháo đối phương. Trong báo cáo của mình, phòng nhì vẫn không loại trừ khả năng đối phương đã đưa lựu pháo và cao pháo lên chiến trường Tây Bắc.

Nói là phó thác Điện Biên Phủ cho Cô-nhi, nhưng Na-va chưa thật yên tâm. Chiều 24, tổng chỉ huy lại bay ra Bắc và lên Điện Biên Phủ, gọi là để vui lễ Giáng sinh với sĩ quan và binh lính tập đoàn cứ điểm, nhưng thật ra là để đốc thúc công tác chuẩn bị. Ông cần có những thực tế để thoát khỏi những hoài nghi về chiến thắng

trước sự xuất hiện của pháo lớn đối phương. Trong một báo cáo gửi về Pháp, tướng Na-va đã báo động Pa-ri rằng "nếu không nhận được tăng viện về phương tiện, nhất là máy bay, tôi không thể bảo đảm giành phần thắng". Điều bí mật đó, tổng chỉ huy giữ kín, chỉ có những sĩ quan thân cận ở tổng hành dinh Sài Gòn biết. Còn hôm nay, Nô-en ở Điện Biên Phủ, ông ta cứ vui với cấp dưới bên cạnh những chai sâm banh mới được gửi từ Pháp sang. Uống rượu và nghe cấp dưới hứa hẹn bảo đảm chiến thắng, nhưng tổng chỉ huy không dứt khỏi luồng suy nghĩ của mình vấn đề nóng bỏng cần có phương sách đối phó: pháo binh Việt Minh.

Ngày 29 tháng 12, Na-va chỉ thị cho Cô-nhi bay lên Điện Biên Phủ, tổ chức một hội nghị chuyên bàn về pháo binh. Để cuộc họp rút ra được kết luận chính xác, người ta đã xin ý kiến chỉ đạo của thanh tra pháo binh Pháp, tướng Pê-nác-ki-ô-ni, đã nghiên cứu những kinh nghiệm nóng hổi của các chuyên gia đồng minh Hoa Kỳ, "những người đã từng đối mặt với pháo cao xạ 37mm của Nga trên chiến trường Triều Tiên". Điểm mặt, người ta thấy khá đầy đủ nhân vật quân sự tầm cỡ đến dự cuộc họp: Lô-ranh, tư lệnh không quân; Bô-đê, phó tướng đồng thời là đại diện của Na-va; Cô-nhi, chỉ huy Bắc Bộ (vốn xuất thân từ lính pháo); Đờ Cát, chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm; Pi-rốt, phó của Đờ Cát, chỉ huy pháo binh tập đoàn cứ điểm.

Tranh luận sôi nổi và kết luận cũng rõ ràng:

Về pháo binh của Pháp ở Điện Biên Phủ:

Số lượng đã đủ, không cần tăng thêm. Việc hiệp đồng giữa bộ binh và pháo binh trong tập đoàn cứ điểm đã

được nghiên cứu kỹ. Để đề phòng tổn thất, đề nghị bổ sung thêm mấy sĩ quan pháo binh dự bị.

Về pháo binh bên tiến công:

Trước đây tướng Xa-lăng đã từng kết luận rằng Việt Minh không thể dùng vũ khí nặng vì không khắc phục được những khó khăn về vận chuyển, cơ động. Tại Điện Biên Phủ càng không cho phép pháo binh (cả pháo mặt đất và pháo cao xạ) chiếm lĩnh được trận địa và càng không thể phát hỏa mà không bị không quân và pháo binh bên phòng ngự phản kích lại một cách có hiệu quả.

Kết luận riêng về pháo cao xạ của Việt Minh:

Đối phương sẽ gặp những khó khăn rất lớn để đưa những khẩu 37mm vào tới tầm có thể uy hiếp được sân bay và bãi thả dù. Nếu khả năng đó có xảy ra thì họ sẽ lập tức bị pháo binh của Pháp tiêu diệt ngay. Có chăng là họ chỉ đưa cao xạ vào chiếm lĩnh trận địa trước ngày mở màn cuộc tiến công. Như vậy thì trước đó, việc tiếp tế bằng không quân vẫn có thể tiến hành tự do. Sau ngày tiến công của đối phương bắt đầu, có thể dùng cách phản pháo và những biện pháp phòng thủ thụ động (như chọn bãi thả dù ngoài tầm pháo của đối phương, thu hẹp vòng bay...) mà vẫn bảo đảm được tiếp tế, đồng thời tránh được "thiệt hại quá đáng". Ít ra là ban đêm vẫn bảo đảm tiếp tế đều đặn.

Kết luận riêng về pháo mặt đất của Việt Minh:

Rất khó tin là lựu pháo của đối phương có thể bắn vào trận địa của quân đồn trú giữa ban ngày và khi thời

tiết tốt. Họ sẽ bị pháo binh và không quân Pháp trả đũa ngay lập tức... (Điều đáng chú ý là khi thảo luận về khả năng chọn trận địa và khả năng phát hỏa của pháo binh đối phương, đại tá Đờ Cát đã đứng lên lớn tiếng tuyên bố: Tôi xin cam đoan với các ngài rằng khi Việt Minh bắn pháo, tôi sẽ đứng giữa cánh đồng với chiếc ca-lô đỏ của tôi để làm mục tiêu cho họ hiệu chỉnh phần tử bắn...!. Tiếp lời Đờ Cát, chỉ huy pháo binh tập đoàn cứ điểm là trung tá Pi-rốt cũng bảo đảm với mọi người rằng ông ta sẽ làm câm họng pháo binh Việt Minh ngay sau khi viên đạn đầu tiên của họ ra khỏi nòng. Những người có mặt trong cuộc họp ghi nhận những lời tuyên bố (hùng hồn) đó và người ta cũng dại dột tin rằng sự thật sẽ diễn ra như vậy.

Tranh luận về vấn đề pháo binh không thể tách rời vai trò của không quân. Thế là Lô-ranh bị lôi vào cuộc. Kết luận về phối hợp giữa không quân với lực lượng đồn trú ở Điện Biên Phủ cũng khá rõ ràng: 1) Nếu Việt Minh có pháo lớn thì không quân được miễn nhiệm vụ oanh tạc các trận địa pháo của họ để có thể tập trung lực lượng bảo đảm tiếp tế 100 tấn/ngày cho tập đoàn cứ điểm. 2) Lực lượng đồn trú phải bảo đảm đường bay của sân bay Điện Biên Phủ thật tốt, không để đối phương dùng hỏa lực bắn thẳng uy hiếp sân bay. 3) Tăng cường cho Ga-bri-en (Gabrielle - cụm cứ điểm đồi Độc Lập) có đủ khả năng bảo vệ đường trục máy bay cất cánh và hạ cánh cũng như bảo vệ khu vực thả dù. 4) Không để cho Việt Minh đặt pháo cao xạ trên các điểm cao hay trên cánh đồng lòng chảo để uy hiếp hoạt động của máy bay. 5) Nếu

sân bay bị bắn hỏng, phải bảo đảm sửa chữa ngay (chậm là hai ngày) để máy bay có thể thường xuyên lên xuống...

Tướng Na-va đánh giá cao kết quả cuộc họp của các nhà chuyên môn thuộc quyền. Họ đã giúp "tháo gỡ những vấn đề hóc búa nhất, với những kết luận rõ ràng, chắc chắn nhất, những kết luận thật là lạc quan". Nhận được báo cáo về kết quả cuộc họp, tổng chỉ huy Na-va có cơ sở để khẳng định chỉ lệnh ngày 22 tháng 12 của ông ta là đúng đắn. Việt Minh tập trung nhiều đơn vị chủ lực lên đây. Được, cứ để họ "húc" vào tập đoàn cứ điểm. Bấy lâu, quân viễn chinh vẫn chờ đợi một cuộc giao chiến mặt đối mặt đàng hoàng theo kiểu chiến tranh quy ước. Thời cơ đã đến...

Thế là, vào những ngày cuối năm 1953, tổng chỉ huy Na-va đã từ chỗ hoài nghi chiến thắng trở thành người tin tưởng vào khả năng đánh bại đối phương bằng "một ván bài toàn hồng"!

*

* *

Mãi đến ngày 23 tháng 2, khi được tin "sư đoàn thép" đã trở lại chiến trường Điện Biên, tướng Na-va mới tỉnh táo nhận ra nhiều điều có ích. Thì ra Điện Biên Phủ không thể là cái chốt chặn đối phương tiến quân sang Thượng Lào. Thì ra đối phương không bỏ ý định tiến công Điện Biên Phủ. Điều đáng tiếc đối với ông ta là những kết luận rút ra quá muộn!

Như sau này, tướng Pháp Y.Gơ-ra nhận xét, đến cuối tháng 2 người Pháp không còn nuôi ảo tưởng đối với tình hình. Tin chắc tập đoàn cứ điểm sẽ bị tiến công, Na-va mới thực sự lo lắng. Ông ta vội tìm cách đối phó. Lực lượng quân dù dự bị ở Hà Nội được tăng lên 5 tiểu đoàn. Quyền ưu tiên được chi viện bằng không quân đang từ hướng Thượng Lào lại được trao trả cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Suốt mấy tuần qua, khi quyền ưu tiên về không quân bị chuyển sang hướng Lào nên việc tiếp tế cho Điện Biên Phủ bị sững lại. Khẩu phần của binh lính trong tập đoàn cứ điểm bị rút bớt. Mức tiêu thụ xăng bị hạn chế. Số đạn dự trữ trong kho vợi hẳn đi. Phải có ngay 700 chuyến máy bay để cho tập đoàn cứ điểm trở lại hoạt động bình thường.

Cũng như "sếp" của mình, đại tá Đờ Cát càng tin rằng đối phương bỏ cuộc. Khoảng cuối tháng 1, không thấy quân ta tiến công, ông ta cho máy bay ném truyền đơn thách thức. Đại thể truyền đơn như sau:

Gửi tướng Giáp:

Nghe tin ông mang nhiều sư đoàn lên đây để giao chiến và định cho quân vào ăn Tết trong Điện Biên Phủ. Chúng tôi xin sẵn sàng đón tiếp...

Ký tên: DE CASTRIES

Chưa hết. Viên chỉ huy tập đoàn cứ điểm còn giở trò chiến tranh tâm lý. Một tờ truyền đơn được ném xuống, nhan đề: "Thư tâm huyết của chính ủy đại đoàn 312", ký tên Trần Độ. Nội dung nói gì? Đó là những lời "tâm huyết" của một cán bộ chính trị cao cấp đã đầu hàng và kêu gọi ba quân chiêu hồi. Sau này trên báo Quân đội nhân dân, số ra ngày 13 tháng 4 năm 1989, anh Trần Độ

cho biết: đúng là anh "cũng sốt ruột thật, đặc biệt là sợ sự xao xuyến ở hậu phương".

Nhưng lính ta rất tỉnh! Anh em sớm biết tính lừa gạt của *thư tâm huyết*. Chỉ ba từ đó cũng đủ lạ tai đối với quân ta. Còn những tờ truyền đơn "thách thức giao chiến" thì chỉ càng làm cho mọi người thấy rõ sự lúng túng của địch trong việc phán đoán ý định tác chiến của ta và việc đánh giá quyết tâm của bộ đội.

Đúng là lính ta đã trải qua những phút "bất bình". Khi nghe lệnh tạm ngừng nổ súng và kéo pháo ra, không ít chiến sĩ và cả cán bộ sững sờ, không tin ở tai mình nữa. Rồi những tiếng thở dài, những lời phản ứng và những câu "châm biếm" nữa (Chà! Cơ động linh hoạt nhỉ!). Nhưng thực ra đằng sau thái độ "bất bình" đó là một tâm hồn kỳ diệu, mang bản chất cách mạng của quân đội, tinh thần quyết chiến quyết thắng của anh bộ đội Cụ Hồ. Lính ta là như vậy, nhất là những người lính cũ, đã lăn lộn trên nhiều chiến trường, đã lớn lên trong thử thách. Họ mang trên mình cả chiến công và thương tích, nhưng vẫn chưa hết tính bồng bột của tuổi trẻ. Lần này cũng như vậy. Chai tay kéo pháo vào, chai tay đào công sự để rồi bây giờ lại kéo pháo ra, để rồi ngừng cuộc tiến công?

Phút thắc mắc dù có kéo dài nhưng rồi cũng tiêu tan. Và những tờ truyền đơn máy bay địch ném xuống trắng rừng chỉ còn là trò hề lố bịch!

Anh em hiểu vì sao nhiệm vụ kéo pháo ra được coi như nhiệm vụ chiến đấu đặc biệt. Đánh hơi thấy bộ đội ta chuyển pháo, địch sẽ đánh phá dữ dội. Rõ ràng là kéo pháo ra còn gian khổ hơn khi đưa pháo vào trận địa. Và ngay đêm 26 tháng 1 đáng ghi nhớ đó, công việc nặng

nhọc này bắt đầu. Lại những tiếng mõ tre cốc cốc gióng giả gõ nhịp cho từng bước đi chậm chạp của từng con voi thép. Lại những địa danh kỳ lạ nhưng đã trở thành quen thuộc: Bãi Chuối, Suối Ngựa, Dốc Cây Cụt, Dốc Bảy Tời, Cầu Bám...

Lại thêm chín đêm nặng nhọc trôi qua. Và chính trong thời gian đó, bài *Hò kéo pháo* ra đời và phát huy tác dụng đúng lúc.

"Hò dô ta nào! Kéo pháo ta vượt qua đèo
Hò dô ta nào! Kéo pháo ta vượt qua núi
Dốc núi cao cao, nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi !...

Hồi đó, Hoàng Vân là một chàng trai Hà Nội tài hoa. Từ trường sĩ quan, anh được điều về chiến đấu ở đại đoàn 312 rồi làm chính trị viên tốp văn công của đại đoàn. Vào lúc công tác chuẩn bị chiến đấu ở Điện Biên đang rất khẩn trương, anh được cử đi quan sát chiến trường, chuẩn bị đưa văn công xung kích xuống phục vụ bộ đội. Lần đầu tiên tận mắt nhìn thấy những con voi thép, lại được biết những khẩu pháo nặng hàng tấn đó đang được kéo qua đèo, qua suối vào trận địa chỉ bằng đôi vai, đôi tay người lính, Hoàng Vân rất xúc động. Đúng lúc đó, có lệnh kéo pháo ra. Rồi có tin chiến sĩ lựu pháo Nguyễn Văn Chức, tin khẩu đội trưởng cao pháo Tô Vĩnh Diện hy sinh quên mình cứu pháo. Một đêm trời gần sáng, Hoàng Vân xúc động nhớ lại hình ảnh bộ đội kéo pháo vào hồi trung tuần tháng 1. Rồi anh ghi những nốt nhạc đầu tiên xuất hiện trong đầu...

Bản nhạc được hoàn thành trong đêm, giữa lúc xa xa vẳng lên tiếng gà rừng gáy. Ngay hôm sau, *Hò kéo pháo*

cùng các chiến sĩ văn công ra hiện trường, "phục vụ tại trận". *Hò kéo pháo* không chỉ dừng lại trên đường kéo pháo mà đã sớm lan truyền nhanh chóng trên toàn mặt trận Điện Biên Phủ; không chỉ dừng lại trong những ngày kéo pháo mà đã trở thành một nguồn động viên bộ đội trong suốt 55 ngày đêm đối mặt với địch trong tập đoàn cứ điểm. Mãi mãi về sau này, nói đến chiến dịch Điện Biên Phủ là nói đến kỳ tích kéo pháo và lại nghe văng vẳng bên tai tiếng *Hò kéo pháo*.

Sáng ngày 3 tháng 2 - mồng một Tết âm lịch - Trời sáng dần. Ánh nắng đầu xuân xuyên qua khe lá chiếu vào những gương mặt gầy tọp nhưng hết sức hân hoan của các chiến sĩ kéo pháo. Những chú voi thép cuối cùng đã về đến địa điểm tập kết an toàn.

Theo dõi từng giờ việc kéo pháo ra suốt gần mười ngày qua, nhận được tin vui sáng nay, các đồng chí trong sở chỉ huy mặt trận thở phào, nhẹ nhõm. Có đồng chí thốt lên: "Các chiến sĩ ta đã làm được một kỳ công".

Thắng lợi của việc kéo pháo ra càng làm cho các đồng chí chỉ đạo chiến dịch thêm vui, sau hàng loạt tin chiến thắng dồn dập những ngày qua. Đó là chiến công của 32 dũng sĩ đại đoàn 312 bảo vệ Đồi Xanh, chiến công của dũng sĩ Hoàng Văn Nô, thuộc đại đoàn 316, trong trận Tà Lèng.

Đối với nhiều lính cũ, ra đi từ những ngày đầu kháng chiến, đã qua gần 10 cái tết xa nhà mà chưa tết nào vui như tết chiến hào Xuân Giáp Ngọ này. Riêng anh em bộ đội pháo binh còn được vinh dự đón đồng chí Tổng tư lệnh đến thăm và chúc mừng năm mới. Vừa hoàn thành

nhiệm vụ kéo pháo ra, lính pháo ta được thưởng một chầu tắm nước nóng, một bữa ăn tươi và đặc biệt là một... giấc ngủ bù. Bộ đội sơn pháo 75 vừa lập công đầu xuân: sáng mồng hai Tết, bắn cháy chiếc máy bay đầu tiên trên sân bay Mường Thanh.

Trong không khí bận rộn chuẩn bị chiến đấu, cái tết chiến trường qua đi rất nhanh. Tâm trí mọi người như tập trung vào một điểm: Phải làm sao cho Xuân này là một mùa xuân chiến thắng!

13
MÁY BAY MỸ VÀ ĐÔI BỒ DÂN CÔNG

Lý luận quân sự cổ - kim - đông - tây đã nói nhiều về vai trò hậu phương quan trọng như thế nào đối với thắng lợi ở tiền tuyến. Nếu người Pháp không tin rằng quân ta dám đánh và có thể thắng được ở Điện Biên Phủ cũng là điều dễ hiểu. Một trong những lý do quan trọng, nếu không phải là quan trọng nhất, là những khó khăn (mà họ cho rằng ta không thể vượt qua nổi) về hậu cần, tiếp tế.

Sau này được biết, đêm 24 tháng 12 năm 1953, bên ánh lửa trại lễ Thiên Chúa giáng sinh tổ chức ở Điện Biên Phủ, tướng Na-va đã nói với ba quân: "Việt Minh đưa quân lên đây nhưng họ phải lo việc cung cấp quá lớn, trên một chặng đường quá dài, qua những vùng hiểm trở, nghèo xác xơ và đường giao thông hầu như không có. Vận tải của Việt Minh chỉ toàn bằng đi bộ, do "phu" gánh[1]. Nếu có bằng ô-tô chăng nữa thì cũng phải đi trên những đoạn đường rất xấu, luôn bị không quân Pháp cắt đứt".

---

1. Tướng Na-va dùng từ cu-li (coolie).

Một phần tư thế kỷ sau, khi "sự kiện Điện Biên Phủ" đã đi vào lịch sử, tướng Pháp Y. Gơ-ra, tác giả cuốn *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, đã có thực tế để thấy đâu là sức mạnh của hậu phương kháng chiến. Ông ta viết: "Cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm đặt ra vấn đề hậu cần tiếp tế cùng một lúc với vấn đề chiến thuật, nếu không nói là đặt ra trước. Liệu có thể bảo đảm về mặt hậu cần cho một khối chủ lực quan trọng chiến đấu cách xa hậu phương của nó đến như vậy hay không? Nhiều người, nhất là trong bộ tham mưu Pháp, cho rằng Việt Minh không thể làm được điều đó...".

"Từ cuối tháng 1, sau khi lựa chọn cách tiến công và vây hãm dài ngày, vấn đề chiến thuật và vấn đề hậu cần gắn chặt với nhau. Vây hãm dài ngày làm nảy sinh những khó khăn mới rất to lớn về tiếp tế lương thực và đạn dược. Cuộc giao chiến kéo dài trước hết phải được giải quyết về mặt bảo đảm hậu cần bằng một trục đường bộ duy nhất. Đối với Bộ chỉ huy Việt Minh, phải có sự làm chủ và niềm tin khác thường mới có thể mở một chiến dịch quy mô như vậy, trong những điều kiện bảo đảm như vậy. Nhưng ông Giáp quan niệm rằng "Cả một dân tộc sẽ tìm ra giải pháp cho vấn đề hậu cần". Không nghi ngờ gì nữa, đó là quan niệm táo bạo nhất và kết quả đã nói lên sự thực hiện xuất sắc của Bộ chỉ huy Việt Minh. Và giải pháp "cả một dân tộc..." đã làm thất bại mọi tính toán và dự kiến của bộ tham mưu Pháp - những người từ lâu vẫn nuôi hy vọng cắt đứt hoặc chí ít cũng làm chậm lại một cách có hiệu quả dòng tiếp tế hậu cần của đối phương, bằng cách ném

bom con đường vận chuyển duy nhất của họ. Toàn bộ máy bay có thể huy động đều được sử dụng vào việc đánh phá hai con đường tiếp tế: đường 13 và 41. Thế nhưng trong các chuyến bay trinh sát cũng như ném bom, các phi công chỉ thấy toàn là rừng rậm đơn điệu, bạt ngàn, vô tận. Bay trên lãnh thổ của Việt Minh họ có cảm giác về một sự trống rỗng (chân không) tuyệt đối. Đôi khi, trong chớp mắt, họ bất chợt bắt gặp một đoàn dân công trên một đoạn đường vòng. Nhưng ngay lập tức dân công bỏ lại hàng hóa và chạy tản ra dưới các lùm cây. Máy bay quay lại, ném bom bắn phá. Nhưng ngay sau khi máy bay đã đi khuất, "đàn kiến dân công" lại trở về với công việc... Người ta nghĩ rằng trút hàng trăm tấn bom xuống hàng chục địa điểm có thể ngăn chặn được bước đi của dòng dân công vô tận đó. Nhưng mỗi khi có đoạn đường bị cắt đứt, dân công lại chuyển tải, mở những đường vòng, trong lúc một lực lượng chuyên trách cứ lấp các hố bom và sửa chữa con đường. Thế là chung quanh những quãng đường bị cắt, con đường được nhân lên thành một mạng đường vòng, giống như một con sông mà người ta cố ngăn chặn vẫn tìm được dòng chảy của nó bằng cách uốn quanh và biến thành những con suối. Không quân Pháp đã bất lực trong việc chống lại sự thô sơ của hậu cần Việt Minh: con đường không bao giờ đứt!

"...Đêm đêm, dưới ánh đuốc và ngày ngày dưới rừng cây, những đàn kiến khổng lồ kiên trì chăm chỉ làm việc trên những con đường, đường lớn cũng như đường mòn. Hàng ngàn, hàng vạn người, trai cũng như gái, vận

chuyển hàng hóa, dắt ngựa, đẩy xe đạp thồ, đánh xe trâu, hướng dẫn các xe vận tải... Trong khi đó, những người khác, với cuốc xẻng trong tay, nhẫn nại hàn gắn những đoạn đường...".

Đó là bức tranh "cả dân tộc giải quyết vấn đề hậu cần", dưới con mắt của một viên tướng Pháp.

Đúng là bước vào thu đông, bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ, nhất là từ sau khi thay đổi phương châm tác chiến, hậu phương đã chuyển động trong khí thế cả nước ra trận, theo khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến - tất cả để chiến thắng!".

Trước yêu cầu của mặt trận, 300 cán bộ của một lớp tập huấn công tác phát động quần chúng, được chọn lên đường phục vụ tiền tuyến. Phong trào tòng quân rầm rộ chưa từng thấy. Từng đợt, từng đợt tân binh, sau khi được huấn luyện, phấn khởi lên đường ra mặt trận. Hướng về các chiến sĩ Điện Biên Phủ, bà con nông dân xã này thi đua với xã khác, đội này thi đua với đội khác, gặt nhanh, gặt gọn, phơi khô quạt sạch, đóng thuế nông nghiệp vượt yêu cầu, trước thời gian. Câu hát phổ biến trong nhiều địa phương nói lên tấm lòng hậu phương hướng ra tiền tuyến.

Thóc nhiều, chiến thắng càng to
Đồn Tây càng đổ, câu hò lại vang
Đóng nhanh, nhanh nhất xóm làng
Em thách thôn chàng nộp đủ, nộp mau
Nắng nhiều, sớm nở hoa cau
Đóng nhanh, thóc tốt càng mau thắng thù!

Bà con nông dân vùng tự do vừa qua hai vụ bội thu, lại do kết quả của phong trào phát động quần chúng, đã đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến thuận lợi hơn nhiều so với vùng tạm bị chiếm. Có được hạt thóc đưa ra mặt trận, người dân vùng địch kiểm soát phải trải qua những ngày đấu tranh gay go với giặc, từ lúc cấy cày, gặt hái, đến lúc đưa được thóc ra vùng tự do. Mọi thủ đoạn dã man của địch, từ bắn giết trâu bò, phá lúa, cướp thóc, đến ngăn đường chặn lối.... cũng không cản nổi người nông dân yêu nước cùng hạt thóc vượt vành đai trắng lên Tây Bắc. Được bình tuyển đi thanh niên xung phong, đi dân công Điện Biên Phủ, nhất là đi bộ đội, là một vinh dự đối với mỗi người dân, mỗi gia đình trong vùng địch tạm chiếm!

Đi đôi với việc động viên sức người, sức của từ hậu phương xa lên mặt trận, việc huy động khả năng tại chỗ, nhất là về lương thực, thực phẩm, vẫn là một biện pháp được ngành hậu cần coi trọng. Một tấn gạo, một con lợn do nhân dân đóng góp tại chỗ đặc biệt quý giá vì không những có giá trị gấp chục lần số lượng tương đương huy động từ phương xa đến mà còn đáp ứng được nhanh chóng kịp thời cho bộ đội đang chiến đấu ngay tại địa phương. Hơn ba chục vạn đồng bào Tây Bắc, phần lớn mới được giải phóng năm trước, mặc dù kinh tế nghèo nàn, dân cư thưa thớt, giao thông không thuận tiện, nhưng với tấm lòng yêu nước vốn có, đã đóng góp cho bộ đội Điện Biên Phủ hơn 7.300 tấn gạo (chiếm 29,1% tổng số gạo huy động), 800 tấn rau xanh, gần 400 tấn thịt.

Người nông dân góp thóc nuôi bộ đội và cũng chính bằng đôi vai và cánh tay của mình, bà con lại đưa thóc

ra tiền tuyến. Đáng chú ý là đồng bào Tây Bắc, nhất là trên các rẻo cao, rất ít khi xa nhà, "xuống núi, nghe ếch nhái kêu cũng đủ nhức đầu không ngủ được". Vậy mà theo lời kêu gọi của Cụ Hồ, bà con đã hăng hái đi dân công, kề vai sát cánh cùng đồng bào miền xuôi phục vụ chiến dịch. Con số gần 32.000 dân công (tức gần 1,3 triệu ngày công) nói lên sự cố gắng rất lớn của nhân dân Tây Bắc góp vào thắng lợi của quân và dân cả nước mùa khô năm 1953-1954.

Trong việc đi dân công phục vụ chiến dịch, người già đã nêu những tấm gương đáng quý trong nhiều địa phương, nhiều đoàn dân công. Người ta thường nói đến cụ Trần Văn Thiện, 64 tuổi ở Phú Thọ, cụ Bùi Văn Tín, 72 tuổi ở Thanh Hóa... Đi dân công là một công việc rất vất vả, cực nhọc. Không địa phương nào động viên những người ở tuổi các cụ đi dân công hỏa tuyến. Nhưng các cụ xung phong, tình nguyện và chính quyền địa phương không thể không chấp nhận. Ở Tây Bắc, không được cử đi phục vụ chiến dịch nhiều cụ già đã tìm cách giúp đỡ bộ đội đang chiến đấu ở mặt trận Điện Biên Phủ.

Nhà văn Thanh Tịnh đã kể một chuyện cảm động trên đường đi của đoàn dân công Nông Cống, Thanh Hóa, do bác Lâm phụ trách.

Hôm đó, đoàn dân công đang trên đường ra mặt trận. Bỗng thấy một cụ già người dân tộc đứng ven đường, giơ hai tay lên cao lớn tiếng hỏi:

- Có phải dân công lên phía Điện Biên không?

Tiếng Kinh của cụ già chưa sõi. Bác Lâm nhìn cụ già hỏi:

- Vâng, chúng cháu đi lên phía ấy. Cụ cần việc gì ạ?

Cụ già bước lại gần bác Lâm, cố gắng nói tiếng Kinh một cách khó khăn:

- Xóm chúng tôi gần núi Hóe. Người già chúng tôi bàn nhau góp mấy con gà ủng hộ bộ đội. Tôi mang gà ra đây từ sáng, nhưng chẳng thấy người đi qua. Chỉ thấy xe bốn bánh, sáu bánh đủ loại. Mà xe thì chạy như chớp, kêu như sấm, ai mà gọi được!

- Thế cụ định nhờ chúng cháu chuyển gà lên trên đó phải không?

- Phải! Phải!

Rồi cụ quay đi lấy ra hai bu đựng 12 con gà to giấu kín trong lùm cây. Cụ còn chặt mía biếu mỗi thành viên đoàn dân công một tấm "để đi đường ăn cho đỡ mệt".

Chia tay với cụ già núi Hóe, đoàn dân công mới đi được chừng nửa ki-lô-mét đã thấy cụ già đuổi theo, vẫy gọi. Rồi cụ đặt vào gánh của bác Lâm một gói khô, vừa thở vừa nói:

- Tôi quên đưa cái này để gà ăn đường...

Bác Lâm vừa đi vừa nói:

- Cụ chu đáo quá. Chúng cháu không bớt phần gạo của bộ đội cho gà ăn đâu. Phần cơm thừa ít nhiều của chúng cháu cũng đủ để gà ăn no...

- Cơm không thừa đâu... Tôi biết...

Nói rồi cụ quay người, nhanh chân quay trở lại. Trên suốt chặng đường đi chiến dịch, hình ảnh cụ già núi Hóe luôn là nguồn động viên đối với anh chị em dân công Nông Cống.

Nói đến dân công hỏa tuyến vận chuyển bằng phương tiện thô sơ, không thể không nói đến "binh đoàn ngựa sắt", những chiếc xe đạp thồ luôn dẫn đầu về năng suất, đã chiếm vị trí quan trọng nhất trong đội ngũ dân công.

Chiếc xe đạp thồ phục vụ tiền tuyến đã xuất hiện từ những năm đầu kháng chiến, khi mà những trục đường bị quân và dân ta phá hoại để làm chậm bước quân thù. Qua nhiều chiến dịch trước, chiếc xe thồ trở thành phương tiện vận tải tiện lợi, với năng suất không ngừng tăng lên, đã góp phần không nhỏ vào mỗi chiến công của anh bộ đội. Trải qua nhiều lần cải tiến, đến chiến dịch này, chiếc xe thồ càng hoàn chỉnh và được huy động với số lượng chưa từng có: gần 2,1 vạn chiếc. Trong kháng chiến, đối với anh em xe đạp thồ, chiếc xe là đầu cơ nghiệp, là công cụ nuôi sống cả gia đình. Trước yêu cầu phục vụ tiền tuyến, nhiều anh em, cũ có, mới vào nghề có, hăng hái đến trụ sở ghi tên xung phong đi chiến dịch. Nhiều chiếc xe đủ loại, từ Lin-côn, Méc-xi-ê... đến Xtéc-linh, Pơ-giô..., được bổ sung những bộ phận kỳ lạ ngoài thiết kế ban đầu như "phuốc" phụ, đuôi phụ, cọc thồ... để tăng thêm sức chịu đựng trên những chặng đường rừng núi hiểm trở. Đặc trưng nhất của chiếc xe thồ là cái "tay ngai", chiếc tay lái xe đạp được nối dài ra bằng một đoạn tre đực, khuỳnh khuỳnh như tay ngai. So với dân công gánh, trung bình 25 ki-lô-gam, thì một xe đạp thồ năng suất gấp 7-8 lần. Đột xuất là kỷ lục của các anh Ma Văn Thắng, Cao Văn Ty (dân công Thanh Hóa): 325 rồi 337 và cuối cùng là 345 ki-lô-gam. Đó là những "vua thồ Điện Biên".

"Binh đoàn ngựa sắt" được tổ chức thành từng đoàn, từng đội, có "xưởng sửa chữa" lưu động, với bộ đồ nghề hoàn chỉnh, với đủ phụ tùng thay thế và cả với bếp than để vá chín. Dọc đường, "xưởng sửa chữa" sẵn sàng thay lốp, lên vành, hàn khung, bảo đảm toàn đội không xe nào bị rơi rớt. Đêm đi, ngày nghỉ. Chiều chiều, xe đã được bảo dưỡng, ra trạm nhận hàng rồi toàn "binh đoàn ngựa sắt" lại lên đường. Và đâu đó lại vang lên:

Mau lên! Hỡi bạn xe thồ!

Đường ra mặt trận vui mô cho bằng?

Vượt đèo qua suối băng băng

Xe thồ đè bẹp xe tăng quân thù....

Mỗi lần lên đèo, xuống dốc, phải "đấu" 6 người một xe, cùng với câu hò hỗ trợ:

"Binh đoàn thiết mã" - xe thồ

Trập trùng đèo dốc, lần mò suốt đêm

Hò dô ta ... này ...

Khuỳnh khuỳnh một chiếc tay ngai

Đèo cao - đẩy vượt, suối dài - vác qua

Dù cho mưa rét, phong ba

Lương thực, đạn dược phải đủ để quân ta diệt thù!

Hò dô ta ... này!

Vào khoảng sau tết, khi sáng tác đầu tay Hoàng Vân đến với "binh đoàn ngựa sắt", thì *Hò kéo pháo* bắt đầu bị "xuyên tạc":

Đoàn "tay ngai" nào! Quyết chí ta vượt qua đèo!

Đoàn "tay ngai" nào! Cố gắng ta lội qua suối! ...

Đối tượng mà các chiến sĩ tay ngai thường chạm trán trên đường ra mặt trận là các chị, các cô dân công. Đôi bồ đôi sọt đè trĩu vai, nhưng các cô vẫn không ngừng trêu trọc. Một cô mở đầu: "Ơ mấy cái ông kia lạ nhỉ, có xe chẳng nhảy lên mà đi, lại đẩy!". Cô khác tiếp luôn: "Khốn nỗi, người ta có biết đi đâu mà chẳng đẩy". Rồi cô thứ ba: "Xin chào mấy ông "cán bộ tay ngai" ra trận!". Và cứ thế, kèm theo những tiếng cười hồn nhiên.

Trêu thì cứ trêu, nhưng tinh thần tương trợ của các cô thật không ai bằng. Một lần, "chiến sĩ tay ngai" Lê Quang Viết, người xóm Cẩm, Thái Nguyên bị rớt lại cuối đoàn xe thồ. Trời mưa, đường dốc trơn như mỡ, Viết bị trượt chân mấy lần và cuối cùng, xe bị đổ giữa đường. Một cô dân công đặt gánh gạo xuống, giúp Viết nâng xe dậy. Rồi vai gánh gạo, một tay cô nắm lấy ghi đông chiếc xe thồ của Viết, giúp lôi lên dốc. Hai người cùng thở. Bỗng Viết lớn tiếng:

Con kiến mà leo cành đa

Dân công leo dốc thở ra thở vào

Con kiến mà leo cành đào

Dân công leo dốc thở vào thở ra...

Quên cả mệt nhọc, hai người cùng cười... Rồi cô gái dân công mặt trái xoan, đôi mắt rất sáng, nhân thời cơ "tự giới thiệu":

Quê em, đất nhãn Hưng Yên

Vượt qua vùng địch, em lên với chàng ...

... Trăng lên đỉnh núi trăng tà

Em đi chiến dịch, xa nhà vẫn vui ...

Vui chân trên đường ra mặt trận, các cô dân công hồn nhiên không hề biết rằng công việc bình thường nhưng vô cùng dũng cảm của mình đã khiến người nước ngoài rất đỗi ngạc nhiên và khâm phục. Trong cuốn sách *Mắt thấy ở Việt Nam*, nữ ký giả Pháp Y-von Pa-nhi-nét đã vẽ lên một hình ảnh mang tính so sánh đầy ý nghĩa. Y-von viết: "Than ôi! Máy bay của ta lại thua đôi bồ của cô dân công Việt Minh...". Đôi bồ dân công thắng không quân địch! Câu nói có vẻ quá lời, nhưng lại là sự thật. Nói "máy bay thua đôi bồ dân công", Y-von Pa-nhi-nét muốn chỉ ra sự bất lực của không quân Pháp trong việc cắt đường tiếp vận từ hậu phương ra tiền tuyến của đối phương. Còn đối với các "chiến sĩ tay ngai thuộc binh đoàn ngựa sắt" thì Giuyn Roa, tác giả cuốn *Trận Điện Biên Phủ* lại nêu một nhận xét khác: "Tướng Na-va bị thua, chính là vì những chiếc xe đạp thồ, với những kiện hàng 200 - 300 ki-lô-gam, được điều khiển bởi những con người ăn không được no và ngủ thì nằm ngay trên những mảnh ni-lông trải trên đất... Không phải các phương tiện nào khác đã đánh bại tướng Na-va mà chính là trí thông minh và ý chí quyết thắng của đối phương đã quật ngã ông ta..."

*

* *

Từ khi ném quân xuống chiếm đóng Điện Biên Phủ, nhất là từ trung tuần tháng 12, tướng Na-va tập trung máy bay đánh phá ác liệt những nơi xung yếu như đầu

mối giao thông, những đoạn đường hiểm trở khó chữa, cầu phà và những nơi nghi có chân hàng của ta. Các đèo Pha Đin, Lũng Lô, ngã ba Cò Nòi, bến phà Tạ Khoa... đều là những mục tiêu đánh phá hàng đầu của máy bay Pháp. Riêng ở Cò Nòi - nơi mà một kế hoạch của không quân địch quy định hàng ngày phải trút xuống chừng 70 tấn bom, sau mỗi đợt oanh tạc, ngã ba chi chít những hố sâu. Địa hình ở đây thay đổi hàng ngày. Chỉ trong hai tháng đầu năm 1954, tổ quan sát đã phải vẽ lại sơ đồ con đường 19 lần. Ngoài việc dùng bom đánh phá, gồm cả bom nổ ngay và bom nổ chậm, địch còn thả mìn nhảy, bom bướm, chông sắt... hòng cản trở bước chân của dân công, gây khó khăn cho các đoàn xe cơ giới.

Để bảo đảm đường tiếp tế luôn thông suốt, ta đã dùng mọi biện pháp làm thất bại thủ đoạn đánh phá của máy bay địch. Một nửa lực lượng phòng không được điều đến bảo vệ những đoạn đường xung yếu nhất, nên đã hạn chế một phần quan trọng hoạt động của không quân địch.

Trên các vùng trọng điểm, bộ đội công binh, thanh niên xung phong và dân công là lực lượng thường trực bảo đảm mạch giao thông thông suốt, nhất là ở những nơi xung yếu địch thường thả nhiều bom nổ chậm. Thật là căng thẳng khi trên mặt đường đầy những cờ cắm báo hiệu nơi có bom chưa nổ. Vì vậy, phá bom nổ chậm trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của lực lượng đảm bảo giao thông. Trên cả hệ thống hơn 3.000 ki-lô-mét đường từ các miền hậu phương lên Điện Biên Phủ, hơn 5.000 chiến sĩ công binh đảm nhiệm vai trò nòng cốt phá bom nổ chậm ở

những địa bàn xung yếu, cùng với hơn 1.200 thủy thủ chuyên trách bảo đảm giao thông trên 60 bến phà.

Trước thủ đoạn thâm hiểm của địch, các chiến sĩ xung kích bảo vệ cầu đường giữ vững quyết tâm:

Không để tắc đêm, hạn chế tắc giờ

Không một đêm để lỡ kế hoạch vận chuyển

Không bỏ sót một quả bom chưa nổ.

Quyết tâm đó phản ánh cả trên tờ báo tường của một đơn vị công binh:

Mặc cho bom nổ chặn đầu

Chúng ta cũng quyết sửa mau thông đường

Dù cho có bị trọng thương

Chúng ta (cũng) quyết giữ mạch đường lưu thông.

Thành tích và kinh nghiệm phá bom nổ chậm của chiến sĩ Chu Văn Khâm được phổ biến rộng rãi, đã trở thành động lực thúc đẩy phong trào thi đua phá bom, tháo bom trong thanh niên xung phong, dân công, kể cả dân công các dân tộc ít người. Hàng chục tấn thuốc nổ tháo từ các quả bom phá đường của địch được dùng vào việc mở đường và sửa đường của ta.

Như sau này Giuyn Roa viết trong cuốn *Trận Điện Biên Phủ*, "đã có hàng trăm tấn bom được ném xuống các tuyến giao thông và những con đường tiếp vận của quân đội Việt Nam, nhưng chưa bao giờ cắt đứt nổi những con đường ấy". Còn nói theo cách của tướng Ê-ly, tham mưu trưởng quân lực Pháp (sau khi điều tra về nguyên nhân thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ) thì

"một lần nữa, kỹ thuật hiện đại lại bị những con người có tâm hồn và lòng tin đánh bại".

Cần nói thêm rằng cuộc đấu tranh, vật lộn để có hạt gạo, viên đạn đưa ra tiền tuyến, không chỉ diễn ra trên các trục đường bộ hàng mấy trăm ki-lô-mét từ hậu phương xa xôi dẫn đến Điện Biên Phủ. Ngay trong việc động viên tại chỗ, trên địa bàn Tây Bắc, cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giải quyết vấn đề tiếp tế cũng không kém phần ác liệt. Một ví dụ là trên trục dòng sông Nậm Na, phía bắc Lai Châu.

Dòng sông Nậm Na, từ Phòng Tô về Lai Châu, dài hơn 100 ki-lô-mét. Riêng đoạn từ bản Nậm Cúm đến Pa Tầng chỉ dài chừng 20 ki-lô-mét, nhưng lại là đoạn sông dữ, với rất nhiều thác. Ở quãng này, lòng sông không rộng lắm. Nó như một kẽ nứt, quanh co dưới chân những triền núi cao sừng sững hai bờ. Từ đó, những dòng suối tuôn nước xuống không ngừng, khiến dòng sông đục ngầu. Nước réo ầm ầm khi chảy qua thác, như sẵn sàng đạp tan và nhận chìm mọi thứ trôi theo dòng sông. Đồng bào địa phương coi việc vận chuyển trên dòng sông này là một việc lạ, "xưa nay chưa ai dám làm".

Khi vấn đề lương thực trở thành yêu cầu nóng bỏng đối với chiến dịch, làm thế nào đưa được hàng ngàn tấn gạo từ bản Nậm Cúm về Lai Châu để rồi đưa tiếp về Điện Biên? Bộ chỉ huy Mặt trận quyết tâm đưa công binh lên phá thác và đưa dân công lên đóng một vạn cái mảng để đưa gạo về Lai Châu bằng đường sông.

Trung đội công binh của Phan Tư đã lập công đầu trong việc phá thác. Dầm mình dưới nước giữa thời tiết mùa đông khắc nghiệt của núi rừng Tây Bắc và phá được gần 100 cái thác trên dòng sông, anh em công binh đã góp phần quyết định chinh phục dòng sông hung dữ. Riêng một mình Phan Tư đã vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không khắc phục nổi để phá 9 cái thác lớn nhất. Khi chừng 100 cái thác đã chịu khuất phục trước tinh thần dũng cảm của các chiến binh sĩ công binh, 120 ki-lô-mét đường sông đã được khai thông, dòng gạo từ Phòng Tô bắt đầu rót về Lai Châu.

Việc vận chuyển trên khúc sông từ bản Nậm Cúm về Pa Tầng được giao cho đại đội Thanh Thủy. "Xê" này gồm toàn dân công gái huyện Thanh Thủy, Phú Thọ. Lớn lên trên đồng ruộng trung du, nhiều lắm cũng chỉ biết chở thuyền nan trên dòng sông Thao phẳng lặng, các cô rất xa lạ với thác ghềnh miền ngược. Vậy mà, chỉ qua mấy ngày "tập huấn", toàn "xê" Thanh Thủy đã thạo tay chèo tay chống, khéo léo điều khiển chiếc mảng tre lách theo luồng lạch an toàn tới đích, bảo đảm gạo không ướt, mảng không vỡ, người không bị ngã xuống sông. Đó là cả một quá trình phấn đấu hết mình để thắng dòng nước dữ.

Lúc đầu, từ chỗ 4 người đảm nhiệm một mảng, chở từ 1,2 đến 1,5 tạ, mất hai ngày xuôi về giao hàng ở Pa Tầng, một ngày đi bộ ngược trở lên bản Nậm Cúm. Năng suất quá thấp. Từng bước rút kinh nghiệm và nhất là khi được biết yêu cầu khẩn trương về lương thực của bộ đội, số người phụ trách một mảng rút

xuống hai, rồi một người, mỗi mảng nâng năng suất chở lên 3 tạ và thời gian rút ngắn lại, mỗi ngày một chuyến, cả đi và về.

Thật xứng danh là con gái đất Tổ. Thành tích tăng năng suất 30 lần của "xê" Thanh Thủy đã góp phần đưa gần 2.000 tấn gạo về Lai Châu trước thời gian quy định hai ngày.

Béc-na Phôn, tác giả cuốn *Việt Minh 1945-1960* có đầy đủ lý do để hạ một nhận xét: Chiến thắng Điện Biên Phủ "trước hết và trên hết là những chiến công về tổ chức tiếp tế". Còn tướng Na-va, tác giả của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và cũng là tác giả cuốn *Đông Dương hấp hối*, đã thấy sai lầm trong lời nói với ba quân đêm Nô-en 1953, bởi vì ông ta đã sáng ra một điều là "Bộ chỉ huy kháng chiến Việt Minh đã phác họa thật hay công việc vận chuyển của họ. Họ tin rằng những kết quả đạt được là nhờ sự cố gắng lớn lao đó và khâm phục khả năng của Bộ chỉ huy và của chính phủ đối phương đã biết cách để đạt được kết quả đó.

Một lần nữa, thực tế lại chứng tỏ đó là một kết luận đúng đắn. Nhưng có điều ... quá muộn!.

14
CÁI "NHIỆT KẾ THẦN KINH"

Những tin tức của phòng nhì tiếp tục chứng minh sự chuẩn bị quy mô lớn của quân đội Việt Nam cho trận đánh ở Điện Biên Phủ. Các sư đoàn chủ lực đã tề tựu quanh vùng rừng núi Điện Biên. Số dân công vận tải và sửa đường lên tới hàng vạn. Xe vận tải "có đuôi" xuất hiện trên đường 41 cùng với hàng ngàn xe đạp thồ. Hàng ngàn phuy xăng với hàng chục vạn lít đã tập trung quanh vùng Tuần Giáo. Rõ ràng Việt Minh không hề từ bỏ ý định tiến công của họ, một trận tiến công mà chỉ qua những con số thống kê về đơn vị chủ lực, cơ sở vật chất, cũng đủ thấy tính chất quyết liệt như thế nào.

Tổng chỉ huy Na-va liền cử tướng Bô-đê về Pa-ri mang theo một bức thư "báo động" để chính phủ thấy khả năng đối phương sẽ tiến công Điện Biên Phủ với những phương tiện mới. Tình hình đó khiến bộ chỉ huy (quân viễn chinh) không dám đảm bảo một cách chắc chắn rằng (Pháp) sẽ giành được thắng lợi một trăm phần trăm như lời cam đoan của Na-va hồi tháng 12. Qua bức thư, điện Ma-ti-nhông nhận thấy "lần đầu tiên tổng chỉ huy tỏ ra lo ngại như vậy" và càng thấy rõ thâm

ý của Na-va là muốn có thêm máy bay, con chủ bài hết sức cần thiết để "mở một trận đánh lớn bằng không quân ngay từ bây giờ...". Vì, theo Na-va, trận đánh ở Điện Biên Phủ "trước hết phải là một trận đánh của không quân", vậy mà trong tay tổng chỉ huy có quá ít máy bay. Sau khi trình bày lỗ lãi với chính phủ, Na-va rút ra kết luận: với số vốn đầu tư ở tập đoàn cứ điểm (kể cả số máy bay mà tổng chỉ huy đang hy vọng được tăng viện), Pháp không những sẽ thắng ở Điện Biên Phủ mà còn tránh được tổng giao chiến ở đồng bằng Bắc Bộ.

Bô-đê ra đi rồi Bô-đê trở về với hai bàn tay trắng. Không có thư trả lời, cũng chẳng có máy bay. Ở Pa-ri chính phủ còn đang nhấm nháp một cách khoái trá những tin tức chiến thắng (do chính Na-va báo cáo về mấy tuần trước) nên không ai muốn nghe những ý kiến "rất bi quan" trong bức thư đầu năm của tổng chỉ huy.

Đã đâm lao phải theo lao. Trong thế bị kẹp giữa một bên là các sư đoàn đối phương đang gấp rút chuẩn bị tiến công với một bên là "những viên chức quan liêu ở Pa-ri" không chịu gửi máy bay tăng viện, tổng chỉ huy Na-va phải xúc tiến gấp mọi thủ đoạn cần thiết để đối phó với tình hình.

Trước hết phải dựa vào kết quả các cuộc hành binh thăm dò *Rê-gát* và *Ác-đét* của Lăng-gle và Vô-đrây cũng như dựa vào "chiếc cầu chiến lược" mà Cre-vơ-cơ đã bắc với 6 tiểu đoàn rải dọc sông Nậm U, từ Mường Khoa đến gần Luông Pha-băng, để hoàn chỉnh gấp kế hoạch Xê-nô-phôn, sẵn sàng rút chạy khỏi Điện Biên Phủ sang Thượng Lào khi tình thế bắt buộc. Chọn cái tên "Xê-nô-phôn" (vị

tướng nổi danh vì nghệ thuật lui quân ở thành A-ten thời cổ Hy Lạp) Na-va tin chắc rằng cuộc rút chạy sẽ trót lọt!

Đường tiếp tế bằng hàng không có thể bị cắt đứt, đó cũng là một tình huống cần dự kiến. Tướng Đờ-sô được lệnh vạch ra kế hoạch đối phó với trường hợp cả hai sân bay Mường Thanh và Hồng Cúm đều bị tê liệt mà vẫn bảo đảm cho máy bay vận tải thường xuyên thả dù tiếp tế 150 tấn/ngày cho tập đoàn cứ điểm, trong khi các máy bay chiến đấu túc trực ở Cách Đồng Chum, Cát Bi và Gia Lâm vẫn chi viện được cho cuộc chiến đấu phòng ngự ở Điện Biên Phủ.

Ba tiểu đoàn dù thiện chiến[1] ở đồng bằng Bắc Bộ được lệnh sẵn sàng nhảy xuống cứu nguy khi tập đoàn cứ điểm bị tiến công. Chủ trương này đã vấp phải sự chống đối của Cô-nhi, con người chỉ muốn bo bo thu vén quân ở châu thổ sông Hồng, nhất là sau khi các sân bay Cát Bi rồi Gia Lâm và Bạch Mai liên tiếp bị tiến công (mặc dù ở các căn cứ không quân này "đèn thắp sáng chẳng kém gì điện Ê-ly-dê!"). Cuộc tranh giành về binh lực giữa Na-va và Cô-nhi đã diễn ra từ lâu, ngay từ trước khi con nhím Điện Biên ra đời. Từ đầu năm 1954, trong khi Na-va đặt tầm quan trọng của đồng bằng Bắc Bộ xuống hàng thứ tư (sau Điện Biên Phủ, Trung Lào và đồng bằng Khu 5 - tức cuộc hành binh "Át-lăng") thì Cô-nhi khăng khăng đòi dành ưu tiên số 1 cho vùng châu thổ sông Hồng. Đến nay, sau những ý kiến trao đi đổi lại, Cô-nhi buộc phải chấp hành lệnh của tổng chỉ huy, nhưng quan hệ Na-va - Cô-nhi khiến người ta hồi

1. Từ ngày 25 tháng 2, số quân này lên tới năm tiểu đoàn, trong đó có hai tiểu đoàn mới được điều từ Tây Nguyên ra.

tưởng lại không khí căng thẳng giữa Các-păng-chi-ê và A-léc-xăng-đri bốn năm về trước.

Đề phòng đối phương dùng đạn có "hơi cay, hơi độc" (!), mười lăm ngàn mặt nạ được cấp tốc điều từ Sài Gòn ra để ném xuống Điện Biên Phủ. Vừa truyền đạt mệnh lệnh, các nhân viên tham mưu và hậu cần vừa cười thầm về sự lo xa của tổng chỉ huy. Có tiếng thì thào rằng lỗi này là tại phòng nhì đã quá bơm to khả năng của đối phương.

Một biện pháp tích cực được áp dụng ngay trên cánh đồng Mường Thanh: đưa quân nống ra, chiếm các điểm cao có lợi, phá công tác chuẩn bị của đối phương, phá các trận địa pháo, nhất là trận địa pháo 75 đã và đang liên tiếp uy hiếp sân bay chính từ cuối tháng 1, làm cho một số máy bay bị bắn cháy ngay trên sân băng. Gần mười trận "tiến công" lấn chiếm của quân Pháp ra hướng đông Điện Biên Phủ (từ 31 tháng 1 đến 5 tháng 3 năm 1954) với binh lực từ một đại đội đến bốn tiểu đoàn đã lần lượt bị đánh lui. Điển hình thất bại là trận "tiến công" của bốn tiểu đoàn Âu - Phi ngày 5 tháng 3 hòng chiếm điểm cao 781 và khu vực Đồi Xanh. Với 10.000 viên đạn pháo cối giội lên một khu vực 5.000 mét vuông, với một máy bay bị bắn rơi, với một phần tư quân số bỏ xác tại chỗ, cuối cùng trận "tiến công" đã bị hoàn toàn thất bại. Kết quả tất cả những "hoạt động tiến công" trên đây, sau này đã được Na-va thừa nhận: "Ở khắp nơi, những trận chiến đấu đó đã vấp phải những tổ chức vững chắc, được phòng giữ rất giỏi (của đối phương) và chúng ta (Pháp) đã bị thiệt hại khá nặng nề. Rõ ràng, vòng vây chung quanh tập đoàn cứ điểm không hề bị rạn nứt...

Do đó, việc rút chạy khỏi Điện Biên Phủ vào lúc này là không thể được nữa rồi..."[1].

Tuy nhiên, sự đánh giá tình hình và khả năng của đối phương trong mỗi thời kỳ và đối với từng viên tướng hoặc cao ủy Pháp không hoàn toàn giống nhau. Ngay trong mỗi người, thái độ bi quan - lạc quan - chủ quan cũng luôn luôn lên xuống như độ lên xuống từng ngày, từng tuần của chiếc nhiệt kế.

Ngày 1 tháng 1 năm 1954, Na-va vừa gửi thư về Pháp, một bức thư được thủ tướng La-ni-en coi là bôi đen tình hình, thì mấy ngày sau đó (ngày 6 tháng 1), cao ủy Đờ-giăng lại điện về cho bộ trưởng Giắc-kê bảo đảm sẽ giành được thắng lợi quan trọng vì "cho đến nay chưa bao giờ ông Giáp phải đương đầu với một nhiệm vụ kinh khủng đến như vậy...". Tiếp đến mười ngày sau, trên núi rừng Điện Biên Phủ lại trắng xóa những tờ truyền đơn ký tên Đờ Cát thách thức đối phương tiến công...

Mức độ chủ quan ngạo mạn của Na-va - Đờ Cát càng thể hiện rõ rệt khi được tin đại đoàn 308 đã "bỏ cuộc" và đang lui quân về phía tây - nam. Theo phán đoán của họ, rõ ràng sau một thời gian "do dự", đối phương đã "thoái chí trước sức mạnh sắt thép của Véc-đoong ở châu Á" (!).

Các tướng lĩnh vừa chủ quan vừa chậm hiểu này làm sao biết được rằng: sau khi bộ tư lệnh đối phương thay đổi phương châm tác chiến để *đảm bảo chắc thắng* ở Điện Biên Phủ, trong khi mọi công tác chuẩn bị cuối cùng đang được xúc tiến gấp rút chung quanh tập đoàn cứ điểm, thì đại đoàn 308 và một số đơn vị khác được

1. Hăng-ri Na-va - *Đông Dương hấp hối* (Agonie de l'Indochine) Plon - Paris, 1956, tr.211.

lệnh tranh thủ thời cơ tiêu diệt thêm lực lượng Pháp - ngụy, chặt đứt "chiếc cầu chiến lược" nối liền Luông Pha-băng với Điện Biên Phủ, làm cho tập đoàn cứ điểm hoàn toàn bị cô lập. Đại đoàn 308 hiệp đồng với các đơn vị bộ đội cách mạng Lào đã xóa sổ vị trí Mường Khoa, quét sạch 6 tiểu đoàn do Cre-vơ-cơ "cấy" dọc sông Nậm U, giải phóng tỉnh Phong Sa Lỳ. Và, sự "bỏ cuộc" của đại đoàn 308 đã có tác dụng "kích thích rất đúng lúc" tư tưởng chủ quan của các tướng lĩnh Pháp. Mãi đến khi quân của Cre-vơ-cơ ở Thượng Lào phải đốt đồn bốt chạy về hướng Luông Pha-băng, viên tổng chỉ huy mới vỡ lẽ: Không ngờ tập đoàn cứ điểm được xây dựng công phu ở Điện Biên Phủ lại tỏ ra bất lực trước nhiệm vụ "bảo vệ Thượng Lào" đến thế. Một lần nữa, trong cảnh nước sôi lửa bỏng, Na-va lại phải vét bảy tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ (dù Cô-nhi phản đối) và một tiểu đoàn ở Nam Bộ đến tăng cường cho kinh đô Luông Pha-băng (năm tiểu đoàn) và Mường Sài (ba tiểu đoàn), tổ chức hai nơi này thành hai tập đoàn cứ điểm. Thêm một ngón tay, bị tách ra từ "quả đấm" gầy guộc ở đồng bằng Bắc Bộ, và đây là ngón thứ 5, ngón tay cuối cùng[1].

Với đòn bất ngờ trên đây của đối phương, "chiếc cầu chiến lược" thế là bị phá tung. Giấc mộng "Xê-nô-phôn" vỡ tan tành. Ngày 23 tháng 2, Na-va nghe tin đại đoàn 308 đã trở lại Điện Biên Phủ. Vòng vây vẫn khép kín. Quân

1. Đến cuối tháng 2 năm 1954, sau đòn tiến công của liên quân Việt-Lào ở Thượng Lào, khối cơ động của Pháp (gồm 103 tiểu đoàn) đã bị phân tán quá nửa lên chiến trường rừng núi (53 tiểu đoàn), rải ra trên bảy tập đoàn cứ điểm (Điện Biên Phủ, Luông Pha-băng, Mường Sài, Cánh Đồng Chum, Sê Nô, An Khê, Plây-cu), ở năm chiến trường. Riêng tại đồng bằng Bắc Bộ, lực lượng cơ động giảm từ 46 tiểu đoàn (tháng 11 năm 1953) xuống 28 tiểu đoàn (cuối tháng 2 năm 1954).

Pháp trong "thành Véc-đoong ở châu Á" lâm vào thế mạt lộ. Viên tổng chỉ huy chỉ còn biết chờ đợi cuộc tiến công sắp nổ ra (bộ chỉ huy Pháp phán đoán là vào khoảng đầu tháng 3).

Vậy mà, một tuần rồi hai tuần trôi qua. Im lặng. Thật là một đối thủ khó hiểu. Phải chăng họ đã hụt hơi khi mà khả năng tiến công của họ đã lên tới đỉnh cao? Vậy thì đã đến lúc phải ra tay "chủ động tiến công" trên các chiến trường khác để "xóa bỏ đến mức có thể những kết quả mà họ đã thu được" (!).

Để yên tâm, ngày 4 tháng 3, Na-va dẫn Cô-nhi lên kiểm tra tình hình ở Điện Biên Phủ *lần cuối cùng*. Trước khi ra về, viên tổng chỉ huy kéo Cô-nhi và Đờ Cát ra một chỗ và ngỏ ý muốn tăng cường cho tập đoàn cứ điểm ba tiểu đoàn nữa để "buộc đối phương phải dứt khoát từ bỏ ý định tiến công". Đờ Cát tỏ ra đồng tình, với điều kiện là phải được tăng viện. Tiếp đó, Cô-nhi lại nói: "Chúng ta đến đây để bắt buộc Việt Minh phải chiến đấu... không được làm một cái gì để họ thay đổi ý định tiến công nữa".

Đối phương "do dự", cấp dưới "quyết tâm". Tổng chỉ huy vững dạ bay về Sài Gòn. Một mệnh lệnh có ý nghĩa chiến lược được tung ra: 1) Tăng cường đến mức tối đa việc phòng thủ ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; 2) Mở cuộc hành binh *Ác-xen* (đợt 2 của chiến dịch *Át-lăng* bị bỏ dở) vào ngày 12 tháng 3 năm 1954.

Thế nhưng, sau khi Cô-nhi từ Điện Biên Phủ bay trở về một ngày, còn Na-va đang ung dung cùng nhân viên tham mưu "tiếp tục vạch những mũi tên tiến công trên các bản đồ chiến sự" vùng Quy Nhơn, Bồng Sơn thì ngày 13

tháng 3, tiếng súng tiến công của Quân đội nhân dân Việt Nam vào tập đoàn cứ điểm đã nổ. Giờ phút mà Na-va - Cô-nhi - Đờ Cát chờ đợi căng thẳng suốt 5 tháng qua đã đến. Hơn 10 nghìn quân Pháp, bị quây chặt trong một thung lũng khổng lồ trên 100 ki-lô-mét vuông đã như cá nằm trên thớt.

15
R.A.S - VÌ SAO?

Suốt mấy tháng qua, Đờ Cát cố làm cho các sĩ quan và binh lính thuộc quyền có một cuộc sống "bình thường" ngoài những giờ lao động khổ sai để xây dựng trận địa. Viên chỉ huy tập đoàn cứ điểm hy vọng cấp dưới có những giây phút lãng quên cảnh tù túng chôn chân ở cái thung lũng nơi rừng xanh này.

Chiều chiều, bọn lính Thái lao vào sòng *tài sỉu* để sát phạt nhau, hoặc giải phiền trong tiệm thuốc phiện. Còn bọn quan lính người nước ngoài thì hoặc mò đến các "nhà chứa lưu động" với bọn gái làm tiền được đưa từ Hà Nội lên, hoặc ngồi trước cửa hầm hút thuốc, đánh bài, uống rượu trên những bộ ghế sắt nhà binh. Rượu và bia là những món hàng đắt khách. Bọn lái máy bay đánh hơi rất nhạy điều đó. Thế là mỗi chuyến bay chúng kiếm những món tiền lớn. Giá bán ở Điện Biên Phủ thường gấp ba lần giá ở Hà Nội. Lính dù và lê dương thường được "cưng" hơn. Bọn chỉ huy làm ngơ trước những hành vi lính tẩy của bọn lính đi mò gái, cướp gà lợn, bắn trâu của dân bản...

Nhưng từ ngày 22 tháng 1 năm 1954, cuộc sống "bình thường" giả tạo của quân đội Pháp trong lòng chảo

Mường Thanh không còn nữa. Hôm đó, cả Na-va và Cô-nhi lên Điện Biên Phủ để đôn đốc một cách gay gắt việc chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công "sắp tới" của đối phương.

Từ đó, binh lính và sĩ quan sống trong trạng thái đợi chờ căng thẳng. Hàng ngày, sương vừa tan, Đờ Cát lại cho máy bay trinh sát lượn hết vòng này, vòng khác trên các triền núi quanh lòng chảo, chụp ảnh những nơi chúng nghi ngờ ta tập trung quân, chuẩn bị tiến công. Đờ Cát và Pi-rốt cũng nhiều lần đích thân bay lên, nhòm ngó, xoi mói tìm trận địa pháo của ta.

Ngày 25 tháng 1, tình hình có vẻ căng thẳng hơn. Lính bị cấm trại toàn bộ. Bọn sĩ quan hỏi nhau: Việt Minh sắp tiến công? Cũng có thể. Nhưng rồi thêm một ngày đêm bình yên trôi qua. Đối phương chưa hành động. Đờ Cát và cơ quan tham mưu tập đoàn cứ điểm luôn nhận được điện của tổng chỉ huy hỏi tình hình mà không hề biết rằng lúc này một phái đoàn chính phủ do bộ trưởng Mắc Giắc-kê dẫn đầu vừa từ Pa-ri sang đang dừng chân ở Hà Nội chờ tin tức để bay lên Điện Biên Phủ. Riêng tướng Na-va, lòng như lửa đốt, đứng ngồi không yên vì theo tin của phòng nhì - 25 tháng 1 chính là ngày đối phương tiến công, một thời điểm trùng hợp với dịp phái đoàn chính phủ định lên thị sát chiến trường.

Sáng sớm 26 tháng 1, sau khi nhận được điện của Đờ Cát cho biết tình hình vẫn yên tĩnh ("R.A.S")[1], tổng chỉ huy Na-va thở phào nhẹ nhõm cùng với Cô-nhi yên tâm đưa ngài bộ trưởng và cao ủy Đờ-giăng cùng đoàn tùy tùng bay lên Điện Biên Phủ.

1. R.A.S (Rien à signaler) - Tình hình không có gì đặc biệt đáng báo cáo.

Một trung đội lê dương bồng súng chào các vị khách bệ vệ từ máy bay bước xuống. Bộ trưởng mặc quần áo đi săn màu "be", miệng ngậm tẩu. Cao ủy ăn mặc theo kiểu đi dạo mát trên đường phố Sài Gòn. Na-va nhỏ bé, vẻ mặt bồn chồn đi bên một Cô-nhi cao to, oai vệ như con gà trống tốt mã. Cả hai viên tướng đều chống gậy leo núi, một thói quen mang tính truyền nhiễm của tướng lĩnh Pháp.

Cuộc viếng thăm kéo dài ba giờ. Bữa ăn trưa có cả cua bể và rau "xa-lát" do vợ Đờ Cát từ Hà Nội gửi lên cho chồng thết khách. Trời sắp về chiều. Một thời điểm báo động. Nếu Việt Minh chưa tiến công tối hôm qua, không có nghĩa là họ không nổ súng hôm nay, 26 tháng 1, Na-va ghé tai Giắc-kê thì thầm:

- Thưa ngài bộ trưởng, có thể chiều nay Việt Minh tiến công. Chúng tôi có trách nhiệm bảo vệ ngài...

Máy bay của cái bộ tứ kênh kiệu ấy cất cánh, để lại một Đờ Cát đứng mũi chịu sào trước cơn giông tố mà họ dự đoán sẽ nổi lên đêm nay. Viên đại tá trở về hầm chỉ huy, dáng tư lự. Vẫn chiếc ca-lô màu tiết dê đội lệch một cách hờ hững. Đi bên là trung tá Pi-rốt, mặt tròn trĩnh, một ống tay áo của cánh tay phải cụt, cài lòng thòng vào thắt lưng.

Lệnh phát ra cho ba quân: Sẵn sàng nghênh chiến!

Nhưng rồi đêm 26 lại lặng lẽ trôi qua. Sáng hôm sau, lại một bức điện ngắn: R. A. S.

Cả hai cơ quan tham mưu của Cô-nhi ở Hà Nội và của Na-va ở Sài Gòn đều ngơ ngác: Thế là thế nào? Rõ

ràng phòng nhì cho biết Việt Minh sắp tiến công. Phải chăng họ bỏ cuộc? Không nổ súng ở Điện Biên thì họ sẽ tiến công hướng nào?

Đối với Na-va và bộ tham mưu của ông ta, sự im lặng kéo dài của đối phương thật khó hiểu. Sau này, khi đã về vườn, viết hồi ký biện bạch cho những chuyện đã qua, viên tướng này vẫn chưa giải đáp được nhiều điều, trong đó sự kiện hai ngày 25 và 26 đã từng là một ẩn số. Mãi hai mươi chín năm sau, trên tờ báo Pháp *Người quan sát mới* số ra ngày 8 tháng 4 năm 1983, căn cứ một phần vào sách báo công khai của ta, nhà sử học Bu-đa-ren mới hé một vài điều mà lúc đó phương Tây chưa hề biết. Ông ta đưa ra những luận chứng để thuyết minh về những gì đã xảy ra ngày 25 tháng 1 (đúng ra là ngày 26) tại Sở chỉ huy chiến dịch của ta ở Nà Tấu. Trong những luận chứng đó, có cái đúng và cũng không ít điều không đúng. Không đúng cũng là điều dễ hiểu và không đến mức cần cải chính.

Vậy điều mà hồi đó tổng chỉ huy Na-va không giải đáp được là cái gì? Vì sao cả hai ngày 25 và 26 đều "R.A.S."?

Trở lại ngày 14 tháng 1 năm 1954 tại Sở chỉ huy chiến dịch, khi đó đặt ở Thẩm Púa. Thẩm Púa là một cái hang lớn ở chân vách đá của ngọn Pú Hồng Cáy, ở ki-lô-mét 15 đường Tuần Giáo - Điện Biên. Tại đây, ngày 14 đã diễn ra hội nghị phổ biến kế hoạch tác chiến chiến dịch.

Những gương mặt quen thuộc trên các chặng đường kháng chiến lại gặp nhau dưới mái hội trường tre nứa vừa được dựng lên dưới tán xòe rộng của hai cây sấu

già trên một bãi đất rộng. Một bàn cát lớn toàn cảnh Điện Biên Phủ, được cơ quan tham mưu tiền phương đắp ngay cạnh hội trường.

Kẻ địch hẳn không hề nghĩ rằng đối phương của chúng, ngay tại cơ quan chỉ huy cao nhất của chiến dịch, đến khi phổ biến kế hoạch tác chiến, vẫn chưa có trong tay một tấm bản đồ chi tiết về lòng chảo Mường Thanh. Bàn cát được đắp theo các cảnh đồ của các tổ trinh sát, những lời khai của tù binh bắt tại trận trong những ngày chuẩn bị chiến dịch.

Đây là lần đầu tiên cán bộ các đơn vị, từ đồng chí tư lệnh đại đoàn mới qua tuổi thanh niên đến một số cán bộ tiểu đoàn còn trẻ măng, được thảo luận kế hoạch tác chiến và nhận nhiệm vụ chiến đấu ngay trên bàn cát. Mọi người dễ nhất trí về mục đích, ý nghĩa, tính chất của chiến dịch, một chiến dịch lớn nhất trong lịch sử 10 năm xây dựng, trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta. Chiến dịch không chỉ nhằm tiêu diệt lực lượng địch với quy mô lớn nhất và còn làm thất bại các mục tiêu chiến lược của địch, cả về xây dựng và tác chiến, được nêu trong kế hoạch Na-va, làm phá sản hình thức phòng ngự mà địch cho là mầu nhiệm.

Như mọi lần, vấn đề được thảo luận sôi nổi nhất vẫn là cách đánh. Ai nấy đều nhất trí với tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Trung ương là *đánh chắc thắng*, nhưng vấn đề đặt ra là đánh như thế nào? Hai lập luận rõ rệt và cuộc thảo luận xoay quanh hai cách đánh.

Cách thứ nhất: Nhân lúc trận địa phòng ngự của địch chưa được củng cố, bố trí ở một số mặt còn sơ hở, ta

tập trung binh lực, hỏa lực, chia làm nhiều hướng, có hướng chính, có hướng phối hợp, đánh sâu vào trong lòng địch, chia cắt tập đoàn cứ điểm ra từng bộ phận, tiêu diệt bộ phận quan trọng nhất của chúng, sau đó, tiếp tục giải quyết những bộ phận còn lại, hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt tập đoàn cứ điểm. Đó là cách *đánh nhanh, giải quyết nhanh.*

Cách thứ hai: Ta tập trung binh lực, hỏa lực hơn hẳn địch trong từng trận đánh, tiến đánh từng bước, tiêu diệt từng bộ phận địch, bảo đảm chắc thắng trong từng trận, dùng một loạt trận đánh công sự vững chắc kế tiếp nhau trong một thời gian dài để tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm. Đó là cách *đánh chắc, tiến chắc.*

Phân tích quyết tâm và trình độ tác chiến của bộ đội sau chỉnh quân chính trị và chỉnh huấn quân sự, phân tích chỗ mạnh và chỗ yếu của địch, những khó khăn trở ngại của ta về tiếp tế, về sức khỏe bộ đội... nhiều ý kiến nghiêng về cách đánh thứ nhất. Tuy nhiên, hội nghị vẫn cân nhắc kỹ lợi hại của từng cách đánh. Đánh nhanh giải quyết nhanh có một điều bất lợi lớn là, mặc dù đã được chuẩn bị về tư tưởng và chiến thuật để đánh tập đoàn cứ điểm, nhưng quân ta chưa có kinh nghiệm thực tế. Lần đầu tiên đánh tập đoàn cứ điểm lại gặp một tập đoàn cứ điểm mạnh. Còn đánh chắc tiến chắc thì bảo đảm chắc thắng nhưng chiến dịch sẽ kéo dài, địch sẽ tăng cường lực lượng, củng cố hệ thống phòng ngự của chúng; bộ đội ta có thể bị tiêu hao, mệt mỏi, vấn đề hậu cần tiếp tế vốn đã khó khăn, càng trở nên khó khăn hơn.

Dựa vào nguyên tắc *đánh chắc thắng*, hội nghị nhất trí chủ trương: Tùy theo tình hình chuẩn bị của ta và sự phát triển của tình hình địch, để áp dụng một trong hai cách đánh này. Trước mắt, ta tích cực chuẩn bị để tranh thủ khả năng *đánh nhanh giải quyết nhanh*. Nếu tình hình thay đổi, ta sẽ chuyển sang *đánh chắc tiến chắc*.

Chủ trương hợp lý. Cách đánh tiếp tục được cân nhắc ngay trong quá trình bám sát mọi chuyển biến về địch, quá trình chuẩn bị khẩn trương theo phương châm đánh nhanh giải quyết nhanh.

Các đại biểu phấn khởi ra về. Hàng loạt công việc đang chờ đợi ở đơn vị, trong đó có những việc hoàn toàn mới mẻ, lần đầu đặt ra trong đời người cán bộ: làm đường kéo pháo và kéo pháo vào trận địa, hợp đồng bộ binh, pháo binh quy mô lớn, chuẩn bị thêm cho bộ đội về chiến thuật, kỹ thuật, về khả năng chiến đấu liên tục theo yêu cầu đánh công sự vững chắc quy mô lớn chưa từng thấy.

Ngay sau hội nghị, cơ quan Bộ chỉ huy mặt trận chuyển từ Thẩm Púa vào Nà Tấu, ki-lô-mét 62 đường Tuần Giáo - Điện Biên. Tại đây, trong không khí hết sức khẩn trương, ba cơ quan tham mưu, chính trị và hậu cần gấp rút chỉ đạo và giúp đỡ các đơn vị hoàn thành công việc chuẩn bị chiến dịch.

Tiếp tục bám sát động tĩnh của địch trong lòng chảo, bảo đảm thông tin thông suốt để chỉ đạo các chiến trường chia lửa với Điện Biên, giải quyết những vấn đề còn lại về kỹ thuật, chiến thuật, tư tưởng và tổ chức cho

bộ đội, huy động khả năng tiếp tế tại chỗ và tiếp nhận nguồn chi viện của hậu phương để đáp ứng nhu cầu chiến dịch có thể kéo dài..., hàng loạt công việc cấp bách phải được giải quyết trong vòng mươi ngày để bộ đội có thể nổ súng vào cuối tháng.

Chiến trường đòi hỏi phải dốc sức. Cuộc chạy đua thầm lặng tiếp tục diễn ra giữa một bên đang ra sức tận dụng mọi phương tiện hiện đại để củng cố tập đoàn cứ điểm, với một bên là quyết tâm và ý chí con người, với sức mạnh chủ yếu từ đôi bàn tay và vũ khí trang bị còn nhiều hạn chế, để không lỡ thời cơ tiêu diệt địch. Trước mắt, có những việc mà ngay lúc đó ta chưa lường hết những khó khăn, phức tạp, gian khổ. Dùng sức người kéo pháo vào trận địa là một trong những việc thuộc loại này. Đây không chỉ là một nhiệm vụ lao động chiến đấu thông thường mà là một thử thách lớn lao lần đầu tiên đặt ra trước quân đội ta.

Nhìn lại suốt mấy chục năm, qua những trang sách viết về Điện Biên Phủ, các tướng lĩnh, sử gia, ký giả Pháp và phương Tây không sao nói lên được một thực tế là: bằng cách gì quân ta đã đưa được pháo vào trận địa để trút lửa xuống tập đoàn cứ điểm và để hạ hàng loạt máy bay của Pháp trên bầu trời Điện Biên?

Không ít người nhìn cuộc chiến tranh Đông Dương qua lăng kính của quân viễn chinh Pháp, một quân đội được Mỹ cung cấp từ điếu thuốc lá đến chiếc dây giầy, họ làm sao hình dung nổi những việc làm vượt trên sức chịu đựng của con người, những người quyết vượt qua

mọi gian lao thử thách để chiến thắng kẻ thù trong cuộc chiến đấu không cân sức.

Chủ trương dùng sức người kéo pháo đã được quán triệt khi bàn kế hoạch tác chiến. "Chúng ta chủ trương mở đường kéo pháo không phải vì chúng ta không làm được đường cho xe chạy, mà chính là để giữ bí mật, để giành lấy yếu tố bất ngờ".

Pháo được xe kéo dừng lại ở ki-lô-mét 69, đường 41. Từ đó, phải mở một con đường vượt qua một hệ thống đồi núi dài 15 ki-lô-mét, từ phía đông bắc sang phía tây bắc cánh đồng Mường Thanh. Chỗ cao nhất phải vượt qua là đỉnh Pú Pha Sông, 1.150 mét. Chỗ thấp nhất là vực Nậm Kho Hu, ở độ cao 600 mét so với mặt biển. Đoàn cán bộ đi trinh sát địa hình, lập phương án làm đường kéo pháo và chọn trận địa pháo, phải qua nhiều nơi địa hình rất hiểm trở. Vậy mà đường kéo pháo vẫn trong tầm pháo của địch. Không ai nghĩ rằng trong tay đoàn cán bộ đi khảo sát địa hình không có một tấm bản đồ chi tiết, không một khí tài đo ngắm hiện đại.

Sau khi mạng đường đã được xác định trên sơ đồ, yêu cầu đặt ra với hai trung đoàn của đại đoàn 308 là: trong một ngày đêm phải mở xong con đường trên 10 ki-lô-mét để kéo pháo vào trận địa. Cán bộ công binh tính toán và lo ngại. Trong 24 giờ, phải hàng vạn dân công mới làm kịp. Nếu chỉ có hai trung đoàn, ít nhất phải tăng thời gian lên gấp 5 lần. Vậy mà quân ta đã đạt được một kết quả không hề lường trước: Chỉ sau 20 giờ lao động khẩn trương, và chỉ với cuốc xẻng, dao, choòng và mìn phá đá, 5.000 chiến sĩ đại đoàn *Quân Tiên phong* đã hoàn thành tuyến đường vượt kế hoạch của cơ quan tham mưu mặt trận. Thêm

một thành tích nổi bật, tô thắm thêm truyền thống mở đường thắng lợi của quân đội ta.

Đi trên con đường quân sự làm gấp, người cán bộ pháo binh đã thấy trước những khó khăn của bước thứ hai: kéo pháo vào trận địa. Độ dốc trung bình: 30 đến 40 độ. Đột xuất, có dốc 60 độ. Cả lựu pháo và cao pháo đều nặng trên 2,5 tấn, một khối thép khổng lồ phải vượt núi trên trục đường sát địch, có chỗ phải vượt 7 đợt dốc liên tục. Phần lớn được cây cao che kín, nhưng cũng có đoạn đường trống trải. Pháo địch thường bắn cầm canh vu vơ ra chung quanh cứ điểm để ngăn chặn công tác chuẩn bị của ta. Đường kéo pháo trong tầm đại bác của địch. Mấy yêu cầu đồng thời được nêu lên, không thể thiếu một: Bảo đảm bí mật, an toàn cho người, cho pháo và kịp thời gian quy định là 2 ngày 3 đêm.

Tư tưởng phải thông. Cứ nhìn khí thế bộ đội cũng đủ thấy điều đó, không khó lắm. Nhưng tổ chức thế nào? Bện dây, tổ chức lực lượng kéo, đặt tời ở những dốc cao, tổ chức thông tin, ngụy trang giữ bí mật, kế hoạch tránh phi pháo địch, tổ chức ăn uống bảo đảm sức khỏe để bộ đội sẵn sàng chiến đấu... Một loạt công việc đặt ra cho các cơ quan tham mưu, chính trị và hậu cần mặt trận, của bộ tư lệnh đại đoàn bộ binh 312 và đại đoàn công pháo 351.

Từ ngày 16 tháng 1, bộ đội bắt đầu kéo pháo vào trận địa.

Những người lính trẻ chưa đầy một tuổi quân cũng có mặt trong đoàn quân kéo pháo.

Lính bộ binh, nhất là lính trẻ, chưa từng biết thế nào là kéo pháo vượt đèo! Nghe nói mỗi đại đội bố trí một trăm người kéo một khẩu, lính ta vội cho là "bở ăn quá"! Một trăm con người! Mỗi người chỉ cần bám vào một tí cũng đủ cho pháo chạy băng băng!

Quả thật có khẩu xuất phát từ quãng đường bằng phẳng lúc đầu pháo đi nhanh vùn vụt. Nhưng rồi, ngay từ cái dốc đầu tiên (chưa lấy gì làm dốc lắm), nhiều lính trẻ đã thấy là mình lầm. Hai tay miết chặt, cẳng xoạc ra, người rạp xuống thế mà "nó" chỉ nhích lên từng tấc. Hò thét khản cổ. Thở hổn hển bằng mũi, bằng mồm và cả bằng tai. Nhích lên được tí nào, lập tức phải chèn ngay bánh, nếu không pháo sẽ tụt. Lên đã khó, xuống dốc càng khó hơn, vì pháo dễ tuột, dễ chệch đường và có nguy cơ lăn kềnh xuống vực. Phải kéo ngược chiều, kìm hãm từng bước, chèn pháo từng bước.

Một đêm đầu, với một trăm người kéo, pháo đi chưa được một nghìn mét. Người mệt bã ra! Nghe nói còn phải qua hơn 10 ki-lô-mét nữa, thật không dễ như suy nghĩ lúc đầu. Nếu không phải quân đội cách mạng thì không thể nào kéo nổi những khối thép khổng lồ kia vượt qua đèo dốc để vào trận địa.

Nhưng rồi quen sức, quen tay, tổ chức có thêm kinh nghiệm kéo nhanh hơn, đỡ vất vả hơn. Đó cũng là lúc hai bàn tay đã chai cứng, dày như da gót chân, các ngón tay to bè ra, vuông lại. Có người đũng quần thủng hẳn. Đó là kết quả những lần ngồi miết xuống đất để ghìm pháo. Pháo trôi người bị kéo theo tuồn tuột.

Cầm vào dây pháo, đổ mồ hôi trên đường kéo pháo, những người lính bộ binh càng khâm phục các pháo thủ làm nhiệm vụ lái pháo, chèn bánh pháo. Suốt trong những ngày kéo pháo căng thẳng, các chiến sĩ pháo binh luôn luôn ở vị trí khó khăn, nguy hiểm nhất. Khi lên dốc: chèn đằng sau, khi xuống dốc: lái đằng trước, kể cả những lúc bom đạn địch nổ trên đường kéo pháo. Thế mà các pháo thủ vẫn bình tĩnh chèn pháo, lái pháo, tỉnh táo hướng dẫn cho "voi" đi đúng đường, tới đích an toàn.

Tờ báo của quân đội, xuất bản ngay tại mặt trận, đưa tin hàng ngày, giới thiệu những sáng kiến, biểu dương những gương hy sinh quên mình bảo vệ pháo.

Thực tế ngày càng chứng tỏ kế hoạch của cơ quan tham mưu mặt trận không sát. Dự kiến ba đêm, tất cả pháo phải vào trận địa sẵn sàng nổ súng tiến công, rõ ràng là việc không thể thực hiện được. Đêm thứ nhất, hàng ngàn con người quần quật suốt đêm mới đưa được 7 khẩu lựu pháo vào tới cửa rừng, trong khi kế hoạch là cả 24 khẩu. Ngày thứ hai, lợi dụng rừng cây kín đáo, đoàn quân kéo pháo suốt từ sáng đến tối mới đưa sâu vào thêm được một ki-lô-mét nữa. Bảy đêm trôi qua nặng nề, căng thẳng và cũng chậm chạp như bước đi của đoàn quân kéo pháo. Lác đác đã có thương vong. Vậy mà những khẩu lựu pháo vẫn chưa tới được bên kia đường Lai Châu - Điện Biên. Chưa nói gì đến cao pháo.

Suốt trong tuần lễ bộ đội kéo pháo, không khí trong Sở chỉ huy chiến dịch nhộn nhịp, sôi nổi nhưng cũng thật là căng thẳng.

Chuông điện thoại luôn vang lên, báo tin mỗi đoạn đường nhích đi của đoàn voi thép. Từng đêm, từng buổi, các đồng chí lãnh đạo theo dõi sát bước đi nặng nề chậm chạp đó. Cán bộ chủ trì các cơ quan tác chiến, tuyên huấn, bảo vệ... luôn có mặt tại chỗ giúp đơn vị tổ chức, động viên bộ đội kéo pháo.

Mười ngày đã qua đi kể từ ngày phổ biến kế hoạch tác chiến. Thời gian kéo pháo đã dài gấp hơn ba lần so với dự kiến ban đầu. Ngày nổ súng đã được lùi lại 24 giờ, cụ thể là vào 17 giờ ngày 26. Vậy mà đến 25 tháng 1, vài chú "voi" vẫn còn ì ạch rất xa trận địa.

Cũng trong 10 ngày đó, theo báo cáo của các đài quan sát, qua những sơ đồ mà các tổ quân báo vẽ được trong khi luồn sâu trinh sát phía trong tập đoàn cứ điểm, dễ dàng nhận thấy một thực tế là tình hình không phải như những gì ta đã nắm được thời gian qua. Ở phía bắc, đồi Độc Lập không phải là một vị trí nhỏ, tiền tiêu, mà thật ra là một cụm cứ điểm, do một tiểu đoàn tinh nhuệ của địch phòng giữ. Phía tây, mới xuất hiện thêm hai cứ điểm. Phía nam: cứ điểm Hồng Cúm đã phình ra thành một cụm cứ điểm, có sân bay và trận địa pháo binh riêng, có thể vươn hỏa lực chi viện cho phân khu Trung tâm. Các điểm cao phía đông vẫn là nơi địch mạnh hơn cả, nơi địch có thể co về kéo dài chiến đấu phòng ngự.

Nhiều câu hỏi được đặt ra với cán bộ chỉ huy về triển vọng của trận đánh sắp tới: Pháo chiếm lĩnh trận địa chậm liệu công tác chuẩn bị kế hoạch hỏa lực và phần tử bắn có bảo đảm không? Trong chuẩn bị, pháo vào trận địa đã khó như vậy, thì trong chiến đấu, nếu cần cơ động thì cơ động thế nào? Xuống cánh đồng, địa hình bằng phẳng, bộ đội sẽ chiến đấu thế nào dưới hỏa lực của máy bay và pháo binh địch? Làm thế nào để hạn chế chỗ mạnh đó của chúng? Khi ta phát triển vào trong tung thâm, nếu địch tập trung về cố thủ trên các điểm cao phía đông hoặc tăng cường lực lượng cho phân khu nam (Hồng Cúm) thì làm thế nào để chiến dịch có thể kết thúc nhanh gọn được?...

Đó là những băn khoăn của không ít cán bộ trong và sau hội nghị Thẩm Púa, băn khoăn vì chưa có lời đáp thỏa đáng câu hỏi: *Đánh thế nào?* Mười ngày qua, nhiều lần cùng một vài cán bộ tham mưu lên trực tiếp quan sát địch trong tập đoàn cứ điểm, câu hỏi đó luôn là điểm mấu chốt trong suy nghĩ của đồng chí Chỉ huy trưởng chiến dịch. Nhớ lại lời Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn hôm đồng chí lên đường ra mặt trận *("Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng, không đánh")*, đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp dần dần đi đến chỗ khẳng định: Đánh nhanh tiến nhanh không bảo đảm thắng lợi. Phải chuyển sang phương châm đánh chắc tiến chắc. Tình huống này đã từng được dự kiến trong hội nghị Thẩm Púa. Nay tình hình chuẩn bị chiến đấu của ta và những

hiểu biết chính xác hơn về địch đã làm cho điều dự kiến đó trở thành hiện thực. Vấn đề là phải bàn và tranh thủ sự nhất trí của tập thể Đảng ủy mặt trận.

Hội nghị Đảng ủy ngày 26 tháng 1 năm 1954 diễn ra trong bối cảnh khá đặc biệt. Đại đội 806 tiểu đoàn 2 lựu pháo đã ở trong tư thế sẵn sàng nhả đạn. Hệ thống đài quan sát pháo binh đặt trên các điểm cao phía bắc và tây bắc Mường Thanh bắt đầu hoạt động. Các mục tiêu lần lượt lướt trong ống kính. Đường dây thông tin giữa đài quan sát và trận địa lựu pháo đã thông suốt. Các trận địa cao xạ 37 và 12 ly 7, được ngụy trang kín đáo đã triển khai trên các cánh đồng Nà Hi, Bản Tố. Ở các đơn vị bộ binh, không khí động viên chiến đấu rất sôi nổi. Lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* của đại đoàn 312 đã được chính ủy Trần Độ trao cho đơn vị xung kích. Đại đoàn 308 ở phía tây đã dàn ra cửa rừng, chân núi. Văn công tuyến một bám sát bộ đội, múa hát phục vụ bộ đội trước giờ nổ súng... Toàn mặt trận đã sẵn sàng chờ lệnh, cũng là lúc Đảng ủy mặt trận họp bàn và xác định lại phương châm tác chiến chiến dịch.

Vào hội nghị, đồng chí Bí thư Đảng ủy Võ Nguyên Giáp khẳng định quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, khẳng định vị trí quan trọng của chiến dịch này trong cục diện chung của cuộc kháng chiến. Những tin tức mới và chính xác về địch, những hiểu biết cụ thể và đầy đủ về binh lực và cách bố phòng của chúng đòi hỏi phải nghiên cứu và quyết định thay đổi cách

đánh cho phù hợp. Thực tế cho thấy quân Pháp trong tập đoàn cứ điểm không phải là một kẻ địch lâm thời chiếm lĩnh trận địa. Lực lượng của chúng đã được tăng cường, trận địa phòng ngự của chúng đã được củng cố. Về phía ta, bộ đội đứng trước mấy khó khăn chưa có biện pháp cụ thể để khắc phục: quân ta chưa có kinh nghiệm đánh công kiên mang tính chất trận địa quy mô lớn, chưa quen hợp đồng bộ binh - pháo binh, cụ thể là với lựu pháo lần đầu xuất trận, chưa quen đánh ban ngày trên địa hình bằng phẳng với một kẻ địch ưu thế về pháo binh, máy bay và xe tăng. Do đó, để bảo đảm chắc thắng, không thể đánh nhanh giải quyết nhanh mà phải chuyển sang phương châm đánh chắc tiến chắc.

Không phải ngay từ đầu, mọi người trong Đảng ủy đã đồng tình với ý kiến trên đây. Bởi lẽ: tập đoàn cứ điểm đang trong quá trình củng cố, cần tranh thủ đánh ngay, càng để lâu mục tiêu càng "cứng", khó đánh và lực lượng ta có thể bị tiêu hao, mệt mỏi. Bộ đội đã sẵn sàng nổ súng. Anh em đang náo nức lập công. Lui trận đánh lại, công tác chính trị tư tưởng sẽ khó khăn phức tạp. Chiến dịch kéo dài, vấn đề hậu cần tiếp tế vốn đã khó khăn càng trở nên khó khăn gấp bội. Đánh lâu, thời thiết khắc nghiệt, sức khỏe bộ đội sẽ giảm sút, nhất là khi mùa mưa đến. Tóm lại, còn có đồng chí chủ trương theo phương châm tác chiến cũ, đánh nhanh giải quyết nhanh để hạn chế bớt khó khăn về nhiều mặt. Thực tế

đó cũng chỉ là những ý kiến đã từng được nêu lên trong hội nghị Thẩm Púa.

Quá trình thảo luận phân tích, hội nghị nhận thấy đành rằng thay đổi phương châm chiến dịch phải giải quyết nhiều khó khăn mới, nhất là về hậu cần tiếp tế. Nhưng bắc cân lên, giữa một bên khó khăn tăng thêm, đòi hỏi quyết tâm khắc phục để bảo đảm chắc thắng, với một bên khó khăn có thể ít đi nhưng không bảo đảm mười phần thắng lợi, ta nên chọn bên nào? Ấy là chưa nói, khi đã không chắc thắng chiến dịch bị "sượng" thì sẽ nảy sinh rất nhiều khó khăn mà ta chưa lường trước được.

Cuối cùng, Đảng ủy hoàn toàn nhất trí: lui ngày mở màn chiến dịch, rút quân về nơi tập kết, kéo pháo ra vị trí an toàn, chuẩn bị thêm theo phương châm "đánh chắc tiến chắc", bảo đảm đánh là thắng.

Thực tế đã chứng minh: đây là một quyết định táo bạo nhưng sáng suốt, trong điều kiện lãnh đạo chiến dịch ở xa Trung ương và trong điều kiện bộ đội đã triển khai, đợi lệnh nổ súng theo kế hoạch. Trách nhiệm trước Đảng, trước sinh mạng hàng vạn chiến sĩ, trước ý nghĩa trọng đại của chiến dịch lịch sử, không cho phép người cầm quân khinh xuất. Trong lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp, ngày 26 tháng 1 năm 1954 đáng coi là một ngày đặc biệt đáng ghi nhớ. Ngày hôm đó Tổng tư lệnh Võ Nguyễn Giáp "đã đạt được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình". Cũng chính ngày hôm đó đã

đánh dấu một mốc quan trọng khiến sử gia Pháp Gioóc-giơ Bu-đa-ren nói rằng "Tướng Giáp *suýt thất bại* trong trận Điện Biên Phủ". Từ "suýt" đó chính là ranh giới giữa hai phương châm tác chiến chiến dịch: đánh nhanh và đánh chắc.

V. NHỮNG NƯỚC CỜ QUYẾT ĐỊNH CUỐI CÙNG

16
GIỮA LÒNG CHẢO NÓNG BỎNG

Với mức độ chính xác khiến thiếu tá quân y Grô-uyn[1] phải coi là "một cú bắn bậc thầy", "lựu pháo của Quân đội nhân dân Việt Nam lần đầu ra mắt hồi 13 giờ ngày 12 tháng 3, thiêu cháy một máy bay hai thân (C119) đậu trên sân bay Mường Thanh".

Máy bay khu trục và trinh sát vọt lên nhưng "chẳng nhìn thấy gì trong đám rừng rậm khi lớp khói đầu nòng đã nhanh chóng tan đi"!

Mọi công việc chuẩn bị chiến đấu trở nên vội vã, hấp tấp. Nhưng rồi vẫn chưa thấy đối phương tiến công. Kết thúc cuộc giao ban buổi chiều, đại tá Đờ Cát còn hẹn các sĩ quan đúng hẹn hội báo như thường lệ tức 17 giờ ngày hôm sau, 13 tháng 3. Mọi người ra khỏi hầm chỉ huy Ê-péc-vi-ê của Đờ Cát với vẻ lo âu khác thường. Những bộ mặt mệt mỏi, tư lự đã thay thế những bộ mặt "hào hứng

1. Paul Grauwin, tác giả cuốn J' étais médecin à Điên Biên Phu (*Tôi đã là thầy thuốc ở Điện Biên Phủ*), Paris, France - Empire, 1956. Grauwin đã lầm về thời gian và cỡ pháo. Thật ra đây là những trận pháo kích thường xuyên của súng cối 120mm và sơn pháo 75mm của ta nhằm khống chế sân bay trung tâm. Còn lựu pháo 105mm của ta chỉ bắn hồi 13 giờ ngày 13-3-1954, chuẩn bị cho trận tiến công Him Lam.

chờ địch" vài tháng trước. Tiếng nổ chiều nay (13-3-1954) trên sân bay không còn là tiếng sơn pháo 75 mà họ vẫn thường nghe thấy. Đối phương có lựu pháo 105mm, "những khẩu pháo bò được lên núi" là điều "hình như đã được khẳng định".

Cuộc giao ban mà đại tá Đờ Cát quy định vào hồi 17 giờ chiều hôm 13 tháng 3 chưa kịp bắt đầu thì bỗng từng chùm đạn pháo 12 hay 16 quả rơi xuống nổ dữ dội ở khắp nơi. Sở chỉ huy, trận địa pháo, sân bay và tập trung nhất là trên cứ điểm Bê-a-tơ-ri-xơ. Một kho xăng bốc cháy, một cụm lửa phụt cao sát cạnh sân bay.

Sau những ngày chờ đợi căng thẳng, lính da trắng cũng như da đen ở tập đoàn cứ điểm đã choáng váng khi cuộc thử lửa bắt đầu diễn ra. Lần đầu tiên, chúng bị chìm ngập trong những tiếng nổ nhức óc và trong ánh chớp giật của đạn pháo. Theo nhận xét của Rô-côn[1], những người lính đó có thể "vượt qua sự rung động tinh thần" nếu cuộc thử lửa chỉ kéo dài vài ba phút... Nhưng sự rung động đó đã tăng lên một cách khủng khiếp khi cuộc pháo kích kéo dài. Hàng nghìn người trong phân khu Trung tâm đã phải chịu đựng sự thử thách của pháo binh đối phương trong suốt mấy giờ. Ai cũng chờ đợi và hy vọng pháo binh của Pháp sẽ chống lại một cách có hiệu quả, làm cho cuộc pháo kích của đối phương nếu không tắt hẳn thì cũng phải giảm bớt.

Những khẩu đại bác của trung tá Pi-rốt đã "phản pháo theo kế hoạch", song vẫn không cải thiện được tình

1. Pierre Rocolle - tác giả cuốn *Tại sao Điện Biên Phủ* (Pourquoi Điên Biên Phu), Nxb Flammarion, Paris, 1968.

hình chút nào. Từ những ngọn đồi xa, pháo đối phương vẫn tiếp tục nã rền. Theo Rô-côn, ngay "từ giờ phút ấy, trung tá Pi-rốt đã cảm thấy bất lực và những khẩu pháo của ông ta bị đối phương phá hủy càng làm cho ông ta không tin tưởng ở mình... Trong đêm ấy, nhiều khẩu đội pháo đã bị loại khỏi vòng chiến đấu. Hai đại đội súng cối 120mm của lính lê dương cũng không tránh khỏi số phận như thế...". Nhiều sĩ quan "thâm niên Đông Dương" (như loại Lăng-gle) cũng phải nhận rằng trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, trên chiến trường châu Âu, hắn "chưa bao giờ được chứng kiến cảnh tượng chói mắt đến như thế". Nhìn về hướng đông-bắc tập đoàn cứ điểm (ý nói hướng Him Lam), nền trời đỏ rực như máu...

Sở chỉ huy của Đờ Cát nhận được báo cáo: tiểu đoàn lê dương ở Bê-a-tơ-ri-xơ bị đối phương chia cắt bằng những đợt xung phong dữ dội từ nhiều hướng. Cả tiểu đoàn trưởng (Pê-gô) và tiểu đoàn phó (Pác-đi) đều bị chết ngay lúc trận đánh bắt đầu. Ở Mường Thanh, trung tá Gô-sê, chỉ huy phân khu Trung tâm cùng hầu hết sĩ quan tham mưu đã toi mạng vì một viên đại bác chui tọt vào nổ trong hầm. Trung tá Lăng-gle được chỉ định thay Gô-sê.

Nửa đêm, Bê-a-tơ-ri-xơ bị xóa sổ. Các phóng viên có mặt ở tập đoàn cứ điểm vô cùng sửng sốt, "không ngờ những lính lê dương thiện chiến của bán lữ đoàn 13 (13e DBLE) nổi tiếng lại bị tiêu diệt nhanh chóng đến thế"(!).

Không ai nghĩ đến khả năng tổ chức ngay một cuộc phản kích chiếm lại cứ điểm vừa bị mất vì binh đoàn đổ

bộ đường không (GAP) chỉ còn hai tiểu đoàn. Cả đêm trong sở chỉ huy của Đờ Cát không ai chợp mắt. Điện thoại, điện thoại liên hồi. Đại tá Đờ Cát, chiếc ca-lô đỏ trên đầu, môi không rời điếu thuốc, trầm tư đi lại dọc hầm chỉ huy.

Điện Biên Phủ - Hà Nội - Sài Gòn - Pa-ri - Oa-sinh-tơn ... "Tin chấn động" dây chuyền đã bay đi rất nhanh, từ cứ điểm Him Lam đến Nhà trắng. Ngay sáng hôm sau, tại Sài Gòn, tướng Ô Đa-ni-en nhận được điện của tổng thống Hoa Kỳ. Đa-ni-en chính thức được bổ nhiệm trưởng phái đoàn M.A.A.G và chủ tịch hội đồng cố vấn Mỹ ở Việt Nam, những chức vụ mà trước đây viên tướng này chỉ mới được chỉ định tạm thời phụ trách. Sau đòn đầu tiên ở Bê-a-tơ-ri-xơ, Nhà trắng và Lầu năm góc muốn nắm được "những tin tức kịp thời, chính xác, đáng tin cậy tuyệt đối"(!).

Ngày 14 tháng 3, một ngày chủ nhật mây mù phủ kín lòng chảo Điện Biên. Nếu máy bay vận tải không thể hạ cánh, không thể thả dù thì máy bay trinh sát cũng bất lực trước thiên nhiên khắc nghiệt của núi rừng Tây Bắc.

Lệnh của Hà Nội: phản kích chiếm lại Bê-a-tơ-ri-xơ. 7 giờ 30, quân dù và xe tăng được tung ra phản kích vừa tiếp cận đường 41 đã vấp phải "hỏa lực mạnh được bố trí rất có bài bản" của đối phương. Béc-na Phôn[1] nhận xét: "Như vậy là Việt Minh đã đoán trước có cuộc phản kích này và đã vững chân chờ đợi nghênh tiếp. Không ai còn nghĩ đến phản kích lần thứ hai để

1. Bernard Fall - tác giả cuốn *Đông Dương 1946-1962* (Indochine 1946-1962), Nxb Laffont, Paris, 1962.

"chiếm lại" Bê-a-tơ-ri-xơ nữa. Người ta viện nhiều lý do: có chiếm lại cũng không giữ được, số đạn pháo 105 mm tiêu thụ trong đêm đấu pháo đầu tiên đã chiếm một phần tư số đạn trong kho (6.000/27.000), trong khi đó thì mây mù không cho phép nhận được đạn tăng viện nhanh chóng; lính dù của GAP còn phải dùng để thay thế tiểu đoàn lê dương (3/13 DBLE) vừa bị tiêu diệt đêm qua, sẵn sàng đối phó nếu Ga-bri-en bị tiến công.

Sân bay chính gặp nhiều khó khăn vì pháo đối phương. Thêm 7 máy bay bị bắn cháy, 2 chiếc khác bị hỏng, đài chỉ huy bị trúng đạn, hệ thống đèn pha hướng dẫn hạ cánh ban đêm bị phá hủy hoàn toàn. Mới sau 24 giờ chiến đấu, tập đoàn cứ điểm đã bị tước mất lực lượng không quân yểm trợ tại chỗ.

Buổi chiều, một tiểu đoàn dù (5e BPVN) tăng viện được ném xuống. Các bãi nhảy bị pháo binh khống chế. Quân dù bị thiệt hại ngay khi vừa chạm đất, số còn lại được đưa lên Ê-li-an (khu vực cứ điểm A.1).

Chập tối ngày 14, đến lượt Ga-bri-en bị tiến công. Đây là cứ điểm được coi là "tổ chức tốt nhất trong toàn bộ tập đoàn cứ điểm". Buổi sáng, cứ điểm được tiếp tế đầy đủ tới mức ai cũng tin chắc rằng "nó sẽ cầm cự được ít nhất là trong bốn ngày". Thiếu tá tiểu đoàn trưởng Méc-cơ-nem được trung tá Pi-rốt đảm bảo rằng pháo binh sẽ dốc toàn lực yểm trợ để pháo đối phương "không thể nào gãi được cứ điểm này"!

Dưới hỏa lực của pháo binh Quân đội nhân dân Việt Nam, khoảng 20 giờ, các hầm vũ khí nặng của cứ

điểm sụp đổ. Bộ binh lọt vào, "nhẹ nhàng khác hẳn trận tiến công Bê-a-tơ-ri-xơ" nhưng rồi trận đánh bỗng trở nên ác liệt và kéo dài suốt đêm. Các cứ điểm của đại đội 1 rồi đại đội 4 lần lượt bị mất. Trước nguy cơ đó, đại tá Đờ Cát phải đích thân đến hầm chỉ huy pháo binh để điều khiển hỏa lực chi viện cho Ga-bri-en. Một tình huống đặc biệt xảy ra lúc 4 giờ 30 phút sáng 15: một viên đạn pháo, ngòi nổ chậm, xuyên qua hầm chỉ huy tiểu đoàn. Các sĩ quan trong sở chỉ huy tiểu đoàn đều bị chết hoặc bị thương nặng. Cuộc bàn giao giữa hai tiểu đoàn trưởng cũ (thiếu tá Méc-cơ-nem) và mới (thiếu tá Các) không thực hiện được nữa vì cả hai đều bị thương nặng. Đến 7 giờ 30 phút, ngay sau khi xe tăng và quân dù được phái đến cứu Ga-bri-en buộc phải rút chạy, với một phần tư quân số bị loại khỏi vòng chiến, trong đó có đại đội trưởng Mác-tanh, từ bốn phía, "những chiếc mũ cứng có ngụy trang của quân đội Việt Minh đã xuất hiện khắp cứ điểm". Số lính da đen sống sót nhanh chóng hạ súng. Ga-bri-en bị xóa sổ, với 483 lính chết, 175 mất tích. Số còn lại bị bắt, trong đó có hai thiếu tá Méc-cơ-nem và Các. Thêm vào đó, tiểu đoàn dù thứ 5 mới được ném xuống hôm trước cũng "coi như bị tan rã" sau cuộc phản kích cứu Ga-bri-en không thành công.

Từ chỗ quá tin vào khả năng pháo binh, sau hai đòn đau, bọn chỉ huy Pháp chỉ biết tìm nguyên nhân thất bại ở pháo binh. Thực tế chứng tỏ những khẩu pháo của Pi-rốt đã hoàn toàn bất lực, không "làm câm họng" nổi (dù chỉ một phần nhỏ) pháo của đối phương. Chứng kiến

cảnh tượng hỏa lực của mình "bị hao mòn nhanh chóng sau 48 giờ chiến đấu đầu tiên"[1], từ chủ quan khoác lác, viên trung tá chỉ huy pháo binh "đã rơi xuống vực thẳm của thất vọng". Sau khi bị Đờ Cát khiển trách, đêm 15 tháng 3, Pi-rốt tự kết liễu đời mình bằng một quả lựu đạn. Xác của hắn bị vùi ngay trong hầm "để giữ kín mọi chuyện". Sáng hôm sau, một bức điện được chuyển từ Điện Biên Phủ về Hà Nội, nói "trung tá Pi-rốt đã hy sinh trên chiến trường danh dự"!. Chưa hết, tiếp đến là tham mưu trưởng Ken-le, mất tinh thần tới mức thần kinh bị rối loạn, do đó y bị cách chức và bị đuổi về Hà Nội.

Để trấn an quân lính, Đờ Cát tung ra một bản nhật lệnh "...Chúng ta đã trải qua một vài trận gay go và bị mất nhiều quân, nhưng số quân này đã được bù đắp ngay bằng hai tiểu đoàn dù. Còn năm tiểu đoàn dù nữa đã sẵn sàng nhảy xuống tăng viện... Pháo của ta còn nguyên vẹn, sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ bắn chặn có bảo đảm. Có thêm nhiều đại bác và pháo thủ vừa được thả dù xuống... Như vậy là số viện binh hiện có đang bù đắp rộng rãi những thiệt hại của chúng ta. Quân Việt thì không được như thế... Chỉ còn vài ngày nữa là chúng ta sẽ thắng...".

Các phóng viên Pháp và phương Tây có mặt ở Điện Biên Phủ cho rằng bản nhật lệnh được truyền đi công khai bằng hệ thống loa điện còn nhằm "ngăn đe" đối

1. Một đại đội cối 120, hai khẩu đội 105 bị hủy diệt hoàn toàn cùng với pháo thủ, một trong bốn khẩu 155 bị hỏng. Số đạn tiêu thụ quá lớn: 12.600 đạn pháo 105, 11.000 đạn cối 120, 3.000 đạn pháo 155mm.

phương hãy coi chừng "sức mạnh hùng hậu" của Pháp ở tập đoàn cứ điểm.

Có một sự thật không bao giờ đám binh lính Pháp và tay sai ở Điện Biên Phủ được biết là: 22 giờ 25 phút ngày hôm đó (16-3) trả lời bức điện yêu cầu tăng viện cho Đờ Cát, tướng Cô-nhi cho biết: sau khi tiểu đoàn dù biệt kích thứ 6 do thiếu tá Bi-gia chỉ huy được ném xuống Điện Biên Phủ[1] (trưa 16 tháng 3), "ở Bắc Việt Nam chỉ còn một tiểu đoàn dù và toàn Đông Dương cũng chỉ còn hai tiểu đoàn mà thôi".

Sau Bê-a-tơ-ri-xơ và Ga-bri-en bị san phẳng, đến lượt tiểu đoàn ngụy Thái (3è BAT) ở A-nơ Ma-ri (Bản Kéo) ra hàng, tiếp đến là "tình trạng mất tinh thần hoàn toàn" của tiểu đoàn ngụy Thái thứ 2 (2^{e}BAT). Những sự kiện đó "đã làm cho phía Pháp mất thêm gần 1/5 lực lượng, còn Việt Minh thì không mất một viên đạn nào!".

Bị bất ngờ và ngạc nhiên trước sức mạnh tiến công của đối phương vào Điện Biên Phủ, tướng Na-va và bộ tham mưu Pháp khẳng định: chỉ có nhanh chóng mở rộng sự yểm trợ của không quân mới có thể cứu vãn được tình thế.

Ngay sau khi nghe tin cứ điểm thứ hai ở Điện Biên Phủ bị đối phương tiêu diệt, cao ủy Đờ-giăng liền đến gặp đại sứ Mỹ và phái bộ quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn, đề nghị gửi gấp các phương tiện không quân mà Pháp đã yêu cầu từ trước (các máy bay chiến đấu B26, F84, máy

1. Đây là lần thứ hai tiểu đoàn dù này bị ném xuống Điện Biên Phủ. Lần thứ nhất, 6e BPC tham gia cuộc hành binh Castor (11-1953), sau đó được đưa về đồng bằng làm lực lượng cơ động chiến lược.

bay vận tải C47) và đề nghị Mỹ chấp thuận cho Pháp dùng máy bay C119 ném bom cháy quy mô lớn để cứu vãn Điện Biên Phủ. Đồng thời, tướng Na-va và cao ủy Đờ-giăng cùng gửi điện "kêu cứu" về Pa-ri.

Ngày 20 tháng 3, tham mưu trưởng Ê-ly vội bay đi Oa-sinh-tơn. Theo chỉ thị của thủ tướng La-ni-en, Ê-ly phải báo cáo và đề nghị với Lầu năm góc hai điều: 1) Ngày 19, chính phủ Pháp vừa thông qua một ngân sách đặc biệt cho Đông Dương gồm 626 tỷ phrăng, trong đó Pháp chỉ đủ sức gánh vác khoảng 1/5 (136 tỷ), còn bao nhiêu, yêu cầu Mỹ giúp; 2) Khẩn thiết yêu cầu Mỹ can thiệp gấp bằng không quân "để giữ cho bằng được Điện Biên Phủ".

Vừa tới nơi, Ê-ly lập tức "được những nhân vật diều hâu loại nhất nhì của Mỹ quốc" đón tiếp: phó tổng thống Ních-xơn; đô đốc Rát-pho, chủ tịch hội đồng tham mưu liên quân; A-len Đa-lét, trùm CIA; Ma-thiu Rít-uây, tham mưu trưởng lục quân Mỹ... Quả thật Nhà trắng và Lầu năm góc đang "theo dõi với một sự quan tâm sâu sắc" những gì đang xảy ra ở Đông Dương và số phận Điện Biên Phủ. Trong các cuộc gặp gỡ, Ê-ly cố tỏ ra lạc quan cho rằng tập đoàn cứ điểm sẽ trụ được "miễn là các trang bị (do Pháp) yêu cầu được đưa sang gấp để giáng cho đối phương những đòn quyết định"(!). Không khí tỏ ra "thuận lợi khác thường" trước những yêu cầu của Pháp. Trong cuộc gặp gỡ Ê-ly, sáng 22 tháng 3 (Rát-pho và bộ trưởng ngoại giao Phô-xtơ Đa-lét cũng tham dự), tổng thống Hoa kỳ Ai-xen-hao chỉ thị cho Lầu năm góc phải ưu tiên đáp ứng cho tướng Na-va mọi thứ cần thiết có thể góp phần giành thắng lợi trong trận đánh đang

diễn ra ở Điện Biên Phủ, trước hết là máy bay B26, lấy từ các căn cứ không quân của Mỹ ở Phi-líp-pin, Đài Loan hoặc Nhật Bản. Tiếp lời tổng thống, Đa-lét cũng bảo đảm với Ê-ly rằng không có lý do gì khiến Mỹ bỏ rơi kế hoạch Na-va.

Tất cả ý đồ trên đây của giới cầm quyền Mỹ phản ánh nghị quyết của Hội đồng an ninh quốc gia Hoa Kỳ (NSC) vừa họp ngày 6 tháng 3, nhằm dùng mọi biện pháp cần thiết để "ngăn chặn không cho cộng sản kiểm soát vùng (Đông Dương) này". Đó cũng là những điều mà thượng nghị sĩ Giôn Ken-nơ-đi tiết lộ ngày 9 tháng 3.

Các cuộc họp giữa Ê-ly và Rát-pho trong những ngày 24 và 25 tháng 3 "đã mở ra những triển vọng mới, to lớn". Kế hoạch can thiệp của Mỹ do Rát-pho đề xướng quả đã vượt ra ngoài dự kiến của tướng Ê-ly: chừng 60 máy bay ném bom hạng nặng B29, xuất phát từ căn cứ không quân Clác-phin (Clarkfield) của Mỹ ở Phi-líp-pin, được 150 máy bay chiến đấu thuộc hạm đội 7 hộ tống, sẽ lợi dụng đêm tối tiến hành ném bom nhiều đợt (mỗi đợt chừng 450 tấn bom) xuống Điện Biên Phủ nhằm hủy diệt vành đai của đối phương bao vây tập đoàn cứ điểm. Để tránh những rắc rối về mặt quốc tế, máy bay Mỹ không sơn phù hiệu không lực Hoa Kỳ; phi công lái máy bay là những người đang nghỉ phép, khi đi ném bom sẽ không mang quân hàm, quân hiệu. Rát-pho yêu cầu Ê-ly báo cáo ngay để Pa-ri chính thức đề nghị với Oa-sinh-tơn và để "cuộc oanh kích có thể được tiến hành ngay sau khi hai chính phủ Pháp - Mỹ đã thống nhất chấp thuận".

Trở về Pa-ri ngày 27 tháng 3, tướng Ê-ly báo cáo ngay kết quả cuộc công cán với bộ trưởng quốc phòng Plê-ven và trình bày rõ "đề nghị lạ lùng" (ouverture extraordinaire) của Rát-pho. Một ủy ban thu hẹp về chiến tranh Đông Dương (gồm thủ tướng La-ni-en, phó thủ tướng Rây-nô; bộ trưởng ngoại giao Bi-đôn, quốc phòng Plê-ven, chiến tranh Sơ-vi-nhê, quốc gia liên kết Giắc-kê, các tham mưu trưởng...) được triệu tập ngày 29 tháng 3 để nghiên cứu mọi mặt về cái mà từ đó được mệnh danh là "*chiến dịch Diều hâu*" (opération Vautour), một chiến dịch do chính những con diều hâu Hoa Kỳ vừa là đạo diễn, vừa là diễn viên.

Đại tá không quân Brô-hông (Brohon) được phái ngay sang Đông Dương để tham khảo ý kiến Na-va và Đờ-giăng. Viên đại tá này đến Sài Gòn (ngày 1 tháng 4) thì cả Na-va và Đờ-giăng đang có mặt ở Hà Nội để lo đối phó với tình hình: đợt tiến công thứ hai của Quân đội nhân dân Việt Nam đã bắt đầu từ đêm 30 tháng 3.

Như kẻ sắp chết đuối vớ được cọc, Na-va và Đờ-giăng vội vàng gật đầu chấp thuận kế hoạch can thiệp bằng không quân của Mỹ. Họ hy vọng rằng "Diều hâu" sẽ tiêu diệt pháo binh của đối phương và cho phép phục hồi tập đoàn cứ điểm.

17
THÒNG LỌNG CHIẾN HÀO ĐÃ XIẾT CHẶT

Những ngày cuối tháng 3 là những ngày bi thảm đối với Đờ Cát. Cuộc chiến đấu trong vòng nửa tháng (từ 13 đến 29 tháng 3) đã ngốn mất 43.806 viên đạn pháo 105, 155 và cối 120 mm. Sân bay không những bị pháo đối phương khống chế mà còn bị các chiến sĩ biệt động đối phương liên tiếp lọt vào tiến công. Những chiếc máy bay còn lại lần lượt bị phá hủy. Ngày 26 được các phóng viên có mặt ở Điện Biên Phủ gọi là ngày điển hình về "cuộc tàn sát các máy bay Pháp". Ba chiếc Đa-cô-ta do các đại úy Bo-gơ-linh, Đác-ti-gơ và Buốc-gơ-rô lái, liên tiếp bị bắn cháy và rơi ngay trong khu trung tâm Mường Thanh. Từ ngày 29 không một máy bay nào dám hạ cánh xuống sân bay Điện Biên Phủ nữa. Chiếc C47 cuối cùng cất cánh an toàn khỏi sân bay ngày 27 và chiếc Mo-ran cuối cùng, sáng 31 tháng 3.

Một chiếc "thòng lọng chiến hào" đã hình thành và ngày càng xiết chặt chung quanh phân khu Trung tâm và phân khu Hồng Cúm. Qua các bức ảnh do

máy bay chụp hàng ngày và ném xuống cho ban tham mưu tập đoàn cứ điểm, người ta thấy hiện lên rõ nét các "chân rết" cứ mọc dài mãi ra và duỗi dần, duỗi dần, sát các cứ điểm.

Mười ngày thử lửa đầu tiên đã làm cho bộ máy chỉ huy tập đoàn cứ điểm bị xáo trộn. Trung tá Đuy-cruých (Ducruix) được điều từ Hà Nội lên thay tham mưu trưởng Ken-le. Trung tá Vai-ăng (Vaillant) lên chỉ huy pháo binh thay Pi-rốt đã tự sát. Đại tá Đờ Cát cũng "rất ít khi chui ra khỏi hầm chỉ huy" và có người ác miệng lại nói rằng "ông ta chỉ còn làm một việc là chuyển những bức điện của Hà Nội cho các viên chỉ huy thuộc quyền".

Trong khi đó thì Cô-nhi, viên tướng to xác được coi là con gà trống tốt mã, cũng bắt đầu đổi giọng. Hắn không che giấu cấp dưới và các nhà báo rằng Điện Biên Phủ đã trở thành cái bẫy, nhưng không phải cái bẫy đối với Việt Minh mà là đối với quân đội Pháp. Tuy nhiên, đối với những người lính đang bị trói chặt trong vòng lửa Điện Biên Phủ, các tướng lĩnh Pháp vẫn cố tỏ thái độ "cứng rắn". Ngồi ở Hà Nội cách Điện Biên Phủ hàng trăm ki-lô-mét hoặc ở Sài Gòn cách Điện Biên Phủ hàng ngàn ki-lô-mét, các tướng Cô-nhi và Na-va đua nhau gửi cho Đờ Cát những bức điện nhắc nhở: nào là phải có tinh thần tiến công, phải cố giành phần thắng, nào là phải chiếm lại ngay những cứ điểm bị mất, phải phá hoại hào giao thông bao vây của đối phương, v.v... Những bức điện ấy khiến kẻ cầm đầu quân Pháp ở tập đoàn cứ điểm "chua chát hé một nụ cười chế nhạo kèm theo một câu chửi đổng vì bọn ngu xuẩn (ý nói Cô-nhi - Na-va) cứ

tưởng chỉ cần thổi một tiếng còi là có thể tập hợp được toàn bộ lực lượng dự bị để chống lại đối phương". Bọn tướng lĩnh Pháp có biết đâu rằng vào ngày đối phương mở đợt tiến công thứ hai, quân Pháp ở Điện Biên Phủ còn khoảng 10.000 người nhưng đã "kiệt sức và quá lo việc phòng thủ hơn là để xông ra đối mặt với Việt Minh.

Hệ thống đường hào của Quân đội nhân dân Việt Nam cứ nhân lên vô tận, vây bọc lấy các cứ điểm của quân Pháp. Các sĩ quan và binh lính bị ngạt thở trong chiếc thòng lọng chiến hào. Người này gọi các chiến sĩ Việt Nam là những con nhện chăng tơ, kẻ khác thì gọi các chiến hào là những vòi của con bạch tuộc. Trong đợt chiến đấu mới này, quân Pháp có thể "tính giờ một vị trí nào đó sắp bị xóa sổ" khi những đường hào tiến sát rồi luồn dưới rào dây thép gai. "Một trận mưa đạn pháo vừa dứt cũng là lúc quân tiến công từ các chiến hào ngay cửa ngõ của vị trí bất ngờ lao đến, ập vào giữa đồn vừa bị bắn phá... Cứ như thế, lần lượt hết đồn này đến đồn khác sụp đổ...".

Quân tiến công áp dụng "lối đánh cổ điển" này từ trung tuần tháng 3. Thoạt tiên người ta thấy những chiến hào tiến lại gần cứ điểm Ê-li-an từ phía nam (18-3) vượt qua cứ điểm Đô-mi-ních từ phía tây (19-3), xuất hiện gần cứ điểm Clô-đin và chỉ còn cách Huy-ghét chừng 50 mét ở phía bắc. Chẳng mấy chốc, "các đầu mối móc với nhau rồi nhanh chóng tỏa ra làm hai, làm ba, làm bốn nhánh như những cành cây". Dùng pháo bắn chặn, thúc quân ra lấp lại, gài mìn để phá hoại... "Vô ích, với biện pháp vừa dũi vừa tự vệ có hiệu quả kỳ lạ, các vòi của những

con bạch tuộc cứ vươn tới với tốc độ khủng khiếp". Một kết luận được rút ra (quá muộn) là: "do tìm được cách đánh thích hợp, đối phương đã tạo cho chiếc cuốc, chiếc xẻng của họ có một sức mạnh không kém xe tăng, máy bay của quân đội Pháp". Để đối phó với cách đánh đó, mặc dù số đạn pháo cối tung ra trong tháng 4 rất lớn (gần 31.000 viên), quân Pháp vẫn không đứng vững mỗi khi cứ điểm nào đó bị đối phương kiên quyết tiến công và tiêu diệt.

Việc tiếp tế và tăng viện đã trở thành mối lo ngại hàng đầu. Máy bay không hạ cánh được nữa. Việc tiếp tế chỉ còn trông vào biện pháp duy nhất là thả dù, một biện pháp không đủ đáp ứng nhịp độ chiến đấu ngày càng ác liệt. Cao xạ của quân đội Việt Nam buộc máy bay phải thả dù từ trên độ cao 3.000 đến 7.000 mét, do đó chừng một phần ba số dù rơi ra ngoài khu vực đã quá hẹp của quân Pháp. Theo ước tính của Lăng-gle thì máy bay Pháp - Mỹ "đã tiếp tế cho các khẩu đội pháo của Việt Minh chừng 5.000 viên đạn đại bác". Vấn đề thu nhặt dù ngày càng trở nên gay go ác liệt. Những họng súng bắn tỉa của các tay thiện xạ gây nên một sự căng thẳng khủng khiếp đối với những lính Pháp bị xua ra nhặt dù tiếp tế. Và cuối cùng, vẫn theo Lăng-gle, mọi người đều mệt mỏi và khiếp sợ đến nỗi không còn đủ sức nhặt những kiện hàng được ném xuống "dù nó rơi ngay sát chân mình".

Cô-nhi, viên tướng chịu trách nhiệm trực tiếp về số phận của tập đoàn cứ điểm luôn luôn động viên Đờ Cát rằng đối phương đã "mệt mỏi và hao mòn, sắp phải bỏ

cuộc... Mùa mưa sắp đến, họ sẽ bị ngụp lặn trong các chiến hào ngập nước và không thể phát triển được nữa... Họ còn xa mới có được những chủ bài quyết định để giành thắng lợi...".

Đúng là khi Quân đội nhân dân Việt Nam bước vào đợt hai của chiến dịch thì những cơn mưa đầu mùa cũng xuất hiện. Các chiến sĩ Việt Nam gặp khó khăn song quân Pháp còn khó khăn gấp bội. Thời tiết khắc nghiệt khiến quân Pháp "chỉ còn biết hỏi Chúa trời sao lại đày đọa chúng tôi vào cảnh ngộ này!". Thiếu tá Grô-uyn kể lại tình hình trạm quân y của tập đoàn cứ điểm như sau: "...Những nóc nhà, những nắp hầm ngấm nước trở nên rất nặng, đè lên những thành vách đã bị yếu đi vì ngấm nước. Hàng loạt gian hầm xây dựng vội vã đã đổ ụp, đè cả lên đám người bên trong... Đến tháng 5, bùn ngập lên tới đầu gối, việc đi lại càng trở nên khó khăn... Khí nóng, hơi ẩm và những vật thối rữa đẻ ra một tai họa mới: ruồi! Nguồn ruồi đầu tiên ở bãi để xác lính chết. Nhưng dần dà, nó tràn vào cả trạm quân y và những gian hầm lân cận. Ruồi đẻ trứng khắp nơi: trên vách đất, trong chiến hào, trong lớp bông băng đẫm máu vứt bừa bãi chung quanh trạm quân y, trên giường, trong vải băng và lớp bột bao bọc vết thương... Trứng ruồi vỡ ra giòi. Giòi bọ nhung nhúc trên chăn bẩn, trên đệm, trên vải băng vết thương, chui cả vào những vết thương bó bột, những chỗ cứ tưởng rằng không gì lọt vào nổi. Đêm đến thật là một cảnh tượng kinh khủng khi nhìn những con giòi màu trắng, kinh tởm, bò nhởn nhơ trên bàn tay, trên mặt, trên tai đám lính bị thương đang ngủ".

Những người lính còn sống sót, dù ở trạm quân y hay trong chiến hào đều nuôi ảo vọng ở sắt thép, những khối sắt thép "có khả năng cứu thế màu nhiệm" sẽ cứu họ ra khỏi cái "địa ngục Điện Biên Phủ" này. Họ làm sao biết được rằng khi đợt tiến công thứ hai của Quân đội nhân dân Việt Nam bắt đầu thì ở phân khu Trung tâm chỉ còn bốn chiếc xe tăng và ở phân khu Nam hai chiếc. Trong một đêm 31 tháng 3, tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn pháo binh thuộc địa thứ 10 (3/10 RAC) đã mất sáu khẩu pháo 105. Đạn pháo cũng chẳng còn là bao. Cho nên, nếu trong những giờ phút sống bên cạnh cái chết, cả quan và lính Pháp ở Điện Biên Phủ đều hướng về "bàn tay cứu tinh", nóng lòng chờ đợi những khối sắt thép của ông bạn Hoa Kỳ thì cũng chẳng có gì là khó hiểu.

Sau khi Ê-ly rời Oa-sinh-tơn, đô đốc Mỹ Rát-pho khẩn trương chuẩn bị kế hoạch can thiệp bằng vũ lực của Hoa Kỳ vào Đông Dương. Ngày 8 tháng 4 đô đốc Hốp-út, tham mưu trưởng hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ đến Sài Gòn cùng Na-va bàn việc thực hiện "kế hoạch Diều hâu". Hai ngày sau, hai tàu sân bay Bốc-xơ và Ét-xếch (Boxer - Essex) thuộc hạm đội 7 tiến vào vịnh Bắc Bộ. Rát-pho thấy cần phải hành động gấp để "củng cố quyết tâm và lòng tin của chính phủ Pháp, để quân viễn chinh Pháp tránh được thất bại trước khi hội nghị Giơ-ne-vơ họp". Nhưng dư luận tiến bộ Mỹ đã buộc Quốc hội Hoa Kỳ ngăn chặn hành động phiêu lưu của bọn diều hâu Rát-pho, Đa-lét. Tám nhân vật chủ chốt trong Quốc hội (ba nghị sĩ thuộc đảng cộng hòa, năm nghị sĩ thuộc đảng dân chủ) được tham khảo ý kiến đều

không dám tán thành việc Mỹ can thiệp bằng vũ lực, vì kế hoạch Diều hâu "sẽ dẫn đến việc Hoa Kỳ bị sa lầy...". Các tham mưu trưởng ba quân chủng cũng không tin rằng không lực Mỹ có thể cứu nổi Điện Biên Phủ.

Trên thực tế, "kế hoạch Diều hâu" đã bị ung thối ngay từ trong trứng, nhưng Rát-pho và Đa-lét vẫn chưa chịu lùi bước. Chúng âm mưu thay đổi thủ đoạn hành động để thực hiện kỳ được sự can thiệp trực tiếp bằng vũ lực của Mỹ vào Đông Dương. Dựa vào một trong những điều kiện do những nhân vật chủ chốt của quốc hội đề ra là Mỹ không can thiệp đơn phương mà phải trên cơ sở "một liên minh phòng thủ"[1], Đa-lét đã ra sức vận động để tiến tới một *hành động thống nhất,* trong đó Anh sẽ là kẻ bung xung ở phía trước để Mỹ thực hiện thủ đoạn ném đá giấu tay.

Nếu các "quốc gia hữu quan" ở Đông Nam Á sớm có "phản ứng thuận lợi" thì trong các chuyến đi suốt tháng 4, như con thoi qua các thủ đô Pa-ri và Luân Đôn, Đa-lét đã vấp phải thái độ chống đối của quốc hội, cả ở Pháp và ở Anh, nhất là ở Anh.

Đối với Pháp, Điện Biên Phủ đã trở nên không thể cứu vãn nổi, trong khi dư luận tiến bộ Pháp đang hướng vào giải pháp thương lượng hòa bình mà người ta đã thấy "có thể đạt được bên hồ Lê-man" (Giơ-ne-vơ - Thụy Sĩ).

---

1. Trong "liên minh" đó, ngoài Mỹ, Anh, Pháp, còn có các "quốc gia hữu quan" ở Đông Nam Á như Úc, Tân Tây Lan, Phi-líp-pin, Thái Lan và bọn ngụy Đông Dương.

Đối với Anh, sự can thiệp bằng vũ lực sẽ dẫn đến những hậu quả quốc tế phức tạp. Vấn đề Đông Dương chỉ có thể giải quyết bằng con đường đàm phán chứ không phải bằng một hành động can thiệp quân sự từ ngoài vào.

Tháng 4 trôi qua với nỗi thất vọng chua cay của cả Rát-pho và Đa-lét. Sức mạnh chiến đấu của quân dân Việt Nam trên chiến trường Điện Biên Phủ cộng với dư luận tiến bộ ở Pháp và trên thế giới đã trói chặt cánh những con diều hâu Mỹ trước ngày hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc.

18
NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT TRƯỚC GIỜ DỨT ĐIỂM

Có nhiều nhân tố quyết định thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, trước hết là sự lãnh đạo và chủ trương chiến lược quân sự đúng đắn của Đảng, sự chi viện hết mình của nhân dân hậu phương. Riêng tại mặt trận, ngoài quyết định táo bạo của Bộ chỉ huy kịp thời thay đổi phương châm tác chiến chiến dịch và tinh thần chiến đấu anh dũng ngoan cường của các chiến sĩ, một điều kiện quan trọng quyết định đưa toàn quân vươn tới đích cuối cùng, đó là công tác giáo dục chính trị lãnh đạo tư tưởng đã phát triển tới đỉnh cao, được tiến hành vào giờ phút quyết định nhất, mở đường cho quân ta giành thắng lợi trọn vẹn cho chiến dịch. Trong ***Vài hồi ức về Điện Biên Phủ,*** *Đại tướng Võ Nguyên Giáp đánh giá:* ***"Cuộc đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực là một thành công rất lớn của công tác chính trị trên mặt trận Điện Biên Phủ, một trong những thành công lớn nhất của công tác chính trị trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta".*** *Đợt sinh hoạt chính trị mang tính lịch sử này diễn ra dưới hình*

thức một cuộc đấu tranh nội bộ ngắn gọn trong mấy ngày cuối tháng 4 năm 1954, đã góp phần quyết định đối với việc xây dựng và củng cố quyết tâm chiến đấu cho bộ đội nhất là cho cán bộ, trước khi quân ta bước vào đợt tiến công cuối cùng. Cho đến nay, nhiều chi tiết của sự kiện quan trọng này còn chưa được nói đầy đủ và không ít khía cạnh của bài học về đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực ở Điện Biên Phủ nửa thế kỷ trước vẫn còn nguyên giá trị về mặt giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

*

* *

Kể từ hội nghị Bộ Chính trị ở Tỉn Keo (Chợ Chu - Thái Nguyên) đầu tháng 10 năm 1953, trải qua hơn nửa năm, từ Tổng tư lệnh đến chiến sĩ, từ tiền tuyến đến hậu phương, từ các chiến trường toàn quốc đến mặt trận trọng điểm Điện Biên Phủ, toàn dân, toàn quân đã dốc sức để có được thế và lực thuận lợi như những ngày cuối tháng 4 năm 1954 này.

Ở tầm chiến lược, trên phạm vi cả nước, lần đầu tiên quân ta mở mấy chiến dịch tiến công gần như đồng thời trên *nhiều hướng chiến lược* ngay từ đầu mùa khô 1953. Chưa bao giờ, vừa bước vào mùa chiến dịch, quân ta đã giành được thắng lợi to lớn và liên tiếp trên nhiều chiến trường như vậy, từ Thà Khẹt (Trung Lào), đến Lai Châu, Tây Nguyên, rồi Hạ Lào và lưu vực sông Nậm Hu (Thượng Lào). Cũng chưa bao giờ chiến tranh du

kích phát triển mạnh mẽ và rộng khắp trong vùng sau lưng địch như đông - xuân 1953 -1954. Theo cách nói của báo chí Pháp và phương Tây hồi đó, chỉ bằng 5 đòn tiến công đầu tiên, ông Giáp đã lãnh đạo quân đội "biến quả đấm chiến lược khổng lồ (45 tiểu đoàn) của tướng Na-va thành bàn tay xòe, gồm những ngón tay khẳng khiu bị trói chặt trong hàng loạt tập đoàn cứ điểm từ Điện Biên Phủ đến Sê-nô, từ Plây-cu đến Luông Pha-băng...". Chừng 20 tiểu đoàn còn lại ở đồng bằng Bắc Bộ cũng không còn đóng vai trò dự bị chiến lược được nữa vì phải căng ra làm nhiệm vụ đối phó với chiến tranh du kích hàng ngày.

Tại chiến trường trọng điểm Điện Biên Phủ, sau hai đợt tác chiến tiêu diệt hơn hai phần năm sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng và không phận của chúng, quân ta đã dồn quân Pháp vào tình thế hết sức khó khăn. Do sinh lực bị tổn thất rất nặng, địch chỉ còn chừng 30 đại đội chiếm đóng và 5 đại đội cơ động, một lực lượng quá mỏng để đối phó với đợt tiến công sắp tới của ta. Điện Biên Phủ cách trung tâm đồng bằng Bắc Bộ chừng 300 ki-lô-mét đường chim bay, mọi nguồn tiếp tế tăng viện của quân Pháp đều chỉ trông vào đường không. Vậy mà, đến cuối tháng 4 năm 1954, sân bay Mường Thanh đã bị mất, không phận bị thu hẹp, phạm vi chiếm đóng chỉ còn mỗi chiều hơn một ki-lô-mét, trận địa bao vây và tiến công của quân ta gồm hàng trăm ki-lô-mét đường hào đã áp sát từng vị trí địch. Trong *Hồi ký* của mình, Giăng Pu-giê[1] cho

1. Nguyên là thư ký riêng của đại tướng Na-va, lúc này cũng đã bị điều lên chỉ huy một tiểu đoàn ở Điện Biên Phủ.

biết: do pháo cao xạ và pháo mặt đất của đối phương hoạt động mạnh nên việc thả dù tiếp tế ban ngày phải thực hiện ở độ cao và như vậy, chừng 70% các kiện hàng rơi xuống khu vực do đối phương kiểm soát. Thả quân dù tăng viện ban đêm lại càng khó khăn. Một thí dụ là đêm 30 tháng 4, thả xuống 83 người thì 20 người mất tích. Theo Giuyn Roa, tác giả cuốn *Trận Điện Biên Phủ*[1] thì kết quả thả dù xuống phân khu Trung tâm (phân khu mạnh nhất, nơi đặt sở chỉ huy của tướng Đờ Cát) trong những ngày 28, 29 tháng 4 "là con số không". Riêng về ngày 30, Giuyn Roa viết:

"Các phi đội của Mỹ lái các máy bay Pac-ket cùng các phi đội Đa-cô-ta thả xuống 233 tấn đồ tiếp tế, nhưng gần một nửa rơi vào khu vực đối phương. Đại bác của địch vừa phá hủy một kho chứa 4 ngày dự trữ lương thực và một kho chứa 3.000 đạn đại bác 105...

Theo Pu-giê, do hoạt động của ta triệt đường tiếp tế và tăng viện cho nên cơ sở vật chất của quân Pháp trước ngày quân ta mở đợt tiến công cuối cùng "*rất mỏng, không đủ sức chịu đựng được một trận chiến đấu kéo dài*". Cụ thể, trong toàn tập đoàn cứ điểm, địch chỉ còn 5 ngày lương thực, khoảng 3.000 đạn pháo 105mm, 4.000 đạn súng cối 81mm, 1.400 đạn súng cối 60mm và chừng 8.000 lựu đạn. Vào những ngày cuối tháng 4 này, quân Pháp không chỉ gặp rất nhiều khó khăn về tăng viện và tiếp tế mà còn về thương vong tăng lên hàng ngày do những trận đánh lấn và những nòng súng vô hình bắn

1. La bataille de Điên Biên Phu - Paris 1963.

tỉa của ta, thêm vào đó là cuộc sống chui rúc trong những hầm hào ngập nước sau những cơn mưa đầu mùa... tất cả đã dồn quân địch trên cánh đồng Mường Thanh ở vào "tình thế không còn chịu đựng nổi". Mọi ý đồ đưa quân đến giải vây đều đã trở nên vô vọng, kể cả kế hoạch cuối cùng mang mật danh *Chim ưng*[1] cũng đứng trước nguy cơ phá sản, vì nhiều lý do, nhất là không đủ máy bay chở quân tập kết ở Mường Nhạ, một địa danh ở Thượng Lào cách Điện Biên Phủ chừng 50 ki-lô-mét... nhưng lý do chủ yếu là, như nhận xét của phóng viên Pháp có mặt ở chiến trường, lúc này gần một vạn quân Pháp trên cánh đồng Mường Thanh đã bị hàng trăm ki-lô-mét đường hào của ta vây chặt, chúng lâm vào thế "trong không ra được - ngoài không vào được".

Tinh thần của quân Pháp trong tập đoàn cứ điểm đã suy sụp nghiêm trọng. Điều đáng chú ý là lúc này nước mưa đã trở thành tai họa đối với quân Pháp vì chúng ở thấp dưới lòng chảo, trong những căn hầm ngập nước, vậy mà theo Pu-giê, bọn chỉ huy lại mong đợi những trận mưa lớn sẽ cứu mạng cho quân Pháp. "*Có lẽ chỉ vài ngày nữa, hoặc chỉ một tuần, hai tuần là cùng, mưa sẽ làm ngưng mọi hoạt động quân sự của đối phương*", Pu-giê viết như vậy trong *Nhật ký*.

Rõ ràng là tình hình đã chuyển biến rất nhiều, rất có lợi cho ta so với thời điểm quân ta vừa kết thúc thắng lợi

---

1. Kế hoạch *Condor* - do đại tá Cre-vơ-cơ chỉ huy, đưa lực lượng lớn từ Thượng Lào sang phá vòng vây cho đồng bọn ở Điện Biên Phủ.

đợt tiến công thứ nhất. Đầu tháng 4, trong thư gửi về hậu phương báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và Bộ Chính trị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết:

"Về tiền đồ của chiến dịch, mặc dầu đợt đầu thuận lợi như vậy, nhưng một cơ sở vững chắc để đi đến giải quyết toàn bộ quân địch trong một thời gian không lâu thì hiện vẫn chưa đầy đủ... Có khả năng đến cuối tháng tư chiến dịch chưa kết thúc, cần phải kéo dài đến mùa hè...".

Đồng chí cũng báo cáo về chủ trương tác chiến sau đợt 2 và nêu sự cần thiết phải khắc phục tư tưởng ngại mệt mỏi, ngại chiến đấu ác liệt và kéo dài.

Chừng một tháng sau, do phương châm tác chiến đúng, do nỗ lực của bộ đội trong và sau đợt 2, lại do tinh thần chi viện hết mình của hậu phương, cục diện chiến trường tiếp tục chuyển biến có lợi cho ta. Trong hội nghị Đảng ủy mở rộng cuối tháng 4, Bí thư Tổng quân ủy kiêm bí thư Đảng ủy Mặt trận - Tư lệnh chiến dịch Điện Biên Phủ Võ Nguyên Giáp nhận định: *Chúng ta đã tạo được điều kiện căn bản để giành toàn thắng cho chiến dịch*. Đồng chí nói:

"Nhiệm vụ trước mắt của quân ta là tích cực tranh thủ thời gian, giành lấy một thắng lợi quyết định để chuyển sang tổng công kích và trên cơ sở thắng lợi đó giành toàn thắng cho chiến dịch".

Chúng ta có đầy đủ điều kiện để làm tròn nhiệm vụ đó hay không?

Trả lời: Tất cả mọi điều kiện đều đầy đủ, nhưng hiện còn có một trở ngại rất lớn, một trở ngại rất nguy hiểm ngăn cản chúng ta thực hiện nhiệm vụ. Trở ngại đó là tư tưởng hữu khuynh tiêu cực nghiêm trọng hiện đang hoành hành trong các cấp ủy và cán bộ của chúng ta. Nếu chúng ta không đập tan tư tưởng hữu khuynh tiêu cực đó thì sự hoàn thành nhiệm vụ vinh quang của chúng ta sẽ rất khó khăn".

Lúc này Đảng ủy Mặt trận đã nhận được bản Nghị quyết ngày 19 tháng 4 năm 1954 của Bộ Chính trị và bức thư đề ngày 21 tháng 4 của Tổng Bí thư Trường Chinh. Đây là nghị quyết chuyên đề về mặt trận Điện Biên Phủ. Sau khi biểu dương thắng lợi to lớn của hai đợt tiến công vừa qua, Nghị quyết viết:

"*Trung ương rất vui mừng nhận thấy các cấp ủy, các đảng viên, các cán bộ của chúng ta đã cố gắng và tiến bộ nhiều ... Nhưng vì cán bộ ta còn mắc nhiều khuyết điểm: chủ quan khinh địch, chủ quan tự mãn, còn ngại thương vong mỏi mệt, tinh thần trách nhiệm không đầy đủ, tác phong quan liêu đại khái còn phổ biến: nguyên nhân chủ yếu là vì tư tưởng hữu khuynh còn nghiêm trọng. Vì vậy cho nên đã gây ít nhiều tổn thất không cần thiết và hạn chế thắng lợi của ta một phần...*".

Sau khi phân tích ý nghĩa quan trọng của chiến dịch Điện Biên Phủ cả về quân sự và chính trị, đối với trong nước và quốc tế, Nghị quyết Bộ Chính trị khẳng định:

"*Bởi vậy ta phải kiên quyết giành toàn thắng cho chiến dịch này. Các cấp ủy, các đảng viên và toàn thể*

cán bộ phải... ra sức khắc phục tư tưởng hữu khuynh, củng cố và đề cao quyết tâm, đề cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, quân đội và Đảng, kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm vừa qua, tiếp tục thấu triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, đồng thời tích cực tranh thủ thời gian, triệt để chấp hành mệnh lệnh, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ, giành toàn thắng cho chiến dịch này...".

Chấp hành Nghị quyết của Bộ Chính trị, trước khi bộ đội bước vào đợt tiến công quyết định cuối cùng trên mặt trận Điện Biên Phủ, Tổng quân ủy chủ trương mở một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng nhằm làm cho cán bộ, chiến sĩ nhận rõ tình hình khó khăn của địch và những điều kiện tất thắng của ta, nâng cao tinh thần trách nhiệm và quyết tâm làm tròn nhiệm vụ. Ngày 27 tháng 4 năm 1954, đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt mở đầu bằng cuộc hội nghị Đảng ủy mở rộng gồm các thành viên Đảng ủy Mặt trận, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các đại đoàn và phụ trách các cơ quan tham mưu, chính trị và cung cấp mặt trận. Đây không phải là cuộc hội nghị thông thường mà là một cuộc đấu tranh phê bình - tự phê bình nhằm kiểm điểm và chấn chỉnh tư tưởng chỉ đạo, chủ yếu là khắc phục tư tưởng hữu khuynh tiêu cực tồn tại ngay trong những người chịu trách nhiệm nặng nhất về kết quả cuối cùng của cuộc đấu trí, đấu lực với kẻ thù trên chiến trường Điện Biên Phủ.

Số đông thành phần tham dự hội nghị là những đồng chí đã cùng ông Võ Nguyên Giáp nằm gai nếm mật từ những ngày cách mạng còn trong bóng tối, những ngày

lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam còn là đội quân "thơ ấu". Hôm nay, chịu trách nhiệm cao nhất trước Đảng, trước nhân dân và quân đội về kết quả chiến dịch quan trọng này, các ông đã chân thành nói với nhau những điều cần nói, với tinh thần *dĩ công vi thượng*[1] như Cụ Hồ đã dạy mười năm trước khi giao nhiệm vụ cho ông Giáp thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Sau hai ngày từng người tự kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Bộ Chính trị và thư của Tổng Bí thư Trường Chinh, ngày 29 tháng 4 năm 1954, Bí thư Tổng quân ủy Võ Nguyên Giáp đọc bản báo cáo kết luận đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt của cán bộ chủ chốt của mặt trận. Bản báo cáo không chỉ khái quát nội dung kiểm điểm của từng thành viên dự hội nghị mà còn gắn với thực tế tình hình tư tưởng tồn tại nghiêm trọng trong hàng ngũ cán bộ đang cản trở toàn quân trên bước đường tiến lên giành toàn thắng trong chiến dịch, đồng thời vạch ra cho mọi người thấy phương hướng và biện pháp khắc phục để tạo nên một chuyển biến mới về chính trị tư tưởng trước khi bước vào đợt tiến công cuối cùng tại mặt trận Điện Biên Phủ.

Bản báo cáo khẳng định thắng lợi của quân ta trong hai đợt tiến công vừa qua là rất lớn, quân địch tại Điện Biên Phủ đang lâm vào tình thế hết sức khó khăn. Thắng lợi đó chứng minh sự chỉ đạo của Trung ương và Tổng quân ủy là chính xác, đồng thời cũng chứng minh bước trưởng thành rõ rệt của bộ đội. Nhưng Điện Biên

---

1. Đặt cái chung lên trên.

Phủ là một chiến dịch rất quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến cục diện chiến tranh Đông Dương và đến âm mưu của bọn đế quốc Pháp - Mỹ, nên quân địch sẽ còn dốc sức đối phó quyết liệt. Chúng sẽ cố gắng duy trì tiếp tế và tăng viện, đẩy mạnh hoạt động của không quân và pháo binh, tăng cường lực lượng phản kích, tranh đoạt từng thước đất trong các cuộc tiến công của ta. Tin tức thu lượm được qua mạng thông tin kỹ thuật cho thấy cũng không loại trừ khả năng chúng mạo hiểm lần cuối cùng, điều động lực lượng từ nơi khác đến, đột phá vòng vây hòng giải tỏa cho đồng bọn đang bị trói chặt ở lòng chảo Mường Thanh. Trung ương Đảng đã lường trước mọi thủ đoạn của địch và khẳng định ***quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.*** Trong hội nghị ngày 19 tháng 4, Bộ Chính trị kêu gọi *toàn thể cán bộ và đảng viên ở các đơn vị và cơ quan ở mặt trận Điện Biên Phủ cần phải nhận rõ vinh dự và trách nhiệm nặng nề trong chiến dịch lịch sử này... tích cực phát huy tinh thần chiến đấu anh dũng và chịu đựng gian khổ, giành toàn thắng cho chiến dịch.*

Sau khi phân tích vì sao phải tiếp tục quán triệt phương châm đánh chắc tiến chắc và khẳng định lúc này quân ta đã có đủ điều kiện để tranh thủ thắng lợi, bản báo cáo của đồng chí Bí thư Tổng quân ủy đi vào nội dung chủ yếu là chỉ có tiến hành đấu tranh kiên quyết không khoan nhượng với tư tưởng hữu khuynh tiêu cực mới mở đường cho quân ta tiến lên hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ quân địch, giành thắng lợi trọn vẹn cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Bản báo cáo lý giải tư tưởng hữu khuynh tiêu cực là gì, nó biểu hiện trong quân đội như thế nào?

Tư tưởng của Đảng ta là tư tưởng tích cực và triệt để cách mạng, là tinh thần đấu tranh bất khuất, không khoan nhượng, không thỏa hiệp với kẻ thù; lúc thắng lợi không say mê, lúc khó khăn không chùn bước, bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng kiên trì đấu tranh đến thắng lợi cuối cùng. Trong quân đội, tư tưởng đó của Đảng thể hiện tinh thần anh dũng chiến đấu, liên tục chiến đấu, tích cực tiêu diệt địch, triệt để chấp hành mệnh lệnh, lúc thắng lợi không chủ quan tự mãn, lúc thất bại không hoang mang dao động, bất kỳ trong trường hợp nào cũng kiên quyết, bình tĩnh, khẩn trương, kiên trì chiến đấu.

Tư tưởng hữu khuynh tiêu cực là tư tưởng thù địch, chống lại tư tưởng tích cực cách mạng của Đảng, ngăn cản quân đội hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Trong quân đội, tư tưởng hữu khuynh tiêu cực biểu hiện dưới hai hình thức:

Một là *dao động, sợ khổ, sợ khó, sợ chết, sợ thương vong, sợ tiêu hao mệt mỏi*, thiếu tinh thần khắc phục khó khăn, tinh thần tích cực tiêu diệt địch, tinh thần đấu tranh với những sai lầm của bản thân và của đồng chí, đồng đội.

Hai là *chủ quan khinh địch, chủ quan tự mãn, quan liêu đại khái*. Bề ngoài thì ra vẻ hăng hái không sợ địch, nhưng sự thực thì không căm thù địch đến cao độ nên thiếu tinh thần tích cực tiêu diệt địch, không thấy hết

bản chất cực kỳ hung ác và ngoan cố của chúng nên thiếu tinh thần cảnh giác cách mạng. Tư tưởng hữu khuynh tiêu cực cản trở tinh thần hăng say nghiên cứu tìm hiểu thực tế tình hình về địch, về ta, vì ngại phải đối mặt những khó khăn gay go phức tạp do thực tế đặt ra. Người có tư tưởng hữu khuynh tiêu cực luôn hướng dòng suy nghĩ về những thắng lợi dễ dàng, nên thường đi đến thất bại, hoặc vội thỏa mãn trước một thắng lợi nhỏ, cho là vĩ đại lắm rồi, không tiếp tục kiên quyết đấu tranh...

Bản báo cáo của Tổng quân ủy nêu lên những dẫn chứng về sự tồn tại của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực trong hàng ngũ cán bộ đang tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trước hết là những biểu hiện trong *việc chấp hành nhiệm vụ chỉ huy chiến đấu.*

Có cán bộ đơn vị sau khi đánh thắng trong đợt 1, tiêu diệt một vài mục tiêu trong đợt 2, đã tỏ ra chủ quan tự mãn cho rằng như thế là đủ lắm rồi, nên không tiếp tục phát triển vào mục tiêu tiếp theo. Có cán bộ lúc đầu chủ quan khinh địch, kiểm tra tổ chức chiến đấu qua loa đại khái, đến khi gặp khó khăn thì dao động, có lực lượng ở gần nhưng không điều đến, tự ý rút quân không xin chỉ thị... Việc đơn vị này không hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong khu Đông bắt nguồn từ tư tưởng hữu khuynh tiêu cực.

Có bộ chỉ huy khi nhận nhiệm vụ thì chủ quan, coi địch không ra gì, cho rằng chỉ một giờ sau là dứt điểm mục tiêu X. Nhưng rồi hơn 30 giờ vẫn không giải

quyết xong. Cán bộ trực tiếp chỉ huy đánh mục tiêu X cũng chủ quan khinh địch, quan liêu đại khái, không điều tra nghiên cứu kỹ tình hình nên đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ. Sau khi vấp phải khó khăn ở X, quyết tâm bắt đầu biến hóa, sinh ra rụt rè ngại địch, đánh giá địch cao, đánh giá ta thấp, e ngại cấp trên, không tin cấp dưới. Nhận nhiệm vụ đánh hai mục tiêu L và M thì lề mề chậm chạp, không tranh thủ thời gian. Khi thời cơ đến, thiếu mạnh bạo dứt điểm ở mục tiêu L đúng vào lúc địch ở đó sắp bỏ chạy và cũng đúng vào lúc mà bộ đội đang tích cực tranh thủ thời cơ giải quyết gọn mục tiêu M.

Có đơn vị lần đầu ra trận, vì chưa có kinh nghiệm chiến đấu nên lúc đầu ngại địch, sợ phi cơ và pháo binh địch, chỉ hoạt động trên những trận địa cố định. Cấp trên động viên giáo dục rất vất vả mới dám lưu động thực hiện nhiệm vụ trong tầm pháo của địch. Nhưng sau khi thu được vài thắng lợi đầu tiên thì bắt đầu sinh ra chủ quan, cho rằng đơn vị mình bắn giỏi như Hồng quân Liên Xô, rồi sinh ra thiếu tích cực khẩn trương trong việc tiếp cận thu hẹp và uy hiếp không phận của địch hơn nữa, bắn trong tầm hiệu lực tốt hơn, gây cho địch nhiều thiệt hại hơn.

Thứ hai là biểu hiện *thiếu tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, không tôn trọng và kiên trì thực hiện mệnh lệnh cấp trên.*

Do không nhận thức đầy đủ mệnh lệnh là biểu hiện cụ thể ý chí của Đảng, của đường lối chính sách quân sự của Đảng trong quân đội, cũng do không nhận thức đầy

đủ triệt để chấp hành mệnh lệnh cấp trên là nhiệm vụ của toàn thể cán bộ và chiến sĩ, cho nên trong việc chấp hành mệnh lệnh đã biểu lộ những khuyết điểm chủ yếu sau đây: không nghiên cứu mệnh lệnh, không đặt kế hoạch cụ thể để thi hành mệnh lệnh, không coi trọng việc chấp hành mệnh lệnh đúng thời gian. Bản báo cáo của Tổng quân ủy cũng nêu lên những dẫn chứng cụ thể về mặt này:

Có đơn vị đáng coi là "đứng đầu sổ" trong việc không nghiêm túc thi hành mệnh lệnh. Khi thảo luận nhiệm vụ đợt tiến công thứ 2, cán bộ chỉ huy đơn vị bảo đảm điều động bộ đội kịp thời gian, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng do khi thi hành không tích cực khẩn trương cho nên bộ đội hành quân chậm chạp lề mề, chỉ chừng hơn 10 ki-lô-mét mà phải hành quân hai đêm mới đến. Vì vậy, khi toàn mặt trận đã sắp đến giờ nổ súng, cán bộ đơn vị đó đề nghị hoãn... Sau đợt 2, lúc thảo luận kế hoạch, cán bộ đơn vị lại bảo đảm đến ngày N thì chuẩn bị chiến đấu xong ở vị trí Q, nhưng khi thi hành thì lần lữa, trải qua 3 lần hoãn vẫn chưa chuẩn bị xong, viện cớ phải chuẩn bị chu đáo để "đánh chắc tiến chắc". Thế nhưng, cũng chính trong đêm đó, bộ đội bên dưới đã nắm thời cơ nhanh chóng phát triển và tiêu diệt địch.

Cán bộ một đơn vị khác đã nhiều lần không chuẩn bị chiến đấu xong đúng thời gian nhưng không báo cáo và xin chỉ thị, coi việc không chấp hành mệnh lệnh đúng thời gian là việc rất bình thường, hình như không biết có mệnh lệnh cấp trên, không biết có thời gian.

Có đơn vị, sau khi vấp ở mục tiêu X, trên hướng dẫn cụ thể và giúp đỡ tích cực tiếp tục chuẩn bị, nhất là về công sự, để đánh lại mục tiêu đó. Trong quá trình bộ đội đào công sự, hôm trước cán bộ báo cáo rằng công sự của ta còn cách địch 30 mét, hôm sau báo cáo cách địch... 35 mét, đào thêm mấy hôm nữa, báo cáo công sự vẫn còn cách địch... 40 mét. Sáng 25, báo cáo rằng đêm 27 có thể bắt đầu nổ súng, chiều 25 báo cáo lại: đến 28 mới có thể đánh được. Trên cho chuẩn bị thêm ba ngày, đến ngày 28, báo cáo vẫn chưa đánh được và cũng chưa biết nhất định ngày nào mới chuẩn bị xong, vì "phải chuẩn bị đầy đủ, phải nắm vững phương châm đánh chắc tiến chắc".

Có đơn vị đã được chỉ thị phải tiếp cận địch để thu hẹp bầu trời, khống chế không phận của địch. Mười ngày sau, ban chỉ huy đơn vị cử cán bộ lên hỏi: "Đơn vị chúng tôi có nhiệm vụ tiếp cận hay không"? Một đơn vị trinh sát đã nhận chỉ thị phải phái bộ phận quan trắc tiền tiến lên tiếp cận quân địch để chỉ mục tiêu cho pháo binh chính xác hơn. Nhưng không những việc thi hành chậm chạp mà báo cáo cũng không rõ ràng.

Sau những dẫn chứng về đơn vị, bản báo cáo của Tổng quân ủy nêu lên những dẫn chứng về công việc để kết luận rằng *không có nhiệm vụ nào thực hiện được đầy đủ và đúng thời gian như trong mệnh lệnh* của Bộ chỉ huy chiến dịch.

Về xây dựng trận địa xuất phát xung phong: Không đơn vị nào làm đúng tiêu chuẩn và yêu cầu chiến thuật. Ngày 17 tháng 3 năm 1954, trong hội nghị sơ kết đợt

tiến công thứ nhất, bản báo cáo của Bộ chỉ huy chiến dịch đã nêu rõ:

"Việc xây dựng trận địa trong thời gian vừa qua có rất nhiều khuyết điểm, vì vậy đã gây nhiều thương vong có thể tránh được cho bộ đội... Giao thông hào thì không đúng tiêu chuẩn, thậm chí có đơn vị làm giao thông hào từ trận địa của trung đoàn ra vị trí xuất phát xung phong rất nông, chỉ sâu 60 hay 80 phân..., ở vị trí xuất phát xung phong thì không có nơi nào làm hố phòng pháo, hầm trú ẩn, như vậy rất nguy hiểm... lần này, những khuyết điểm đó cần được sửa chữa.

Sau đó, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho các đại đoàn và trung đoàn phải xây dựng trận địa thật tích cực nhưng các đơn vị đều thi hành chậm chạp, có đơn vị số chiến sĩ đi làm trận địa rất ít. Cuối tháng 3, Bộ chỉ huy gửi thư kêu gọi chiến sĩ thì anh em rất phấn khởi. Anh em bảo nhau: "Thế mà cấp trên không cho mình biết sớm"! Sau đó số người đi làm công sự tăng hẳn lên.

Về *kế hoạch phòng mưa trong trận địa*, Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ thị cho đại đoàn và trung đoàn rất nhiều nhưng các đơn vị thi hành chậm chạp và cũng không báo cáo. Đến khi Bộ chỉ thị trực tiếp xuống chiến sĩ thì anh em tích cực làm ngay.

Về *đánh lấn* và *bắn tỉa*, Bộ chỉ thị nhiều lần và hướng dẫn kế hoạch cụ thể tỉ mỉ nhưng có đơn vị không thi hành hoặc thi hành không đúng chỉ thị, có khi báo cáo tối nay đánh lấn nhưng rồi không đánh và cũng không báo cáo vì sao.

Kết luận về những khuyết điểm tồn tại trong việc chấp hành mệnh lệnh, bản báo cáo của Tổng quân ủy viết: *Tinh thần chấp hành mệnh lệnh của cán bộ kém như vậy, thực đúng là những biểu hiện điển hình của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, vô trách nhiệm.*

Thứ ba là biểu hiện trong việc *không nắm vững chính sách cán bộ, chấp hành kỷ luật không nghiêm minh, không chú trọng phát triển Đảng và dựa vào cơ sở Đảng để động viên và lãnh đạo bộ đội chiến đấu.*

Về chính sách cán bộ, bản báo cáo chỉ ra rằng chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử, một thử thách lớn đối với cán bộ. Qua cuộc thử thách đó, rất nhiều cán bộ được rèn luyện, nhiều cán bộ tốt đã nảy nở, nhiều anh hùng chiến đấu và chiến sĩ gương mẫu đã xuất hiện. Nhưng nhiều cấp ủy đã không mạnh dạn đề bạt và bồi dưỡng những cán bộ tốt, không chú trọng lựa chọn và nêu gương các anh hùng và chiến sĩ gương mẫu... Sai lầm đó không những ảnh hưởng đến thắng lợi của chiến dịch mà còn ảnh hưởng đến việc xây dựng quân đội về lâu dài.

Về *chính sách kỷ luật*, bản báo cáo nhận xét rằng thời gian vừa qua, khuyết điểm chủ yếu là thưởng nhiều hơn phạt. Có trường hợp không có công cũng thưởng. Rất nhiều trường hợp có lỗi thì lại không phạt. Một ví dụ điển hình là nhiều đơn vị để mất vũ khí, đánh thắng cũng để mất vũ khí, trong đó có những vũ khí rất quý, nhưng đến nay cũng chưa có đơn vị nào bị phạt... Đi sâu vào vấn đề thưởng hay phạt thì đều có lệch lạc... Về *thưởng* thì ngoài những trường hợp không có công cũng

thưởng hay công ít thưởng nhiều, còn có nhiều trường hợp có công lớn nhưng không trọng thưởng hoặc chỉ chú trọng thưởng đơn vị mà không thưởng cá nhân những anh hùng và chiến sĩ có công. Về *phạt* thì cũng đã bắt đầu có hiện tượng phạt bừa bãi, không có trọng điểm, không đúng mức, không đúng quyền hạn, do đó kém tác dụng giáo dục. Trong quân đội ta, khi một đơn vị phạm lỗi thì cấp trên phải chịu trách nhiệm nặng hơn cấp dưới. Nhưng gần đây có hiện tượng cấp trên ít nói đến trách nhiệm của mình, còn đối với cấp dưới thì có khi phạt bừa bãi, không thận trọng trong việc khai trừ quân tịch, đảng tịch... Có lỗi nhưng không phạt là hữu khuynh tiêu cực. Phạt bừa bãi, trút trách nhiệm cho người khác cũng là một lệch lạc không kém nguy hiểm.

Trải qua thử thách lớn trong chiến dịch này, rất nhiều cán bộ và chiến sĩ ưu tú xuất hiện. Đó là *một cơ hội tốt để phát triển Đảng* và dựa vào cơ sở Đảng để động viên toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Nhưng nhiều cấp ủy Đảng đã tỏ ra hữu khuynh, không chú trọng phát triển Đảng và chấn chỉnh công tác nội bộ hoặc có phát triển nhưng còn quá dè dặt. Ngược lại cũng có đơn vị phát triển bừa bãi, trái với Điều lệ và nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Sau khi nêu những dẫn chứng về các khía cạnh biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, bản báo cáo của Tổng quân ủy khẳng định rằng: *Tư tưởng hữu khuynh tiêu cực hiện đang phổ biến trong các đơn vị tham gia*

chiến dịch nhưng nghiêm trọng nhất là ở cán bộ cấp đại đoàn, trung đoàn và tiểu đoàn.

Trách nhiệm của cấp ủy đại đoàn, trung đoàn và tiểu đoàn rất nặng. Hiện nay trong các cấp ủy đó vẫn tồn tại tư tưởng hữu khuynh tiêu cực cho nên phải coi tư tưởng hữu khuynh tiêu cực của các cấp ủy đó là đối tượng đấu tranh chủ yếu trong lúc này. Cấp ủy đại đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo hàng vạn quân, cấp ủy trung đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo hàng mấy ngàn quân, liên chi ủy tiểu đoàn có nhiệm vụ lãnh đạo hàng mấy trăm quân. Nếu mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên bị tư tưởng hữu khuynh tiêu cực ở cấp đại đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn cản trở, không quán triệt được xuống dưới thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự hoàn thành nhiệm vụ của tất cả các đơn vị.

Bằng một giọng chân thành, thẳng thắn, Bí thư Tổng quân ủy đã nói thẳng với các cán bộ cao cấp dự hội nghị rằng:

"*Các đồng chí có trách nhiệm rất lớn, nhưng các đồng chí lại không nhận rõ trách nhiệm của mình, không phân biệt trách nhiệm của từng cấp nặng nhẹ khác nhau như thế nào. Cho nên trong bản tự phê bình của các Đảng ủy, tuy các đồng chí đã tự kiểm điểm tương đối thành khẩn và vạch ra những hiện tượng hữu khuynh tiêu cực, nhưng các đồng chí nói nhiều đến tư tưởng hữu khuynh tiêu cực trong toàn đơn vị mà không đi sâu vào tư tưởng hữu khuynh tiêu cực trong Đảng ủy đại đoàn và ngay trong bản thân các đồng chí bí thư đảng ủy. Như vậy chứng tỏ rằng tinh thần tự phê bình bôn-sê-*

vích, tinh thần đấu tranh với những sai lầm của mình còn thiếu ở ngay Đảng ủy đại đoàn. Đó là một biểu hiện nữa của tư tưởng hữu khuynh ... Đặc biệt đối với vấn đề chấp hành mệnh lệnh không triệt để, không nghiêm túc, không đúng thời gian, nghĩa là đối với những biểu hiện thực tế nhất, cụ thể nhất và nghiêm trọng nhất của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, thì bản tự kiểm thảo của các đồng chí lại không vạch ra, không phân rõ trách nhiệm, chỉ phê phán một cách qua loa xong chuyện, nhận lỗi của mình nhưng lại biện bạch và đổ lỗi cho cấp trên...".

Sau khi phân tích *nguyên nhân chủ yếu làm cho tư tưởng hữu khuynh tiêu cực hiện tồn tại nghiêm trọng trong Đảng và trong quân đội là sự thiếu sót của chúng ta về mặt giáo dục và đấu tranh nội bộ,* bản báo cáo của Tổng quân ủy khẳng định *phải kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, phát huy tinh thần tích cực cách mạng và nâng cao quyết tâm diệt địch.*

Mục đích cuộc đấu tranh của chúng ta là bồi dưỡng và phát huy tinh thần tích cực cách mạng, làm cho toàn thể cán bộ và chiến sĩ *tin tưởng, phấn khởi, đoàn kết.* Chỉ có đấu tranh chống sai lầm mới có đoàn kết thực sự, nghĩa là đoàn kết trên tư tưởng của Đảng, trên lập trường chiến đấu của quân đội nhân dân, trong chiến dịch này thì đoàn kết trên một ý chí chung là tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Không tích cực đấu tranh chống sai lầm thì không thể có một sự đoàn kết như vậy được, mà chỉ có thể có những hiện tượng đoàn

kết bề ngoài, tốt với nhau một cách vô nguyên tắc, đoàn kết với nhau trong sai lầm, trong tiêu cực.

Thái độ chiến đấu của chúng ta đối với quân địch ở Điện Biên Phủ như thế nào thì *thái độ đấu tranh* của chúng ta đối với tư tưởng hữu khuynh tiêu cực cũng phải kiên quyết như thế, đấu tranh đến cùng, tìm nó ở tất cả những nơi nào nó có thể ẩn náu, bài xích đến cùng, không nhân nhượng, không thỏa hiệp, không dung túng, không dĩ hòa vi quý. Dĩ hòa vi quý là tự do chủ nghĩa, không tha thiết với thắng lợi của quân đội, với lợi ích của Đảng.

Phương pháp đấu tranh của chúng ta là phê bình và tự phê bình, từ trên xuống và từ dưới lên, có như vậy mới đập tan được những tư tưởng và tác phong xấu, tạo được ưu thế cho những tư tưởng và tác phong tốt trong quân đội. Phê bình và tự phê bình phải dựa trên cơ sở tự giác, càng lên trên thì yêu cầu càng cao, càng đi xuống cơ sở thì yêu cầu càng thấp. Chúng ta đang chiến đấu với giặc ở tiền tuyến, vì vậy, việc tiến hành đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực phải biết tranh thủ thời gian và kết hợp rất chặt chẽ với nhiệm vụ tác chiến, phục vụ ngay cho nhiệm vụ tác chiến.

Để đợt sinh hoạt chính trị đột xuất và đặc biệt quan trọng này đạt được kết quả mong muốn, bản báo cáo của Tổng quân ủy chỉ ra phương hướng lãnh đạo chung của Đảng ủy các đại đoàn. Đó là:

"*Công tác động viên giáo dục, việc chấp hành chính sách cán bộ, chấp hành chính sách kỷ luật, công tác chi bộ, trong lúc này đều có nhiệm vụ bảo đảm cho*

cuộc đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực thành công".

Cụ thể là:

1. Phải giáo dục và động viên rộng rãi để khẳng định với từng cán bộ và chiến sĩ rằng tư tưởng hữu khuynh tiêu cực là trở ngại chủ yếu ngăn cản quân ta hoàn thành nhiệm vụ;

2. Phải chấp hành đúng chính sách cán bộ của Đảng, coi chiến dịch lịch sử này là một cuộc thử thách lớn để lựa chọn, đề bạt cán bộ, một cuộc rèn luyện lớn để đào tạo cán bộ;

3. Kỷ luật phải chặt chẽ, nghiêm minh vì đó là một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm củng cố và nâng cao sức chiến đấu của bộ đội;

4. Phải nâng cao vai trò lãnh đạo của chi bộ Đảng. Việc động viên giáo dục đảng viên phải sâu sắc hơn, làm cho mỗi đảng viên hiểu rõ nhiệm vụ dẫn đầu đơn vị trong công tác cũng như trong chiến đấu và trước mắt là trong cuộc đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực.

Để kết thúc bản báo cáo của Tổng quân ủy, đồng chí Bí thư nói với những người đồng chí cộng sự trực tiếp và thân thiết của mình những lời tâm huyết:

"*Trong cuộc hội nghị này, chúng ta là những đồng chí phụ trách của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta càng phải làm gương mẫu tự phê bình và phê bình thành khẩn và nghiêm chỉnh đối với những tư tưởng sai lầm. Chúng ta cần phải tiến hành cuộc đấu*

tranh nội bộ để đi tới thực hiện sự đoàn kết nhất trí giữa các cấp ủy phụ trách, làm cơ sở để mở rộng cuộc phê bình và tự phê bình, ***để tăng cường niềm tin tưởng và phấn khởi, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong toàn quân, đoàn kết trên mục đích tối cao trong chiến dịch này là tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ****. Vì vậy, thắng lợi của cuộc hội nghị này là một thắng lợi lớn, đặt cơ sở cho những thắng lợi sắp tới trong cuộc chiến đấu với quân địch...*

Tổng quân ủy tha thiết mong rằng cuộc hội nghị này sẽ đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng trong quá trình khắc phục những tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, những tư tưởng không vô sản trong hàng ngũ của Đảng và của quân đội, sẽ gây một không khí phấn khởi và hăng hái sâu rộng trong quân đội nhân dân chúng ta. Nêu cao tinh thần tích cực cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng liên tục chiến đấu, nêu cao tinh thần trách nhiệm và triệt để chấp hành mệnh lệnh, nêu cao quyết tâm tiêu diệt địch, đó là một nhân tố quan trọng để bảo đảm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ, giành toàn thắng cho chiến dịch, bảo đảm cho việc hoàn thành nhiệm vụ vinh quang do Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch giao phó cho chúng ta...

Tổng quân ủy mong toàn thể cán bộ và đảng viên chúng ta kiên quyết vượt mọi khó khăn gian khổ, chấp hành đúng chỉ thị của Bộ Chính trị và Hồ Chủ tịch, tiêu diệt toàn bộ quân địch".

Cuộc hội nghị kết thúc. Bí thư Tổng quân ủy lần lượt gặp Bí thư Đảng ủy các đại đoàn hướng dẫn việc triển

khai đợt vận động chính trị, trao đổi về nhiệm vụ sắp tới và phương hướng khắc phục những khó khăn của đơn vị... Sau này, trong *Hồi ức* viết về Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhớ lại rằng sau cuộc họp, ông *đã thấy một không khí khác hẳn. Ai nấy đều tỏ ra lạc quan và tin tưởng...*

Rạng sáng 30 tháng 4, cán bộ lãnh đạo các đại đoàn rời chỉ huy sở Mường Phăng trở về đơn vị, mang theo bản báo cáo kết luận của Tổng quân ủy đã được Văn phòng ghi lại và được đồng chí Bí thư thông qua. Đó chính là tài liệu học tập của cán bộ từ trung đoàn trở xuống trong đợt sinh hoạt chính trị đột xuất này - đợt sinh hoạt chính trị mang lại một khí thế mới, quyết định số phận của chừng một vạn quân địch còn lại trong lòng chảo Mường Thanh.

19
TỚI ĐÍCH TRƯỚC HOÀNG HÔN

Mặc dầu càng về cuối tháng 4, tình hình quân Pháp trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ngày càng lâm vào tình trạng rất bi đát, nhưng Na-va vẫn nuôi hy vọng. Viên tổng chỉ huy quân viễn chinh cho rằng việc thăng cấp hàng loạt cho các sĩ quan chỉ huy chủ chốt ở Điện Biên Phủ[1] là một hình thức hữu hiệu "để lên dây cót cho ba quân vượt qua những giờ phút đã được coi là tuyệt vọng".

Cùng với quyết định thăng cấp là cố gắng vét túi để ném thêm quân xuống lòng chảo Điện Biên Phủ. Tập đoàn cứ điểm ngốn quân Pháp như mảnh đất hạn hán hút nước. Số quân ném xuống quá ít so với số bị loại khỏi vòng chiến. Một vài ví dụ: Theo báo cáo của thiếu tá Lê-ớt, trưởng ban quân lực tập đoàn cứ điểm, chỉ riêng trong tuần lễ từ 17 đến 24 tháng 4, khoảng 1.000 lính bị chết và bị thương nặng chỉ được bù lại bằng 432 lính được ném xuống trong những cuộc thả dù nhỏ giọt.

---

1. Từ cuối tháng 4, Đờ Cát được thăng cấp thiếu tướng, tiếp đến Lăng-gle, La-lăng được thăng cấp đại tá, Bi-gia cấp trung tá, v.v.

Tuần lễ từ 24 tháng 4 đến 1 tháng 5 (được coi là "tuần lễ tương đối im ắng"), Pháp cũng mất thêm 427 người, đổi lấy 251 quân tăng viện. Viên thiếu tá quân y Grô-uyn nêu lên một nhận xét tổng quát: "Việc thả dù tăng viện ban đêm không lấp nổi cái hố thiệt hại ban ngày". Những bức điện, kêu cứu thảm thiết của tướng Đờ Cát và của đại tá Lăng-gle không làm động lòng tướng Cô-nhi và đại tá Xô-va-nhắc (chỉ huy căn cứ quân dù ở Hà Nội) vì túi của họ đã cạn.

Máy bay chở quân tăng viện cũng là một vấn đề nan giải. Số máy bay phải phân tán đi đối phó ở đồng bằng và đi tiếp tế cho hàng loạt tập đoàn cứ điểm rải rác khắp nơi. Số giặc lái quân sự Mỹ "sang làm quen với chiến trường", lái chừng 30 chiếc C119 thuê của công ty vận tải hàng không dân dụng ở Đài Loan (CAT), đã gây nên tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" trong việc phối hợp giữa bọn giặc lái Mỹ và bọn Pháp điều hành dưới lòng chảo Điện Biên. Do ngôn ngữ bất đồng, do thái độ ban ơn, kẻ cả của phi công Mỹ, nhất là do lưới lửa phòng không của quân đội Việt Nam, nên các phi công Mỹ đã trở nên "cẩn thận quá đáng" (có nghĩa là nhát gan). Kết quả việc tiếp tế, tăng viện và yểm trợ ngày càng trở nên "thật đáng buồn". Đêm 19 rạng 20 tháng 4, quân dù được thả nhiều xuống khu vực do đối phương kiểm soát. Hôm sau, bom lại trút "nhầm" xuống hai vị trí Huy-ghét 1 và 6, nhiều lính Pháp chết, một kho chứa khoảng 1.000 viên đạn pháo 105 nổ tung.

Tháng 4 được báo chí Pháp và phương Tây gọi là "tháng bi đát của những người lính đang chống đỡ trên

chiến trường Điện Biên Phủ". Đường tiếp tế đang trong cơn hấp hối. Quân lính Pháp mệt mỏi, hao mòn tới mức "không chịu đựng nổi nữa". Thòng lọng chiến hào đã xiết quá chặt. Tình thế ngày càng đặt Na-va - Cô-nhi và các tướng lĩnh Pháp phải tìm cách cứu sống số quân còn lại thoát khỏi nguy cơ bị thiêu trên lòng chảo rực lửa. Kế hoạch *Chim ưng* (Condor) được bộ tham mưu quân viễn chinh ở Sài Gòn vạch ra và thông báo cho tướng Đờ Cát từ ngày 14 tháng 4. Theo kế hoạch đó, 6 tiểu đoàn bộ binh từ hướng Nậm U, Nậm Bạc (Thượng Lào) do đại tá Cre-vơ-cơ chỉ huy, vượt qua biên giới phối hợp với một binh đoàn không vận (3 - 4 tiểu đoàn) nhảy dù xuống Mường Nhạ, tiến lên đánh chiếm Tây Trang vào ngày 27 tháng 4 rồi tràn vào Điện Biên Phủ, hợp lực với quân ở tập đoàn cứ điểm phá vây rồi yểm trợ cho nhau rút về hướng Thượng Lào. Toàn bộ binh lực gồm khoảng 8.000 quân cứu hỏa này do Cô-nhi trực tiếp chỉ huy.

Sau nhiều lần hoãn đi hoãn lại (vì Cô-nhi chần chừ không muốn vét quân ở đồng bằng), cánh quân do Cre-vơ-cơ đốc thúc tiến đến biên giới Việt - Lào, còn cách Điện Biên Phủ chừng 50 ki-lô-mét thì được tin tập đoàn cứ điểm đang ngắc ngoải trong thế "trong không ra được, ngoài không vào được". Viên đại tá này không còn tin vào khả năng "đánh tháo" cho đồng bọn ở Điện Biên Phủ được nữa. Con người "được tin cậy giao phó số mệnh của gần 10.000 chiến hữu" vội hạ lệnh cho đoàn quân cứu hỏa "đằng sau quay" để tránh số phận bị chết thiêu như đồng bọn trên lòng chảo Điện Biên. Việc ném quân dù xuống Mường Nhạ do đó cũng không được thực hiện.

Kế hoạch *Chim ưng* bị thất bại. Các kế hoạch khác do Cô-nhi đề đạt (đánh vào hậu phương kháng chiến ở vùng Yên Bái, Đoan Hùng, Tuyên Quang...) đều bị gạt bỏ vì không có lực lượng và nhất là không hứa hẹn kết quả. Giữa lúc đó thì quân dân Việt Nam bắt đầu đợt ba của chiến dịch. Các vị trí Ê-li-an 1, Đô-mi-ních 3 và Huy-ghét 5 bị tiêu diệt trong đêm 1 rạng 2 tháng 5 năm 1954.

Tình thế đã trở nên vô cùng nguy ngập đối với Đờ Cát và binh lính thuộc quyền. Vùng chiếm đóng của Pháp đã thu hẹp tới mức mọi mục tiêu đều nằm trong tầm uy hiếp của súng trường vì quân ta đã áp sát trên tất cả các hướng. Dự trữ hậu cần tụt xuống mức báo động khẩn cấp: đến 1 tháng 5 chỉ còn ba ngày lương thực, 275 viên đạn pháo 155, 14.000 viên đạn pháo 105, 5.000 viên đạn cối 120 mm. Tăng viện đã trở thành tuyệt vọng. Tiểu đoàn dù thuộc địa thứ nhất (1er BPC) được tăng viện từ cuối tháng 4, sau một tuần lễ vẫn không đặt chân hết xuống tập đoàn cứ điểm. Nhiều lần máy bay tới không phận Điện Biên Phủ lại phải quay về đồng bằng vì vấp phải hỏa lực cao xạ đối phương bắn lên quá rát. Tên lính dù nào được ném xuống ban đêm, nếu thoát chết thì "khi trời sáng cũng không thể phân biệt nổi chỗ nào là quân bạn, chỗ nào là quân thù...". Ngày 27 tháng 4, 114 tấn hàng và 50 lính dù thả xuống "bị mất tăm".

Trước tình cảnh đó, thêm một kế hoạch khác được bộ tham mưu quân viễn chinh vạch ra và được tổng chỉ huy Na-va chuẩn y: kế hoạch *Chim biển* (Albatros), "một kế

hoạch kém vẻ vang hơn so với kế hoạch *Chim ưng*". Các tướng lĩnh Pháp hy vọng *Chim biển* sẽ cứu cho quân Pháp ở tập đoàn cứ điểm không lâm vào thế phải đầu hàng nhục nhã. Ba tiểu đoàn dự bị chiến lược cuối cùng của bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương sẽ được ném vào kế hoạch. Một trong ba tiểu đoàn đó sẽ được thả xuống Điện Biên Phủ để cùng với lực lượng còn lại tự tìm cách giải vây và chạy sang hướng Thượng Lào, "không có sự yểm trợ của lực lượng từ bên ngoài". Trung tá Gô-đa chỉ huy 4 - 5 tiểu đoàn bộ binh từ hướng Thượng Lào lên cùng với hai tiểu đoàn dự bị chiến lược cuối cùng được ném xuống tạo thành một hành lang an toàn trong vùng thung lũng Nậm Nưa, Mường Nhạ, Nậm Hợp, đón đám tàn quân phá vây ở Điện Biên Phủ chạy sang Lào. Trong cơ quan tham mưu ở Hà Nội, người ta không tin vào khả năng thực tế của *Chim biển* nhưng cũng không ai có "phép" gì hay hơn để hiến kế.

Ngày 4 tháng 5, tướng Đờ Cát được thông báo về kế hoạch *Chim biển*. Đó cũng là lúc tình thế quân Pháp ở Điện Biên Phủ đã "lên tới đỉnh cao của sự tồi tệ". Quân của Đờ Cát dồn lại trong 20 cứ điểm, "trên một diện tích không lớn hơn một sân đá bóng". Qua mấy ngày đầu đợt tiến công thứ ba của quân dân Việt Nam, các sĩ quan Pháp ở đây coi như số phận của tập đoàn cứ điểm đã được định đoạt.

Cũng chính ngày 4 tháng 5 ấy, tướng Đờ Cát triệu tập các sĩ quan cầm đầu các đơn vị còn lại bàn cách thực hiện kế hoạch rút chạy mà Hà Nội vừa thông báo. Lực lượng còn lại được chia làm ba cánh quân, rút

sang Thượng Lào theo ba hướng, nếu từng cánh quân tự lực phá vây thành công. Trong ba hướng đó (đông - nam, nam và tây) hướng nam "có nhiều khả năng may mắn hơn cả". Viên chỉ huy nào cũng muốn cánh quân của mình được thoát theo hướng nam. Tranh luận kéo dài, không ai chịu nhượng bộ. Tướng Đờ Cát, vừa bất lực, vừa mất thế, không dám đứng ra làm trọng tài quyết định. Cuối cùng, một lối thoát được coi là công bằng được đem áp dụng giữa những "chiến hữu" trong giờ phút thập tử nhất sinh: rút thăm!

Kết quả:

- Quân dù do đại tá Lăng-gle và trung tá Bi-gia chỉ huy rút chạy theo hướng đông - nam.

- Quân lê dương và Bắc Phi do các đại tá Lơ-mơ-ni-ê và Vê-đô chỉ huy rút chạy theo hướng nam (hướng may mắn!).

- Quân hỗn hợp ở phân khu I-da-ben (Hồng Cúm) do đại tá La-lăng chỉ huy chạy theo hướng tây.

- Toàn bộ lính bị thương và nhân viên quân y ở lại và "tin chắc là đối phương sẽ đối đãi tử tế".

Được Na-va giao toàn quyền quyết định về thời gian xuất phát, mọi người nhất trí: "*Chim biển* sẽ cất cánh vào hồi 20 giờ ngày 7 tháng 5".

Làm thế nào kéo dài cuộc chiến đấu cho đến ngày đó? Một vấn đề hóc búa ai cũng nghĩ đến nhưng không dám nói ra. Sân bay bị cắt đứt. Hệ thống tăng viện và tiếp tế đã "hoàn toàn bị rối loạn". Lựu đạn không đủ đáp ứng mức tiêu thụ 2.000 quả một đêm. Đạn pháo, cối (105,

120, 155 mm) còn lại không vượt quá con số 755 viên. Lương thực, từ chỗ mỗi người một suất bánh mì khô với nước "xốt" cà chua, đã giảm xuống bốn người một suất. Đó là trường hợp tiểu đoàn dù thứ 6 (6e BPC) của viên trung tá Bi-gia. Nạn "chợ đen" trở thành phổ biến. Binh lính bán lại cho nhau từng mẩu bánh mì, từng ca nước uống, từng tờ truyền đơn của đối phương (được coi là lá bùa hộ mệnh nếu bị bắt làm tù binh).

Ngày 7 tháng 5, ngày *Chim biển* cất cánh đã đến.

10 giờ: Trong cuộc họp cuối cùng để bàn kế hoạch rút chạy, từ các đại tá chỉ huy từng cánh quân đến các tiểu đoàn trưởng đều nhất trí nhận định: quân Việt Minh đã áp quá gần, vây quá chặt; binh lính Pháp kiệt sức, không đủ sức phá vây; có phá được vòng vây cũng không đủ sức lê gót sang bên kia biên giới. Sự xuất hiện của 112 lần chiếc máy bay oanh tạc ngày 6 tháng 5 trên bầu trời không làm cho tình hình cải thiện được chút nào... Tướng Đờ Cát động viên mọi người cố cầm cự cho đến khi mặt trời lặn!

12 giờ: Quân đội Việt Nam bắt đầu vượt qua cầu Mường Thanh. Trên nóc các cứ điểm, những lá cờ trắng rụt rè xuất hiện, lúc đầu lác đác, sau mỗi lúc một nhiều.

15 giờ: Tướng Đờ Cát hết hy vọng kéo dài thêm trận chiến đấu đã trở nên tuyệt vọng.

17 giờ 30: Đờ Cát vừa hạ lệnh buông súng thì có lệnh của Hà Nội: không được đầu hàng, nhất là cấp chỉ huy; không được kéo cờ trắng. Viên tướng cầm máy bộ đàm,

báo cáo tình hình với Cô-nhi, từ biệt cấp trên, từ biệt vợ qua làn sóng điện.

Lệnh "không đầu hàng" của Cô-nhi không thể có hiệu lực nữa. Đờ Cát bỏ máy xuống cũng là lúc quân đội Việt Nam đang tràn vào khu Trung tâm như nước vỡ bờ. Mười phút sau những chiến sĩ đầu tiên, đội mũ nan có ngụy trang, tay cầm tiểu liên đã đến trước sở chỉ huy Ê-péc-vi-ê của Đờ Cát. Ở đây - không biết từ bao giờ đã xuất hiện một lá cờ trắng. Khi các chiến sĩ Việt Nam bước vào hầm chỉ huy thì tướng Đờ Cát đã đứng đợi sẵn ở đó cùng với ban tham mưu. Viên bại tướng chỉ kịp nói một câu trong hơi thở, xúc động: "Xin đừng bắn tôi". Lúc ấy là 17 giờ 50 phút.

Hoàng hôn.

Giữa khung cảnh hoàn toàn đổ nát của chiến trường đã im tiếng súng, những người lính Pháp sống sót hạ vũ khí, bước ra khỏi hầm, tập hợp thành đội ngũ theo sự hướng dẫn của "những chiến sĩ Việt Minh mà lần đầu tiên họ được nhìn tận mặt, những khuôn mặt rất đỗi hiền lành". Không kể lính Pháp hay lê dương, lính dù hay pháo thủ, những người lính thua trận bước đi, mệt mỏi, chán chường, xen lẫn "nỗi vui mừng chua chát của kẻ vừa được lôi ra khỏi lưỡi hái của Thần Chết".

Giữa lúc đó, từ hầm chỉ huy Ê-péc-vi-ê, một toán người đi ra, trong đó có Đờ Cát, "mặt tái xanh, xanh một cách thảm hại". Từ xa, người ta dễ nhận ra viên tướng với cái mũ đỏ trên đầu. Có điều lúc này chiếc mũ đỏ trên đầu Đờ Cát không còn cái vẻ vênh váo như lúc viên tướng thách

thức đối phương mà méo mó cụp xuống một cách thảm hại như chứng minh cho sự sống sót của một kẻ thua trận đầu hàng. Cùng với Đờ Cát, còn có tham mưu trưởng Đuy-cruých và toàn thể bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm.

Hình ảnh cuối cùng sau này Lăng-gle còn nhắc đến là, buổi chiều ngày 7 tháng 5 lịch sử đó, trong lúc từng đoàn tù binh dài dằng dặc nối đuôi nhau về địa điểm tập trung thì một chiếc Đa-cô-ta lạc lõng, vô duyên, vẫn tiếp tục bay trên bầu trời Điện Biên Phủ và trút xuống những chiếc dù trắng, lủng lẳng những kiện hàng...

Từ Hà Nội, Cô-nhi liên lạc trực tiếp với La-lăng ở phân khu Hồng Cúm và ra lệnh cho 2.000 lính ở đây "thực hiện một phần" kế hoạch *Chim biển*. Tốc độ tiến công của các chiến sĩ Việt Nam đã đập tan thái độ ngoan cố của Cô-nhi và nguồn hy vọng mong manh của La-lăng. 1 giờ ngày 8 tháng 5, bọn lính ở I-da-ben cũng chung số phận với đồng bọn: hạ súng, đầu hàng.

Cũng vào lúc này, phía bên kia biên giới Việt - Lào, được tin tập đoàn cứ điểm đã hoàn toàn sụp đổ, trung tá Gô-đa liền hạ lệnh lui quân về hướng Luông Pha-băng. Cùng chung số phận với *Chim ưng*, con *Chim biển* đã bị chặt cánh và mãi mãi không bao giờ bay qua được biên giới Việt - Lào.

20
CHIẾN THẮNG CỦA TRÍ TUỆ VÀ LÒNG DŨNG CẢM

Nếu chỉ nhìn một chiều về diễn biến chiến dịch: đợt 1, dứt điểm gọn ba cứ điểm, sau đợt 2, suốt tháng 4, dồn địch vào thế "không thể chịu nổi" (như sau này tướng Đờ Cát thú nhận) và đợt 3 thắng như chẻ tre,v.v... thì không thể thấy hết được tầm cỡ của cuộc đấu trí, đấu lực hết sức gay gắt, quyết liệt giữa ta và địch. Cuộc đọ sức diễn ra không chỉ trong 55 ngày đêm trực tiếp chiến đấu (từ 13-3 đến 7-5-1954), mà ngay từ trung tuần tháng 12-1953, khi quân ta bắt đầu hình thành thế bao vây địch quanh lòng chảo Điện Biên.

Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, chưa lần nào 4,5 vạn quân ta đối mặt với trên 21 tiểu đoàn các loại của địch đồn trú trong 49 cứ điểm, công sự vững chắc, tuyệt đối ưu thế về máy bay, xe tăng, trong một chiến dịch kéo dài suốt hai tháng, trên một chiến trường rất xa hậu phương, trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, với những cơn mưa đầu mùa đến sớm. Cũng chưa chiến

dịch nào có ý nghĩa quyết định cả về quân sự, chính trị, ngoại giao và có tiếng vang rộng lớn như chiến dịch Điện Biên Phủ, một chiến dịch mà cả ta và địch đều dốc sức quyết phân thắng bại, một ván cờ chiến lược cuối cùng giữa ta và Pháp. Tất cả thực tế đó đủ nói lên tính chất ác liệt của cuộc đọ sức giữa hai bên tham chiến trên một cánh đồng hơn 100 ki-lô-mét vuông.

*

* *

Đối thủ của ta đâu phải loại xoàng! Sau "sự kiện Điện Biên Phủ", không ít người trong giới quân sự Pháp và phương Tây chê bai tướng Na-va. Nhưng đâu phải ngẫu nhiên mà viên tổng chỉ huy này được thống chế Gioăng tiến cử và được chính phủ Pháp tin cậy cử sang, chèo chống khi con thuyền viễn chinh đang đứng trước nguy cơ chìm nghỉm. Sai lầm và thất bại của Na-va là ở chỗ ông ta không đánh giá đúng tinh thần và quyết tâm của đối phương, từ những vấn đề có tầm chiến lược toàn cục đến những biện pháp cụ thể. Na-va cử Đờ Cát (mà không cử Va-nuy-xem) lên đứng mũi chịu sào ở Điện Biên, vì Đờ Cát được coi là loại sĩ quan đầu sổ. Dưới trướng của Đờ Cát trong tập đoàn cứ điểm là hơn 20 đại tá rất đáng tin cậy của quân viễn chinh, những sĩ quan bộ binh và dù cự phách, cỡ Tơ-răng-ca và Lăng-gle, Gốt-sê và Lăng-glát... Thất bại của Đờ Cát nói lên sự bất lực không có lối thoát của một con côn trùng bị sa vào mạng nhện, sự bất lực của hơn một vạn quân "ngày càng bị rang nóng trong lòng chảo Mường Thanh". Về binh lực,

tổng chỉ huy Na-va đưa lên Điện Biên những đơn vị sừng sỏ nhất của Pháp, những DBLE và BEP, những RTA và RTM... với hy vọng không những đứng vững mà còn nghiền nát được chủ lực đối phương. Pháo binh, xe tăng và nhất là máy bay..., dốc toàn lực trong phạm vi có thể! Cho đến ngày quân ta mở màn chiến dịch, địch đã trải qua hơn 100 ngày củng cố trận địa phòng ngự, với hàng ngàn tấn phương tiện chiến tranh được ném xuống ngay từ đầu tháng 12 năm 1953. Trong chiến đấu, trải qua 5 lần thay phiên, tăng viện và hàng chục lần phản kích trên cứ điểm A1 của 6 tiểu đoàn bộ binh và dù tinh nhuệ, là dẫn chứng cụ thể về tính chất gay go ác liệt của cuộc giành giật giữa ta và địch trên cứ điểm này cũng như trong toàn tập đoàn cứ điểm.

Đánh bại một đối tượng tác chiến như vậy đâu phải là chuyện dễ dàng. Đối tượng đó đòi hỏi quân ta phải vươn lên về mọi mặt, tinh thần và trí tuệ, mới từng bước tiếp cận được thắng lợi.

Bằng quyết tâm bền bỉ và cách đánh sáng tạo, quân ta đã phát huy sức mạnh vật chất kỹ thuật còn hạn chế của mình để thắng địch trong một cuộc thử thách lớn nhất chưa từng thấy trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp.

*

* *

Nắm ngải cứu trên trán đồng chí Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp sáng 26 tháng 1 năm 1954 đủ nói lên:

người Bí thư Đảng ủy mặt trận suy nghĩ lung lắm khi quyết định thay đổi phương châm tác chiến chiến dịch, "một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình". Và thực tế lịch sử đã sớm khẳng định không thay đổi phương châm tác chiến (*từ đánh nhanh giải quyết nhanh* sang *đánh chắc tiến chắc*) thì chiến dịch không thể kết thúc thắng lợi. Đó chính là ranh giới giữa thắng và thua, khiến nhà sử học Pháp G. Bu-đa-ren viết bài, tựa đề "Tướng Giáp suýt thua ở Điện Biên Phủ".

Để đảm bảo cho pháo lớn lần đầu xuất trận giữ được bí mật an toàn và phát huy hiệu lực cao nhất, bất ngờ nhất, tham mưu trưởng chiến dịch Hoàng Văn Thái đích thân dẫn cán bộ men theo những sườn núi cao chưa có vết chân người nhưng đầy vắt, ve và ruồi vàng để tìm trận địa cho pháo. Trong những ngày kéo pháo, nhiều cán bộ chính trị chủ chốt của chiến dịch (Lê Quang Đạo, Phạm Kiệt, Phạm Ngọc Mậu...) thường xuyên có mặt trên đường kéo pháo, cùng cán bộ đơn vị động viên, tổ chức bộ đội hoàn thành một kỳ công chưa từng thấy. Chưa một chiến dịch nào trong suốt *trận đánh 30 năm*, cả Bộ trưởng Bộ Y tế (bác sĩ Vũ Đình Tụng) và Thứ trưởng (bác sĩ Tôn Thất Tùng), những thầy thuốc giỏi nhất của ta hồi đó, đều ra mặt trận đảm nhiệm việc cứu chữa thương binh. Nhờ vậy mà cả quá trình chiến dịch, hơn 10.000 thương binh (gấp ba dự kiến ban đầu) được cứu chữa và điều trị kịp thời, trong đó 3.560 người được đưa về hậu phương điều trị dài ngày. Cục trưởng quân y, bác sĩ Vũ Văn

Cần, ra tận chiến hào để cùng cán bộ các đại đoàn nghiên cứu việc cải thiện, khắc phục tình trạng lúi xùi, tạm bợ "khoét núi - ngủ hầm - mưa dầm - cơm vắt". Không còn có cảnh có đơn vị chiến đấu về phải đội súng trên đầu, đứng ngâm mình dưới chiến hào ngập nước ngang lưng.

Đạn và gạo đã từng là những vấn đề nóng bỏng nhất. Do trời mưa lũ và nhất là do địch đánh ác liệt, có đêm chỉ có một tấn gạo nhập kho. Một tấn gạo cho mấy vạn con người! Đã có trường hợp cả một đại đội lựu pháo phải ngừng chiến đấu mấy ngày, có khẩu sơn pháo phải lui về tuyến sau, chỉ vì thiếu đạn. Đã có lúc chỉ huy trưởng hoặc tham mưu trưởng chiến dịch phê duyệt từng vài ba viên đạn pháo, một chuyện hiếm thấy trong lịch sử quân sự Đông Tây. Thiếu đạn, cán bộ chủ chốt của mặt trận lo đã đành, tham mưu trưởng đại đoàn 304 Nam Long (đơn vị được giao nhiệm vụ chế áp pháo địch ở Hồng Cúm) cũng ăn không ngon, ngủ không yên. Anh trực tiếp chỉ huy đơn vị thực hiện chủ trương đoạt dù tiếp tế của địch để lấy đạn pháo. Và kết quả thật không ngờ: Số đạn pháo do đoạt dù địch lên tới 25% tổng số đạn pháo tiêu thụ trong toàn chiến dịch (trong khi đạn pháo từ hậu phương mang ra - nhờ ky cóp từ các chiến dịch trước đạt 57%, đạn chi viện của bạn: 18%).

Hình ảnh "máy bay Pháp thua đôi bồ dân công Việt Minh" mà nữ phóng viên Y-von Pa-nhi-nét viết trên một tờ báo Pháp, là hình ảnh tập trung nhất của tinh thần quyết chiến quyết thắng của 26 vạn dân công, trước một

kẻ địch quyết dùng bom đạn biến từng trọng điểm trên tuyến đường vận tải tiếp tế dài mấy trăm ki-lô-mét thành những bãi lầy. Có ngày địch ném 160 quả bom xuống đèo Pha Đin, 300 quả xuống Cò Nòi. Có nơi như Đèo Cả, địch đánh suốt 40 ngày. Những mạch máu vận tải không bao giờ tắc quá thời gian quy định của cơ quan hậu cần chiến dịch. Ngâm mình dưới nước lạnh buốt, phá hơn 100 cái thác để hơn 10 nghìn lần/chiếc mảng chở 1.700 tấn gạo dọc sông Nậm Na từ bản Nậm Cúm về Lai Châu tiếp tế cho mặt trận, là một kỳ tích của bộ đội công binh và của dân công Phú Thọ.

*

* *

Gay go ác liệt nhất vẫn là cuộc chiến đấu đối mặt với địch trong từng trận đánh. Chân lý đã được khẳng định: Thắng lợi trên chiến trường, suy cho cùng, vẫn là do người chiến binh cầm súng quyết định. Trước ngày mở màn chiến dịch, đã xuất hiện gương hy sinh chiến đấu của Hoàng Văn Nô, Tô Vĩnh Diện, Nguyễn Văn Chức... Ngay từ đợt đầu, trận đầu là gương Phan Đình Giót, Trần Can... Sang đợt 2, tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu dũng cảm của hàng vạn chiến sĩ, là đại đội 243 luồn sâu trong lòng địch trên các điểm cao phía đông, là các đơn vị đánh địch phản kích... đặc biệt là tinh thần dũng cảm của các trung đoàn 174 và 102, giành giật với địch từng tấc đất trên đồi A1 suốt hàng tháng trời. Tại đây,

trong giờ phút gay go nhất, trung đoàn trưởng Hùng Sinh đã thể hiện rõ bản lĩnh một người cầm quân dũng cảm, dày dạn; chiến sĩ thông tin Chu Văn Mùi một mình trong vòng vây địch, vừa truyền đạt mệnh lệnh vừa chiến đấu bảo vệ thương binh...

Trước tình hình cấp dưới gặp khó khăn trong nhiệm vụ cắt sân bay địch, đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ ra tận trận địa, bổ khuyết từng thiếu sót cụ thể trong việc đào trận địa vây lấn và kết quả là, cuối tháng 4, sân bay ở Mường Thanh bị tê liệt hoàn toàn. Trên hướng đông, đại đoàn trưởng Lê Quảng Ba ra tận Đồi Cháy nghiên cứu vị trí A1, đề ra biện pháp tiêu diệt ụ súng trong hầm ngầm của địch. Sau đó, ngay trước mũi súng và trong tầm lựu đạn của địch, phân đội công binh 83 đã khắc phục những khó khăn tưởng như không vượt nổi, đã bí mật kiên trì khoét từng nhúm đất rắn như đá non, đào được một đường hầm xuyên vào lòng cứ điểm A1, góp phần quyết định số phận "điểm cao cuối cùng" của địch.

Với nghị quyết ngày 19 tháng 4 của Bộ Chính trị, hậu phương đã kịp thời dốc sức vào đợt chi viện có ý nghĩa quyết định để toàn mặt trận bước vào đợt tiến công thứ 3. Các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Văn Tiến Dũng xuống từng địa phương để đôn đốc. Không chỉ lương thực, thực phẩm mà cơ quan tổng hành dinh còn vét kho, huy động từng cái máy thông tin, từng cuộn băng, gói bông để đưa ra phía trước.

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Đó là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo chỉ

huy của cấp chiến lược, chiến dịch, là thắng lợi của công tác động viên chính trị, lãnh đạo tư tưởng trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hành chiến dịch. Đó là thắng lợi của nhân dân hậu phương dốc sức chi viện tiền tuyến vô điều kiện. Đặc biệt đó là thắng lợi của tinh thần quyết chiến quyết thắng, trí thông minh sáng tạo của từng cán bộ, chiến sĩ trực tiếp chiến đấu với địch, những người phát huy xuất sắc truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc Việt Nam anh hùng.

VI. SAU NGÀY 7 THÁNG 5

21
HÀ NỘI - SÀI GÒN - PARI VÀ OA-SINH-TƠN
MỘT NGÀY SAU "SỰ KIỆN ĐIỆN BIÊN PHỦ"

Đối với nhân dân tiến bộ thế giới, trước hết là ở châu Âu, từ năm 1945, *ngày 8 tháng 5* là ngày kỷ niệm Đồng minh chiến thắng phát xít Đức. Chín năm sau, ngày 8 tháng 5 năm 1954 mang một ý nghĩa mới: quân và dân ta vừa giành một thắng lợi quyết định trên một mảnh đất trước đây còn xa lạ đối với nhiều người trên thế giới: **Điện Biên Phủ**. Vào ngày đó, nhân dân Việt Nam cùng bè bạn 4 biển 5 châu hân hoan bao nhiêu thì giới cầm quyền ở Pa-ri, ở Oa-sinh-tơn và đồng minh của họ sống những giờ phút đắng cay bấy nhiêu.

Người đại diện cao nhất của chính phủ Pháp ở Đông Dương hồi đó là cao ủy Đờ-giăng. Từ đầu tháng 5 năm 1954, trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, ông ta đã thảo sẵn một bức thông điệp, gửi những người Pháp ở Đông Dương. Bản thông điệp được phơi bày trên mặt báo ngày 8 tháng 5 năm 1954.

"Ngày hôm nay..., đối với chúng ta là một ngày đau đớn... Điện Biên Phủ không còn nữa! Chẳng việc gì mà chúng ta phải giấu giếm cái đòn đã chịu... Chúng ta có đủ sức mạnh (!) để nhận điều đó... Nước Pháp, nước Việt Nam (ý nói chính quyền Bảo Đại), thế giới tự do đã thua một trận, nhưng chưa thua cả cuộc chiến tranh...".

Đây là chuyện công khai. Còn trong nội bộ những người cầm đầu quân viễn chinh Pháp thì, cùng ngày 8 tháng 5, cao ủy biên thư cho tổng chỉ huy Na-va (số 126/cab/MIL/8), yêu cầu viên tướng này "phải giữ lấy những vị trí chủ yếu của chúng ta trong các vùng khác nhau ở Đông Dương... Tổng tư lệnh cũng nhận thấy tình trạng đen tối hiện nay là tinh thần dân chúng và quân đội chúng ta, nhất là quân đội các quốc gia liên kết (quân đội Bảo Đại và quân đội ngụy Đông Dương nói chung) đã bị choáng váng do Điện Biên Phủ gây nên...".

Tướng Cô-nhi là người đầu tiên ở Hà Nội nhận được tin "Điện Biên Phủ thất thủ". Chiều hôm trước, 7 tháng 5, ông ta đã đích thân cầm máy bộ đàm nói chuyện với tướng Đờ Cát và hạ lệnh "không được đầu hàng, vì danh dự của nước Pháp và quân đội Pháp". Khốn nỗi, cuộc tổng công kích như vũ bão của đối phương đã không cho phép người chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ làm gì khác hơn là đầu hàng.

Cô-nhi tầm vóc to lớn, thái độ ngạo mạn nên đã được Na-va gọi là "con gà trống tốt mã". Sáng nay, (8 tháng 5 năm 1954), trong lúc hàng vạn lính Pháp bị bắt ở Điện Biên Phủ đang mệt nhọc lê từng bước chân về các trại tù binh thì viên chỉ huy Bắc Đông Dương này vẫn quyết

định tổ chức cuộc duyệt binh ở trung tâm thành phố Hà Nội, gọi là "để mừng chiến thắng". Một sự mập mờ đánh lận con đen giữa hai ngày 8 tháng 5 năm 1945 và ngày 8 tháng 5 năm 1954.

Lễ đài được dựng lên ở vườn hoa gần Cột cờ. Những lá cờ ba sắc xen kẽ với cờ ba sọc được trưng lên giữa những hàng cây to dọc các phố lớn. Quan chức cao cấp quân sự và dân sự Pháp và bù nhìn tề tựu đông đủ. Ký giả Luy-xiêng Bô-đa theo dõi buổi lễ từ đầu, đã kể lại sự kiện đặc biệt này trong bộ sách của mình, mang tên *Cuộc chiến tranh Đông Dương*, xuất bản tại Pa-ri những năm 1963 - 1965 - 1967.

Buổi lễ được tiến hành theo đúng nghi thức và khuôn phép nhà binh. Tướng Cô-nhi, nét mặt đượm vẻ u sầu, tang tóc, đến đặt vòng hoa trước mồ người lính vô danh. Đó là giờ phút mà trên nét mặt, cử chỉ và trong đáy lòng mọi người đều toát lên một nỗi chua xót, ê chề về những gì vừa xảy ra hôm trước. Rồi cuộc diễu binh diễn ra, nặng nề, lơ đễnh, một "cuộc diễu binh của những cái bóng, của những kẻ sống sót vì may mắn không bị tống lên lòng chảo Điện Biên Phủ". Đó là những người lính thuộc mấy đơn vị dự bị cuối cùng: một tiểu đoàn dù đã "vàng hóa" nghiêm trọng[1], vài đơn vị lê dương, mấy chiếc xe tăng... Đây là những người lính còn lại của trung đoàn bộ binh lê dương thứ 3 (3è REI) "tử vì Đông Dương", đã từng chết hụt trên đường số 4 mấy năm

1. Ý nói quân ngụy Bảo Đại đã chiếm một tỷ lệ lớn trong tiểu đoàn lính dù này.

trước và cũng là những người sống sót cuối cùng trong trận phục kích khủng khiếp vừa xảy ra trên đường số 5. Kia là những sĩ quan dù, quần áo rằn ri, lê bước tập tễnh vì những vết thương chưa lành.

Bô-đa nhận xét rằng dân chúng Hà Nội thờ ơ với cuộc diễu hành của đám tàn binh mà nhiều ký giả Pháp gọi là "những mảnh vải đã bị cắt vụn".

Một viên đại tá đứng cạnh Luy-xiêng Bô-đa bỗng bật lên tiếng khóc nức nở. Ông ta không thể và cũng không muốn kìm hãm nỗi xúc động của mình, đã thốt lên:

- Tôi không thể nào tin được rằng, chỉ trong một đêm, quân đội Việt Minh có thể tiêu diệt gọn mười hai ngàn chiến binh ưu tú nhất của chúng ta.

Tường thuật đến đây, chính Bô-đa cũng nói lên những điều mà bản thân ông cũng không giải thích nổi. Vì sao "đội quân viễn chinh tuyệt vời" của nền đệ tứ cộng hòa Pháp lại có thể bị những chiến sĩ Việt Nam "thiếu thốn đủ mọi thứ" đánh cho tan tác trong suốt bảy năm trời như thế? Và giờ đây, giữa tiếng kèn đồng và những nghi thức kênh kiệu của cuộc diễu binh kỳ quặc này, liệu có ai nghĩ đến những dòng người dài dằng dặc vừa thoát khỏi lưỡi hái của tử thần ở Điện Biên Phủ, đang lê bước trên những chặng đường núi đèo Việt Bắc để về các trại tù binh?...

Cũng vào giờ này, các sĩ quan tổng hành dinh quân viễn chinh Pháp ở Sài Gòn thấy tổng chỉ huy Hăng-ri Na-va không vui. Không phải chỉ vì tin tức về những gì vừa xảy trên cánh đồng Mường Thanh chiều hôm qua.

Từ mấy ngày nay, ông ta vừa chờ đợi tin đó, vừa mong nó không đến, nhưng cuối cùng nó đã đến. Điều khiến Na-va không vui lúc này là chưa biết ăn nói làm sao giữa "cái đám ký giả quái ác" cứ bám lấy ông ta để săn tin, để đưa ra những câu hỏi thật khó trả lời.

Cuộc họp báo diễn ra ngay trong tổng hành dinh.

Trả lời câu hỏi về trách nhiệm đối với "việc thất thủ của pháo đài Điện Biên Phủ", ngài tổng chỉ huy trả lời một cách lưu loát, mặt tỉnh khô, cố làm ra vẻ nghiêm túc:

- Thưa các bạn, xin các bạn nhớ cho một điều: tôi không phải là người duy nhất... ờ, ờ...đội chiếc mũ Điện Biên Phủ ...

Na-va viện mọi lẽ để bác bỏ những lời chỉ trích đối với vai trò của ông ta trong thất bại vừa qua, mặc dù có nhà báo "nhớ dai" rằng đã một thời ông ta vỗ ngực tự hào nhận rằng chính mình chứ không phải là ai khác là "cha đẻ của pháo đài bất khả xâm phạm Điện Biên Phủ". Ô, chuyện cũ, hãy cho vào dĩ vãng....

- Các bạn nên nhớ rằng, ngoài Đờ Cát ở chỉ huy sở E-péc-vi-ê, còn có Cô-nhi ở Hà Nội và xa hơn nữa, tại thủ đô nước Pháp, còn những người ở điện Ê-ly-đê, ở lâu đài Ma-ti-nhông và xa, xa hơn nữa, mãi bên kia đại dương, còn những vị ở Lầu năm góc và Nhà trắng. Nhiều người trong bọn họ đã hơn một lần đến thăm và khẳng định về "tính bất khả thất thủ của Véc-đoong châu Á"...

Nghe nói đến Cô-nhi, có nhà báo (nhớ đến là dai) chộp lấy hỏi luôn về mối quan hệ giữa tổng chỉ huy và viên chỉ huy Bắc Đông Dương. Không hiểu vì sao "những bí mật cung đình" loại này lại lọt ra ngoài và

đến tai các nhà báo được? Mà đã là nhà báo thì hình như chức năng của họ là nhớ rất lâu những chuyện phức tạp để rồi bất ngờ đưa ra những câu hỏi móc máy.

Chẳng là mối quan hệ của Na-va - Cô-nhi đã căng thẳng tới mức hai viên tướng không muốn nhìn mặt nhau nữa và nếu có việc gì cần ngồi với nhau thì, khi đến cũng như khi đi, chẳng ai buồn bắt tay ai. Quan hệ đạt tới đỉnh cao của sự căng thẳng là vào đầu tháng 4 vừa qua, khi một bộ phận quân lính dưới quyền chỉ huy của họ đang bị rang nóng trên lòng chảo Mường Thanh. Trong cuộc đối mặt tại biệt thự của Na-va ở bờ Hồ Tây, vấn đề đặt ra là "vì ai nên nông nỗi ấy". Lươn nói lươn phải, chạch cãi chạch hay. Lời qua tiếng lại mỗi lúc một thêm gay gắt. Cô-nhi kết tội Na-va phiêu lưu. Na-va phỉ báng Cô-nhi bất lực. Không ai chịu ai. Cuối cùng, Cô-nhi nổi khùng, nói thẳng vào mặt cấp trên:

- Nếu tôi không nể ngài là tướng bốn sao thì, xin lỗi, tôi đã cho ngài một cái bạt tai...

Đến thế này là cạn tàu, ráo máng. Na-va tím mặt, nhưng rồi đành thỏa thuận với Cô-nhi giữ kín chuyện này, vì đó là "chuyện riêng giữa hai ta" (fait entre nous deux), nói ra "xấu chàng hổ ai?". Vậy mà giờ đây không hiểu vì sao có sự rò rỉ, chuyện lọt đến tai mấy tay nhà báo? Chẳng qua chỉ tại "con gà trống tốt mã" (ý nói Cô-nhi). Na-va vừa tìm cách tránh né thì một ký giả khác lại nêu lên một câu hỏi khác, trăm bề hóc búa, về khẩu súng lục "tặng phẩm". Chẳng là, mới hôm qua thôi, khi số phận pháo đài Điện Biên Phủ được coi là định đoạt, tổng chỉ huy nhận được một bưu phẩm, cầm nặng tay. Na-va vô tình mở ra, mặt tái đi, chân lùi lại: Một khẩu súng ngắn kèm theo một lời

yêu cầu tổng chỉ huy "tự xét xử về những gì đã xảy ra ở miền thượng du Bắc Kỳ". Trước các nhà báo, viên tướng cố tránh câu trả lời, nhưng con mắt nghề nghiệp cho phép giới báo chí khẳng định một điều; Na-va tin rằng tác giả của món "quà tặng" kia không ai khác, ngoài Cô-nhi.

Tổng chỉ huy càng úp mở, các nhà báo càng hỏi. Càng trả lời lúng túng, càng có nguy cơ dẫn đến những cột báo dài, rất bất lợi. Và cuối cùng, tướng quân đã tìm cách tháo lui, viện cớ đang giờ phút nước sôi lửa bỏng này, hàng loạt công việc cấp bách đang chờ đợi...

Tin pháo đài Điện Biên Phủ thất thủ bay đến thủ đô Pháp hồi 13 giờ 42 phút (20 giờ 42 phút, giờ Đông Dương). Lập tức thành phố Pa-ri vốn nổi tiếng tráng lệ bị bao trùm một bầu không khí tang tóc giống như hồi tháng 5 năm 1940, khi nước Pháp đầu hàng phát xít Đức. Các công sở treo cờ rủ "như để tiễn đưa giấc mộng xâm lăng vừa bị chôn vùi trên cánh đồng Mường Thanh".

Chừng ba giờ sau, thủ tướng Pháp (vị thủ tướng thứ 19, kể từ ngày quân viễn chinh Pháp kéo sang xâm lược Đông Dương - tháng 9 năm 1945), phải, chính ngài thủ tướng Giô-dép La-ni-en. Lật đật đến điện Buốc-bông (trụ sở Quốc hội) để thông báo tình hình. Các ông nghị đã tề tựu đông đủ. Theo báo chí Pa-ri tường thuật lại thì đây là cuộc họp Quốc hội bi thảm nhất từ 14 năm nay[1]. Ngài thủ tướng bận bộ đồ tang màu đen. Nét mặt nhăn nhúm vì xúc động, ông ta bước lên diễn đàn, nặng nề, chậm chạp. Bắt đầu bằng những lời ngập ngừng, đứt

1. Ý nói năm 1940, khi nước Pháp thua trận và đầu hàng phát xít Đức.

quãng, ông ta chính thức thông báo điều mà nhiều ông nghị đã biết trước sau cũng sẽ xảy ra:

- Chính phủ, vừa được tin... tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ... đã thất thủ... sau 20 giờ chiến đấu gay go liên tục...

Giữa không gian rộng nhưng nặng nề đến tức thở của hội trường Quốc hội, tiếng ngài thủ tướng vang lên, chậm chậm, nghẹn ngào như tiếng nức nở của người quả phụ từ chốn xa xăm nào đó vọng về, rồi tan đi trong bầu không khí tang tóc. Chỉ trừ các nghị sĩ cộng sản và một ông Đờ Săm-broong nào đó vẫn ngồi yên, còn tất cả các ông nghị đều đứng dậy trong sự im lặng nặng nề. Người ta cúi đầu nghĩ đến thân phận những người lính viễn chinh xấu số bị đẩy đi bỏ xác tại "Véc-đoong châu Á".

Từ trụ sở Quốc hội, bộ trưởng quốc phòng Rơ-nê Plê-ven ra thẳng nghĩa trang thành phố. *Tin Điện Biên Phủ thất thủ đã lan nhanh như một vệt thuốc súng*, cả thủ đô "như sống trong chân không".

Sau khi đặt vòng hoa và lặng lẽ cúi đầu trước mồ người lính vô danh, ngài bộ trưởng quay ra cổng nghĩa trang. Ông ta bàng hoàng trước một đám đông hàng ngàn người "tụ tập nhanh như thể từ trên trời vừa nhảy xuống". Có cả những người quen, như phu nhân các thống chế Lơ-clêc và Đờ-lát, như các "phần tử gô-lít". Số đông là người lao động Pa-ri, các hội viên các hội Liên hiệp cựu viên chức Đông Dương. Già và trẻ, gái và trai, quân phục và thường phục. Lại có cả học sinh trường tham mưu và học viện chiến tranh. Nhác thấy bóng ngài

bộ trưởng, đoàn người biểu tình xô đẩy, la hét. Những lời lăng mạ, những câu hỏi về chồng con, những tiếng hô đả đảo nổi lên khắp nơi, ồn ào, náo động. Vì run sợ, vì xấu hổ, Plê-ven vội vã tìm đường tháo chạy, biết rằng những nhân viên cảnh sát có mặt nhưng im lặng không can thiệp là một dấu hiệu chẳng lành đối với ngài bộ trưởng, dù là bộ trưởng quốc phòng như ông. Chiếc xe đen phóng như chạy trốn vào thành phố đã lên đèn, đúng vào lúc từ phía sông Xen, tiếng chuông nhà thờ Đức Mẹ đổ hồi, não ruột, như cố xua tan bầu không khí xám mầu chì đang bao phủ toàn thủ đô Pa-ri.

Về tới nhà riêng, chưa kịp bỏ quần áo ngoài, Plê-ven đã gọi điện cho ngành an ninh, yêu cầu huy động quân cảnh đến bảo vệ các công sở. Ai biết điều gì có thể xảy ra trong cái thành phố đang lên cơn sốt về tâm lý chiến bại này? Mười năm sau ngày giải phóng (1944 - 1954), lần đầu tiên người dân Pa-ri lại phải sống một đêm căng thẳng vì lệnh thiết quân luật vừa được cấp tốc ban hành. Chấn động Điện Biên Phủ đã đến với mọi nhà, và đem lại cho mỗi người những cảm xúc khác nhau.

Tối hôm đó, hình như cả thủ tướng La-ni-en và bộ trưởng quốc phòng Plê-ven đã kịp lấy lại sự bình tĩnh. Hai người gọi điện cho nhau. Đánh hơi thấy khẩu khí "thất bại chủ nghĩa" của bộ trưởng, ngài thủ tướng đặt vấn đề:

- Ở đó (Đông Dương), về mặt quân số, chúng ta hãy còn đông hơn hoặc ít ra cũng bằng số quân của Việt Minh. Chúng ta lại có ưu thế về trang bị, vũ khí và có

ưu thế tuyệt đối về không quân. Chúng ta còn những 1.100 khẩu pháo để đối chọi với chừng 600 (?) khẩu của đối phương. Vậy thì tại sao chúng ta lại không thể chống cự và giữ vững được?

Plê-ven chưa trả lời dứt khoát. Ông ta biết thủ tướng đang định cử tướng Catơru cầm đầu ủy ban sang điều tra nguyên nhân thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ. Nhiều ông nghị cánh hữu thì đang chờ đợi một kế hoạch mới của tướng Na-va, một kế hoạch dựa vào Mỹ để "chuyển bại thành thắng". Người Mỹ đã đang nửa công khai, nửa lén lút mặc cả gì với Bảo Đại ở ngay vùng ngoại ô Pa-ri. Oa-sinh-tơn muốn gì, sẽ làm gì khi mà Bảo Đại rắp tâm bán mình cho chủ mới? Chủ trương mới của bộ trưởng quốc phòng đối với tình hình hiện nay thế nào? Plê-ven do dự thật sự. Hai lần ngồi trên ghế thủ tướng đã để lại cho cuộc đời chính trị của ông những nét hằn khó phai. Lần thứ nhất kéo dài 8 tháng đúng vào dịp diễn ra chiến dịch Đường số 4, lần thứ hai, vẻn vẹn có nửa năm, mà ông đã phải cùng danh tướng Đờ-lát gánh chịu thất bại ở Hòa Bình. Lần này, ngồi ấm chỗ trên ghế bộ trưởng quốc phòng được một năm thì diễn ra "sự kiện Điện Biên Phủ". Được biết, vài ba ngày nữa Quốc hội sẽ họp. Chưa biết thái độ của các ông nghị cộng sản và riêng phái chủ hòa của Măng-đét Phrăng-xơ sẽ quyết liệt đến thế nào, giữa lúc nội các của La-ni-en đang bị đánh tơi bời từ bốn phía. La-ni-en đã bị cô lập hơn bất cứ lúc nào nhưng xem ra ngài thủ tướng còn rất hung hăng. Plê-ven suy nghĩ lung lắm. Điều cấp bách trước mắt là cứu cho những người lính còn sống sót

ở Đông Dương được an toàn trở về nước. Việc này có thể giao cho tổng tham mưu trưởng Pôn Ê-ly. Nước Pháp kiệt quệ về tiền của, dao động về tinh thần, phân hóa cao độ về chính trị, chính quyền hoàn toàn mất lòng dân, liệu còn làm được gì hơn? Người Mỹ lắm tiền nhiều súng, họ tin rằng có thể thay chân người Pháp để "làm nên chuyện". Điều đó tùy thuộc vào họ. Còn nước Pháp đã quá mệt mỏi và bất lực. Như Măng-đét Phrăng-xơ nói, hãy mau chóng rút chân ra khỏi vùng lầy Đông Dương.

Đúng là lúc này tâm trí của những người cầm đầu Nhà trắng và Lầu năm góc đang dồn vào "sự kiện Điện Biên Phủ".

Tin tức về số phận của quân Pháp ở Điện Biên Phủ đã được trung tướng Ô Đa-ni-en báo về Oa-sinh-tơn nửa đêm mồng 7. Lúc đó theo giờ thủ đô Mỹ, đang vào khoảng trưa ngày 7. Dù đã dự đoán trước, nhưng tin đến vẫn gây xúc động trong giới báo chí, trong giới cầm quyền.

Người dân tiến bộ Mỹ thì giễu cợt bằng cách luôn luôn gọi điện thoại đến đại sứ quán Pháp ở Oa-sinh-tơn hỏi xem cách phát âm từ "Điện Biên Phủ " như thế nào cho chuẩn nhất? Giới báo chí thì phản ánh những tin tức từ Pa-ri bay về, với những dự đoán về số phận nội các La-ni-en, về nội dung mới của cuộc đàm phán đang diễn ra bên hồ Lê-man (Thụy Sĩ), về sự ra đi của quân đội Pháp khỏi Đông Dương. Không ít ký giả tỏ ra thành thạo về "con nhím Điện Biên Phủ". Họ đăng tải sơ đồ của pháo đài với các cứ điểm mang những cái

tên kiều diễm A-nơ Ma-ri, Huy-ghét,v.v., bên trong những thòng lọng chiến hào xiết chặt. Kèm theo là không ít lời bàn.

Điều đáng chú ý là thái độ và những việc làm vội vã của những người cầm đầu Nhà trắng và Lầu năm góc. Người Mỹ không có thói quen làm việc ngày thứ bảy. Nghỉ cuối tuần (weekend) đối với giới cầm quyền là một điều được coi là thiêng liêng. Vậy mà, sau khi được báo cáo chính thức về tin pháo đài Điện Biên Phủ thất thủ, việc đầu tiên của tổng thống Ai-xen-hao là triệu tập Hội đồng an ninh quốc gia ngay vào thứ bảy, 8 tháng 5. Người ta nghe các tướng soái báo cáo về diễn biến tóm tắt của trận đánh. Tổng thống Ai-xen-hao vốn là một vị tướng. Và để tỏ cho mọi người hiểu rằng ông ta vẫn còn là một viên tướng tầm cỡ, tổng thống không tiếc lời phê phán những sai lầm về chiến lược của các tướng lĩnh Pháp, những người "chủ trương phòng ngự chiến lược bằng bê-tông khiến cho quân Pháp bị tê liệt đúng như trong thời kỳ học thuyết Ma-gi-nô còn đang hưng thịnh. Thật là "một chủ trương chỉ đạo chiến tranh đầy rẫy những phương thức cổ hủ". Cuộc họp của Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đánh giá rằng "sự thất thủ Điện Biên Phủ không đến nỗi ảnh hưởng gì nghiêm trọng đối với tình hình quân sự ở Đông Dương... 12.000 người chỉ là một phần nhỏ so với 500.000 quân mà người Pháp có ở Đông Dương hiện nay. Số chiến cụ bị mất ở Điện Biên Phủ có đáng là bao so với nhịp độ viện trợ của Mỹ cho Pháp, 100.000 tấn/tháng?".

Vì là vấn đề quân sự nên giới tướng lĩnh có ý kiến trước. Đô đốc Rát-pho, chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân, lưu ý tổng thống rằng lực lượng của Pháp bị tiêu diệt ở Điện Biên Phủ không phải là những đội quân xoàng mà là "những đơn vị chiến đấu khá nhất và cơ động nhất", rằng trong lúc Việt Minh tập trung nỗ lực vào Điện Biên Phủ thì họ vẫn đủ sức tăng cường sự uy hiếp đối với vùng đồng bằng. Người Mỹ đã không thực hiện được ý muốn dùng không quân để giải tỏa vòng vây Điện Biên Phủ, cứu đồng minh Pháp của mình. Nếu sắp tới, đồng bằng sông Hồng bị tiến công thì chỉ còn cách duy nhất là sự tham gia nhanh chóng của không quân Mỹ.

Giới ngoại giao đề nghị 7 điều kiện về "quốc tế hóa cuộc chiến tranh Đông Dương", trong đó có những điều mấu chốt như: Nước Pháp và ba nước Đông Dương phải lên tiếng yêu cầu Mỹ giúp đỡ; phải được sự đồng tình của một số đồng minh Đông Nam Á và của Anh quốc; Pháp phải khẳng định lại nền độc lập của 3 nước Đông Dương, các nước đó không còn phụ thuộc vào khối Liên hiệp Pháp; Pháp phải rút quân khỏi Đông Dương,.. Trước mắt, để cứu nguy cho Pháp đang cơn hoảng loạn toàn diện, chính quyền nên đề nghị quốc hội chuẩn chi cho một khoản viện trợ cấp tốc chừng 800 đến 1.000 triệu đô-la cho Đông Dương...

Tổng thống Ai-xen-hao kết thúc cuộc họp Hội đồng an ninh quốc gia bằng những lời đã được suy nghĩ chín chắn từ nhiều tháng nay:

- Về mặt công khai với đồng minh, chúng ta phải có thái độ trân trọng đối với quân đội Pháp. Tinh thần dũng cảm của họ trong trận chiến đấu ở Điện Biên Phủ đã làm xúc động toàn thế giới tự do. Tinh thần hy sinh và đức tính chiến đấu đó đã tỏ ra lớn lao đến nỗi trận Điện Biên Phủ sẽ mãi mãi là tượng trưng cho ý chí của thế giới tự do. Sau thất bại vừa qua, đời sống chính trị và xã hội của nước Pháp bị rung động nghiêm trọng. Không những vũ hội Ba-lê bị cấm mà Quốc hội đứng trước nguy cơ bị giải tán, Chính phủ đứng trước nguy cơ bị sụp đổ. Người Pháp không còn cơ may để lật lại thế cờ như tướng Na-va ảo tưởng. Một tỷ đô-la ném vào tay người Pháp lúc này cũng chỉ biến thành con số 0. Ngoại trưởng Ra-xcơ đã điện về, nói rằng cuộc hòa đàm Giơ-ne-vơ hôm nay đã chuyển sang nội dung mới, với sự hiện diện của đại biểu Việt Minh. Tất nhiên họ đến đây không phải với tư thế chiến bại như ngoại trưởng Bi-đôn. Dù diễn biến của hội nghị Giơ-ne-vơ như thế nào, chúng ta cũng phải có quyết định riêng của mình. Con cờ "đơ-mi-nô" mà ngài Tơ-ru-man đã vận dụng 5 năm trước đây phải được phát huy tác dụng trong điều kiện mới. Đã đến lúc phải đưa ngay ông Ngô Đình Diệm về nước để làm việc này. Hạn chậm nhất là trung tuần tháng sau, mọi việc chuẩn bị cho ông Diệm phải được hoàn tất, dù cuộc thương lượng với cựu hoàng Bảo Đại kết quả ra sao. Thời gian thúc bách, chúng ta không thể chậm trễ. Còn quá nhiều công việc phải

làm, nhưng tung "con chiến mã" Ngô Đình Diệm lên đường là việc quan trọng cấp bách đầu tiên... Hãy bàn với C.I.A và ngài giáo chủ Xpen-man.

Thế là 21 năm dính líu tiếp theo của Mỹ vào Đông Dương mở đầu từ chiều 8 tháng 5 đáng ghi nhớ này.

22
DẤU CHẤM HẾT CỦA KẾ HOẠCH NA-VA

Tướng Pháp Hăng-ri Na-va sang Đông Dương tháng 5 năm 1953 và đúng một năm sau ông ta bị triệu hồi, sau thất bại liên tiếp mà đỉnh cao là thất bại ở Điện Biên Phủ[1].

Trong năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp, tài thao lược của Đảng ta và tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta đã dồn viên tổng chỉ huy thứ 7 của quân viễn chinh Pháp đi từ bất ngờ và thất bại này đến bất ngờ và thất bại khác.

1) Trước hết Na-va bất ngờ và bị động về hướng tiến công chiến lược của ta trong Đông Xuân 1953 - 1954.

Trong kế hoạch chiến lược của mình, tướng Na-va phán đoán hướng thứ nhất có thể bị quân ta uy hiếp trong mùa khô là đồng bằng Bắc Bộ. Ông ta cho rằng đây là nguy cơ lớn nhất cần phải đề phòng. Do đó, hoạt

1. Tướng Na-va rời Sài Gòn ngày 15 tháng 6 năm 1954.

động đầu tiên của Na-va khi bắt đầu triển khai kế hoạch chiến lược là xây dựng và tập trung phần lớn lực lượng hòng giữ vững vùng đồng bằng Bắc Bộ, "vị trí then chốt của Đông Nam Á". Bước vào thu đông, Pháp đã tập trung ở đây 47% binh lực toàn Đông Dương (130/284 tiểu đoàn), trong đó có 52% tổng số lực lượng cơ động chiến lược (44/84 tiểu đoàn).

Về tác chiến, cùng với việc mở những cuộc càn quét liên tiếp và quy mô lớn hòng bình định đồng bằng, Na-va "ra tay trước" bằng cuộc hành binh ra vùng tây nam Ninh Bình nhằm phá kế hoạch tiến công của các đại đoàn 304 và 320 và gỡ thế bí cho miền nam châu thổ sông Hồng. Na-va không ngờ rằng, ngay từ hội nghị lần thứ tư (1-1953), Ban Chấp hành Trung ương đã xác định "phương hướng chiến lược là tạm thời tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu" để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực của chúng. Cục diện chiến trường bước vào mùa khô cho thấy đồng bằng là chỗ mạnh của địch, là chiến trường mà lực lượng so sánh chưa cho phép ta thực hiện được ưu thế binh lực, hỏa lực trong một chiến dịch tiến công quy mô lớn[1], trong khi đó, chiến trường rừng núi là nơi địch bố trí phân tán, sơ hở, là nơi ta có điều kiện thuận lợi hơn để giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược.

Phân tích lực lượng so sánh và đặc điểm chiến trường, tháng 9-1953, Bộ Chính trị đã chọn chiến trường rừng núi làm hướng tiến công chiến lược chủ yếu, trong đó Tây Bắc là hướng chính. Và ngay từ đòn tiến công chiến lược đầu tiên lên hướng Tây Bắc, ta đã buộc Na-va

1. Tỷ lệ lực lượng cơ động trên chiến trường Bắc Bộ là địch 1, ta 1,2 (44/54 tiểu đoàn).

phải bị động đối phó: đưa quân lên Điện Biên Phủ và rút quân khỏi Lai Châu. Đó là bất ngờ và bị động đầu tiên của Na-va, mở đường cho hàng loạt bất ngờ và bị động khác trong suốt cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân của ta.

2) Bất ngờ và bị động thứ hai của Na-va là khối cơ động chiến lược của Pháp sớm bị quân ta vô hiệu hóa ngay trong quá trình nó đang được xây dựng và tập trung.

Trong kế hoạch chiến lược của mình, tướng Na-va rất coi trọng việc phát triển lực lượng, xây dựng "quả đấm chiến lược" làm công cụ chủ yếu để giành quyền chủ động chiến lược. Ngay từ đầu, ông ta đã dồn tâm lực vào việc phát triển quân ngụy, tập trung quân Âu-Phi, rút bỏ những vị trí có thể rút (kể cả Nà Sản - tập đoàn cứ điểm đã một thời nổi tiếng là "con đê ngăn sóng" của tướng Xa-lăng), nhằm ki cóp từng tiểu đoàn cho khối cơ động chiến lược. Khách quan mà xét, trong suốt 9 năm, đấy là thời kỳ địch phát triển lực lượng với quy mô lớn nhất, bằng những biện pháp kiên quyết nhất. Nhờ vậy, Na-va đã nhanh chóng nâng khối cơ động chiến lược lên 29,6% tổng số binh lực (84/284 tiểu đoàn) vượt xa thời kỳ Đờ-lát - Xa-lăng.

Bộ chỉ huy Pháp không ngờ rằng, bằng một loạt chiến dịch tiến công mở ra đồng thời và liên tiếp trên nhiều hướng chiến trường rừng núi (Tây Bắc, Trung Lào, Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên, Thượng Lào) cùng với việc đẩy rất mạnh chiến tranh du kích trong vùng sau lưng địch, không những quân ta đã tiêu diệt một bộ

phận quan trọng lực lượng địch (khoảng 2 vạn tên), đã giải phóng nhiều vùng đất đai có ý nghĩa chiến lược, mà một kết quả quan trọng khác là đã làm cho gần 70% lực lượng cơ động chiến lược của Na-va (58/84 tiểu đoàn) bị chia năm sẻ bảy, phân tán và giam chân trên nhiều hướng, từ Điện Biên, Luông Pha-băng, Mường Sài đến Xê-nô, Pắc Xế, Xa-ra-van, từ Plây-cu, An Khê đến đồng bằng Khu 5 và đồng bằng Bắc Bộ. Riêng ở châu thổ sông Hồng, số 18 tiểu đoàn cơ động chiến lược còn lại luôn bị chiến tranh du kích giằng xé tới mức không còn phát huy được chức năng cơ động nữa.

"Quả đấm chiến lược", nguồn hy vọng chủ yếu của Na-va để giành lại quyền chủ động chiến lược, đã bị quân ta vô hiệu hóa ngay từ cuối năm 1953 - đầu năm 1954. Chủ trương tập trung quân của Na-va bị phá sản, kéo theo sự phá sản của hàng loạt ý đồ chiến lược khác của địch: bình định và làm chủ đồng bằng Bắc Bộ; tiến công đánh chiếm vùng tự do của ta ở Khu 5 và Khu 9; lập "tuyến cấm" Thà Khẹt - Đèo Ngang hòng ngăn chặn quân ta ở bắc vĩ tuyến 18; yểm trợ cho Lai Châu và bảo vệ Thượng Lào,v.v... và bao trùm lên tất cả là ý đồ tiến tới giành lại quyền chủ động chiến lược.

Quân ta đã thực hiện xuất sắc chủ trương chiến lược và phương hướng chỉ đạo của Trung ương là kiên quyết buộc địch phải phân tán lực lượng. "Quả đấm chiến lược" của Na-va đã bị quân ta tách ra thành những ngón tay cứng đờ, cô lập, không liên kết hỗ trợ được cho nhau vì bị trói chặt từ chiến trường Bắc Đông Dương đến chiến trường Nam Đông

Dương, từ rừng núi đến đồng bằng. Bó đũa đã bị phá tung ra từng chiếc riêng lẻ, đó chính là thời cơ quân ta tập trung dứt điểm trên chiến trường trọng điểm Điện Biên Phủ.

3) Bất ngờ chiến lược thứ ba của Na-va là cái huyền thoại về tính bất khả xâm phạm của "Véc-đoong châu Á" đã bị quân ta đập tan.

Na-va rất nhớ lời dặn của tướng Gioăng: "Hãy coi chừng những *pill-box*" (tức là những cứ điểm như bát úp trong một tập đoàn cứ điểm). Chẳng thế mà khi nhận bàn giao, nghe Xa-lăng khoe khoang về tập đoàn cứ điểm Nà Sản, Na-va đã mỉa mai rằng đó là "di sản bị nhiễm độc". Và một trong những hành động đầu tiên của Na-va là rút quân khỏi Nà Sản (8-1953). Nhưng rồi Na-va không có con đường nào khác là lại cho quân chui vào hàng loạt *pill-box* ở Điện Biên Phủ, Thượng, Trung Lào và đường 19. Bị động lần theo vết xe của Xa-lăng cũng chính là bị động về biện pháp phòng ngự chiến lược ông ta đã viện ra nhiều lý do để biện bạch cho chủ trương xây dựng tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ, chọn nơi đây làm điểm quyết chiến chiến lược, chấp nhận giao chiến với chủ lực ta. Điện Biên Phủ, cụ thể là cánh đồng Mường Thanh rộng 130 km^2, chưa hề được ghi trên kế hoạch chiến lược mà Pa-ri thông qua hồi tháng 7 năm 1953. Nhưng rồi cuối năm 1953 đến đầu năm 1954, cái lòng chảo này đã trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va và quá trình "con nhím" Điện Biên Phủ càng xù lông nhọn sắc bao nhiêu thì Na-va, Cô-nhi, Đờ

Cát (cũng như rất nhiều chính khách và tướng lĩnh Pháp - Mỹ đến tham quan) càng tin bấy nhiêu vào tính vững chắc tới mức không thể công phá nổi của tập đoàn cứ điểm "bất khả xâm phạm". Lòng tin đó là có căn cứ. Khách quan mà xét, Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh, mạnh hơn nhiều so với Nà Sản. Điều sai lầm của địch là ở chỗ nhấn mạnh một chiều mặt mạnh của tập đoàn cứ điểm mà không thấy hết mặt yếu của nó và nhất là không đánh giá đúng khả năng của đối phương.

Quân Pháp đông (hơn 1,6 vạn tên), trang bị nhiều và mạnh, công sự vững chắc, tổ chức phòng ngự hiện đại. Đó là thực tế. Trong khi đó thì (theo cách nhìn của Na-va, Cô-nhi ...), quân ta trang bị yếu, mới đủ trình độ tiêu diệt một tiểu đoàn trong công sự vững chắc bằng một trận đánh thường kết thúc trước khi trời sáng, hậu phương quá xa, tiếp tế khó khăn. Quân ta đã không dám đụng đến tập đoàn cứ điểm ở thị xã Hòa Bình, ở Cánh Đồng Chum, đánh vài mục tiêu ngoại vi ở Nà Sản không thành, phải ngừng tiến công... Vậy làm gì dám đụng đến Điện Biên Phủ, một "siêu Nà Sản".

Thấy quân ta dồn lên Tây Bắc, lên Điện Biên, bộ chỉ huy Pháp khấp khởi mừng thầm vì nhiều lẽ: đồng bằng không còn bị uy hiếp; Điện Biên Phủ đã trở thành "cái nhọt hút máu độc" đỡ gánh nặng cho đồng bằng. Nhưng rồi trong đợt một của chiến cuộc Đông Xuân, thấy quân ta cứ đánh mãi trên các hướng khác, Na-va, Cô-nhi cho rằng ta do dự trước tập đoàn cứ điểm, rằng hoạt động của ta trong các tháng 12-1953 và tháng 1-1954 đã lên đến đỉnh

cao, ta đã hụt hơi. Kết luận đó càng được khẳng định khi thấy đại đoàn 308 "bỏ cuộc" ở Điện Biên Phủ, kéo sang Thượng Lào. Họ lo ta không tiến công, họ mong, thậm chí họ thách thức ta tiến công. Cả hai tình huống đều chung một niềm hy vọng: 1) Nếu ta liều lĩnh đụng vào Điện Biên Phủ thì tập đoàn cứ điểm sẽ là cái "máy nghiền", nghiền nát chủ lực của ta, (casser le Việt) trong một trận tác chiến chính quy, mặt đối mặt, một trận đánh mà phía Pháp mong đợi. 2) Nếu ta do dự, cuối cùng lui quân không đánh thì khi đó, mùa khô đã qua, mùa mưa đã tới, ta không còn điều kiện đánh lớn, Na-va sẽ ung dung chuyển sang bước hai của kế hoạch: tiến công chiến lược ở miền Bắc.

Nhưng rồi 308 lại trở lại Điện Biên Phủ sau khi đập tan phòng tuyến sông Nậm Hu. Lúc này tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã hoàn toàn bị bao vây và cô lập, mọi kế hoạch tháo chạy khỏi thung lũng Mường Thanh chỉ còn là ảo tưởng. Công tác chuẩn bị chiến dịch của ta (sau khi thay đổi phương châm tác chiến) đã hoàn thành và ngày 13 tháng 3 quân ta nổ súng tiến công. Na-va lại đứng trước những bất ngờ mới, lại rút ra những kết luận quá muộn và lại bị đặt trước những ẩn số mà mãi đến sau này ông ta cũng chưa tìm được lời giải thỏa đáng. Thực tế chiến trường lúc này diễn ra vượt xa tầm suy nghĩ và dự kiến của ông ta:

1) Sự ra đi và trở lại của đại đoàn 308 chứng tỏ việc ném quân xuống Điện Biên Phủ chẳng có tác dụng ngăn

chặn bước chân quân ta sang phối hợp chiến đấu với bạn ở Thượng Lào.

2) Thời gian tiến công lui lại (26-1 - 13-3) chẳng qua chỉ là tạo thêm yếu tố chắc thắng. Trước sau ta vẫn kiên trì quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, chứ không phải "bỏ cuộc".

3) Cuộc họp ngày 29 tháng 12 của các chuyên gia cao cấp pháo binh Pháp đã đánh giá quá thấp khả năng xuất hiện và hiệu lực của pháo binh ta, đánh giá quá cao khả năng phản pháo của pháo binh Pháp.

4) Quyết tâm bảo đảm đường giao thông chiến lược đã vô hiệu hóa sức mạnh không quân địch đánh phá ác liệt các trục đường từ hậu phương ra mặt trận; sức mạnh của nhân dân hậu phương dốc sức chi viện tiền tuyến đã vượt xa mọi phán đoán của phòng nhì Pháp.

5) Các chiến trường phối hợp ngày càng hoạt động có hiệu quả, làm cho lực lượng cơ động còm cõi của Na-va tiếp tục bị căng mỏng và bị tiêu hao, không còn sức tăng viện cho chiến trường Điện Biên Phủ. Trong vùng tạm bị chiếm, các phương tiện giao thông trên các trục giao thông chiến lược (cả đường sông, đường sắt, đường bộ và đường không) đều trở thành những mục tiêu tiến công quan trọng của ta nhằm góp phần bóp chết cái dạ dày Điện Biên Phủ.

6) Cầu hàng không nối liền Điện Biên Phủ với đồng bằng, vốn được Na-va coi là ưu thế tuyệt đối so với ta để tăng viện, tiếp tế, đã trở thành chỗ yếu chí mạng của địch, vì cùng một lúc bị đánh cả ở hai đầu, cả ở các căn

cứ đồng bằng, cả trên sân bay Mường Thanh và trên bầu trời Điện Biên.

7) Trên chiến trường trọng điểm Điện Biên Phủ phương châm *đánh chắc tiến chắc* cho phép vận dụng các cách đánh phù hợp với trình độ bộ đội. Đó là cách đánh chắc thắng từng trận, diệt địch trong từng cứ điểm; là hệ thống chiến hào dày đặc ngày càng quấn chặt lấy từng vị trí địch; là các hình thức tác chiến mưu trí, sáng tạo (đánh lấn, bắn tỉa, đoạt dù tiếp tế...). Bằng cách đánh đó, quân ta đã vận dụng mọi biện pháp tích cực nhất nhằm hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch, làm cho địch quân đông mà hóa ít, trang bị mạnh mà hóa yếu, dồn hàng vạn tên địch còn sống sót vào tình thế không còn chịu nổi cảnh sống trong địa ngục, sống bên cạnh cái chết, muốn tháo chạy cũng không được và cuối cùng phải đầu hàng.

Ngày 7 tháng 5 năm trước, Na-va nhận chức tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Sau một năm đấu trí, đấu lực, với sự sụp đổ của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đúng vào ngày 7 tháng 5 năm sau, phần thua đã thuộc về phía Pháp và kế hoạch chiến lược đầy tham vọng mang tên Na-va cũng hoàn toàn bị phá sản.

*

* *

Thắng lợi của ta, thất bại của địch là kết quả khác nhau của phương pháp đánh giá tình hình và xác định chủ trương tác chiến, cả chiến lược và chiến dịch.

Bước vào triển khai ý đồ chiến lược mới, địch luôn luôn đánh giá thấp đối phương, cả về khả năng tác chiến của bộ đội và khả năng giải quyết vấn đề hậu cần tiếp tế của hậu phương. Ngược lại họ đánh giá quá cao tác dụng của "quả đấm chiến lược", nhấn mạnh tính bất khả xâm phạm của tập đoàn cứ điểm.

Trong khi đó, ta đánh giá kế hoạch Na-va là một kế hoạch quy mô lớn, thâm độc và đầy tham vọng nhưng lại chứa đựng nhiều mâu thuẫn và yếu tố thất bại. Ta sớm khẳng định chỉ có động viên toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp đập tan kế hoạch đó thì mới làm thất bại âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Pháp - Mỹ. Quân và dân ta có đầy đủ khả năng khoét sâu những mâu thuẫn và thúc đẩy sự phát triển nội tại của những yếu tố thất bại của kế hoạch Na-va để làm thất bại ý đồ chiến lược của địch. Ta đánh giá đúng chỗ mạnh của khối cơ động chiến lược to lớn của địch và vai trò của nó quyết định sự thành bại của kế hoạch Na-va. Ta khẳng định chỉ có phân tán lực lượng địch, vô hiệu hóa quả đấm chiến lược của chúng thì mới làm cho kế hoạch chiến lược mất yếu tố vật chất để biến thành hiện thực. Các chiến dịch tiến công mở ra trên nhiều hướng chiến lược quan trọng mà địch sơ hở, chính là nhằm đáp ứng yêu cầu chiến lược đó, yêu cầu phân tán binh lực địch để vô hiệu hóa "quả đấm chiến lược" của chúng.

Chúng ta đánh giá tập đoàn cứ điểm là một bước phát triển tất yếu của địch trong quá trình lún sâu vào phòng ngự bị động về chiến lược. Yêu cầu khách quan

của cuộc kháng chiến là phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm để mở đường phát triển của quân đội, thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên. Nhưng để làm việc đó, phải có cách đánh phù hợp với trình độ tác chiến và tổ chức chỉ huy thực tế của ta lúc đó, nhưng đồng thời cũng phải tạo nên một bước phát triển nhảy vọt về cách đánh mới bảo đảm chắc thắng trong một trận công kiên mang tính chất trận địa quy mô lớn, tiêu diệt hàng chục tiểu đoàn địch. Phương châm *đánh chắc tiến chắc* chính là nhằm đáp ứng những yêu cầu đó. Nắm vững phương châm tác chiến chiến dịch, quân ta đã sáng tạo những cách đánh phong phú, linh hoạt, mà ngay từ đầu khi mới bước vào chiến dịch, ta cũng chưa hình dung được đầy đủ.

Trong một năm đấu trí đấu lực giữa ta và địch, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta đã tạo cho quân và dân ta những khả năng mới vô cùng to lớn làm đảo lộn mọi ý đồ chiến lược của địch và làm cho kế hoạch Na-va bị hoàn toàn phá sản.

VII. VÌ SAO TA THẮNG ĐỊCH THUA

23
NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM CUỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

I. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG VÀ QUYẾT TÂM CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ 1953

Quá trình lãnh đạo công tác chuẩn bị bước vào mùa khô 1953 cũng là quá trình Đảng tạo mọi điều kiện chính trị, tinh thần và vật chất, kỹ thuật để bộ đội phát huy sức mạnh, hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa II), cuộc phát động quần chúng đấu tranh thực hiện chính sách ruộng đất đã tạo một khí thế cách mạng chưa từng thấy trong đông đảo nhân dân lao động ở nhiều vùng nông thôn. Suốt mùa hè, việc tiêu diệt và bức hàng hàng ngàn tên phỉ, cùng với việc mở rộng tuyến đường vận tải tiếp tế lên hướng Tây Bắc, đã tạo điều kiện cho việc triển

23
NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM CUỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

I. XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG VÀ QUYẾT TÂM CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ 1953

Quá trình lãnh đạo công tác chuẩn bị bước vào mùa khô 1953 cũng là quá trình Đảng tạo mọi điều kiện chính trị, tinh thần và vật chất, kỹ thuật để bộ đội phát huy sức mạnh, hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa II), cuộc phát động quần chúng đấu tranh thực hiện chính sách ruộng đất đã tạo một khí thế cách mạng chưa từng thấy trong đông đảo nhân dân lao động ở nhiều vùng nông thôn. Suốt mùa hè, việc tiêu diệt và bức hàng hàng ngàn tên phỉ, cùng với việc mở rộng tuyến đường vận tải tiếp tế lên hướng Tây Bắc, đã tạo điều kiện cho việc triển

khai các kho trạm của hậu cần chuẩn bị cho mùa khô. Đặc biệt là công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, đã tăng cường một bước quan trọng sức mạnh chiến đấu của bộ đội chủ lực.

Chuẩn bị bước vào mùa chiến dịch, tâm trạng chung của quân ta là mong muốn được về giải phóng quê hương miền xuôi. Được huấn luyện đánh công sự vững chắc, anh em cho rằng sẽ được hành quân về tiến công các cứ điểm boong-ke của địch ở đồng bằng. Nhưng không, *cấp chiến lược vẫn hướng lên chiến trường rừng núi,* mục tiêu trước mắt là Nà Sản.

Nà Sản là một tập đoàn cứ điểm. Hình thức phòng ngự này của địch xuất hiện lần đầu ở Hòa Bình, cuối năm 1951. Lượng sức còn có hạn, hồi đó bộ đội chủ lực ta không trực tiếp tiến công vào tập đoàn cứ điểm Hòa Bình, mà tập trung lực lượng đánh vào hướng sông Đà - đường số 6. Bị hoàn toàn cô lập, địch buộc phải rút khỏi tập đoàn cứ điểm trong thị xã Hòa Bình. Năm sau (1952), trong đợt cuối của chiến dịch Tây Bắc, ta thử sức, đánh vài cứ điểm vành ngoài tập đoàn cứ điểm Nà Sản. Không thành công, ta lui quân. Chiến dịch sau đó, khi ta sắp nổ súng tiến công tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa, địch bỏ chạy, ta chuyển sang truy kích, tiêu diệt toàn bộ ba tiểu đoàn địch. Như vậy là, đến giữa năm 1953, quân ta vẫn chưa có điều kiện cọ xát với tập đoàn cứ điểm, biện pháp phòng ngự chiến lược cao nhất của quân Pháp.

Vào mùa khô 1953, ta chuẩn bị trở lại Nà Sản, với quyết tâm dứt điểm. Quyết tâm đó thể hiện trong nội dung huấn luyện đánh công sự vững chắc suốt mùa hè

của bộ đội chủ lực. Nhưng rồi, tháng 8, cả 6 tiểu đoàn địch ở Nà Sản được máy bay "bốc" về đồng bằng. Một lần nữa, quân ta lại mất cơ hội đánh địch chốt giữ trong tập đoàn cứ điểm.

Hướng tiến công chiến lược mùa khô 1953 là ở đâu? Bài toán chiến lược được đặt ra với Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9 năm 1953.

Có thể nói, thắng lợi của quân và dân ta trong chiến cuộc Đông - Xuân 1953 –1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ bắt nguồn trước hết từ việc hạ quyết tâm chiến lược và đặt kế hoạch tác chiến chiến lược chính xác. Đó là quyết tâm chọn chiến trường *địch yếu và tương đối sơ hở* để mở chiến dịch tiến công trên nhiều hướng. Khi đã tạo được thế chiến lược có lợi, lại hạ quyết tâm *chọn nơi địch mạnh nhất*, đánh đòn quyết định cuối cùng, thực hiện trọn vẹn chủ trương "đập tan kế hoạch Na-va".

a. Quyết tâm chiến lược tháng 9.

Theo báo cáo của Tổng quân ủy (đề ngày 20-8-1953, trình Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9-1953), trên chiến trường chính Bắc Bộ, địch tập trung ở đồng bằng sông Hồng 112 tiểu đoàn, trong đó có 44 tiểu đoàn cơ động chiến lược, tức là tăng gấp 2,44 lần so với hồi đầu năm (44/18). Âm mưu của địch là tăng cường binh lực, tập trung lực lượng cơ động, tăng cường càn quét bình định hòng giữ vững "vùng đồng bằng có ích" tiến tới giành lại quyền chủ động chiến lược. Đó là cơ sở thực tế dẫn tới kết luận: đồng bằng Bắc Bộ vẫn là chiến trường địch mạnh.

Từ cuối tháng 1-1953 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 4 đã đề ra phương hướng chiến lược *tạm thời "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu"*, nhằm phân tán lực lượng địch, tiêu diệt sinh lực của chúng, mở rộng vùng tự do, tạo điều kiện tiến tới giải phóng Bắc Bộ.

Theo phương hướng đó, chủ trương tác chiến chiến lược trong Đông - Xuân 1953 - 1954 được Bộ Chính trị xác định trong Hội nghị tháng 9 bao gồm mấy nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mở một loạt chiến dịch tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu và sơ hở nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực của chúng, giải phóng đất đai, đồng thời *buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó.*

2. Nếu địch đánh sâu vào vùng tự do của ta thì tranh thủ thời cơ tiêu diệt địch trong vận động, bảo vệ vùng tự do.

3. Đẩy mạnh chiến tranh du kích trên các chiến trường sau lưng địch, kìm chân địch, hạn chế khả năng của chúng tăng viện cho mặt trận phía trước.

Trong đợt 1 chiến cuộc Đông - Xuân, bằng những đòn tiến công gối đầu và kế tiếp, bộ đội đã hoàn thành xuất sắc chủ trương chiến lược trên đây, đặc biệt là về mặt phá tan khối cơ động chiến lược của địch.

- Trên hướng Tây Bắc, ta giải phóng Lai Châu, địch phải đưa lực lượng lên Điện Biên Phủ nhằm bảo vệ Thượng Lào.

- Trên hướng Trung Lào, ta giải phóng Thà Khẹt, địch phải đưa lực lượng lên lập căn cứ Xê-nô, nhằm ngăn cản ta phát triển xuống Hạ Lào.

- Trên hướng Hạ Lào, ta giải phóng A-tô-pơ và cao nguyên Bô-lô-ven, địch phải điều lực lượng lên tăng cường cho Pắc-xế và Xa-ra-van.

- Trên hướng Tây Nguyên, ta giải phóng Kon Tum và vùng Bắc Tây Nguyên, buộc địch phải dừng cuộc hành binh Át-lăng (tiến công vùng tự do Khu 5), đưa lực lượng lên tăng cường cho Plây-cu và An Khê nhằm ngăn chặn ta phát triển xuống Nam Tây Nguyên.

- Trên hướng Thượng Lào, ta giải phóng Phong Xa Lỳ và lưu vực sông Nậm Hu, phá tan "hành lang chiến lược" Mường Khoa – Luông Pha-băng, buộc địch phải điều lực lượng lên Mường Sài và Luông Pha-băng, hòng "bảo vệ" cố đô Lào.

Như vậy, trước khi bắt đầu chiến dịch Điện Biên Phủ, thực hiện quyết tâm chiến lược tháng 9, không những quân ta tiêu diệt hàng vạn tên địch, giải phóng nhiều địa bàn chiến lược quan trọng, mà còn buộc địch phải phân tán chừng 50 tiểu đoàn (có 25 tiểu đoàn cơ động chiến lược) lên chiến trường rừng núi, giảm hẳn sức ép đối với đồng bằng Bắc Bộ. Chừng 20 tiểu đoàn cơ động chiến lược còn lại ở vùng châu thổ sông Hồng *không còn là lực lượng cơ động nữa*, vì phải rải ra đối phó với chiến tranh du kích, bảo vệ các đường giao thông quan trọng, nhất là con đường chiến lược Hà Nội - Hải Phòng.

Với kết quả trên đây, quân ta đã tạo được thế chiến lược rất có lợi, *hạn chế đến mức thấp nhất khả năng của địch chi viện cho chiến trường trọng điểm khi ta bắt đầu chiến dịch Điện Biên Phủ.*

b. Quyết tâm chiến lược tháng 12.

Ngày 20-11-1953, Na-va ném quân xuống chiếm đóng Điện Biên Phủ. Chín ngày sau, ông ta lên thị sát chiến trường. Hài lòng về cánh đồng Mường Thanh bao la, "Đất dụng võ" đối với cả xe tăng và đại bác, ngày 3-12, tổng chỉ huy Pháp quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành một căn cứ lục quân - không quân. Mục đích xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là toàn diện: 1) Quân Pháp đủ sức chặn đường đối phương tiến quân sang hướng Tây, do đó mà bảo vệ được Thượng Lào; 2) Tập đoàn cứ điểm sẽ là một "cái nhọt hút máu độc", thu hút càng nhiều chủ lực đối phương lên Tây Bắc thì càng nhẹ gánh cho đồng bằng[1]. 3) Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ là một "cái máy nghiền", nghiền nát các sư đoàn Việt Minh nếu họ dám đụng vào một pháo đài kiên cố - một "Véc-đoong châu Á"; 4) Một khi phần lớn chủ lực đối phương đã bị "phơi áo", thì từ cái trục bàn xoay (pivot) Điện Biên Phủ, quân Pháp sẽ tỏa ra giành lại cả Tây Bắc.

---

1. Đến đầu tháng 12, Na-va vẫn chưa hết hoài nghi về khả năng quân ta sẽ mở tiến công lớn vào đồng bằng Bắc Bộ.

Chủ trương xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là một chủ trương ngoài dự kiến ban đầu, không có trong kế hoạch Na-va.

Đúng vào dịp này, ngày 6-12-1953, Tổng quân ủy trình Bộ Chính trị "phương án tác chiến mùa Xuân 1954". Hai khả năng được Tổng quân ủy dự kiến: "Khi chủ lực ta uy hiếp thật mạnh thì ở Điện Biên Phủ địch có thể tăng cường đến khoảng trên dưới 10 tiểu đoàn, biến thành một tập đoàn cứ điểm lớn, nhưng cũng có thể rút... Tuy hiện nay chưa khẳng định nhưng muốn bảo đảm thực hiện được quyết tâm của Trung ương... thì phải nhằm trường hợp (địch) tăng cường thành tập đoàn cứ điểm mà chuẩn bị..."[1]. Yêu cầu khách quan của cuộc kháng chiến là phải làm sao tiêu diệt được tập đoàn cứ điểm, làm thất bại hình thức phòng ngự mới này của địch. Chỉ có đánh bại biện pháp chiến lược cuối cùng của Pháp, mới mở đường cho lực lượng vũ trang ta phát triển, mới tạo nên chuyển biến có lợi cho cục diện chiến tranh. Với binh lực địch có thể huy động, với cách bố trí phòng ngự chúng có thể triển khai, Điện Biên Phủ có thể trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh hơn nhiều so với Hòa Bình và Nà Sản. Nhưng địch cũng bộc lộ nhiều điểm yếu, mà chỗ yếu nổi lên là Điện Biên Phủ ở xa các căn cứ của địch ở đồng bằng. Mọi nhu cầu tăng viện, tiếp tế đều phải dựa vào đường hàng không. Về phía ta, bộ đội chủ lực tuy chưa có kinh nghiệm đánh tập đoàn cứ điểm, nhưng với kết quả huấn luyện đánh công sự vững chắc vừa qua, với những

1. Văn kiện quân sự của Đảng. Nxb. Quân đội nhân dân H.1977. tr. 474.

hiểu biết thêm về cách bố trí của địch qua việc nghiên cứu tại chỗ tập đoàn cứ điểm Nà Sản, với sự có mặt của lựu pháo và cao pháo, ta hoàn toàn có khả năng tiêu diệt quân địch ở Điện Biên Phủ. Ta cũng dự kiến nhiều khó khăn phải khắc phục, trước hết là phải nghiên cứu cách đánh cho phù hợp với trình độ bộ đội, phải động viên hậu phương ra sức chi viện tiền tuyến, bảo đảm hậu cần tiếp tế cho 4-5 vạn chiến sĩ và dân công chiến đấu và phục vụ chiến đấu dài ngày trên một chiến trường rất xa hậu phương, trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Trên cơ sở phân tích như trên, cấp chiến lược của ta nhận thấy quân ta *cần phải và có thể* tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Phương án tác chiến mùa Xuân của Tổng quân ủy đã được Bộ Chính trị phê duyệt. Như vậy là, với phương châm chỉ đạo tác chiến chiến lược *tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt,* Trung ương và Bộ Chính trị đã từ "tạm thời tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu", chuyển sang *chọn nơi mạnh nhất của địch* lúc này là tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ làm mục tiêu tiến công có ý nghĩa chiến lược.

II. TẠO MỌI YẾU TỐ THẮNG LỢI CHO CÁC ĐỢT TẤN CÔNG MÙA XUÂN 1954

Từ chỗ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ không được dự kiến trong ý đồ chiến lược ban đầu, dần dần nó trở thành điểm trung tâm của kế hoạch Na-va. Bộ chỉ huy Pháp huy động trên 16.000 quân với một khối lượng

phương tiện chiến tranh cao nhất có thể tập trung được, xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm gồm 8 trung tâm đề kháng, với 49 cứ điểm. Mỗi trung tâm đề kháng (cụm cứ điểm) do một tiểu đoàn Âu - Phi tinh nhuệ chiếm giữ. Trên cánh đồng Mường Thanh bao la, địch có điều kiện thuận lợi để phát huy uy lực máy bay, xe tăng, pháo binh và lực lượng cơ động ứng cứu để đối phó khi bị tiến công, hoặc phản kích chiếm lại khi một vị trí bị mất.

Sau khi hạ quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, vấn đề hàng đầu đặt ra với Đảng ủy và Bộ chỉ huy mặt trận là *Đánh địch như thế nào.*

Trung tuần tháng 1, ta chủ trương dùng *cách đánh nhanh giải quyết nhanh*. Cụ thể là tập trung binh lực, chia làm nhiều hướng, đánh thẳng vào nơi sơ hở nhất và quan trọng nhất trong lòng địch, chia cắt tập đoàn cứ điểm ra từng bộ phận để tiêu diệt; tiếp đó giải quyết những bộ phận còn lại, hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm. Sau hơn mười ngày nắm lại tình hình địch và cân nhắc khả năng của ta, lượng sức bộ đội đánh nhanh giải quyết nhanh không mười phần thắng lợi, Đảng ủy mặt trận quyết định thay đổi cách đánh cho phù hợp với trình độ bộ đội. Đó là cách *đánh chắc, tiến chắc,* tập trung ưu thế binh lực, hỏa lực vào *từng mục tiêu*, bảo đảm chắc thắng cho *từng trận đánh*, vừa đánh vừa học, đánh trận trước, đợt trước xong, củng cố lực lượng, chấn chỉnh tổ chức, rút kinh nghiệm, chuẩn bị cho trận sau, đợt sau.

Nhờ cách đánh chắc, tiến chắc, trong đợt một, ta dứt điểm ba trung tâm đề kháng vành ngoài, mở cửa phía Bắc tập đoàn cứ điểm, tạo điều kiện tiến xuống cánh đồng Mường Thanh. Sang đợt 2, do một vài đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt một số cứ điểm trên các cao điểm phía đông, ta chuyển hướng hoạt động, nhằm hạn chế hơn nữa chỗ mạnh của địch, khoét sâu hơn nữa chỗ yếu của chúng, tạo nên thế mới, lực mới để bước vào đợt tác chiến thứ 3.

Bằng những hoạt động sáng tạo, phong phú, hiểm hóc (phát triển hệ thống chiến hào vào sát vị trí địch; tổ chức các đội thiện xạ, cùng lối bắn tỉa hạ từng tên địch thò ra ngoài công sự; thu hẹp không phận, chia cắt rồi đánh chiếm hẳn sân bay, đoạt dù tiếp tế của địch, từng bước vô hiệu hóa, tiến tới triệt đường hàng không của địch...), ta đã dồn địch vào tình thế mà sau này tướng Pháp Yvơ Gra gọi là "không thể chịu đựng nổi", vì thiếu lương thực, đạn dược, thuốc chữa bệnh và nhất là nước uống (dù có đơn vị ở sát bờ sông Nậm Rốm). Đêm cuối tháng 4, mặc dù quân số còn chừng một vạn, nhưng chỉ độ 3.000 tên địch còn sức chiến đấu. Tập đoàn cứ điểm bị mạng chiến hào "thiên la địa võng" của ta bao vây áp sát tới mức "trong không ra được, ngoài không vào được", mọi kế hoạch tháo chạy (từ Xê-nô-phôn lúc đầu, đến *Chim ưng* rồi *Chim biển* những ngày cuối chiến dịch) đều bị phá sản. Đó chính là thời cơ thuận lợi để quân ta bắt đầu đợt tiến công thứ 3.

Về phía ta, sau đợt 2 là cả một cuộc đấu tranh gay gắt từng ngày, từng giờ, trong suốt tháng 4. Đó là cuộc đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, ngại

thương vong mệt mỏi do chiến đấu kéo dài; đấu tranh để bình thường hóa sinh hoạt ở chiến hào trong điều kiện mùa mưa đã đến, nhằm bảo đảm sức khỏe và quân số chiến đấu liên tục; tự túc một phần lương thực, thực phẩm trong những ngày hậu cần tiếp tế khó khăn; đoạt dù tiếp tế của địch để giải quyết "nạn đói" đạn pháo nghiêm trọng; kiên quyết đẩy lùi các cuộc phản kích của địch, giữ từng đoạn chiến hào trên các điểm cao phía Đông; kiên trì khoét từng tấc đất vào sâu trong lòng điểm cao A1 để đặt một khối bộc phá lớn, tạo điều kiện "nhổ cái đinh của tập đoàn cứ điểm"...

Chính trong những ngày "lửa thử vàng, gian nan thử sức" đó, Nghị quyết Bộ Chính trị (19-4-1954) và sự tiếp sức kịp thời của nhân dân hậu phương đã tạo thêm điều kiện thuận lợi có ý nghĩa quyết định cả về tinh thần và vật chất để quân ta hoàn thành mọi công tác chuẩn bị bước vào đợt 3, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch còn lại, cả tướng Đờ Cát và bộ chỉ huy địch, hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Thực tế đã chứng minh, nghệ thuật điều hành chiến tranh của Đảng phát triển một cách sáng tạo trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, là một trong những yếu tố quyết định nhất để quân và dân ta giành thắng lợi trong chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, làm thất bại hoàn toàn kế hoạch Na-va.

24
NA-VA KHÔNG GIÚP ĐƯỢC PA-RI TÌM RA LỐI THOÁT

Hầu như đã thành một cái "mốt", vị tướng phương Tây nào "nửa đường đứt gánh" ở chiến trường Đông Dương về nước cũng viết hồi ký. Các vị tổng chỉ huy quân viễn chinh trong hai cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp và Mỹ đã để lại mấy cuốn sách tự thuật đáng để cho thiên hạ tham khảo. Đó là *Một người lính tường trình* của Oét-xmô-rơ-lan , *Việt Minh - đối thủ của tôi* và *Đông Dương đỏ* của Ra-un Xa-lăng, *Đông Dương hấp hối* và *Thời điểm của những sự thật* của Hăng-ri Na-va... Cuốn sách thứ hai của Na-va được viết năm 1979, đúng một phần tư thế kỷ sau "sự kiện Điện Biên Phủ". Ông ta cho rằng đến lúc đó mới nói được hết, được đúng những điều mà hồi viết *Đông Dương hấp hối* ông ta chưa có điều kiện nói.

BỨC TRANH TOÀN CẢNH:

Một điểm quan trọng được tướng Na-va phơi bày trong cuốn sách thứ hai này là: phía Pháp *luôn luôn*

đánh giá thấp đối phương, cả về chính trị, quân sự và mọi mặt: uy tín ảnh hưởng của Việt Minh đối với dân chúng, tinh thần, tính năng động, những khả năng kinh tế, nguồn nhân lực, trình độ quân sự của các cấp chỉ huy... Trên thực tế, "tất cả đều luôn luôn cao hơn so với những gì chúng ta nghĩ". Tướng Na-va nhấn mạnh: đặc biệt là chưa bao giờ phía Pháp đánh giá đúng giá trị đích thực của cái *ưu thế quyết định*... ưu thế có được do chế độ của Việt Nam so với chế độ của Pháp, do nghị lực ghê gớm của các nhà lãnh đạo Việt Nam so với sự mềm yếu của các nhà lãnh đạo Pháp. Những điều tướng Na-va nói không sai sự thật.

Có người cho rằng Na-va biện minh cho thất bại của mình. Điều đó không sai, nhưng thật ra thì đâu chỉ riêng Na-va làm việc đó? Nghệ thuật đổ tội cho khách quan và tự đề cao mình thì mấy ai bằng Oét-xmô-rơ-lan và Xa-lăng? Có điều so với hai vị tướng kia thì tình thế cầm quân của Na-va hẩm hiu hơn nhiều[1]. Đáng lẽ ra, trong bối cảnh cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp đã ở vào tình thế "gà mắc tóc", Na-va không nên mong đợi điều gì sáng sủa hơn vào thời điểm Pa-ri xuất tướng lần thứ 7 - mùa hè năm 1953. Xin nêu vài ví dụ:

1. Tướng Na-va hối tiếc rằng lúc này *đối phương* - tức quân và dân Việt Nam mà ông ta quen gọi là Việt Minh- đã ở thế "thượng phong" (position majeure). Đúng vậy, tuy chưa đạt mức xe tăng, máy bay như quân đội Pháp,

1. Đúng dịp Na-va đến Sài Gòn, tờ báo Pháp *Thế Giới* (Le Monde – 21.5.1953) viết: "Tướng Na-va nhận trọng trách vào lúc mà lần đầu tiên các giới quân sự Pa-ri không tin rằng Pháp có thể giành được một thắng lợi quyết định với Việt Minh".

nhưng đối với người chiến sĩ Việt Nam, đã qua rồi cái thời 1945-1948, thời gậy tầm vông, mác xung kích.

2. Tướng Na-va phê phán sự chỉ đạo chiến tranh của *Chính phủ Pháp* là thiếu quyết tâm và phương pháp, thiếu nhất quán - tiền hậu bất nhất. Ông ta hẳn biết rằng nước Pháp sau gần 8 năm chiến tranh xâm lược Đông Dương đâu còn là nước Pháp hồi cựu tổng thống Đờ-gôn cử tướng Lơ-cle đem quân sang với "nhiệm vụ vinh quang" là hãy đưa lá cờ ba sắc trở lại mọi miền của bông hoa đẹp nhất trong vườn hoa thuộc địa?

3. Tướng Na-va than phiền về việc *đồng minh Hoa Kỳ* nhúng tay quá sâu vào công việc nội bộ của Pháp ở Đông Dương, tới mức ông ta suy nghĩ rằng "trong khi nhận viện trợ ồ ạt của Mỹ, chúng ta (Pháp) đã mất luôn Đông Dương, ngay cả khi viện trợ đó có thể giúp chúng ta thắng trận". Sao ông ta lại không hiểu mục đích chính trị cuối cùng của *kế hoạch Mac-san* nói chung và kế hoạch viện trợ của Mỹ cho Pháp ở Đông Dương nói riêng, đâu chỉ là chuyện hảo tâm "cho không" của những đồng minh hào hiệp?

4. Tướng Na-va chê bai tinh thần chiến đấu của *quân đội đồng minh các quốc gia liên kết* (tức quân đội tay sai ba nước Việt - Miên - Lào) yếu kém. Liệu ông ta có thể đòi hỏi gì hơn khi mà thực tế 8 năm đã khiến báo chí Pháp và phương Tây nói khá nhiều về cái mà họ gọi là "sự bạc nhược của đội quân đánh thuê da vàng rẻ tiền"? v.v...

Xin giở vài ba chương đầu của cuốn *Thời điểm của những sự thật* nói về tình hình toàn cục để hiểu rõ

nguồn gốc tình thế bế tắc của Pháp và tâm trạng thất vọng của Na-va khi nhậm chức.

Trước hết, một nét nổi bật là những đoạn, những trang tác giả *so sánh các mặt* giữa Việt Nam và Pháp sau gần 8 năm chiến tranh. Ông ta phân tích khá đầy đủ và cũng khá chính xác những vấn đề cốt lõi làm nên sức mạnh toàn diện của Việt Nam, nguồn gốc sâu xa và nguyên nhân trực tiếp những yếu kém và thất bại của quân viễn chinh dưới quyền điều hành của 6 vị tổng chỉ huy tiền nhiệm. Không phải ông ta cố tình nhấn mạnh một cách không có cơ sở xu thế chiến lược đang chuyển biến ngày càng có lợi cho ta, bất lợi cho Pháp, để biện bạch cho nguyên nhân bế tắc và thất bại của Pháp. Thực tế bức tranh toàn cảnh (mà Na-va gọi là *Bản tổng kết ảm đạm*) đã khiến ông ta không thể nói khác những gì tai nghe mắt thấy trên thực tế chiến trường.

1. Phân tích *yếu tố chính trị - tinh thần*, tướng Na-va thấy rõ cuộc chiến tranh của phía Việt Nam là cuộc chiến tranh *tổng hợp và tổng lực* được dân chúng tham gia một cách *toàn diện,* còn đối với Pháp là một cuộc chiến tranh *nửa vời,* không được dư luận quan tâm và ủng hộ, một cuộc chiến tranh khoán trắng cho những người lính nhà nghề, những người cầm súng đánh thuê mà không được biết tại sao họ phải chiến đấu. Trong khi quân và dân Việt Nam đồng tâm nhất trí chiến đấu gian khổ vì mục tiêu độc lập và thống nhất thì tâm trạng chung của giới chính khách cũng như tướng lĩnh ở Pa-ri

là mau mau thoát ra khỏi cuộc chiến, nhưng họ lại bất đồng về *phương thức thoát ra như thế nào*. Trong khi Việt Nam là một nhà nước bền vững, trong đó ông Hồ Chí Minh là lãnh tụ chính trị duy nhất, tướng Giáp là tổng chỉ huy duy nhất của lực lượng vũ trang, thì về phía Pháp, từ đầu cuộc chiến tranh đến ngày Na-va được xuất tướng, 19 chính phủ kế tiếp nhau ở Pa-ri đã đưa sang Đông Dương 6 cao ủy và 7 tổng chỉ huy. Trong khi Việt Minh huy động được sức mạnh của toàn dân vào cuộc kháng chiến thì dân chúng Pháp chán ghét *cuộc chiến tranh bẩn thỉu* tới mức quân tăng viện sang Đông Dương phải lên đường lúc ban đêm, quan tài đựng xác lính chết trận đưa về nước phải giấu giếm, máu quyên góp ở Pháp không được dùng cứu chữa cho thương binh chiến đấu ở Đông Dương, khen thưởng chiến binh ở Đông Dương không được đăng trên công báo,v.v... Tướng Na-va chua chát dự kiến một viễn cảnh: "Nếu gặp khó khăn nghiêm trọng, tôi hoàn toàn không có được một hậu phương vững chắc ở nước Pháp để trông cậy".

2. Về *so sánh lực lượng*, tướng Na-va cũng có ý thức đi vào bản chất của vấn đề, đó là *yếu tố con người*. Trong khi quân đội đối phương là một khối thuần nhất về dân tộc, chiến đấu ngay trên đất nước họ nhằm một mục tiêu chính trị rõ ràng thì về phía Pháp, quân đội là một mớ hỗn độn các dân tộc và chủng tộc. Số rất đông là người da đen từ các thuộc địa ở châu Phi và người Âu mang nhiều quốc tịch trong các đội quân lê dương. Quân đội người bản xứ (lính ngụy Đông Dương) chiếm tới hơn 2/3

tổng quân số (69% năm 1953 - 72% năm 1954) nhưng đội quân đồng minh da vàng này tinh thần chiến đấu lại rất tồi. Về *binh lực* và *cơ cấu tổ chức,* tướng Na-va cho rằng, cùng với đường lối kháng chiến chung và kế hoạch chiến lược tổng quát, đối phương có kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang và bộ máy chỉ đạo quân sự hoàn chỉnh và phù hợp. Mấy chục vạn tay súng của Việt Minh thể hiện "một hình chóp nón sống", một hình tháp mà *đáy của nó bám rễ sâu trong nhân dân.* Tầng dưới của tháp là *dân quân du kích*, đối thủ vô hình chiến đấu tại chỗ, thôn bản nào cũng có. Tầng giữa là *bộ đội địa phương*, trình độ trang bị và chất lượng chiến đấu không ngừng được nâng lên. Đỉnh tháp là *bộ đội chính quy,* được tổ chức thành khối chủ lực cơ động tác chiến trên nhiều địa bàn chiến lược. Đến mùa hè năm 1953, "đỉnh tháp" đó đã bao gồm 6 sư đoàn bộ binh cùng nhiều trung đoàn độc lập ở các khu (tất cả tương đương 8 sư đoàn bộ binh chủ lực). Bên cạnh đó là một "sư đoàn nặng", gồm pháo binh, công binh, súng phòng không. Toàn bộ khối quân chủ lực này không bị giam chân giữ đất nên hoàn toàn cơ động khắp các chiến trường Bắc-Trung-Nam. Tướng Na-va coi đây là *chủ bài đích thực của Việt Minh.* Đối mặt với khối chủ lực cơ động này, Pháp chỉ có 6 binh đoàn cơ động (Groupement mobile – G.M) và 8 tiểu đoàn dù, tất cả chỉ tương đương 3 sư đoàn. Không những tổng số binh lực đã thua kém mà điều đáng lo ngại hơn là một tỷ lệ quan trọng lực lượng Pháp và Âu Phi không thể rút chân khỏi nhiệm vụ chiếm đóng, giữ đất. Lực lượng cơ động chiến thuật (ứng chiến tại chỗ) chỉ khoảng 1/4, còn lực lượng cơ

động chiến lược chỉ chiếm 1/10 tổng số binh lực. Theo tướng Na-va, mặc dù quân Pháp ưu thế về không quân, pháo binh và xe tăng nhưng những thứ đó chỉ thực sự phát huy đầy đủ uy lực "trong một loại chiến tranh khác". Còn trong kiểu chiến tranh này và nhất là trên các địa hình rừng núi, rõ ràng là Việt Minh lợi thế hơn quân viễn chinh Pháp vì được trang bị các loại vũ khí nhẹ như súng tự động cá nhân, súng cối, súng không giật...

3. Về *cục diện chiến trường*, viên tổng chỉ huy Pháp thật thà thừa nhận rằng trong cuộc chiến tranh không trận tuyến này (mà tôi - Na-va - "không thể nào hình dung nổi"), đối với Việt Minh rõ ràng là sự kết hợp giữa *chiến tranh du kích* rộng rãi được nhân dân ủng hộ giúp đỡ, với *chiến tranh chính quy* do bộ đội chủ lực tiến hành. Vậy là, nếu về hình thức chiến tranh, Việt Minh đã buộc quân Pháp chấp nhận hình thức của họ thì về cách đánh, họ cũng bắt quân viễn chinh Pháp hành động như thế. Kết quả là, trái với mong ước của tướng Đờ-lát, đến mùa hè năm 1953, *đồng bằng Bắc Bộ* không còn là "cái chốt của Đông Nam Á" nữa. Mặc dù Pháp giam chân 20 tiểu đoàn tinh nhuệ suốt dọc vành đai tam giác gồm 900 cứ điểm boong-ke bao quanh đồng bằng sông Hồng, đối phương vẫn có thể vòng qua phòng tuyến hoặc thâm nhập "nhỏ lẻ" một cách dễ dàng, khiến cho Pháp không sao thực hiện được ý đồ làm chủ vùng châu thổ phì nhiêu với chừng 10 triệu dân. Trước sau đồng bằng Bắc Bộ vẫn là nơi "ruỗng nát" nghiêm trọng nhất. Trong 7.000 làng, Việt Minh kiểm soát chừng 5.000 làng với mức độ khác nhau, hoặc hoàn toàn hoặc từng phần,

bằng một hình thức chính quyền kỳ lạ, bí mật hoặc nửa công khai. Chính đây là nơi cung cấp cho họ số lớn cán bộ chính trị, quân sự, bộ đội, lương thực và thực phẩm đủ loại. Cũng tại đây (trong những vùng trên lý thuyết do Pháp kiểm soát), sự có mặt của chừng 14 vạn tay súng đối phương đã khiến cho "hậu phương" của Pháp không an toàn, mặc dù quân viễn chinh đã được rải ra để bảo vệ đường sắt, đường bộ, sân bay, kho tàng và rất nhiều điểm xung yếu khác. Phía Pháp có quá nhiều mục tiêu để đối phương tiến công (thành phố, đồn bốt, phi trường, kho vũ khí, xăng dầu, lương thực...) trong khi đối phương hầu như không có một mục tiêu nào rõ rệt cả. Trên *chiến trường rừng núi*, từ cuối năm 1952, Việt Minh chuyển hướng đưa chủ lực của họ lên tiến công xứ Thái, Thượng Lào, Trung Lào và cao nguyên Trung Bộ và kết quả nghiêm trọng nhất là họ đã làm đảo lộn toàn bộ cục diện chiến trường thượng du Bắc Bộ theo chiều hướng bất lợi cho quân viễn chinh Pháp. Tại đây, quân Pháp chỉ còn giữ được Lai Châu và Nà Sản và cả hai vị trí này cũng như nhiều vùng ở Thượng Lào đều đã ở trong vùng ngắm của họ. Trên lý thuyết, quân Pháp kiểm soát nhiều địa bàn trên *chiến trường miền Nam*, nhưng thực tế là đối phương đứng chân vững chắc không những ở vùng Khu 5 rộng lớn mà cả vùng Transbassac (tức Khu 9 của ta). Chừng 3 vạn tay súng của đối phương - gồm khoảng 60% là quân chính quy hoặc quân địa phương tinh nhuệ - có mặt ở miền Trung và miền Nam, là một mối đe dọa trước mắt và trong tương lai gần đối với quân viễn chinh Pháp.

Một câu hỏi đã từng được đặt ra với tướng Na-va: Tại sao trong những điều kiện không thuận lợi như vậy, ông ta không xin từ chức? Na-va cho biết: Vài tuần sau khi nhậm chức, ông ta mới biết rằng tình hình xấu hơn nhiều so với những gì mà tướng Xa-lăng đã bàn giao khi ông ta mới đến và nguyên nhân là do người ra đi "đã cố tô vẽ sao cho người mới đến lạc quan tin tưởng". Trước tình hình đó, Na-va không xin từ chức chỉ vì ông ta "không muốn trốn tránh một nhiệm vụ khó khăn vừa nhận", một phần vì truyền thống (không từ chức khi đang chiến đấu), một phần vì "không muốn bị đánh giá là bất mãn". Nhưng rồi, trong cuốn sách của mình, Na-va cũng thú thật rằng đáng lẽ ông ta đã từ chức nếu biết rằng mình tiếp quản *một bản tổng kết ảm đạm* như vậy. Và thế là đâm lao phải theo lao. Cuối cùng, khi mọi việc đã ngã ngũ, dù rất muộn mằn, ông ta cũng đủ thì giờ và sự sáng suốt để rút ra một bài học: "ít nhất là về phương diện cá nhân, chắc chắn *tôi đã mắc sai lầm lớn!*".

ĐÂU LÀ LỐI THOÁT ?

Cùng với cái mà tướng Na-va gọi là "sai lầm lớn" đó, có rất nhiều sai lầm khác không nhỏ, xuất hiện ngay từ khi bắt tay vào xây dựng kế hoạch chiến lược, một kế hoạch đã một thời làm cho ông ta tự hào vì được báo chí Pháp và Mỹ tốn khá nhiều giấy mực để ca tụng, với cái tên do chính họ đặt cho: *Kế hoạch Na-va.* Nội dung của những sai lầm đó chính là sự tái diễn những gì mà 6 vị tổng chỉ huy tiền nhiệm đã phạm phải: *phán đoán chủ quan và sai lầm về khả năng của đối phương, để rồi đi*

từ bất ngờ và thất bại này đến bất ngờ và thất bại khác, cho đến khi bản kế hoạch chiến lược mang tên Na-va bị phá sản hoàn toàn.

Khách quan mà xét, tướng Na-va gặp rất nhiều khó khăn nhưng đồng thời ông ta cũng nuôi quá nhiều ảo tưởng trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của mình. Trước hết là *ba điều kiện chính trị* mà ông ta cho rằng nhất thiết phải có để đảm bảo cho kế hoạch chiến lược quân sự thành công. Thực tế cho thấy, ngay từ năm 1945 cho đến giai đoạn cuối chiến tranh, chính phủ Pháp không bao giờ có thể công khai *xác định mục đích của cuộc chiến tranh xâm lược* trước thiên hạ, vậy thì làm sao Pa-ri có thể *thống nhất hành động quân sự với hành động chính trị* cũng như làm sao có thể *động viên các quốc gia liên kết chiến đấu hết mình,* khi mà (như chính Na-va đánh giá) trước mặt chính quyền và quân đội tay sai các nước Đông Dương chỉ là những lời hứa suông – một nền độc lập bánh vẽ. Cái gọi là *ba điều kiện chính trị* đó tự nó mang tính mâu thuẫn và không bao giờ trở thành hiện thực.

Mục tiêu mà tướng Na-va đặt ra cho kế hoạch chiến lược của mình là *tạo ra những điều kiện quân sự làm chỗ dựa cho chính phủ đạt tới một giải pháp chính trị thỏa đáng để thoát khỏi cuộc chiến tranh*. Cụ thể là, kế hoạch đó phải "chứng tỏ cho đối phương biết rằng nếu Pháp không thắng trong cuộc chiến tranh này thì Việt Minh cũng không thể đánh bại được Pháp và do đó cần phải nhân nhượng". Thế nhưng bản thân Na-va cũng không tin vào bản kế hoạch của chính mình. Ông ta nói:

"Tôi cũng hoàn toàn ý thức được rằng ngôi nhà mà tôi xây dựng lên không lấy gì làm chắc chắn lắm. Bởi nó chỉ dựa trên những cơ sở rất mong manh. Nhưng cũng *chẳng có cơ may nào khác để thoát ra khỏi cuộc chiến Đông Dương một cách thỏa đáng*. Tôi chưa bao giờ hy vọng cũng như chưa bao giờ hứa hẹn hơn thế và Pa-ri cũng không đòi hỏi tôi phải làm hơn thế. Song, dù chẳng hy vọng gì nhiều lắm tôi vẫn phải... thử cưỡng lại số mệnh của mình".

1. Ước mơ "quả đấm chiến lược" sớm bị tiêu tan.

Tướng Na-va dự kiến chắc chắn một cuộc chiến gay gắt sẽ xảy ra khi bước vào mùa khô 1953 – 1954, cho nên ông ta *rất vội* trong việc xây dựng kế hoạch chiến lược, cụ thể là muốn thúc đẩy nhanh tiến độ xây dựng khối cơ động tác chiến mạnh để sớm "cân bằng" với khối chủ lực của đối phương, cố tránh không để bị đối phương vượt xa về lực lượng cơ động chiến lược. Viên tổng chỉ huy cố tìm lối thoát nhưng không sao ra khỏi mâu thuẫn đã trở thành "kinh niên" trong việc xây dựng lực lượng của phía Pháp trong 8 năm qua. Qua thực tế của các vị tổng chỉ huy tiền nhiệm, ông ta hiểu rất rõ rằng số lượng quân đội các quốc gia liên kết (quân ngụy Đông Dương) càng tăng thì chất lượng chiến đấu càng giảm. Vậy mà, trong khi khẳng định *điều đáng lo ngại nhất* là tinh thần chiến đấu kém của quân đội đồng minh da vàng thì cũng đồng thời Na-va lại vẫn phải thừa nhận rằng phát triển quân đội bản xứ trước sau vẫn là *biện*

pháp chiến lược duy nhất để xây dựng bằng được một binh đoàn tác chiến - một quả đấm chiến lược - khi mà Pa-ri đã kiệt sức không còn khả năng chi viện và khi mà cục diện chiến trường không cho phép rút quân Pháp và Âu Phi ra khỏi nhiều vùng chiếm đóng hiện thời. Thế là, trong tình thế vô kế khả thi, Na-va lại buộc phải lần theo vết xe đổ của 6 vị tổng chỉ huy trước, *lấy việc phát triển quân đội tay sai bản xứ là con chủ bài quan trọng nhất.* Ông ta thú nhận: Sự phát triển quân đội các quốc gia liên kết trở thành cơ sở chủ yếu của kế hoạch của tôi, *không có nó thì không có lối thoát.*

Việc động viên các quốc gia liên kết "dốc sức" để bắt lính thật không dễ dàng chút nào. Nếu các nhà lãnh đạo *Lào* luôn tỏ thiện chí thì xứ *Cam-pu-chia* chỉ còn là "một vật nặng trơ ỳ", trong khi đó thì ở *Việt Nam*, ông Bảo Đại vẫn giữ "thói đợi thời và bệnh ưa nhàn tản".

Với quyết tâm rất cao, tướng Na-va đã bất chấp mọi khó khăn để theo đuổi việc tổ chức khối cơ động chiến lược, dự kiến hình thành ba đợt: cuối năm 1953 - đầu năm 1954; cuối năm 1954 và 6 tháng đầu năm 1955. Khi hoàn thành, khối cơ động sẽ gồm 6 sư đoàn (trong đó có 1 sư đoàn không vận), tức 24 binh đoàn cơ động (G.M) và 3 binh đoàn không vận. Đợt đầu diễn ra suôn sẻ. Từ 6 G.M và 8 tiểu đoàn dù giữa năm 1953, Na-va đã có trong tay 18 G.M và 10 tiểu đoàn dù (tổng cộng 84 tiểu đoàn), số khá đông được tập trung ở châu thổ sông

Hồng - chiến trường trọng điểm[1]. Nhưng rồi sau đó, bắt đầu từ tháng 2 năm 1954, tin tức về Hội nghị Béc-lin kết thúc (25-1-1954 - 18-2-1954) cùng với tin tức về triển vọng họp Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về Đông Dương đã làm đảo lộn mọi cố gắng phát triển binh lực, trước hết là sự ngừng trệ trong việc tuyển lính bản xứ và những vụ đào ngũ tập thể ồ ạt trong quân đội Bảo Đại. Giữa lúc đó, đối phương ra quân và, như Na-va thú nhận, những tổn thất nặng nề hơn nhiều so với những năm trước, do đối phương đã chọn đúng những nơi hiểm yếu (nhưng thế và lực của quân Pháp ở đó đều yếu), để tiến công... Mấy đòn liên tiếp của đối phương ở Tây Bắc (Lai Châu), Trung Lào, Hạ Lào, cao nguyên miền Trung (kể cả khu vực diễn ra cuộc hành binh Át-lăng) và Thượng Lào (lưu vực sông Nậm Hu) đã hút đi quá nửa khối cơ động chiến lược vừa được tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ. 23 trong tổng số 44 tiểu đoàn đã bị điều đi "cứu hỏa" ở Luông Pha-băng, Mường Sài, Sê-nô, Plây-cu, An Khê, Pắc-xê và tăng cường cho Điện Biên Phủ. Trong khi đó thì tại vùng châu thổ sông Hồng, chiến sự ngày càng trở nên ác liệt. Theo Na-va, Việt Minh đánh mạnh vào các tuyến giao thông đường sắt đường bộ, hệ thống đồn bốt, căn cứ không quân... "có lúc họ đã làm tê liệt gần như hoàn toàn tuyến đường Hà Nội - Hải Phòng trong 4 ngày.

1. Bước vào thu - đông, mặc dù khối cơ động chiến lược mới được xây dựng sau đợt 1 của kế hoạch Na-va, Pháp đã tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 130 tiểu đoàn các loại (tức 47% tổng số binh lực toàn Đông Dương – 130/284 tiểu đoàn) trong đó có 44 tiểu đoàn *cơ động chiến lược* (tức 52% tổng số lực lượng cơ động chiến lược đã được xây dựng – 44/84 tiểu đoàn).

Cuối cùng Pháp cũng giữ được *một thế cân bằng bấp bênh* ở đồng bằng sông Hồng nhưng cũng phải trả giá rất đắt về tiêu hao và tổn thất lực lượng"...

Tổng hợp đợt tiến công (trước Điện Biên Phủ) của Việt Minh, tướng Na-va rút ra hai nhận xét quan trọng: Đối phương đã kiềm chế lực lượng mặt đất của Pháp, đã giam chân một bộ phận quan trọng lực lượng bộ binh đáng ra có thể dùng để chi viện cho Điện Biên Phủ, đồng thời họ đã làm yếu sức mạnh không quân của Pháp và thu hút nó ra khỏi Điện Biên Phủ. (Nói theo cách của ta, đợt 1 của chiến cuộc Đông – Xuân 1953 –1954 không những đã làm *phá sản kế hoạch xây dựng "quả đấm chiến lược"* của Na-va mà còn *tạo tiền đề thắng lợi cho đợt 2 của chiến cuộc* - tức chiến dịch Điện Biên Phủ. Khoảng 20 tiểu đoàn cơ động của Pháp còn lại trong vùng châu thổ sông Hồng không những không còn đủ sức phát huy *chức năng cơ động* chi viện cho chiến trường trọng điểm Điện Biên Phủ, mà còn bị thường xuyên căng mỏng để đối phó với chiến tranh du kích đã phát triển đến đỉnh cao ở đồng bằng Bắc Bộ).

Số phận "không may" của tướng Na-va là ở chỗ, trong suốt 8-9 năm kháng chiến, lần đầu tiên quân ta *triển khai đồng thời kế hoạch tiến công nhiều hướng trên nhiều chiến trường* và cũng là lần đầu tiên *chiến tranh du kích đạt tới đỉnh cao* trong vùng tạm bị chiếm Bắc Bộ, hỗ trợ đắc lực cho các chiến dịch tiến công phía trước. Đó là bi ꞇ điều bất ngờ lớn đối với Na-va. Vậy mà, sau đòn đầu tiên, tướng Na-va vẫn chủ quan, trù tính

bước tiếp theo sẽ "*giành một tỷ số hòa*" bằng chiến thắng trong trận chiến đấu phòng ngự ở Điện Biên Phủ và làm tiêu tan các cuộc tiến công nguy hiểm nhất của đối phương trên các mặt trận khác.

2. Điện Biên Phủ không đem lại "tỷ số hòa".

Khi lập kế hoạch tác chiến chiến lược, *tư tưởng chủ đạo* của tướng Na-va là phải coi mùa khô 1953-1954 là một thời kỳ nguy hiểm, bởi vậy mặc dù sẽ phải chống đỡ nhiều đòn tiến công của đối phương, Pháp vẫn phải kiên quyết *tránh giao chiến trên quy mô chiến lược* ở phía bắc đồng thời phải tập trung tinh lực xây dựng khối cơ động tác chiến. Sang mùa khô 1954 - 1955, khi khối cơ động tác chiến đã đạt được về số lượng và được huấn luyện đầy đủ, Pháp phải *chủ động tìm tổng giao chiến.* Bám sát tư tưởng đó, kế hoạch tác chiến chiến lược gồm hai điểm chủ yếu: 1) Trong chiến cuộc 1953 - 1954, nói chung giữ thế phòng thủ ở bắc vĩ tuyến 18 và *tìm cách* tránh giao chiến lớn. Trái lại ở phía nam, phải vừa bình định để bắt lính, vừa tiến công để "xóa sổ" Liên khu 5 của đối phương. 2) Bước sang mùa khô thứ hai, khi đã vượt đối phương về lực lượng cơ động, dồn sức ra tiến công giành thắng lợi ở phía bắc, *tạo điều kiện quân sự cho giải pháp chính trị để ra khỏi chiến tranh.* Tướng Na-va cũng không loại trừ khả năng đối phương vượt trội lên khiến quân Pháp bị thất bại nghiêm trọng trong chiến cuộc 1953 - 1954.

Bước vào xây dựng kế hoạch tác chiến, điều khiến Na-va bị ám ảnh dai dẳng là đối phương sẽ tiến công đồng bằng sông Hồng. Ông ta tiến hành càn quét quy mô lớn và mở chiến dịch Hải Âu (Mouette) và qua cuộc cọ sát với đại đoàn 320 kết luận đầu tiên Na-va rút ra là "bộ binh Việt Minh đã chứng tỏ rằng sức chiến đấu của họ đã được cải thiện rõ rệt và hơn hẳn chúng ta". Nhưng rồi đợi mãi vẫn không thấy Việt Minh đánh vào đồng bằng. Đến khi có tin Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn của báo *Expressen* về một giải pháp chính trị, Na-va vội đi đến kết luận là *Việt Minh thay đổi kế hoạch,* chuyển hướng tiến công lên vùng rừng núi Bắc Bộ, Thượng Lào và miền Trung Đông Dương để nhanh chóng kết thúc chiến tranh trong vài ba tháng, để tránh tình huống "việc phát triển khối cơ động tác chiến của Pháp sẽ làm cho họ mất lợi thế hiện có". Do phán đoán như trên, lại do phát hiện chủ lực đối phương đang trên đường lên Tây Bắc (mà chắc chắn Thượng Lào sẽ được chọn làm mục tiêu tiến công đầu tiên), tướng Na-va thấy mình đứng trước hàng loạt yêu cầu về quân sự, chính trị, quan hệ quốc tế... đối với Thượng Lào. Thế là *vấn đề bảo vệ Thượng Lào* thu hút toàn bộ tâm trí của tổng chỉ huy Pháp. Không quan tâm đến thủ tục báo cáo với Pa-ri và bỏ ngoài tai mọi ý kiến phản đối của tướng lĩnh thuộc quyền, Na-va quyết định chọn *phương án phòng thủ trực tiếp,* ném quân xuống cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ), hòng bịt đường Tuần Giáo - Tây Trang, không cho đối phương tiến quân sang hướng Nậm Hu - Thượng Lào.

Từ 6 tiểu đoàn có chức năng ban đầu là *chốt chặn*, dần dần hình thành ý định tổ chức trên cánh đồng Mường Thanh một tập đoàn cứ điểm, quy mô và lực lượng phòng thủ tăng lên gấp đôi - với chức năng thứ hai là *chiếc nhọt hút máu độc*, thu hút chủ lực đối phương lên để đỡ thêm gánh nặng cho đồng bằng và nếu họ liều lĩnh tiến công vào tập đoàn cứ điểm thì, bằng sức mạnh sắt thép được tập trung cao độ và hệ thống phòng thủ hiện đại và vững mạnh chưa từng có ở Đông Dương, tập đoàn cứ điểm sẽ hoàn thành nốt chức năng thứ ba là *chiếc máy nghiền*, nghiền nát chủ lực đối phương. Thế là từ chỗ không có trong kế hoạch chiến lược ban đầu, Điện Biên Phủ bỗng chiếm vị trí đầu sổ trong mọi hoạt động mang tầm chiến lược của Na-va, từ chỗ chủ trương tránh giao chiến quy mô lớn trong mùa khô thứ nhất, viên tổng chỉ huy Pháp đã tự phá kế hoạch chiến lược của chính mình, chấp nhận giao chiến trên chiến trường phía bắc ngay từ mùa khô đầu tiên. Trong quá trình báo chí gọi là "con nhím xù lông", các phái đoàn quân sự Mỹ, Pháp, Việt đến tham quan tập đoàn cứ điểm, đều hết lời ca ngợi việc *chọn Điện Biên Phủ* và tỏ lòng tin tưởng *sức mạnh bất khả chiến bại* của tập đoàn cứ điểm - "Véc-đoong châu Á". Binh lực đông, vũ khí trang bị nhiều và hiện đại cộng với những lời ca ngợi từ nhiều phía, đặc biệt là "nóng lòng đợi mãi không thấy Việt Minh nổ súng"... tất cả đã dẫn đến hiện tượng khá phổ biến là không tin rằng đối phương dám tiến công tập đoàn cứ điểm. Điển hình là những lời tuyên bố của tướng Cô-nhi (chỉ huy Bắc Bộ) với phóng viên các báo.

Mọi người đều biết, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến ta thắng địch thua trong cuộc đấu trí đấu lực cuối cùng ở Điện Biên Phủ. Ở đây (qua sách của Na-va), chỉ xin dẫn ra vài ba ví dụ điển hình về "bệnh kinh niên" trong tư duy quân sự của tướng lĩnh Pháp, *luôn đánh giá thấp sức mạnh của quân và dân ta.*

1. Cánh đồng Mường Thanh rộng gấp 15 lần Nà Sản (16 x 9km so với 5 x 2km). Binh lực Pháp đông hơn, trang bị nhiều và hiện đại hơn tập đoàn cứ điểm Nà Sản gấp nhiều lần. Trình độ bộ đội Việt Minh mới đủ sức hạ những đồn bốt lẻ. Năm trước (1953) họ chưa đủ sức hạ một tập đoàn cứ điểm thiết lập vội vã và yếu hơn nhiều (ý nói Nà Sản) thì làm sao họ có thể đánh được một quần thể phòng thủ vững chắc như Điện Biên Phủ. Đợi mãi, cho rằng đối phương bỏ cuộc, không dám tiến công (nhất là khi có tin đại đoàn 308 "bỏ" chiến trường Điện Biên Phủ chuyển quân sang Lào), Đờ Cát sốt ruột (lại được Cô-nhi cho phép) đã dùng máy bay rải truyền đơn thách thức Việt Minh nổ súng. Thế rồi cái ngày mà tướng lĩnh Pháp chờ đợi đã đến và làm đảo lộn mọi suy nghĩ của họ. Chỉ qua mấy trận đầu, như nhận xét của Na-va, từ chỉ huy trưởng Đờ Cát, chỉ huy phó Lăng-gle, đến ba quân đã *chuyển biến quá đột ngột từ chủ quan sang dao động*. Viên chỉ huy pháo binh, đại tá Pi-rốt, tự tử. Nạn đào ngũ tràn lan, không chỉ trong những đơn vị lính bản xứ mà cả lính Âu-Phi. Không một sĩ quan nào nghĩ đến việc phản kích chiếm lại Him Lam và Độc Lập, như kế hoạch đã định.

2. Tướng tá Pháp không tin rằng Việt Minh - với những phương tiện vận chuyển quá thô sơ chủ yếu dựa vào cơ bắp của dân công - có thể giải quyết được vấn đề vận tải tiếp tế cho mấy vạn quân chiến đấu dài ngày trên một chiến trường quá xa hậu phương, trong điều kiện hơn 300 ki-lô-mét đường rừng núi luôn bị máy bay Pháp đánh phá ngày đêm. Mãi rất lâu, thực tế mới làm cho Na-va phải thừa nhận rằng mình đã phán đoán sai. "*Việt Minh đã có một nỗ lực ghê gớm chưa từng thấy trong tổ chức bảo đảm hậu cần...* Bên cạnh "những đàn kiến dân công", họ đã thiết lập được một tuyến đường giao thông 350km thông suốt từ đầu đến cuối cho xe vận tải cơ giới. Không quân Pháp ra sức đánh phá, ngăn chặn, nhưng vô hiệu. *Đường bị phá đến đâu họ sửa liền đến đấy.* Ô-tô, xe thồ, dân công, chỉ đi đêm hoặc ngụy trang rất chu đáo và đi vào lúc thời tiết xấu... Nữ ký giả Pháp Y-von Pa-nhi-nét viết: Máy bay của ta đã thua đôi bồ của cô dân công Việt Minh.

3. Người ta đã tổ chức hội nghị chuyên đề bàn về pháo của Việt Minh. Các chuyên gia pháo binh Pháp (kể cả tướng Cô-nhi vốn cũng là lính pháo) đều khẳng định rằng đối phương không thể nào đưa được pháo lên những sườn núi bao quanh cánh đồng Mường Thanh, mà dù có vào được thì sân bay và các vị trí của tập đoàn cứ điểm cũng ngoài tầm mấy khẩu "pháo tép" của đối phương. Mặt khác, chỉ cần họ phát hỏa loạt đầu, lập tức pháo của họ sẽ bị pháo binh Pháp cùng với không quân "bịt miệng". Hơn nữa, số lượng đạn của Việt Minh không

nhiều[1], không thể kéo dài cuộc chiến. Nhưng rồi, chỉ sau mấy trận đầu, Na-va đã được báo cáo rằng lựu pháo 105mm của đối phương bố trí khác với cách thông thường (riêng lẻ từng khẩu, đặt trong hầm kiên cố, có thể quan sát được mục tiêu để bắn thẳng qua lỗ châu mai). Mọi biện pháp *phản pháo hay cho máy bay ném bom, đều không "bịt miệng" được pháo phòng không và pháo mặt đất của Việt Minh*. Và trong suốt trận đánh, Việt Minh đã dùng tới 20 vạn đạn pháo[2] và đạn súng cối hạng nặng.

4. Bất ngờ lớn nhất đối với Na-va là *cách đánh của đối phương*. Đánh giá đúng trình độ đánh công sự vững chắc của mình còn chưa cao, ta đã chọn cách đánh thích hợp, vừa sức, nhằm từng bước hạn chế chỗ mạnh về binh khí kỹ thuật của quân Pháp, vô hiệu hóa tính vững chắc của hệ thống phòng thủ hiện đại của tập đoàn cứ điểm, uy hiếp rồi cắt đứt sân bay nhằm hạn chế rồi triệt hẳn nguồn tiếp tế duy nhất bằng không quân của địch...

---

1. Theo tình báo Pháp (ngày 9 tháng 3 năm 1954 – tức 4 ngày trước khi quân ta nổ súng) số đạn pháo của ta chỉ cho phép chiến đấu trong 5-6 ngày, chỉ đủ diệt 2 hoặc 3 cụm cứ điểm.

2. Con số này gấp 10 lần so với thực tế. Na-va muốn phóng đại số đạn pháo quân ta dùng ở Điện Biên Phủ (nhất là đạn do Trung Quốc viện trợ) để biện minh cho một trong những nguyên nhân thất bại của Pháp. Thực ra, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta bắn hơn 20.000 viên pháo 105 mm, trong đó 11.175 viên chiến lợi phẩm "ky cóp" suốt mấy năm từ chiến dịch Biên Giới, 400 viên thu được trong chiến dịch Trung Lào, 3.600 viên do Trung Quốc viện trợ (18%). Khoảng 5.000 viên do đoạt dù tiếp tế của địch ngay trên cánh đồng Mường Thanh...

Dựa vào hệ thống đường hào[1] ngày càng áp sát từng vị trí của tập đoàn cứ điểm, dùng cách đánh hiểm (bắn tỉa, đánh lấn, đoạt dù tiếp tế...), quân ta đã "gây không khí căng thẳng thường xuyên đối với quân phòng ngự". Mọi kế hoạch tháo chạy (mà Na-va gọi là di tản) đều bị phá sản, từ Xê-nô-phôn dự kiến lúc đầu, đến Công-đo rồi An-ba-trôt trong tháng 4. Đặc biệt là sáng ngày 7 tháng 5, khi gần một vạn quân còn sống sót đang trong tình thế bị rang nóng trên lòng chảo Mường Thanh, cả Na-va và Cô-nhi đều chấp nhận đề nghị của Đờ Cát cho tháo chạy vào buổi tối. Nhưng mới 17 giờ hôm đó số phận tập đoàn cứ điểm đã được định đoạt.

Nếu thiên hạ lên án Na-va biện minh cho thất bại của mình, chính là vì ông ta không dám thẳng thắn thừa nhận rằng chỉ vì mình là "một huấn luyện viên bóng đá tồi" nên trong trận đấu cuối cùng đã không giành được phần thắng để đạt được ước vọng "tỷ số hòa" sau một năm cầm quân. Ngay sau "sự kiện Điện Biên Phủ", ông ta đã từng tuyên bố: "Không riêng mình tôi đội cái mũ Điện Biên Phủ" - ý nói còn nhiều người, từ Đờ Cát ở Mường Thanh và nhất là Cô-nhi ở Hà Nội đến hàng loạt quan chức quân sự và dân sự ở Pa-ri đều chịu trách nhiệm về thất bại này. 25 năm sau, trong mục "*Nguyên nhân thất bại ở Điện Biên Phủ*" (Chương 7 của cuốn *Thời điểm của những sự thật*), ông ta lại viện quá nhiều lý do khách quan để bênh vực cho mình.

---

1. Theo Na-va, đến ngày 1-5-1954, hệ thống chiến hào và trận địa các loại của ta vây quanh tập đoàn cứ điểm đã đạt tới khoảng 400 ki-lô-mét.

Nếu cuối năm 1953 ông ta đã từng khen ngợi cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ) là một địa bàn lý tưởng để thiết lập một căn cứ không - bộ (base aéro-terrestre) thì năm 1979 ông ta lại than phiền *điều kiện địa hình* của lòng chảo không thuận lợi, khiến công trình phòng ngự của Pháp rất khó khăn. Đối phương cũng *có những phương tiện hỏa lực mạnh* hơn rất nhiều lần so với dự kiến của Pháp. *Chỉ huy các cấp của Pháp phạm quá nhiều khuyết điểm* (về phân bố lực lượng, không kịp thời thay thế những đơn vị yếu kém, một số trận địa không được xây dựng đủ vững chắc, việc chuẩn bị chiến đấu chống pháo mặt đất và pháo cao xạ của đối phương không được tiến hành đầy đủ, do các chuyên gia pháo binh của Pháp quá lạc quan, đã gán ghép cho đối phương những nhận thức của chính mình và đánh giá thấp khả năng của họ...). Cơ quan tham mưu ở Hà Nội *tổ chức hiệp đồng rất tồi* giữa các hoạt động mặt đất và trên không. Cán bộ chỉ huy đã *không chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch phản kích* chiếm lại Him Lam và Độc Lập,v.v... Theo Na-va, những thiếu sót và sai phạm trên *chủ yếu* là thuộc về cấp chỉ huy ở Bắc Bộ (ý nói tướng Cô-nhi), nhưng "với tư cách là tổng chỉ huy, tôi (Na-va) là người phải chịu trách nhiệm chung". Cần nhắc lại điều mà thiên hạ chưa quên là, trước ngày nổ súng, tướng Na-va đã từng (không dưới 5 lần) lên kiểm tra chuẩn bị chiến đấu của tập đoàn cứ điểm. Và suốt 55 ngày đêm diễn biến trận đánh, ông ta bay đi bay về như con thoi giữa

Sài Gòn và Hà Nội. Vậy mà biết bao điều "thiếu sót và sai phạm" mãi mấy chục năm sau ông ta mới biết và nói ra. Về mặt quốc tế, ngoài việc trách đồng minh Hoa Kỳ không quyết tâm thực hiện *kế hoạch Vô-tua* (dùng máy bay oanh tạc quy mô lớn để giải vây quân Pháp ở Điện Biên Phủ), Na-va còn than phiền về thời điểm họp Hội nghị Giơ-ne-vơ - một thời điểm bất lợi nhất đối với Pháp nhưng lại là một thời cơ chính trị không ngờ tới đối với Việt Minh.

Sau một phần tư thế kỷ, bằng cuốn *Thời điểm của những sự thật*, tướng Na-va vẫn không nói thêm được những điều đáng nói và càng không nâng được uy tín cá nhân của mình trong giới tướng lĩnh Pháp và phương Tây.

MỤC LỤC

Trang

Lời tác giả 5

I. Nhìn lại chặng đường đi tới Điện Biên 11

1. 1947- 1952 - Lấy yếu đánh mạnh - Càng đánh càng thắng 13

2. Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trên từng chặng đường Tây Bắc - Điện Biên 18

3. Chiến dịch Tây Bắc - Bài học dọn đường đi tới Điện Biên 32

II. Khi chiến tranh bước sang năm thứ tám 51

4. Lần thứ 7 Pa-ri thay tướng 53

5. Sự ra đời của kế hoạch Na-va 62

6. Dưới chiếc ô chú Sam 72

7. Khi mùa khô tới. 82

III. Na-va vào cuộc 91

8. Từ "quả dấm chiến lược" đến "bàn tay xòe". 93

9. Vì sao Điện Biên Phủ? 111

10. Tư tưởng Ma-gi-nô sống lại 123

11. Hai đòn bất ngờ 137

IV. Những chuyện ngoài tầm nhìn của Na-va 149

12. Pháo ta - pháo tây 151

13. Máy bay Mỹ và đôi bồ dân công 169

14. Cái "nhiệt kế thần kinh" 185

15. R.A.S - Vì sao? 193

V. Những nước cờ quyết định cuối cùng 211

16. Giữa lòng chảo nóng bỏng 213

17. Thòng lọng chiến hào đã xiết chặt 224

18. Những lời tâm huyết trước giờ dứt điểm 232

19. Tới đích trước hoàng hôn 256

20. Chiến thắng của trí tuệ và lòng dũng cảm 265

VI. Sau ngày 7 tháng 5 273

21. Hà Nội - Sài Gòn - Pa-ri - Oa-sinh-tơn một ngày sau *sự kiện Điện Biên Phủ* 275

22. Dấu chấm hết của kế hoạch Na-va 290

VII. Vì sao ta thắng địch thua? 301

23. Nghệ thuật quân sự của Đảng trong những năm cuối kháng chiến chống Pháp 303

24. Na-va không giúp được Pa-ri tìm ra lối thoát 314

HAI BỘ THỐNG SOÁI
TRƯỚC BÀN CỜ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM QUANG ĐỊNH
Biên tập: NGUYỄN TRUNG KIÊN
Trình bày: PHƯƠNG LINH
Sửa bản in: VINH HOA
Bìa: MAI THƠ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
23 Lý Nam Đế - Hà Nội. ĐT: 8455766, 7470780.
Fax (04) 7471106

Bắt đầu in: 12-2003. In xong: 02-2004. Nộp lưu chiểu: 02-2004.
Khổ sách 14,5 x 20,5. Số trang: 340. Số lượng: 1.600.
Số xuất bản: 6-95/XB-QLXB.
Sắp chữ tại: Nxb Quân đội nhân dân.
In và đóng sách tại: Xí nghiệp in Công ty văn hoá Phương Nam
Số in:

PNC
PHUONG NAM CORP.

HAI BỘ THỐNG SOÁI TRƯỚC BÀN CỜ ĐIỆN BIÊN PHỦ

Với binh lực mạnh nhất so với bất kỳ thời điểm nào trong suốt 9 năm chiến tranh xâm lược, với đô-la và bom đạn do Mỹ đổ vào nhiều nhất so với cả 5 năm can thiệp, với tập đoàn cứ điểm mạnh nhất được ví như Véc - đoong châu Á..., vậy mà vì sao tướng lĩnh Pháp vẫn phải "phơi áo" trên cánh đồng Mường Thanh, vì sao kế hoạch chiến lược đầy tham vọng của tướng Na-va vẫn bị phá sản?

Cuốn sách được xuất bản nhân dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, nhằm góp một phần nhỏ giải đáp câu hỏi lớn trên đây.

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
& CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Hai Bo Thong Soai
8 932000 106036
Giá: 48.000 Đ